

Số: 8193/TTr-BKHĐT

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2024

TỜ TRÌNH

Dự thảo Đề án xây dựng Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế

Kính gửi: - Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính;
- Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Hòa Bình.
Đồng kính gửi: - Các thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án
Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; các Nghị quyết: số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022, số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022, số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022, số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị¹; chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ², các Phó Thủ tướng Chính phủ³, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng và gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, cơ quan liên quan⁴ về dự thảo Đề án Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế (sau đây gọi là dự thảo Đề án). Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có các Tờ trình⁵ báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Hòa Bình và các thành viên Ban chỉ đạo xây dựng Đề án. Trên cơ sở ý kiến kết luận của Thường trực Chính phủ⁶, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện hồ sơ Đề án và xin báo cáo một số nội dung chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN, PHẠM VI VÀ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết

1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Nghị quyết số 31-NQ/TW, Nghị quyết 24-NQ/TW đặt ra nhiệm vụ, giải pháp: *có cơ chế, chính*

¹ Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

² Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 06/10/2023 về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế

³ Các văn bản: số 151/LĐCP ngày 28/4/2023; số 1686/VPCP-KTTH ngày 18/3/2023; số 1784/VPCP-KTTH ngày 19/3/2024; số 180/TB-VPCP ngày 24/4/2024.

⁴ Bao gồm các thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án và một số cơ quan liên quan (Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao).

⁵ Tờ trình số 7465/TTr-BKHĐT ngày 16/9/2024 báo cáo Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Hòa Bình; Tờ trình số 7911/TTr-BKHĐT ngày 27/9/2024 báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Hòa Bình và các thành viên Ban Chỉ đạo.

⁶ Thông báo số 453/TB-VPCP ngày 04/10/2024 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp về dự thảo Đề án xây dựng Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế.

sách đột phá, vượt trội, cạnh tranh quốc tế để sớm xây dựng thành công Trung tâm Tài chính quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh. Nghị quyết số 26-NQ/TW và Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị đặt ra nhiệm vụ: *Xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quốc tế cấp vùng.*

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (điểm b khoản 2 Điều 15) giao “Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”.

1.2. Cơ sở thực tiễn

a) *Bối cảnh thế giới và khu vực:* Hiện nay trên thế giới đang có 121 trung tâm tài chính (TTTC), cạnh tranh giữa các TTTC và các nước trong việc trở thành trung tâm của trung tâm tài chính, đổi mới sáng tạo ngày càng lớn, nhưng để phù hợp với sự vận động và phát triển, thế giới đang có nhu cầu về một TTTC mới, khác biệt với những TTTC hiện có để tiếp nhận nguồn lực tài chính dịch chuyển từ các TTTC quốc tế lớn như Luân Đôn, Hồng Kông, Singapore..., cung cấp dịch vụ tài chính mới, tiếp cận các thị trường mới, xu thế phát triển mới, trong đó, khả năng hình thành TTTC mới ở Châu Á - Thái Bình Dương, nơi được đánh giá là trung tâm kinh tế năng động nhất thế giới hiện nay đang ngày càng bộc lộ rõ nét.

b) Bối cảnh trong nước

- Việt Nam đang là điểm sáng về phát triển và tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, thu hút đầu tư, đang dần hội tụ các yếu tố cần thiết để phát triển thị trường tài chính hiện đại, hướng đến hình thành TTTC, có khả năng liên kết với các TTTC trong khu vực và trên thế giới. Việt Nam cũng nằm trong số những thị trường dẫn đầu về tỷ lệ áp dụng các công nghệ tài chính tương lai, có thể tạo được lợi thế cạnh tranh, hình thành các sản phẩm “đặc thù” cho TTTC ở Việt Nam.

- Việc xây dựng, củng cố và phát huy các lợi thế cạnh tranh để hình thành TTTC khu vực, hướng đến TTTC quốc tế đặt ra nhiều thách thức với Việt Nam. Tuy nhiên nếu thành công, sẽ giúp Việt Nam: (i) kết nối thị trường tài chính toàn cầu; (ii) thu hút các tổ chức tài chính nước ngoài, tạo ra nguồn lực đầu tư mới, thúc đẩy nguồn lực đầu tư hiện hữu; (iii) tận dụng cơ hội dịch chuyển dòng vốn đầu tư quốc tế; (iv) thúc đẩy phát triển thị trường tài chính Việt Nam hiệu quả, bắt kịp chuẩn mực quốc tế; (v) góp phần phát triển bền vững kinh tế đất nước, nâng cao vai trò, vị thế, uy tín và ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế; từ đó bảo đảm quốc phòng an ninh, nhất là trong lĩnh vực tài chính từ sớm, từ xa.

2. Phạm vi của Đề án

Việc thành lập, vận hành và xây dựng thể chế nhằm phát triển TTTC là phức tạp, phải trải qua nhiều giai đoạn; cần nghiên cứu kỹ, điều chỉnh, bổ sung liên tục, kịp thời cho phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển. Theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Đề án đã được nghiên cứu trong thời gian dài, xây dựng và hoàn thiện theo nguyên tắc vừa làm vừa rút kinh nghiệm, trên cơ sở cân nhắc, tính

toán thận trọng, có lộ trình, mở rộng từng bước, phù hợp với thực tiễn và trình độ phát triển của Việt Nam. Quá trình thực hiện khi phát sinh các nội dung mới, cơ quan chủ trì sẽ trình Ban cán sự đảng Chính phủ để báo cáo Bộ Chính trị.

Theo đó, đến nay Đề án tập trung nghiên cứu, đề xuất những vấn đề lớn gồm: quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển, lựa chọn mô hình, số lượng thành lập TTTC, cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý, các yêu cầu về nguồn lực và đề xuất khung pháp lý và các chính sách chủ yếu để báo cáo, xin ý kiến Bộ Chính trị.

Sau khi có định hướng, chủ trương của Bộ Chính trị đối với Đề án, Chính phủ sẽ giao cơ quan đầu mối để lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về phát triển TTTC.

3. Quá trình xây dựng Đề án

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo về xây dựng TTTC khu vực và quốc tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, tham khảo ý kiến các chuyên gia, tổ chức tư vấn quốc tế để xây dựng, hoàn thiện Đề án; trao đổi và thống nhất với UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng về định hướng hoàn thiện một số nội dung liên quan Đề án riêng của từng Thành phố, bảo đảm thống nhất với Đề án tổng thể của Ban Chỉ đạo.

Đề án này là sản phẩm chung của Ban Chỉ đạo; có tổng hợp, sử dụng các nội dung, đề xuất phù hợp trong 02 Đề án riêng của Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

II. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ ĐIỀU KIỆN HÌNH THÀNH TTTC

1. Kinh nghiệm phát triển TTTC trên thế giới

Trong 116 TTTC trên thế giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã lựa chọn một số TTTC để nghiên cứu dựa trên các tiêu chí: **(i)** có nền tảng, lịch sử lâu dài, được quốc tế đánh giá là phát triển TTTC thành công (*như: Anh, Hoa Kỳ*); **(ii)** có vị trí gần, cạnh tranh trực tiếp thu hút nguồn tài chính trong khu vực và quốc tế (*như: Trung Quốc, Singapore, Hong Kong*); **(iii)** xây dựng theo mô hình mới, hiện đại để đón đầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (*như: các Tiểu Vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE), Kazakhstan*).

Trên cơ sở nghiên cứu đặc điểm, lịch sử hình thành và phát triển của các TTTC; các tiêu chuẩn đánh giá mức độ phát triển của các TTTC trên thế giới, bao gồm chỉ số đánh giá mức độ phát triển TTTC (Global Financial Center Index-GFCI)⁷ và nhóm các dịch vụ, sản phẩm cơ bản của một TTTC cho thấy:

1.1. Về cách thức hình thành TTTC

Về cơ bản các TTTC trên thế giới được xây dựng và phát triển theo một trong **03** cách thức sau:

⁷ Do Viện Nghiên cứu Z/Yen (1994) thuộc TTTC London xây dựng lần đầu vào năm 2007. Bộ chỉ số được rà soát theo định kỳ hai lần/năm nhằm đánh giá và theo dõi tình hình phát triển của các TTTC trên thế giới.

a) *Mô hình tự nhiên*: dựa trên yếu tố lịch sử và các yếu tố đã phát triển đến mức cao dẫn đến hình thành TTTC (*London, New York...*);

b) *Mô hình cải cách và hiện đại hóa*: dựa trên chiến lược bài bản và trải qua từng cấp độ từ thấp lên cao của TTTC (*Singapore, Thượng Hải, Hong Kong...*);

c) *Mô hình độc lập và chuyên biệt*: áp dụng ngay các chính sách có độ mở cao, cơ chế đặc thù riêng biệt mang tính đột phá, tại khu vực địa lý tách biệt, theo mô hình mới, hiện đại (*Dubai, Abu Dhabi của UAE, Astana của Kazakhstan*).

1.2. Về mô hình quản lý

- Đối với các TTTC được hình thành dựa trên yếu tố lịch sử hoặc trải qua từng cấp độ phát triển từ thấp lên cao với chiến lược bài bản, việc giám sát và vận hành thường do các cơ quan chuyên ngành thuộc Chính phủ quản lý theo từng lĩnh vực cụ thể, **không thành lập các Hội đồng hoặc Cơ quan quản lý riêng biệt.**

- Đối với các TTTC áp dụng ngay các chính sách có độ mở cao, TTTC được **thiết lập trên địa giới hành chính nhất định** và việc giám sát và vận hành do một (các) **cơ quan độc lập với Chính phủ để quản lý và điều tiết** các hoạt động trong TTTC.

1.3. Về một số bài học kinh nghiệm

a) Việc hình thành và phát triển TTTC có sự chỉ đạo trực tiếp của các Lãnh đạo cấp cao nhất của quốc gia và sự đồng hành, vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương, sự hợp tác quốc tế.

b) Phát triển TTTC là một tiến trình dài hạn, nhất quán, ổn định, công khai, minh bạch, thường là một phần của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của quốc gia và địa phương nơi hình thành TTTC theo từng giai đoạn trong thời gian từ khoảng 20-30 năm.

c) TTTC được áp dụng các chính sách đặc thù, ưu đãi đột phá, có tính cạnh tranh, có độ mở cao và phù hợp thông lệ quốc tế để phát triển thị trường tài chính hiện đại và tự do hóa các giao dịch kinh doanh ngoại hối; kiến tạo và phát triển các mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính.

d) Xây dựng thêm các cơ chế đặc thù cho địa phương, khu vực có TTTC để phát triển và tận dụng lợi thế từ nguồn tài chính đem lại trong TTTC. Các cơ chế đặc thù chủ yếu được áp dụng: **(i)** ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế đất; **(ii)** thủ tục kinh doanh rút gọn; **(iii)** cơ chế xuất nhập cảnh; **(iv)** tự do luân chuyển dòng vốn; **(v)** phân bổ ngân sách giữa Chính phủ và địa phương/khu vực có TTTC. Bên cạnh đó, xung quanh TTTC thường được chú trọng phát triển thêm các dịch vụ tiện ích, bất động sản, khu phức hợp; tuy nhiên, đây là những dự án đầu tư độc lập với việc xây dựng và hình thành TTTC.

đ) Việc xây dựng, vận hành và phát triển TTTC phải dựa trên 05 lĩnh vực (trụ cột) cạnh tranh, cụ thể: **(i) Môi trường kinh doanh**: ổn định chính trị và pháp

quyền, môi trường pháp lý và các thiết chế, môi trường kinh tế vĩ mô, tính cạnh tranh về thuế và chi phí); **(ii) Nguồn nhân lực**: nguồn nhân lực chất lượng cao sẵn có, thị trường lao động linh hoạt, giáo dục và phát triển, chất lượng cuộc sống để thu hút; **(iii) Cơ sở hạ tầng**: cơ sở hạ tầng xây dựng, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở hạ tầng giao thông, phát triển bền vững; **(iv) Sự phát triển của ngành tài chính**: độ sâu và rộng, khả năng tiếp cận vốn, thanh khoản thị trường, đầu ra; và **(v) Uy tín** (thương hiệu và sự thu hút của thành phố nơi có TTTC, mức độ đổi mới và sáng tạo, sức hấp dẫn và đa dạng văn hóa, vị trí có thể so sánh với các TTTC khác).

2. Điều kiện hình thành TTTC

Đề án tổng hợp các khái niệm về TTTC, xác định một số tiêu chuẩn đánh giá mức độ phát triển của các TTTC trên thế giới, bao gồm 135-148 chỉ số đánh giá mức độ phát triển TTTC (GFCI)⁸ và một số nhóm dịch vụ, sản phẩm cơ bản của một TTTC. Từ đó, xác định một số điều kiện cần và đủ để hình thành và phát triển một TTTC trong bối cảnh hiện nay, bao gồm:

a) Điều kiện cần: **(i)** quyết tâm chính trị và sự ủng hộ mạnh mẽ của người đứng đầu đất nước⁹; **(ii)** được sự ủng hộ, hợp tác của cộng đồng quốc tế; **(iii)** ổn định chính trị, kinh tế vĩ mô, thể chế và chính sách; **(iv)** thị trường tài chính có tiềm năng; **(v)** môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi; quy mô nền kinh tế phát triển; tăng trưởng kinh tế ổn định; **(vi)** khuôn khổ pháp lý mở¹⁰, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, mở đường cho đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững, mang tính cạnh tranh và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán; và **(vii)** tính kết nối cao¹¹.

b) Điều kiện đủ¹²: **(i) Nguồn nhân lực** (trong lĩnh vực tài chính, pháp luật, tư vấn, kiểm toán...) có trình độ cao, chi phí lao động cạnh tranh; quy định về xuất nhập cảnh thông thoáng để thu hút nguồn nhân lực nước ngoài; **(ii) Cơ sở**

⁸ Do Viện Nghiên cứu Z/Yen (1994) thuộc TTTC London xây dựng lần đầu vào năm 2007. Bộ chỉ số được rà soát theo định kỳ hai lần/năm nhằm đánh giá và theo dõi tình hình phát triển của các TTTC trên thế giới. Chi tiết tại <https://www.longfinance.net/programmes/financial-centre-futures/global-financial-centres-index/about/> và <https://www.longfinance.net/programmes/financial-centre-futures/global-financial-centres-index/gfci-methodology/>

⁹ Người đứng đầu chính quyền Trung ương hoặc người đứng đầu Nhà nước đồng thời thường là người đứng đầu TTTC hoặc đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành và phát triển TTTC, bao gồm việc khởi xướng sáng kiến và xây dựng các cơ chế chính sách cho TTTC. Ví dụ, Tổng thống Kazakhstan là Chủ tịch Hội đồng Quản lý TTTC Astana, Tổng thống Ấn Độ Narendra Modi là người khởi xướng sáng kiến TTTC GIFT City trong thời gian làm Thống đốc bang Gujarat và tiếp tục ủng hộ sáng kiến này khi ông trúng cử Tổng thống; Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đặc biệt quan tâm đến việc phát triển ngành tài chính tại Thượng Hải và nhiều lần đến thăm và trực tiếp chỉ đạo định hướng phát triển TTTC Thượng Hải trong nhiều năm qua.

¹⁰ Hội nhập kinh tế quốc tế; có cơ chế giải quyết tranh chấp và tòa án tài chính chất lượng cao, đủ khả năng giải quyết các tranh chấp quốc tế; cơ chế ưu đãi cạnh tranh; áp dụng các tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế...

¹¹ **(i)** Là trung tâm giao thương hàng hóa quốc tế lớn hoặc cửa ngõ đầu tư-thương mại của quốc gia/khu vực; **(ii)** Thị trường tài chính có tính kết nối cao; **(iii)** Hạ tầng viễn thông và internet hiện đại; **(iv)** Có trung tâm trung chuyển khách quốc tế chất lượng: sân bay quốc tế hiện đại, có khả năng đáp ứng lượng khách lớn, kết nối trực tiếp tới nhiều nơi trên thế giới; và **(v)** Ngôn ngữ: ưu tiên sử dụng tiếng Anh; **(vi)** Cơ sở hạ tầng đồng bộ.

¹² Theo các chỉ số đánh giá của Global Financial Center Index – GFCI (tổ chức đánh giá năng lực cạnh tranh của các TTTC trên thế giới). Đây là bảng xếp hạng khả năng cạnh tranh của các trung tâm tài chính (TTTC) dựa trên hơn 29.000 đánh giá của TTTC từ bảng câu hỏi trực tuyến cùng với 138-145 chỉ số từ các tổ chức như Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Economist Intelligence Unit.

hạ tầng đồng bộ bao gồm hạ tầng cứng và hạ tầng mềm; cơ sở hạ tầng của các TTTC cần được đầu tư bài bản, chất lượng cao, đảm bảo kết nối với các TTTC khác trên thế giới với mục tiêu cuối cùng là tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh và môi trường sống chất lượng cao cho các định chế tài chính và các chuyên gia quốc tế đến sinh sống và làm việc tại TTTC; và **(iii) Hệ sinh thái tài chính** phát triển có tính cạnh tranh¹³, mức độ tự do hoá dòng tiền cao.

III. ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG TTTC TẠI VIỆT NAM

1. Quan điểm chỉ đạo

(1) Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tuyệt đối của Đảng; sự quản lý tập trung, thống nhất, thông suốt và liên tục của Nhà nước.

(2) Phát triển TTTC theo hướng đi lên từ năng lực nội sinh của Việt Nam, từ tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh của từng địa phương nói riêng và của Việt Nam nói chung.

(3) Việc lựa chọn mô hình TTTC trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và căn cứ vào điều kiện và nguồn lực thực tế của Việt Nam; có lộ trình phù hợp, gắn liền với quá trình xây dựng, phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ trên tinh thần hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất và hiệu quả.

(4) Khung pháp lý áp dụng cho TTTC phải có tính đột phá, đảm bảo phát huy tối đa các lợi thế của Việt Nam; bắt kịp xu hướng phát triển quốc tế, theo chuẩn mực, thông lệ tiên tiến của thế giới, bảo đảm nguyên tắc pháp quyền, hài hoà với cam kết quốc tế; bảo đảm sự đồng bộ, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, mở đường cho đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, có tính cạnh tranh cao, khả thi và phù hợp với điều kiện thực tiễn và năng lực nội tại, trong đó ưu tiên lợi ích quốc gia là trên hết; đặc biệt là uy tín và an ninh tài chính quốc gia.

(5) Phát triển TTTC tại khu vực có ranh giới xác định và áp dụng các chính sách đặc thù trong khu vực TTTC, đối tượng tham gia được xác định theo tiêu chí rõ ràng, với chính sách ưu đãi vượt trội để cho phép Việt Nam: **(i)** thử nghiệm có kiểm soát các chính sách đặc thù nhằm tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường tài chính toàn cầu; **(ii)** phân quyền, phân cấp cho cơ quan quản lý TTTC và cải cách thủ tục hành chính tối đa có thể; tập trung quản lý, giám sát dựa trên rủi ro; **(iii)** đánh giá tác động đối với các chính sách phát triển TTTC phù hợp với điều kiện trong nước theo từng giai đoạn để điều chỉnh phù hợp, linh hoạt.

(6) Đầu tư nguồn lực thỏa đáng và có sự đột phá mạnh mẽ về cơ chế, chính sách có tính cạnh tranh để thu hút các nguồn lực tài chính quốc tế, nhằm tạo động lực phát triển kinh tế xã hội.

¹³ Các tổ chức trung gian tài chính như ngân hàng, công ty môi giới; nhà đầu tư như các quỹ đầu tư hoặc các quỹ quản lý tài sản; cùng với đó là các công ty dịch vụ hỗ trợ như công ty luật, công ty tư vấn, công ty kế toán, kiểm toán, công ty IT.

(7) Bảo đảm cân đối lợi ích của nhà nước, nhà đầu tư và người dân trên tinh thần hài hòa lợi ích, chia sẻ rủi ro; cần dự báo và có thể phải chấp nhận một mức độ rủi ro nhất định nhưng tăng cường vị thế địa chính trị, địa kinh tế của Việt Nam, gắn lợi ích kinh tế các đối tác, các nước lớn; qua đó góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh “phi truyền thống”; ổn định và phát triển toàn diện về các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, môi trường.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển thị trường tài chính để huy động có hiệu quả các nguồn lực, dịch vụ tài chính để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội các địa phương có TTTC nói riêng và Việt Nam nói chung bảo đảm minh bạch, hiệu quả, bắt kịp các chuẩn mực tài chính của thế giới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Thành lập và phát triển TTTC khu vực vào năm 2035, TTTC quốc tế vào năm 2045.

- Được xếp hạng theo Chỉ số TTTC toàn cầu (GFCI): (i) đến năm 2035: trong nhóm 75 TTTC thế giới¹⁴ và nhóm 25 TTTC khu vực Châu Á-Thái Bình Dương¹⁵; (ii) đến năm 2045: trong nhóm 20 TTTC thế giới¹⁶ và nhóm 10 TTTC khu vực Châu Á - Thái Bình Dương¹⁷.

- Trong lĩnh vực FinTech¹⁸, được GFCI xếp hạng: (i) đến năm 2035 trong nhóm 75 TTTC thế giới, nhóm 25 khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và thứ 3 trong khu vực ASEAN; (ii) đến năm 2045: trong nhóm 20 TTTC thế giới và nhóm 10 TTTC khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, thứ 2 trong khu vực ASEAN.

3. Đề xuất mô hình và cơ chế chính sách để xây dựng TTTC tại Việt Nam

Căn cứ đặc điểm của Việt Nam, trên cơ sở tham vấn ý kiến của các tổ chức tư vấn, chuyên gia quốc tế, xin đề xuất như sau:

3.1. Về số lượng TTTC

Căn cứ các Nghị quyết của Đảng¹⁹, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin kiến nghị xây dựng 02 TTTC ở Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng; trong đó, xây dựng và phát triển TTTC quốc tế tại thành phố Hồ Chí Minh một cách toàn diện, TTTC

¹⁴ Ngang bằng với nhóm các TTTC, Lisbon (Bồ Đào Nha), Vienna (Áo),...

¹⁵ Ngang bằng với nhóm các TTTC New Delhi (Ấn Độ), Taipei (Đài Loan),...

¹⁶ Ngang bằng với nhóm các TTTC Dubai (đang thứ 20), Tokyo (số 19), Sydney (số 18)...

¹⁷ Ngang bằng với nhóm các TTTC Beijing (Trung Quốc), Busan (Hàn Quốc),...

¹⁸ Theo Báo cáo GFCI lần thứ 36 (tháng 9/2024), trong lĩnh vực FinTech, Tp. Hồ Chí Minh đạt 609 điểm, xếp hạng 100/116, tăng 4 bậc và tăng 6 điểm so với báo cáo trước. So sánh với các TTTC trong khu vực, TP.HCM xếp sau Jakarta (xếp thứ 94), nhưng đứng trên Manila (xếp thứ 101) và Bangkok (xếp thứ 102) với điểm đánh giá khá gần nhau (lần lượt là 615, 608, 607 điểm). Kuala Lumpur hạng 72, điểm 637.

¹⁹ Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; các Nghị quyết: số 31-NQ/TW và số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị đặt ra nhiệm vụ xây dựng TTTC quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh; các Nghị quyết: số 26-NQ/TW và số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị cũng đặt ra nhiệm vụ xây dựng TTTC cấp vùng cho Đà Nẵng

khuvực ở Đà Nẵng đi trước phát triển các dịch vụ tài chính quốc tế, trọng điểm gắn với Khu Thương mại tự do Đà Nẵng và cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực công nghệ tài chính (fintech) gắn với đổi mới sáng tạo mà Nghị quyết số 136/2024/QH15²⁰ đã cho phép thí điểm, tạo tiền đề quan trọng để thúc đẩy việc hình thành TTTC quốc tế quy mô khu vực tại Đà Nẵng.

3.2. Về phạm vi phát triển TTTC

Để xây dựng TTTC thì Việt Nam cần cho áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù, nhất là trong các lĩnh vực tài chính mới như fintech, phù hợp với thông lệ quốc tế. Do khung pháp lý áp dụng cho TTTC có sự khác biệt so với các quy định pháp luật hiện hành nên các cơ chế, chính sách này cần được thực hiện có kiểm soát, theo lộ trình và trong **giới hạn không gian địa lý xác định**, bao gồm:

Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất thực hiện tại khu vực *Quận 1 và Khu đô thị mới Thủ Thiêm*.

Thành phố Đà Nẵng đề xuất thực hiện tại *khu lõi gồm các Lô đất A12, A13, A14, A15 trên đường Võ Văn Kiệt và Lô đất A* giáp đường Võ Nguyên Giáp và Võ Văn Kiệt với diện tích hơn 6 ha*, có thể mở rộng thành khu phố tài chính là vùng diện tích địa lý nằm tại khu công nghiệp Đà Nẵng với diện tích khoảng 62 ha; đồng thời phát triển Trung tâm công nghệ tài chính là phần diện tích của Khu Công viên phần mềm số 2.

Các khu vực nêu trên được xác định là không gian lõi để tập trung nguồn lực đầu tư phát triển TTTC, có thể được điều chỉnh mở rộng theo từng giai đoạn.

3.3. Mô hình phát triển và cơ cấu tổ chức của TTTC

a) Về lựa chọn mô hình và lộ trình phát triển TTTC

Trên cơ sở nghiên cứu các mô hình phát triển TTTC trên thế giới; căn cứ quan điểm chỉ đạo, mục tiêu cũng như đặc điểm, tình hình, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nguồn lực thực tiễn của Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất phát triển TTTC theo **mô hình “kết hợp”**, có chọn lọc các ưu điểm của các mô hình trên thế giới²¹, phù hợp với đặc điểm và bối cảnh của Việt Nam.

Trong đó, sẽ lựa chọn từng nhóm chính sách phù hợp để áp dụng có kiểm soát, theo lộ trình cho các chủ thể hoạt động tại TTTC, trong phạm vi các giao dịch tài chính giữa các chủ thể này với nhau và với quốc tế. Đối với các giao dịch giữa các chủ thể tại TTTC và phần còn lại của đất nước sẽ thực hiện theo quy định và pháp luật chung hiện hành. Lộ trình 02 giai đoạn như sau:

²⁰ Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng (Điều 14).

²¹ sự đột phá của mô hình “độc lập và chuyên biệt”; sự cải cách chính sách và hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo lộ trình dài hạn của mô hình “cải cách và hiện đại hóa”,...

a) *Giai đoạn 1*: Lựa chọn một số chính sách đặc thù phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện cụ thể của Việt Nam để áp dụng ngay (hoặc có lộ trình rõ ràng, cụ thể, công khai rộng rãi) nhằm: (i) hình thành các điều kiện nền tảng của TTTC tại Việt Nam để tiến tới trở thành một TTTC toàn diện; (ii) tạo đột phá so với các TTTC trong khu vực để thu hút dòng vốn đầu tư tài chính dịch chuyển trong một số lĩnh vực phù hợp với lợi thế cạnh tranh và định hướng phát triển của TTTC Việt Nam.

Đối tượng điều chỉnh của các chính sách trong TTTC là các tổ chức được đăng ký thành viên và có sự hiện diện thương mại trong TTTC.

b) *Giai đoạn 2*: Từng bước nghiên cứu áp dụng các chính sách còn lại theo lộ trình phù hợp với thực trạng phát triển của TTTC và điều kiện chung của Việt Nam để tiến tới hình thành một TTTC quốc tế toàn diện.

Các chính sách phát triển TTTC đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện, mang tính cạnh tranh, đảm bảo tính ổn định, nhất quán và có tính dự báo, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, thúc đẩy hợp tác giám sát và cơ chế thực thi hiệu quả, đáng tin cậy.

Mô hình “kết hợp” được đề xuất có ưu điểm là kết hợp các chính sách đặc thù, đột phá với hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong dài hạn; đồng thời cho phép thử nghiệm chính sách trong phạm vi hoạt động của TTTC, đảm bảo phù hợp với bối cảnh và điều kiện thực tế của quốc gia trong từng giai đoạn. Tuy nhiên, mô hình này cũng có những hạn chế nhất định như tính đồng bộ giữa các chính sách, hoạt động... của TTTC đòi hỏi phải được liên tục nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung để đảm bảo hiệu quả hoạt động.

b) Cơ cấu tổ chức hoạt động của TTTC

Việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước điều phối, quản lý, giám sát TTTC phải dựa trên các nguyên tắc: (i) phân quyền, phân cấp tối đa cho các cơ quan này trong phạm vi không gian của TTTC; (ii) các cơ quan này đóng vai trò là đầu mối “một cửa” trong mọi đối thoại, hợp tác, tiếp nhận và giải quyết các trình tự, thủ tục của doanh nghiệp hoạt động tại TTTC với các cơ quan nhà nước khác; (iii) hoạt động của các cơ quan này mang tính chất xây dựng, hỗ trợ, đồng hành với doanh nghiệp để phát triển TTTC²² cũng như tăng cường hợp tác quốc tế.

Trong đó, cơ cấu tổ chức hoạt động của TTTC gồm các cơ quan:

(i) *Ban chỉ đạo TTTC*²³: đóng vai trò điều phối, quản lý cao nhất đối với TTTC; quyết định chiến lược phát triển, đầu tư...; giải quyết ý kiến khác nhau

²² Tương tự các TTTC tại Dubai, Abu Dhabi và Astana. Tại TTTC *Thượng Hải*, cơ chế vận hành, cơ chế quản lý và giám sát các hoạt động được cho phép/cho phép thí điểm và định hướng phát triển TTTC Thượng Hải được quy định tại các Kế hoạch 5 năm chung của Quốc gia và của Thành phố Thượng Hải nói riêng.

²³ Tương tự mô hình AIFC Management Council (Điều 10 Luật về AIFC năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2022).

giữa cơ quan quản lý chuyên trách TTTC và cơ quan giám sát TTTC; thành lập các cơ quan, tổ chức phục vụ hoạt động của TTTC (như sở/sàn giao dịch).

Trưởng Ban chỉ đạo TTTC là Thủ tướng Chính phủ; các thành viên thường trực gồm đại diện Lãnh đạo các Bộ ngành, địa phương liên quan (có thể bao gồm đại diện Lãnh đạo một số cơ quan của Quốc hội, như Ủy ban Tài chính - Ngân sách, Ủy ban Kinh tế, Ủy ban pháp luật). Ngoài ra, Ban chỉ đạo TTTC có một số thành viên (có thể trực tiếp tham gia hoặc thông qua một Ủy ban tư vấn) là chuyên gia quốc tế đã có kinh nghiệm trong việc vận hành TTTC.

(ii) *Cơ quan quản lý TTTC*²⁴: quyết định việc gia nhập và rút khỏi TTTC của các chủ thể/thành viên tham gia TTTC (người cung cấp dịch vụ và khách hàng), cấp phép, quản lý hoạt động trong TTTC cũng như các vấn đề liên quan (visa, lao động, thuế...) theo cơ chế một cửa; xử lý các đề xuất, kiến nghị của các thành viên tham gia TTTC; hỗ trợ các cơ quan khác của TTTC...

Người đứng đầu Cơ quan quản lý TTTC là 01 Lãnh đạo cấp ủy của địa phương nơi có TTTC; thành viên là đại diện lãnh đạo các sở, ngành: Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh (Đà Nẵng), Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Công an Thành phố, Sở Tư pháp...

Cơ quan quản lý TTTC tiếp nhận yêu cầu, báo cáo Ban chỉ đạo TTTC về việc cho phép triển khai, áp dụng các giải pháp, tiêu chuẩn, quy chuẩn, mô hình kinh doanh mới liên quan lĩnh vực tài chính trong phạm vi TTTC theo cơ chế tiền kiểm và/hoặc cơ chế hậu kiểm.

(iii) *Cơ quan giám sát TTTC*²⁵: chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của các định chế tài chính trong TTTC; gồm đại diện của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt TTTC, các cơ quan liên quan; đảm bảo an toàn cho hoạt động của TTTC, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng (người tiêu dùng); phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, gian lận tài chính...

(iv) *Cơ quan giải quyết tranh chấp*: để đảm bảo việc giải quyết tranh chấp liên quan TTTC (giữa các thành viên tham gia TTTC, giữa thành viên và khách hàng, giữa các chủ thể tham gia TTTC và cơ quan quản lý, giám sát TTTC...) diễn ra nhanh chóng, hiệu quả, đảm bảo công lý, thân thiện với các nhà đầu tư tham gia TTTC, trước mắt thành lập Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTC như mô hình trung tâm trọng tài thương mại nhưng có một số đặc thù để đảm bảo niềm tin và sự thuận tiện cho các chủ thể, nhất là về luật áp dụng, phạm vi tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết, ngôn ngữ giải quyết tranh chấp, khả năng thực thi phán quyết trọng tài (có cơ chế để phán quyết trọng tài không bị tòa án hủy bỏ và có cơ chế để thi hành được phán quyết trọng tài trên thực tế một

²⁴ Trong tự mô hình AIFC Management Council (Điều 10 Luật về AIFC năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2022).

²⁵ Trong tự mô hình Astana Financial Services Authority (Điều 12 Luật về AIFC năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2022).

cách kịp thời)²⁶; đồng thời, tăng cường ứng dụng công nghệ, số hóa hoạt động giải quyết tranh chấp trong TTTC.

3.4. Đề xuất chính sách

Trên cơ sở lựa chọn mô hình TTTC nêu trên, tham vấn ý kiến của các tổ chức tư vấn, chuyên gia tài chính quốc tế, xin kiến nghị định hướng các **cơ chế chính sách** xây dựng TTTC, được chia thành **3 nhóm**, cụ thể như sau:

(1) Các chính sách áp dụng ngay (Nhóm 1)

(i) Xây dựng hệ thống và bộ tiêu chí đăng ký doanh nghiệp/đăng ký thành viên do cơ quan quản lý TTTC là đơn vị chủ quản;²⁷ chỉ áp dụng một thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp và thực hiện thủ tục đăng ký trực tuyến, không yêu cầu dự án, không yêu cầu tài liệu bản gốc, không yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự.

(ii) Ưu tiên sử dụng ngôn ngữ giao dịch là tiếng Anh²⁸: cho phép sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ giao dịch chính hoặc có giá trị pháp lý tương đương với tiếng Việt trong TTTC.

(iii) Xác định các lĩnh vực ưu tiên trong TTTC²⁹: một số sản phẩm tài chính truyền thống (thị trường vốn, tiền tệ, ngân hàng, bảo hiểm...) và một số sản phẩm tài chính hiện đại (tài sản mã hóa, fintech, tài chính xanh...), trong đó cần tập trung vào ưu tiên phát triển các mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính (fintech)³⁰ nhằm tăng tính cạnh tranh và hấp dẫn của TTTC ở Việt Nam.

(iv) Quy định đặc thù để phát triển thị trường vốn³¹, gồm:

²⁶ Tương tự mô hình International Arbitration Centre (Điều 14 Luật về AIFC năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2022).

²⁷ Các **TTTC mới nổi** (Dubai, Abu Dhabi, Astana...) đã hình thành hệ thống đăng ký thành viên/doanh nghiệp chuyên biệt và phân cấp quyền cấp, điều chỉnh, quản lý giấy phép hoạt động của các chủ thể trong TTTC cho Cơ quan quản lý TTTC; trong đó: (i) Cơ quan quản lý TTTC thực hiện chức năng cấp phép và quản lý hoạt động của các doanh nghiệp nói chung; (ii) Cơ quan giám sát tài chính cấp phép và quản lý hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán... Tại **Singapore**, do đặc thù về diện tích và địa lý, chức năng quản lý hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và dịch vụ tài chính do Ngân hàng Trung ương thực hiện; chức năng cấp phép và quản lý hoạt động của các doanh nghiệp khác do Bộ Tài chính thực thi.

²⁸ Xuất phát từ các **TTTC truyền thống** (New York, London...) đều tiếng Anh là ngôn ngữ chính, do đó đã ảnh hưởng và thành nguyên tắc mặc định bắt buộc trong giao dịch tài chính toàn cầu. Các **TTTC mới nổi** (Dubai, Abu Dhabi, Astana...): đều cho phép áp dụng tiếng Anh là ngôn ngữ giao dịch chính, có giá trị tương đương với ngôn ngữ bản địa trong phạm vi TTTC, và được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có sự khác nhau về cách hiểu giữa các bản dịch với nhau. Riêng **TTTC Thượng Hải** áp dụng Tiếng Hoa kèm bản dịch tiếng Anh đối với các giao dịch trong TTTC; hiện đang thí điểm sử dụng tiếng Anh trong hoạt động giải quyết tranh chấp.

²⁹ Các **TTTC truyền thống** (New York, London,...) và Singapore, xác định phát triển thị trường vốn gắn với các lợi thế của nền kinh tế trong nước là trọng tâm của TTTC trong giai đoạn đầu; riêng **Singapore** còn đặt mục tiêu phát triển thị trường tiền tệ để tận dụng khoảng trống về mùa giờ giao dịch của thị trường tài chính toàn cầu. Các **TTTC mới nổi** (Dubai, Abu Dhabi, Astana...): kết hợp giữa 1-2 sản phẩm tài chính truyền thống (như thị trường chứng khoán tại Dubai hoặc quản lý quỹ tại Abu Dhabi) và 1-2 sản phẩm tài chính hiện đại (như phát triển lĩnh vực fintech gắn với hoạt động đổi mới sáng tạo tại Dubai hoặc hình thành cơ chế thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực liên quan đến tài sản ảo tại Abu Dhabi).

³⁰ Về các lĩnh vực fintech quan trọng cần tập trung, xin xem: *The Global Financial Centres Index 35*, 3/2024, tr. 43, https://www.longfinance.net/media/documents/GFCI_35_Report_2024.03.21_v1.0.pdf; *Một số vấn đề pháp lý về tài sản mã hóa, tiền mã hóa*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2019.

³¹ Kinh nghiệm quốc tế cho thấy phát triển thị trường vốn (cùng với thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng) là một trong những cấu phần nền tảng để phát triển thị trường tài chính nói chung và TTTC nói riêng. Tuy nhiên, phát triển thị trường vốn tại các TTTC mới nổi là một nhiệm vụ khó, phức tạp do có sự cạnh tranh cao từ các TTTC đã phát triển.

- Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với mô hình kinh doanh ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính (fintech), đi kèm với phân cấp quyền quản lý, đánh giá tác động và quản trị rủi ro trong hoạt động fintech cho Cơ quan quản lý TTTC³², bao gồm cả sàn giao dịch đối với tài sản mã hoá, tiền mã hoá.

- Có cơ chế ưu đãi vượt trội so với quy định hiện hành đối với hoạt động tài chính xanh trong phạm vi TTTC (như mua bán tín chỉ các-bon, tài trợ vốn cho các dự án xanh...)³³.

- Đơn giản hóa thủ tục thành lập và quản lý hoạt động của các tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động và cung cấp dịch vụ trong TTTC so với quy định hiện hành³⁴.

- Thành lập sàn giao dịch chuyên biệt cho TTTC³⁵.

- Ban hành một số quy định đăng ký, lưu ký, giao dịch và thanh toán bù trừ chuyên biệt cho chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán của TTTC Việt Nam theo thông lệ của các TTTC lớn.

- Triển khai một số giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm³⁶.

- Áp dụng thông lệ quốc tế về chuẩn mực kế toán, tài chính, báo cáo tài chính³⁷ và các thông lệ quốc tế về tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị công ty (tiêu chuẩn ESG). Trong đó, cho phép các chủ thể trong TTTC tự do lựa chọn chuẩn mực báo cáo tài chính, trường hợp đã thực hiện theo thông lệ quốc tế thì không cần thực hiện theo quy định trong nước³⁸.

- Có chính sách ưu đãi cho các ngân hàng nước ngoài thành lập chi nhánh hoặc chuyên trụ sở, văn phòng đại diện đến TTTC Việt Nam (như ưu đãi về thuế, phí...).

- Xây dựng hệ thống thông tin thị trường minh bạch và chuyên sâu; cải thiện cơ cấu và quy định quản lý rủi ro để tăng tính cạnh tranh, bao gồm quản lý rủi ro hoạt động (ORM), quản lý rủi ro thị trường (MRM), đặc biệt là quản lý rủi ro tín dụng (CRM).

Trên thực tế, nhiều TTTC mới nổi (như Dubai, Abu Dhabi, Astana...) tuy đã đạt được một số kết quả nhất định trong phát triển các sản phẩm tài chính nói chung và thị trường vốn nói riêng, nhưng đến nay vẫn chưa được GFCI xếp hạng về mức độ phát triển của các cấu phần nền tảng.

³² Thử nghiệm có kiểm soát đã được đưa vào Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng (Điều 14)

³³ Quy định này đã có trong Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

³⁴ Trình tự, thủ tục hiện nay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (Chương V Luật các tổ chức tín dụng).

³⁵ Có thể cân nhắc cho phép: (i) giao dịch bằng đồng ngoại tệ chuyển đổi; (ii) niêm yết chéo với các sàn giao dịch quốc tế; (iii) đơn giản hóa quy định về niêm yết và giao dịch cổ phiếu. Một số sản phẩm tài chính có thể cân nhắc phát triển tại sàn giao dịch chuyên biệt cho TTTC bao gồm: cổ phiếu, trái phiếu Chính phủ, các sản phẩm thứ cấp trái phiếu Chính phủ, trái phiếu xanh, trái phiếu doanh nghiệp, hàng hóa, kim loại, phái sinh, hợp đồng tương lai...).

³⁶ Có thể thành lập sàn giao dịch bảo hiểm, tái bảo hiểm chuyên biệt thuộc Sàn giao dịch chung của TTTC như tại London, Thượng Hải, Dubai...

³⁷ Nội dung này đã được định hướng tại Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020 của Bộ Tài chính phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam.

³⁸ Vấn đề này trong chừng mực nhất định đã được đưa vào dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia.

(v) Tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng TTTC³⁹: giao Cơ quan quản lý TTTC ban hành Kế hoạch huy động nguồn lực, bao gồm nguồn lực từ ngân sách nhà nước và nguồn lực tư nhân để phát triển hạ tầng phục vụ TTTC trong các giai đoạn sau.

(vi) Đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực tài chính⁴⁰: giao cơ quan quản lý TTTC hình thành kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực tài chính, dịch vụ tài chính.

(vii) Nới lỏng quy định trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh và quản lý chuyên gia nước ngoài trong TTTC⁴¹:

- Miễn thị thực nhập cảnh thời hạn tối đa 30 ngày đối với các cá nhân nước ngoài đến làm việc theo giấy mời của tổ chức hoạt động trong TTTC.

- Miễn thị thực nhập cảnh thời hạn tối đa 90 ngày cho các nhà đầu tư nước ngoài có tài khoản giao dịch tại các tổ chức hoạt động trong TTTC.

- Miễn giấy phép lao động/áp dụng quy trình cấp giấy phép lao động rút gọn (fast-track) đối với các cá nhân nước ngoài làm việc cho các tổ chức hoạt động trong TTTC và áp dụng quy trình cấp thị thực nhập cảnh/thẻ tạm trú dài hạn rút gọn đối với vợ/chồng/con chưa thành niên của các cá nhân đó.

(viii) Áp dụng cơ chế ưu đãi đầu tư vượt trội trong TTTC⁴²: tại văn bản quy phạm pháp luật quy định việc thành lập TTTC, giao Cơ quan có thẩm quyền ban hành một số cơ chế ưu đãi đặc thù, vượt trội cho nhà đầu tư TTTC và các chủ thể đầu tư tại TTTC, như thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 0%, hỗ trợ sau đầu tư...

(2) Các chính sách áp dụng theo lộ trình để phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam (Nhóm 2)

(i) Gỡ bỏ kiểm soát ngoại hối và các giao dịch tiền tệ trong TTTC⁴³: không kiểm soát ngoại hối đối với: các giao dịch thực hiện trong TTTC và giữa các chủ

³⁹ Các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi, Astana...): đã xác định các khu vực có hàng rào để phát triển TTTC, đồng thời ban hành kèm theo quy hoạch là kế hoạch huy động nguồn lực phát triển CSHT cho TTTC (bao gồm cả hạ tầng cứng và hạ tầng mềm). Các TTTC truyền thống (New York, London...) xác định: (i) nguồn lực phát triển hạ tầng cứng cho TTTC là một cấu phần của nguồn lực đầu tư phát triển đô thị chung tại các thành phố, địa điểm tập trung nhiều tổ chức, định chế tài chính; (ii) nguồn lực phát triển hạ tầng mềm cho TTTC được khai chung với phần còn lại của quốc gia.

⁴⁰ Các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi): đã ban hành các cơ chế ưu đãi để thu hút các Viện nghiên cứu, trường đại học uy tín hàng đầu thế giới đặt phân viện gần hoặc tại TTTC, kết hợp với đầu tư phát triển chương trình đào tạo tại các Viện, Trường đại học công lập phục vụ riêng cho ngành dịch vụ tài chính. TTTC Singapore tận dụng mạng lưới chuyên gia để thu hút các Trường Đại học uy tín thế giới thành lập phân viện tại Singapore.

⁴¹ Các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi): đã ban hành chính sách miễn thị thực/giấy phép lao động hoặc đơn giản hóa thủ tục cấp, gia hạn và sử dụng thẻ cư trú cho các chuyên gia và gia đình đang làm việc tại TTTC hoặc các nhà đầu tư nước ngoài có hoạt động đầu tư/đặt trụ sở doanh nghiệp tại TTTC. Trong khi đó, theo quy định tại Điều 9 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, thị thực cấp cho chuyên gia nước ngoài: (i) không quá 2 năm đối với người nước ngoài làm việc tại Việt Nam có xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động; (ii) không quá 01 năm đối với người nước ngoài làm việc với doanh nghiệp, tổ chức khác có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam. Về giấy phép lao động, theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ, chỉ không phải cấp giấy phép lao động đối với người nước ngoài vào Việt Nam làm việc tại vị trí nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật có thời gian làm việc dưới 30 ngày và không quá 03 lần trong 01 năm.

⁴² Các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi) đã ban hành các cơ chế ưu đãi về thuế TNDN, thuế TNDN (0%), thủ tục cấp phép và hỗ trợ sau đầu tư để thu hút các nhà đầu tư tham gia phát triển và đặt trụ sở tại TTTC.

⁴³ Hầu hết các TTTC đều cho phép giao dịch bằng đồng ngoại tệ chuyển đổi trong phạm vi TTTC để tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch tài chính; đây là một trong những tiêu chí cơ bản của một TTTC. Singapore áp

thể TTTC và các chủ thể tại nước ngoài; và giữa các chủ thể trong TTTC. Các giao dịch ngoại tệ giữa chủ thể trong TTTC và phần còn lại của quốc gia thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối⁴⁴.

(ii) Khuyến khích thành lập các công ty holding (công ty có chức năng đầu tư vốn vào công ty khác) trong TTTC nhằm “kéo” các công ty đang hoạt động ở nước ngoài về Việt Nam và các công ty này được tự do đầu tư, góp vốn, mua cổ phần trong các công ty trong nước và nước ngoài.

Các công ty trong TTTC được tự do thỏa thuận giá mua bán cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán và không bị giới hạn theo biên độ giao dịch.

(iii) Phát triển thị trường tiền tệ, ngân hàng⁴⁵:

- Hoàn thiện lộ trình áp dụng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về ngân hàng (như Basel III) trong TTTC.

- Lộ trình cho phép hình thành ngân hàng số hóa hoàn toàn, không bao gồm các chi nhánh, phòng giao dịch thực tế, chỉ cung cấp dịch vụ trong TTTC và cho các khách hàng quốc tế.

- Lộ trình áp dụng các chuẩn mực về phòng, chống rửa tiền theo thông lệ quốc tế tại TTTC.

- Không áp dụng hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài hoặc điều kiện đầu tư nước ngoài đối với các ngân hàng hoặc TCTD có trụ sở tại TTTC để cung cấp dịch vụ trong TTTC hoặc dịch vụ xuyên biên giới.

(iv) Tiếp tục phát triển các sản phẩm, giao dịch liên quan đến tài sản mã hóa⁴⁶, phát triển và quản lý theo lộ trình giao dịch bằng tài sản mã hoá, tiền mã hoá trong TTTC.

(v) Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân hoạt động trong TTTC xuống ngang bằng với mức thuế tại Singapore, Hong Kong và áp dụng các mức giảm trừ tương tự⁴⁷.

dụng “2 chế độ” khác nhau về quản lý ngoại hối giữa các đối tượng hoạt động trong TTTC và phần còn lại của nền kinh tế; theo đó, *không cho phép các giao dịch ngoại tệ giữa chủ thể trong và ngoài TTTC*, mà chỉ cho phép giao dịch bằng đồng ngoại tệ chuyển đổi trong phạm vi TTTC và từng bước mở cửa thị trường theo lộ trình phát triển chung của TTTC. Tại các *TTTC mới nổi*, đối với các giao dịch giữa chủ thể trong TTTC và chủ thể “nội địa”, được thực hiện theo quy định về giao dịch ngoại tệ xuyên biên giới (như tại Astana) hoặc theo một quy định riêng do các Cơ quan chuyên ngành cấp trung ương quản lý (như tại Dubai).

⁴⁴ Khác với quy định của Pháp lệnh ngoại hối (Điều 22).

⁴⁵ Trong giai đoạn đầu phát triển, các TTTC tại Singapore, Hong Kong và Thượng Hải đều tận dụng các lợi thế cạnh tranh về múi giờ và vị trí địa chính trị thuận lợi để tham gia vào cấu trúc trật tự của thị trường tài chính toàn cầu, từ đó hình thành và phát triển TTTC

⁴⁶ Các TTTC Dubai, Abu Dhabi đều xác định tài sản ảo, tài sản mã hóa, tiền mã hóa là các sản phẩm tài chính của tương lai, có khả năng tạo đột phá trên thị trường tài chính quốc tế. Theo đó, đã tiên phong ban hành các văn bản pháp lý để quy định và thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực này

⁴⁷ Hiện nay, thuế thu nhập cá nhân ở Hong Kong và Singapore cao nhất chỉ là 24% và Hong Kong là 17%; trong khi cao nhất (theo Luật Thuế thu nhập cá nhân) ở Việt Nam là 35%.

Các chính sách nêu trên có sự khác biệt so với quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, hoạt động, cấp phép, giám sát... trong Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Pháp lệnh ngoại hối, Luật Phòng, chống rửa tiền, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Bộ luật Lao động, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân... Bên cạnh đó, để thúc đẩy các mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực tài chính (fintech), như tài sản mã hoá, các mô hình ứng dụng công nghệ chuỗi khối phân tán (blockchain) nhằm tạo lập các sản phẩm “đặc thù”, mang tính cạnh tranh cho TTTC ở Việt Nam, các quy định mới, “đặc thù” cần được xác lập, nhằm tập trung vào việc quản lý, xử lý các rủi ro.

(3) Các chính sách chưa đưa vào Đề án, sẽ được tiếp tục nghiên cứu và cân nhắc sau năm 2035 (Nhóm 3)

(i) Nghiên cứu áp dụng pháp luật án lệ (có thể dựa trên nền tảng luật pháp Anh, Singapore, hoặc bang New York) để điều chỉnh các hoạt động tài chính, thương mại trong phạm vi TTTC và hình thành tòa án tài chính độc lập, cho phép các thẩm phán là người nước ngoài tham gia hoạt động tố tụng để giải quyết các tranh chấp thương mại trong TTTC.

(ii) Xây dựng cơ chế ưu đãi (bao gồm các loại thuế) chuyên biệt, vượt trội, cập nhật so với các quy định hiện hành của quốc gia áp dụng cho TTTC.

(iii) Thiết lập khung pháp lý và vận hành tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương quốc gia (CBDC);

(iv) Các vấn đề mới, phát sinh khác.

Các chính sách này tất yếu có sự khác biệt so với hệ thống pháp luật quốc gia nhưng sẽ được nghiên cứu, cân nhắc sau năm 2035.

3.5. Về nguồn lực phát triển TTTC

Để chuẩn bị các điều kiện về hạ tầng và nguồn nhân lực phục vụ phát triển TTTC, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị huy động cả nguồn lực của nhà nước và ngoài nhà nước; theo đó, UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng cần: (i) thực hiện các thủ tục liên quan để bổ sung các dự án thành phần tại địa phương vào kế hoạch đầu tư công trung hạn (giai đoạn 2026-2030); (ii) phối hợp với các Bộ, ngành liên quan làm việc với các nhà đầu tư chiến lược để nghiên cứu khả năng tham gia phát triển TTTC tại các địa phương.

Sau khi đã hình thành Cơ quan quản lý TTTC, giao Cơ quan quản lý TTTC tiếp tục triển khai nhiệm vụ huy động nguồn lực đầu tư phát triển TTTC.

4. Đánh giá tác động và quản lý rủi ro chính sách

Như đã nêu ở phần trên, Đề án đang đề xuất định hướng các nhóm chính sách theo hướng trong giai đoạn đầu sẽ lựa chọn phát triển một số tính năng/cấu

phần của mô hình chuyên biệt cho TTTC Việt Nam, áp dụng các chính sách đặc thù so với phần còn lại của quốc gia nhằm: **(i)** hình thành các điều kiện nền tảng cho TTTC Việt Nam để tiến tới trở thành một TTTC toàn diện; **(ii)** tạo đột phá so với các TTTC trong khu vực để thu hút dòng vốn đầu tư tài chính dịch chuyển trong một số lĩnh vực phù hợp với lợi thế cạnh tranh và định hướng phát triển của TTTC Việt Nam.

Đối với các chính sách còn lại, vẫn cần có sự quản lý, giám sát, điều hành chặt chẽ bởi các cơ quan liên quan để kiểm soát các yếu tố rủi ro trong quá trình phát triển TTTC. Theo kinh nghiệm quốc tế, việc xác định ranh giới TTTC là một khu vực chuyên biệt cho phép nước sở tại giảm thiểu tối đa các yếu tố rủi ro của đối với nền kinh tế trong nước, trong khi vẫn kết nối và thu hút được dòng vốn đầu tư tài chính toàn cầu. Đối với các chính sách đặc thù cho TTTC, các quốc gia áp dụng mô hình chuyên biệt thường áp dụng cơ chế thử nghiệm và đánh giá tác động chuyên sâu của các chính sách áp dụng, từ đó điều chỉnh, nhân rộng theo lộ trình phù hợp, linh hoạt với điều kiện thực tế của từng giai đoạn.

Đề án đã có các đánh giá tác động của các cơ chế chính sách đề xuất trên cả góc độ tích cực, lợi ích đem lại cũng như rủi ro tiềm tàng và việc quản lý rủi ro đối với từng chính sách đề xuất; từ đó, có lộ trình áp dụng phù hợp. Đồng thời, như đã nêu ở Mục I.2 Tờ trình này về phạm vi của Đề án, sau khi có định hướng, chủ trương của Bộ Chính trị, việc đánh giá tác động chính sách cụ thể, trong đó có đánh giá rủi ro và giải pháp quản lý, hạn chế rủi ro, sẽ được thực hiện chi tiết gắn với quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về TTTC theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Tổ chức thực hiện

Sau khi báo cáo, Bộ Chính trị cho ý kiến, sẽ phân công các Ban cán sự đảng, Đảng đoàn, cấp ủy liên quan triển khai xây dựng kế hoạch điều chỉnh, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật và các chính sách liên quan nội dung Đề án.

IV. Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

1. Về sự cần thiết và chủ trương thành lập TTTC

Các bộ, ngành và UBND các thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng đều thống nhất cao về sự cần thiết, chủ trương thành lập TTTC tại Việt Nam.

2. Về số lượng và lộ trình xây dựng TTTC

- Về số lượng TTTC: tại các cuộc họp Ban Chỉ đạo và Tổ công tác, các Bộ, ngành đều thống nhất chủ trương xây dựng 02 TTTC tại Thành phố Hồ Chí Minh (quốc tế) và Đà Nẵng (khu vực).

- Về lộ trình xây dựng TTTC: UBND các thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng cơ bản thống nhất với lộ trình đặt ra. Đối với các Bộ ngành thì không có ý kiến phản đối, mà chỉ tập trung có ý kiến trong lộ trình áp dụng một số chính

sách cụ thể. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện và làm rõ lộ trình cùng các chính sách phát triển TTTC.

3. Về cơ cấu tổ chức hoạt động TTTC: Các bộ, ngành và địa phương hầu hết đều thống nhất.

4. Về các chính sách ban hành để xây dựng TTTC

Do các nội dung chính sách đều là mới, có tính đột phá cao nhưng có tác động lớn đến phát triển kinh tế xã hội, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho rằng cần phải xin chủ trương của cấp có thẩm quyền (Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội) trước khi xây dựng. Bên cạnh đó, còn một số ý kiến cụ thể như sau:

4.1. Các chính sách áp dụng ngay (Nhóm 1) và theo lộ trình (Nhóm 2)

(1) Về gỡ bỏ kiểm soát ngoại tệ và các giao dịch tiền tệ trong phạm vi TTTC: Ngân hàng Nhà nước đề nghị đưa nội dung này vào giai đoạn sau 2035 để phù hợp với kinh nghiệm quốc tế và điều kiện nền kinh tế Việt Nam nói chung và của 2 thành phố nói riêng.

(2) Về đề xuất áp dụng chuẩn mực kế toán, chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế: Bộ Tài chính cơ bản nhất trí đề xuất chính sách khuyến khích áp dụng thông lệ quốc tế về chuẩn mực kế toán quốc tế, chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế tại TTTC theo lộ trình phù hợp.

(3) Về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với hoạt động Fintech: Ngân hàng Nhà nước đề nghị có nội dung về phân cấp quyền quản lý, đánh giá tác động và quản trị rủi ro khi triển khai, vận hành cơ chế thử nghiệm cho Cơ quan quản lý TTTC; để đảm bảo việc quản lý, vận hành cơ chế thử nghiệm được thống nhất, hiệu quả. Bộ Tư pháp đề nghị tiếp tục nghiên cứu, rà soát để bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, trong đó cần lưu ý các phương án xử lý, kiểm soát rủi ro, bảo đảm sự phát triển bền vững.

(4) Về các giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm: Bộ Tài chính cho rằng thị trường bảo hiểm Việt Nam thời gian qua được các chuyên gia quốc tế đánh giá là thuộc nhóm thị trường phát triển với tốc độ nhanh nhất trong khu vực và trên thế giới. Thời gian tới thị trường cần chú trọng phát triển về chất lượng. Vì vậy, việc tham gia TTTC và tiếp tục xây dựng các quy định mang tính đột phá sẽ không mang nhiều tác dụng và ý nghĩa đối với lĩnh vực bảo hiểm.

(5) Về việc cân nhắc lộ trình cho phép hình thành ngân hàng số độc lập, số hóa hoàn toàn: Ngân hàng Nhà nước đề nghị bỏ chính sách này do: **(i)** Trong giai đoạn 2022-2025 chưa có hướng cấp phép thêm ngân hàng/tổ chức tín dụng; đồng nghĩa với việc không cấp phép thêm cho ngân hàng số với tư cách là loại hình tổ chức tín dụng độc lập; **(ii)** Từ nay đến năm 2025, không có lộ trình phát

triển ngân hàng số độc lập mà tập trung đẩy mạnh quá trình chuyên đổi số, phát triển các mô hình ngân hàng số trực thuộc hệ thống ngân hàng hiện hữu gắn với định hướng mục tiêu của Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng đến năm 2025; (iii) Qua rà soát, chưa có quốc gia, vùng lãnh thổ nào tiếp cận cấp phép hoặc có lộ trình cấp phép mô hình ngân hàng số độc lập chỉ giới hạn trong phạm vi TTTC và cho khách hàng quốc tế.

(6) *Về việc xây dựng lộ trình phát triển và thí điểm quản lý giao dịch bằng tiền điện tử trong TTTC*: Ngân hàng Nhà nước đề nghị bỏ do nội dung về quản lý tiền điện tử đã có văn bản pháp lý điều chỉnh đầy đủ tại Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.

(7) *Về khả năng cho phép niêm yết chéo giữa sàn giao dịch chứng khoán trong TTTC và các sàn giao dịch tại nước ngoài*: Bộ Tài chính có ý kiến Nghị định số 155/2020/NĐ-CP đã có quy định về việc niêm yết chứng khoán tại Việt Nam của tổ chức phát hành nước ngoài và niêm yết, giao dịch chứng khoán của tổ chức phát hành Việt Nam tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

(8) *Về hoàn thiện khung pháp lý về tài sản số*: Bộ Tư pháp cho rằng dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số đã có quy định về tài sản mã hóa; vì vậy cần làm rõ sự cần thiết phải xây dựng và ban hành một khung thể chế riêng về tài sản số trong TTTC.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, hoàn thiện các chính sách nêu trên; đối với các vấn đề phức tạp, còn có ý kiến khác nhau nhưng là thông lệ cho việc hoạt động hiệu quả và phát triển của TTTC, đảm bảo thu hút nhà đầu tư cần có quy định về lộ trình thực hiện phù hợp; đảm bảo công khai, minh bạch.

4.2. Các chính sách cần tiếp tục nghiên cứu và cân nhắc (Nhóm 3)

(1) *Về việc thành lập Tòa chuyên trách trong lĩnh vực tài chính*: Tòa án nhân dân tối cao có ý kiến: Căn cứ Điều 56 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024, theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, UBTVQH quyết định thành lập Tòa Tài chính khi cần thiết. Tuy nhiên, việc thành lập Tòa Tài chính chỉ nâng cao được tính chuyên trách mà không có quy tắc xét xử riêng vì vẫn phải thực hiện theo quy định pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung hiện hành. Tòa án nhân dân tối cao cho rằng chính sách này sẽ tác động lớn đến hệ thống pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế và các hiệp định khác có quy định về đầu tư nên đề nghị cân nhắc.

(2) *Về việc cho phép các Thẩm phán là người nước ngoài tham gia hoạt động tố tụng*: Tòa án nhân dân tối cao cho rằng chính sách đề xuất này là chưa phù hợp với Hiến pháp và Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.

(3) *Về áp dụng common law trong hoạt động giải quyết tranh chấp và tố tụng tại Việt Nam*: Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp cho rằng chính sách đề xuất này là chưa phù hợp, cần được đánh giá kỹ tác động, tính khả thi. Tuy nhiên, Luật Thương mại cũng cho phép các bên trong giao dịch thương mại có

yêu tố nước ngoài được thỏa thuận áp dụng pháp luật nước ngoài, tập quán thương mại quốc tế nếu pháp luật nước ngoài, tập quán đó không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

(4) Về Xây dựng cơ chế ưu đãi (bao gồm các loại thuế) chuyên biệt, vượt trội, cập nhật so với các quy định hiện hành của quốc gia áp dụng cho TTTC: Bộ Tài chính cho rằng chính sách này khi chưa có các đánh giá tác động cụ thể; đánh giá tính hiệu quả của chính sách, đặc thù, cũng như đánh giá tính khả thi của việc thực hiện đối với TTTC sẽ tạo sự không thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo ra sự phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nên cần hết sức cân nhắc.

Đây là các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, đánh giá để xử lý **sau năm 2035**.

(Chi tiết theo Phụ lục gửi kèm theo)

V. CÁC NỘI DUNG XIN Ý KIẾN

1. Chủ trương thành lập TTTC tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Bên cạnh xây dựng TTTC quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh một cách toàn diện, TTTC ở Đà Nẵng đi trước phát triển các dịch vụ tài chính quốc tế, trọng điểm gắn với Khu Thương mại tự do Đà Nẵng và cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực công nghệ tài chính (fintech) gắn với đổi mới sáng tạo, tạo tiền đề quan trọng để thúc đẩy việc hình thành TTTC quốc tế quy mô khu vực tại Đà Nẵng.

2. Phát triển TTTC theo mô hình “kết hợp” trên cơ sở áp dụng một số chính sách đặc thù, vượt trội theo lộ trình, có ranh giới địa lý và đối tượng điều chỉnh được xác định theo tiêu chí rõ ràng; TTTC được áp dụng cơ chế quản lý đặc thù, vượt trội hơn so với quy định hiện hành, mang tính cạnh tranh nhưng phải kèm theo các cơ chế giám sát, quản lý rủi ro phù hợp.

3. Cơ cấu tổ chức của TTTC gồm:

(i) Ban chỉ đạo TTTC là cơ quan quản lý cao nhất đối với TTTC, quyết định chiến lược phát triển, đầu tư và các nội dung quan trọng khác. Người đứng đầu Ban chỉ đạo là Thủ tướng Chính phủ.

(ii) Cơ quan quản lý TTTC là cơ quan chịu trách nhiệm trước Ban chỉ đạo để quản lý hoạt động của TTTC.

(iii) Cơ quan giám sát TTTC: chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của các định chế tài chính trong TTTC.

(iv) Cơ quan giải quyết tranh chấp: trước mắt thành lập Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTC như mô hình trung tâm trọng tài thương mại nhưng có một số đặc thù để đảm bảo trong việc giải quyết tranh chấp.

4. Các chính sách xây dựng TTTC và lộ trình thực hiện

Các chính sách ban hành để xây dựng TTTC gồm 03 nhóm như nêu tại điểm 3.4 mục III Tờ trình này, tương ứng với 03 giai đoạn:

a) Từ năm 2025-2030: ban hành và tổ chức thực hiện ngay 08 nhóm chính sách phù hợp với thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện Việt Nam và cần áp dụng ngay; đồng thời thí điểm theo lộ trình 05 nhóm chính sách thông dụng tại các TTTC lớn trên thế giới, nhưng cần có lộ trình áp dụng để phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

b) Từ năm 2030-2035: tổ chức thực hiện đầy đủ theo lộ trình 05 nhóm chính sách thông dụng tại các TTTC lớn trên thế giới, nhưng cần có lộ trình áp dụng để phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

c) Sau năm 2035: trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện các chính sách đã được thực hiện ngay (nhóm 1) và có lộ trình áp dụng (nhóm 2), tiếp tục nghiên cứu để báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến về việc ban hành và thực hiện các chính sách cần tiếp tục cân nhắc cho giai đoạn sau năm 2035 (nhóm 3).

5. Nguồn lực thực hiện: huy động cả nguồn lực của nhà nước và ngoài nhà nước, trung ương và địa phương.

6. Tổ chức thực hiện: Sau khi Bộ Chính trị đồng ý về chủ trương, cơ quan chủ trì sẽ trình ban hành Nghị quyết của Quốc hội về việc xây dựng và phát triển TTTC tại Việt Nam. Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết sẽ tiến hành đánh giá, tổng kết về việc phát triển TTTC. Trong quá trình thực thi nếu có vấn đề phát sinh sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền.

Trên tinh thần đó, Nghị quyết của Quốc hội sẽ chỉ quy định các nội dung mang tính nguyên tắc, quy định khung chính sách để phát triển TTTC, sau đó giao Chính phủ hướng dẫn nội dung chi tiết, xử lý các vấn đề cụ thể.

Trên đây là Tờ trình Dự thảo Đề án Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin báo cáo và kính trình Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực xem xét, cho ý kiến chỉ đạo. /

(Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin trình kèm theo: (i) Dự thảo Đề án; (ii) Báo cáo tóm tắt Đề án; (iii) Dự thảo Tờ trình Bộ Chính trị; (iv) dự thảo Kết luận của Bộ Chính trị về chủ trương thành lập Trung tâm tài chính quốc tế ở Việt Nam; (v) dự thảo Nghị quyết của Quốc hội; (vi) Bảng tổng hợp giải trình ý kiến các Bộ, ngành).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Công an, Quốc phòng;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Các UBND: Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng;
- Lưu: VT, ĐTN_{XH}. 15

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**ĐỀ ÁN
XÂY DỰNG TRUNG TÂM TÀI CHÍNH KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ**

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2024

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I TỔNG QUAN VỀ KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ CỦA TRUNG TÂM TÀI CHÍNH.....	1
I. Tổng quan về Trung tâm tài chính	1
II. Các yếu tố cần và đủ của một TTTC	5
III. Các mô hình quản lý TTTC.....	8
CHƯƠNG II KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN TTTC TRÊN THẾ GIỚI VÀ NHỮNG BÀI HỌC RÚT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM.....	9
I. Kinh nghiệm phát triển TTTC trên thế giới	9
1. London.....	9
2. New York (Phố Wall).....	10
3. Thượng Hải.....	11
4. Singapore	16
5. Hong Kong.....	19
6. Dubai.....	20
7. Abu Dhabi.....	23
8. Astana (Kazakhstan).....	25
II. Một số bài học kinh nghiệm với Việt Nam.....	26
CHƯƠNG III PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN TTTC TẠI VIỆT NAM	30
I. Bối cảnh mới, cơ hội và thách thức cho Việt Nam trong việc hình thành và phát triển TTTC	30
II. Vai trò và sự cần thiết xây dựng TTTC quốc tế và khu vực tại Việt Nam	33
III. Đánh giá năng lực cạnh tranh và tiềm năng phát triển TTTC tại Việt Nam	36
CHƯƠNG IV: QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN TTTC TẠI VIỆT NAM.....	43
I. Quan điểm chỉ đạo	43
II. Mục tiêu.....	44
III. Đề xuất mô hình và cơ cấu tổ chức TTTC tại Việt Nam	45
CHƯƠNG V KHUYẾN NGHỊ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH XÂY DỰNG TTTC.....	53
I. Các chính sách áp dụng ngay (Nhóm 1)	53

II. Các chính sách áp dụng theo lộ trình để phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam (Nhóm 2).....	61
III. Các chính sách cần tiếp tục nghiên cứu và cân nhắc sau năm 2035 (Nhóm 3)	63
IV. Nguồn lực phát triển TTTC.....	65
V. Đánh giá tác động và quản lý rủi ro của các cơ chế chính sách đề xuất	65
CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	71
1. Phân công nhiệm vụ các Bộ, ngành.....	71
2. Phân công nhiệm vụ các địa phương.....	72

MỞ ĐẦU

Biến động về địa kinh tế, chính trị trên thế giới trong thời gian gần đây và diễn biến mới nhất tại các trung tâm kinh tế, tài chính trong khu vực và thế giới đang tạo ra cơ hội cho những trung tâm tài chính tại một số thị trường mới nổi bứt phá và tạo lập vị thế mới. Qua đó, tiếp nhận nguồn lực tài chính dịch chuyển từ các trung tâm tài chính (TTTC) quốc tế lớn như Luân Đôn, Hồng Kông, Singapore...

Việt Nam đang là điểm sáng về thu hút đầu tư, dần hội tụ nhiều yếu tố để phát triển thị trường tài chính hiện đại, hướng đến hình thành TTTC, có khả năng liên kết với các TTTC trong khu vực và trên thế giới, cụ thể: (i) kinh tế vĩ mô và chính trị được duy trì ổn định; (ii) vị trí địa lý thuận lợi, có tính kết nối cao; có múi giờ khác biệt với 21 TTTC lớn nhất toàn cầu¹ gắn với vị trí địa kinh tế chiến lược; (iii) triển vọng tốt nhờ tích cực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng; chuyển đổi kinh tế số và gia tăng chỉ số đổi mới sáng tạo; (iv) số lượng doanh nghiệp trong nước ngày càng tăng, trong đó đã hình thành một số tập đoàn lớn; (v) quy mô nền kinh tế và mức độ phát triển của thị trường tài chính ngày càng được cải thiện², thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào thị trường tài chính, trong đó có các nhà đầu tư lớn như Dragon Capital, J.P Morgan...

Việc hình thành một TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam sẽ tạo một bước chuyển mới về chất, thu hút thêm nguồn lực, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa Việt Nam tham gia vào nấc thang cao hơn trong chuỗi giá trị kinh tế toàn cầu.

Tuy nhiên, việc xây dựng và phát triển TTTC khu vực và quốc tế là vấn đề mới, phức tạp và cần có sự tham gia của các Bộ, ngành, địa phương có liên quan; các tổ chức quốc tế; các chuyên gia, nhà khoa học, nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Do đó, cần phải nghiên cứu xây dựng Đề án TTTC khu vực và quốc tế để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các định hướng, chủ trương lớn về chính sách áp dụng cho TTTC.

1. Sự cần thiết của việc xây dựng Đề án

1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 (Mục V.5) được Đại hội XIII của Đảng thông qua đã giao nhiệm vụ: “*Thúc đẩy phát triển Thành phố*

¹ Đây là lợi thế riêng có và đặc biệt trong việc thu hút dòng vốn nhân rỗi trong thời gian nghỉ giao dịch từ các trung tâm này. Việt Nam nằm ở múi giờ khác với 21 trung tâm tài chính lớn nhất thế giới. Đây là lợi thế đặc biệt trong việc thu hút vốn nhân rỗi trong thời gian nghỉ giao dịch từ các trung tâm này. TP. Hồ Chí Minh không chỉ nằm ở múi giờ khác mà còn chỉ cách các nền kinh tế năng động của châu Á như Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Ấn Độ, Trung Quốc và Philippines khoảng 3 giờ bay.

² Việt Nam đang từng bước hoàn thiện khung khổ pháp lý, đẩy mạnh tái cơ cấu và xây dựng các chiến lược phát triển các thị trường tài chính (ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán).

Hồ Chí Minh trở thành trung tâm tài chính quốc tế"; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021-2025 (Mục IV.3) xác định nhiệm vụ: “*ngiên cứu và thiết lập cơ chế đặc thù thúc đẩy phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm tài chính quốc tế*”. Nghị quyết số 31-NQ/TW đặt ra nhiệm vụ, giải pháp (Mục III.1 và III.6): “*có cơ chế, chính sách, hạ tầng kỹ thuật phù hợp để sớm xây dựng thành công Trung tâm Tài chính quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh*” và “*ban hành chính sách thúc đẩy hình thành và phát triển Trung tâm Tài chính quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh; cho thí điểm cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ trong lĩnh vực tài chính và chính sách ưu đãi thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào Trung tâm Tài chính quốc tế*”; đồng thời, Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị (Mục III.2) cũng đặt ra nhiệm vụ: “*Thí điểm một số cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội, cạnh tranh quốc tế để xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm tài chính quốc tế*”.

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị (Mục III.3) đặt ra nhiệm vụ: “*Xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quốc tế cấp vùng*”; trước đó, Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị (điểm 2.1 Mục II.2) đã xác định mục tiêu: “*xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính...*”

- Kết luận số 79-KL/TW ngày 13/5/2024 của Bộ Chính trị (điểm 2) yêu cầu “*tập trung xây dựng các cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực để xây dựng thí điểm khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế quy mô khu vực, phát triển Đà Nẵng thành trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, trung tâm công nghệ cao của cả nước*”.

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (điểm b khoản 2 Điều 15) giao “*Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*”.

1.2. Cơ sở thực tiễn

a) Bối cảnh khu vực và thế giới

Bối cảnh khu vực và thế giới hiện nay đang có sự thay đổi sâu sắc về cục diện địa - chính trị, cũng như sự cạnh tranh giữa các nền kinh tế lớn. Cùng với đó, sự phát triển của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực đang tác động đến xu hướng đầu tư, sản xuất tiêu dùng. Bên cạnh đó, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh trong vòng một thập kỷ gần đây cũng ảnh hưởng đến chiến lược đầu tư, kinh doanh của các nhà đầu tư quốc tế.

Trong bối cảnh đó, hệ thống tài chính toàn cầu đang dần định hình lại. Mặc dù “*cạnh tranh giữa các nước trong việc trở thành các trung tâm tài chính, đổi mới sáng tạo ngày càng lớn*”³, thế giới đang có nhu cầu về một trung tâm tài chính (TTTC) mới, khác biệt với những TTTC hiện có để tiếp nhận nguồn lực tài chính dịch chuyển từ các TTTC quốc tế lớn như Luân Đôn, Hồng Kông, Singapore... Trong đó, khả năng hình thành TTTC mới ở châu Á - Thái Bình Dương, nơi được đánh giá là trung tâm kinh tế năng động nhất thế giới hiện nay đang ngày càng bộc lộ rõ nét.

b) Bối cảnh trong nước

- Việt Nam đang là điểm sáng về thu hút đầu tư, tăng trưởng kinh tế, dần hội tụ các yếu tố cần thiết để phát triển thị trường tài chính hiện đại, hướng đến hình thành TTTC, có khả năng liên kết với các TTTC trong khu vực và trên thế giới⁴, từ đó tiếp nhận nguồn lực tài chính dịch chuyển từ các TTTC⁵ ... Việt Nam cũng nằm trong số những thị trường dẫn đầu về tỷ lệ áp dụng các công nghệ tài chính tương lai, như tài sản mã hoá, tiền mã hoá, các giải pháp fintech...⁶, có thể tạo được lợi thế cạnh tranh, hình thành các sản phẩm “đặc thù” cho TTTC ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, năm 2023, Việt Nam được Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO) đánh giá là một trong 3 nền kinh tế sáng tạo dẫn đầu trong số các quốc gia thu nhập trung bình thấp; một trong 07 quốc gia đạt được nhiều tiến bộ nhất về đổi mới sáng tạo trong thập kỷ qua⁷. Việt Nam đang sở hữu nhiều lợi thế tự nhiên sẵn có để phát triển TTTC khu vực và quốc tế: Việt Nam nằm ở ngã tư quốc tế giữa các con đường hàng hải từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây, là tâm điểm của khu vực Đông Nam Á⁸. Việt Nam có múi giờ khác biệt với 21 TTTC lớn nhất toàn cầu (đây là lợi thế “riêng có và đặc biệt” trong việc thu hút dòng vốn nhân rồi trong thời gian nghỉ giao dịch từ các trung tâm này).

- Việc tạo ra và củng cố các lợi thế cạnh tranh để hình thành TTTC khu vực, hướng đến TTTC quốc tế đặt ra nhiều thách thức với Việt Nam; Nếu thành công sẽ giúp Việt Nam: (i) kết nối với thị trường tài chính toàn cầu, thúc đẩy và hỗ trợ các hoạt động kinh doanh, thương mại với thị trường quốc tế của Việt Nam ; (ii) thu hút các tổ chức tài chính nước ngoài, tạo ra nguồn lực đầu tư mới, thúc đẩy nguồn lực

³ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 (Mục I.1).

⁴ Cụ thể: (i) kinh tế vĩ mô và chính trị được duy trì ổn định; (ii) vị trí địa lý thuận lợi, có tính kết nối cao; có múi giờ khác biệt với 21 TTTC lớn nhất toàn cầu⁴ gắn với vị trí địa kinh tế chiến lược; (iii) triển vọng tốt nhờ tích cực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng; chuyển đổi kinh tế số và gia tăng chỉ số đổi mới sáng tạo; (iv) số lượng doanh nghiệp trong nước ngày càng tăng, trong đó đã hình thành một số tập đoàn lớn; (v) quy mô nền kinh tế và mức độ phát triển của thị trường tài chính ngày càng được cải thiện⁴, thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào thị trường tài chính, trong đó có các nhà đầu tư lớn như Dragon Capital, J.P Morgan...

⁵ Như London, Hong Kong, Singapore...

⁶ Xem Andreas Stoffers, Điều kiện cần và đủ để xây dựng trung tâm tài chính quốc tế, 2024, <https://vneconomy.vn/dieu-kien-can-va-du-de-xay-dung-trung-tam-tai-chinh-quoc-te.htm>.

⁸ Thành phố Hồ Chí Minh chỉ cách khoảng 3 giờ bay với các nền kinh tế năng động của Châu Á như Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Ấn Độ, Trung Quốc, Philippines, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan.

⁸ Thành phố Hồ Chí Minh chỉ cách khoảng 3 giờ bay với các nền kinh tế năng động của Châu Á như Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Ấn Độ, Trung Quốc, Philippines, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan.

đầu tư hiện hữu; (iii) tận dụng cơ hội dịch chuyển dòng vốn đầu tư quốc tế, tác động tích cực tới nguồn cung vốn - huyết mạch của nền kinh tế. (iv) tạo một bước chuyển mới về chất, giúp thị trường tài chính ở Việt Nam trở nên lành mạnh và hiệu quả, bắt kịp với các chuẩn mực quốc tế, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế; (v) từ đó thúc đẩy kinh tế quốc gia góp phần phát triển bền vững kinh tế quốc gia, đưa Việt Nam tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị kinh tế toàn cầu, nâng cao vai trò, vị thế, uy tín và ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế; qua đó, góp phần quan trọng trong bảo đảm an ninh quốc phòng “phi truyền thống” trong lĩnh vực tài chính “từ sớm, từ xa”.

- Biến động về địa kinh tế, chính trị trên thế giới trong thời gian gần đây và diễn biến mới nhất tại các trung tâm kinh tế, tài chính trong khu vực và thế giới đang tạo ra cơ hội hình thành, phát triển những trung tâm tài chính tại một số thị trường mới nổi như Việt Nam. Nếu tận dụng cơ hội vàng nêu trên để hình thành TTTC thì Việt Nam sẽ tiếp nhận được nguồn lực tài chính dịch chuyển từ TTTC quốc tế lớn để bứt phá và tạo lập vị thế mới.

- Xây dựng TTTC là vấn đề mới, phức tạp đối với Việt Nam; cần được thực hiện trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc các bài học kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam với nguyên tắc xuyên suốt phải là tương thích với thông lệ quốc tế (cơ chế vận hành, quản lý, phát triển các hệ sinh thái, ưu đãi...), nhưng đồng thời phải phù hợp với điều kiện của Việt Nam, *trong đó ưu tiên lợi ích quốc gia là trên hết*. Theo đó, phải phân tích được các nội dung về lợi ích và rủi ro của TTTC, các điều kiện cần và đủ để hình thành TTTC và đánh giá tác động các cơ chế, chính sách đề xuất.

Do đó, việc xây dựng Đề án TTTC khu vực và quốc tế là cần thiết để có sự chỉ đạo thống nhất và xuyên suốt về quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển, lựa chọn mô hình và đề xuất khung pháp lý để tạo sự cạnh tranh so với các TTTC khác trong khu vực cũng như đủ năng lực để tiếp nhận nguồn lực tài chính dịch chuyển từ các TTTC.

2. Đối tượng nghiên cứu

- Quá trình xây dựng và hình thành các TTTC tiêu biểu, bao gồm: (i) các TTTC quốc tế, (ii) các TTTC trong khu vực, cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam; và (iii) các TTTC mới nổi trên thế giới.

- Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trước sự thay đổi và dịch chuyển tại các TTTC quốc tế.

- Quan điểm, mục tiêu và định hướng chính sách áp dụng để hình thành TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam.

3. Mục tiêu và phạm vi của Đề án

Việc xây dựng, thành lập, vận hành và phát triển TTTC rất phức tạp, phải trải qua nhiều giai đoạn; theo nguyên tắc vừa làm vừa rút kinh nghiệm, trên cơ sở

cân nhắc, tính toán thận trọng, có lộ trình, mở rộng từng bước và phù hợp với thực tiễn của Việt Nam.

Do đó, tại thời điểm hiện nay, Đề án chỉ tập trung vào các vấn đề lớn mang tính định hướng, chủ trương, gồm: quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển, lựa chọn mô hình phát triển, cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý, các yêu cầu về nguồn lực và đề xuất khung pháp lý về các chính sách chủ yếu, báo cáo Bộ Chính trị.

Sau khi có định hướng, chủ trương của Bộ Chính trị đối với Đề án, Chính phủ sẽ giao cơ quan đầu mối để lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, giao Chính phủ trình Quốc hội khung chính sách, trên cơ sở đó Chính phủ ban hành chính sách cụ thể để triển khai thực hiện, bảo đảm linh hoạt, kịp thời, hiệu quả.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Tổng hợp, rà soát, phân tích cả quá trình phát triển của các TTTC trên thế giới; đánh giá những đổi mới, điều chỉnh chủ trương chính sách, những kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra.

- So sánh giữa các mô hình, phương thức thu hút, quản lý và hợp tác giữa các TTTC của mỗi quốc gia.

- Trao đổi, phân tích, đánh giá những cơ hội, thuận lợi, khó khăn và thách thức trong việc xây dựng TTTC tại Việt Nam.

- Tổ chức các cuộc họp tham vấn ý kiến của các Hiệp hội doanh nghiệp, chuyên gia, nhà quản lý, các bộ, ngành trung ương và các cơ quan quản lý nhà nước về Đề án.

- So sánh, đối chiếu các cam kết quốc tế với các chính sách đặc thù dự kiến tại TTTC để từ đó đánh giá bước đầu về sự tương thích của các chính sách đề xuất với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

5. Quá trình xây dựng Đề án

(i) Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ⁹, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hoà Bình¹⁰ và Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái¹¹, Ủy ban nhân dân các thành phố: Hồ Chí Minh và Đà Nẵng đã xây dựng dự thảo Đề án xây dựng Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế.

(ii) Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái giao¹², trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh¹³ và thành phố

⁹ Công văn số 1840/VPCP-KTTH ngày 19/3/2021 của Văn phòng Chính phủ.

¹⁰ Công văn số 2726/VPCP-KTTH ngày 22/4/2021 của Văn phòng Chính phủ.

¹¹ Thông báo số 27/TB-VPCP ngày 28/01/2022 của Văn phòng Chính phủ.

¹² Công văn số 3546/VPCP-KTTH ngày 07/6/2022 về các Đề án trung tâm tài chính quy mô khu vực và quốc tế và xác định Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án

¹³ Công văn số 3343/UBND-KT ngày 20/9/2022.

Đà Nẵng¹⁴, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp và báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái về 02 Đề án¹⁵.

(iii) Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ¹⁶, trên cơ sở tiếp thu, giải trình ý kiến của các Cơ quan liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2023 thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án TTTC khu vực và quốc tế do Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái làm Trưởng Ban, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Phó Ban chỉ đạo thường trực.

(iv) Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái – Trưởng Ban Chỉ đạo¹⁷, trên cơ sở tiếp thu, giải trình ý kiến của các Cơ quan liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Trưởng Ban Chỉ đạo ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo¹⁸.

(v) Được sự phân công của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các Cơ quan, đối tác liên quan chuẩn bị nội dung phục vụ các cuộc họp Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án.

(vi) Thực hiện chỉ đạo của Trưởng Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế (“Ban Chỉ đạo”) tại văn bản số 180/TB-VPCP ngày 24/4/2024 của Văn phòng Chính phủ về kết luận tại cuộc họp lần thứ hai của Ban Chỉ đạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai các công việc như sau:

- Xây dựng và hoàn thiện dự thảo Đề án tổng thể của Ban Chỉ đạo về xây dựng Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế. Trong quá trình xây dựng dự thảo Đề án, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức đoàn học tập trao đổi về kinh nghiệm triển khai và xây dựng TTTC tại Singapore, Trung Quốc (Thượng Hải) và UAE (Dubai và Abu Dhabi) với sự tham gia của các bộ, ngành, Ban Kinh tế trung ương, Văn phòng trung ương Đảng, Ủy ban Tài chính - Ngân sách Quốc hội và đại diện UBND Tp. HCM. Trên cơ sở kết quả chuyến đi, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp tục tổ chức các cuộc họp với các tổ chức chuyên gia quốc tế¹⁹ về Đề án tổng thể cũng như tham vấn ý kiến chuyên sâu về các nội dung quan trọng tại Đề án. Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp tổ chức các cuộc họp Tổ công tác xây dựng Đề án, làm việc từng Cơ quan chuyên ngành (Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Bộ Tư pháp, Tòa án Nhân dân tối cao,...) về Đề án với sự tham gia của UBND Tp. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Trong đó, đã trao đổi và thống nhất với các UBND về định hướng hoàn thiện một số nội dung liên quan đến 02 Thành

¹⁴ Các công văn số 3700/UBND-KT ngày 05/7/2022 và 5510/UBND-KT ngày 7/10/2022.

¹⁵ Công văn số 8128/BKHĐT-ĐTNN ngày 11/11/2022.

¹⁶ Công văn số 6796/VPCP-KTTH ngày 02/9/2023.

¹⁷ Các công văn số: 3064/PB-VPCP ngày 07/12/2023; số 282/VPCP-KTTH ngày 13/1/2024; số 1051/VPCP-KTTH ngày 19/2/2024 của Văn phòng Chính phủ.

¹⁸ Quyết định số 41/QĐ-BCĐXDTTTC ngày 15/3/2024.

¹⁹ 02 cuộc họp với Viện Nghiên cứu Tony Blair và The CityUk (25/7/2024)

phố tại Đề án tổng thể của Ban Chỉ đạo; gửi văn bản lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan.

- Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan; các chuyên gia, tổ chức quốc tế để trao đổi và thống nhất với UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng về định hướng hoàn thiện một số nội dung liên quan Đề án riêng của từng Thành phố, bảo đảm thống nhất với Đề án tổng thể của Ban Chỉ đạo.

(vii) Ngày 15/9/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 987/QĐ-TTg ngày 15/9/2024 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng Đề án Trung tâm Tài chính quốc tế và khu vực, theo đó Trưởng ban là Thủ tướng Chính phủ.

(viii) Ngày 04/10/2024, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số 453/TB-VPCP về kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp về dự thảo Đề án xây dựng Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế.

Đề án này là sản phẩm chung của Ban Chỉ đạo; có tổng hợp, sử dụng các nội dung, đề xuất phù hợp trong 02 Đề án riêng của Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng.

6. Kết cấu của Đề án

Về kết cấu, ngoài phần Mở đầu, Đề án gồm các nội dung sau:

- Chương I: Tổng quan về khái niệm, vai trò của TTTC.
- Chương II: Kinh nghiệm phát triển TTTC trên thế giới và những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam.
- Chương III: Phân tích thực trạng và tiềm năng phát triển TTTC tại Việt Nam.
- Chương IV: Quan điểm, mục tiêu và mô hình phát triển TTTC tại Việt Nam.
- Chương V: Khuyến nghị cơ chế chính sách, đánh giá tác động của chính sách đề xuất.
- Chương VI: Tổ chức thực hiện.

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VỀ KHÁI NIỆM VÀ VAI TRÒ CỦA TRUNG TÂM TÀI CHÍNH

I. Tổng quan về Trung tâm tài chính

1. Khái niệm về Trung tâm tài chính

Qua nhiều thời kỳ, Trung tâm tài chính (TTTC) được hiểu và định nghĩa theo nhiều cách khác nhau; do đó, khái niệm về TTTC cũng đa dạng. Tuy nhiên, về cơ bản, theo các chuyên gia tài chính, TTTC được hiểu là một **“hệ sinh thái đa dạng các dịch vụ tài chính tập trung tại một khu vực nhất định”**, thường có sự hiện diện của nhiều định chế tài chính, ngân hàng, quỹ đầu tư, công ty dịch vụ tài chính và có các sản phẩm/dịch vụ chứng khoán, tiền tệ, hàng hóa.

Trong giai đoạn hiện nay (sau năm 2000), việc xây dựng một TTTC được xác định là việc hình thành một khu vực có thể chế riêng, vượt trội, đặc thù, khuyến khích và thu hút các nhà đầu tư (quỹ đầu tư, định chế tài chính...) để cung cấp các sản phẩm/dịch vụ tài chính, kết nối với các TTTC quốc tế.

Hiện nay, các TTTC trên thế giới được chia chủ yếu thành 4 nhóm chính: **(i)** TTTC quốc gia; **(ii)** TTTC khu vực; **(iii)** TTTC quốc tế; **(iv)** TTTC hải ngoại (offshore) với các đặc điểm về quy mô, đa dạng các dịch vụ, tính kết nối khác nhau theo mức độ từ thấp đến cao. Trong đó:

(i) Các TTTC quốc tế là TTTC có quy mô lớn, có ảnh hưởng trên thị trường tài chính toàn cầu và là khu vực tập trung nhiều định chế tài chính quy mô lớn, Tập đoàn đa quốc gia cung cấp hầu hết các sản phẩm tài chính cho các chủ thể trong TTTC và xuyên biên giới. Các TTTC quốc tế thường được xếp trong nhóm 20 TTTC hàng đầu thế giới theo bộ số đánh giá TTTC (GFCI). Một số đặc điểm chính của các TTTC quốc tế gồm: có sản phẩm/dịch vụ chứng khoán, hàng hóa, ngoại tệ chuyên biệt, có cơ sở hạ tầng kết nối chất lượng cao, bảo mật và ổn định, hỗ trợ thúc đẩy các đa dạng các hoạt động giao dịch, giao thương quy mô lớn trong lĩnh vực tài chính, kinh tế, thương mại... Các TTTC quốc tế gồm: New York, London, Singapore, Hong Kong...

(ii) Các TTTC khu vực là TTTC có thị trường tài chính và hạ tầng phát triển, tập trung nhiều định chế tài chính quy mô khu vực và là nơi đặt trụ sở khu vực của nhiều định chế tài chính, Tập đoàn đa quốc gia. Các TTTC thường được đặt lại một thành phố lớn, có tính kết nối cao; TTTC khu vực có thể có thể tập trung cung cấp một số dịch vụ/sản phẩm tài chính theo lợi thế cạnh tranh của TTTC đó với quy mô thị trường lớn hơn các TTTC quốc gia, nhưng không cung

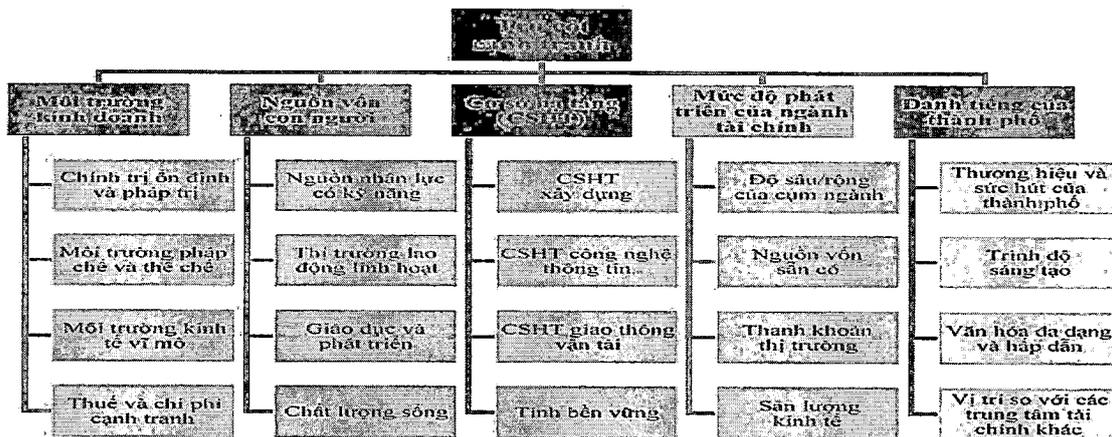
cấp đa dạng các sản phẩm/dịch vụ tài chính xuyên biên giới quy mô lớn như một TTTC quốc tế. Các TTTC khu vực gồm: Frankfurt, Paris, Tokyo, Dubai, Astana...

(iii) Các **TTTC quốc gia** là TTTC có quy mô nhỏ đến trung bình với vai trò cung cấp các dịch vụ tài chính cho các hoạt động đầu tư kinh doanh trong nước. Các TTTC quốc gia thường được đặt tại trung tâm kinh tế của quốc gia đó, với vai trò là cầu nối giữa dòng vốn đầu tư quốc tế với nền kinh tế trong nước. Theo đó, Chính phủ các nước thường xây dựng cơ chế đặc thù kèm theo cơ chế thử nghiệm chính sách trong một số lĩnh vực mới với mục tiêu tạo lợi thế cạnh tranh cho TTTC quốc gia so với các nước trong khu vực. Các TTTC quốc gia gồm: Bangkok, Jakarta, GIFT City (Ấn Độ)...

(iv) Các **TTTC hải ngoại** là TTTC chuyên cung cấp dịch vụ tài chính xuyên biên giới cho các chủ thể hoạt động tại các quốc gia khác. Các TTTC hải ngoại thường hình thành tại các quốc gia có thuế TNDN thấp và cơ chế bảo mật thông tin cao để thu hút các định chế tài chính, Tập đoàn đa quốc gia đặt trụ sở tại đây. Một số TTTC hải ngoại gồm: British Virgin Islands, Cayman, Bahamas...

2. Bộ chỉ số đánh giá TTTC

Hiện nay, các chuyên gia quốc tế thường sử dụng bộ chỉ số đánh giá TTTC (Global Financial Center Index-GFCI) để đánh giá mức độ phát triển và cạnh tranh của các TTTC trên thế giới. GFCI được Viện Nghiên cứu Z/Yen (1994)²⁰ thuộc TTTC London xây dựng lần đầu năm 2007, và từ đó được rà soát theo định kỳ hai lần/năm nhằm đánh giá và theo dõi tình hình phát triển của các TTTC trên thế giới. Việc đánh giá và phân tích được dựa trên 5 trụ cột chính:



Hình 1.1: 5 trụ cột đánh giá TTTC của GFCI (Nguồn: GFCI)

²⁰ Viện nghiên cứu Z/Yen là một trong những viện nghiên cứu thương mại hàng đầu trong lĩnh vực TTTC với độ ngũ chuyên gia kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực tài chính, dịch vụ tài chính. Năm 2016, Z/Yen và Viện Nghiên cứu Phát triển Trung Quốc (China Development Institute) đã thiết lập quan hệ chiến lược để thúc đẩy hợp tác nghiên cứu về các mô hình phát triển TTTC trên thế giới và ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính, dịch vụ tài chính.

Thứ nhất là môi trường kinh doanh, trong đó bao gồm các yếu tố: (i) mức độ thuận lợi hóa đầu tư kinh doanh, (ii) tính linh hoạt của thị trường lao động, (iii) chất lượng cơ sở hạ tầng kinh doanh và (iv) mức độ tham nhũng. Theo GFCI, đây là các yếu tố rất quan trọng vì sẽ có thể tác động lớn đến hoạt động và lợi nhuận của các tổ chức tài chính. Một TTTC có môi trường kinh doanh thuận lợi sẽ thu hút nhiều tổ chức tài chính hơn, điều này có thể dẫn đến tăng khả năng cạnh tranh. Ngược lại, một TTTC có môi trường kinh doanh kém có thể ngăn cản các tổ chức tài chính, làm giảm khả năng cạnh tranh của TTTC.

Thứ hai là về hệ sinh thái tài chính nhằm đánh giá về sự phát triển của thị trường tài chính. Theo đó, GFCI đánh giá dựa trên các yếu tố: (i) quy mô và tính thanh khoản của thị trường, (ii) phạm vi các sản phẩm và dịch vụ tài chính sẵn có và (iii) chất lượng của các tổ chức tài chính nội tại.

Một hệ sinh thái tài chính phát triển tốt có thể thu hút một lượng lớn các tổ chức tài chính và chuyên gia, nâng cao khả năng cạnh tranh của một trung tâm. Ngược lại sẽ hạn chế sức hấp dẫn và khả năng cạnh tranh của một trung tâm.

Thứ ba là cơ sở hạ tầng, trong đó bao gồm các yếu tố: (i) cơ sở hạ tầng sẵn có; (ii) hệ thống công nghệ thông tin; (iii) cơ sở hạ tầng giao thông; và (iv) định hướng phát triển bền vững. Đây là những yếu tố nền tảng, tạo động lực cũng như thúc đẩy thuận lợi hóa các hoạt động dịch vụ tài chính. Trong đó, thời gian gần đây, các yếu tố về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin an toàn và bền vững là quan trọng và cần thiết để bảo vệ các giao dịch tài chính.

Thứ tư là nguồn nhân lực, trong đó bao gồm các yếu tố: (i) nguồn nhân lực chất lượng cao sẵn có; (ii) tính linh hoạt của thị trường lao động; (iii) sự phát triển của ngành giáo dục đào tạo; và (iv) chất lượng cuộc sống. Theo GFCI, sự sẵn có của nguồn nhân lực chất lượng cao và tính linh hoạt của thị trường lao động là cần thiết đối với các trung tâm tài chính. Một lực lượng lao động chất lượng có trình độ về tài chính, kinh tế và công nghệ là rất quan trọng đối với sự đổi mới và thu hút các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, linh hoạt hơn trong các chính sách nhập cư sẽ góp phần giảm bớt tình trạng thiếu hụt lao động có tay nghề.

Thứ năm là thương hiệu, danh tiếng của Thành phố nơi đặt TTTC, trong đó bao gồm các yếu tố: (i) thương hiệu và sức hấp dẫn của thành phố; (ii) mức độ đổi mới sáng tạo; (iii) đa dạng văn hóa; (iv) vị trí cạnh tranh so với các TTTC khác. Theo GFCI, danh tiếng là yếu tố quan trọng để thu hút nhân tài; đồng thời, lối sống và sức hấp dẫn xã hội là chìa khóa để xây dựng các trung tâm tài chính năng động. Một TTTC sẽ hấp dẫn nếu đặt tại thành phố có danh tiếng là điểm đến an toàn cho du lịch, tỷ lệ tội phạm thấp và các hoạt động giải trí thú vị để thu hút những người trẻ tuổi. Bên cạnh đó, một TTTC có danh tiếng tốt về sự ổn định, đổi

mới và các hoạt động đạo đức có khả năng thu hút nhiều doanh nghiệp hơn và điều này cần được nhấn mạnh trong các nỗ lực xây dựng thương hiệu.

05 trụ cột nêu trên được đánh giá thông qua bộ chỉ tiêu gồm 147 tiêu chí và thông qua 2 nhóm phân tích chính: (i) các chỉ số đánh giá của các tổ chức uy tín (World Bank, OECD, Liên hợp Quốc...) và (ii) khảo sát ý kiến của các chuyên gia, nhà đầu tư và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính²¹.

3. Các nhóm dịch vụ, sản phẩm cơ bản của một TTTC

Thứ nhất và chính yếu nhất là phục vụ nhu cầu huy động và phân bổ vốn. Khách hàng sẽ là các cá nhân, doanh nghiệp, chính phủ. Sản phẩm bao gồm các khoản nợ, các khoản tương tự như nợ (trái phiếu, giấy nợ thương mại...), cổ phiếu và các sản phẩm tương đương cổ phiếu; các dịch vụ quản lý rủi ro đi kèm (các loại rủi ro tiền tệ, lãi suất, tín dụng, thị trường, hoạt động, chính trị...). Đối với nhóm dịch vụ sản phẩm này, việc phát triển hệ thống ngân hàng và thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu với hệ thống các nhà môi giới (brokers), nhà tạo lập thị trường (market makers) mạnh, chuyên nghiệp là những điều kiện tiên quyết.

Thứ hai là dịch vụ quản lý tài sản và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Loại hình này do các công ty quản lý tài sản quốc gia, khu vực hay toàn cầu thực hiện, bao gồm quỹ hưu trí, các công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư, quỹ đầu tư chung, các quỹ đầu tư quốc gia (sovereign wealth fund, SWF), quỹ đầu tư tài sản hiến tặng (endowment funds). Công cụ đầu tư của các quỹ này bao gồm nợ, cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi..., với vị trí địa lý và lĩnh vực hoạt động khác nhau tạo thành các loại hình quỹ đa dạng.

Thứ ba là dịch vụ quản lý tài sản cá nhân (personal wealth management) dành cho khách hàng cá nhân có tài sản lớn. Dịch vụ này thường được cung cấp bởi các IFC đã phát triển lâu đời có tiếng như Thụy Sĩ, Luxembourg, Monaco và Lichtenstein đối với các nước Châu Âu, Châu Phi, các OFC ở vùng Caribbean đối với Mỹ và Châu Mỹ latin, Bahrain & Dubai cho Trung Đông, Singapore, Hong Kong cho khu vực Châu Á Thái Bình Dương, Đông/Bắc Á.

Thứ tư là liên quan đến nghiệp vụ kế toán, tư vấn tài chính doanh nghiệp bao gồm dịch vụ chuyển lợi nhuận và dịch vụ quản lý thuế toàn cầu, tối ưu hóa nghĩa vụ thuế xuyên biên giới.

Thứ năm là hoạt động quản lý ngân quỹ doanh nghiệp toàn cầu/khu vực bao gồm huy động vốn, đầu tư, quản lý thanh khoản, quản lý tài sản nợ khớp thời hạn,

²¹Bảng khảo sát trực tuyến thường niên cho các thành viên của GFCI được công bố tại đường dẫn: <https://globalfinancialcentres.net/survey/>, đồng thời định kỳ sẽ được gửi trực tiếp đến các đối tượng khảo sát. Tại bảng xếp hạng GFCI lần thứ 32 (2022), Z/Yen đã tổng hợp gần 13.000 phiếu khảo sát.

quản trị rủi ro thông qua bảo hiểm và các sản phẩm phái sinh giao dịch dành cho đồng tiền, lãi suất, tín dụng và mức độ rủi ro chính trị.

Thứ sáu là hoạt động quản trị rủi ro toàn cầu/khu vực và bảo hiểm/tái bảo hiểm. Các hoạt động này bao gồm sản phẩm phái sinh phức tạp được tùy chỉnh và giao dịch trên các sàn chứng khoán như các hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hoán đổi, các công cụ tài chính phái sinh theo cổ phiếu, trái phiếu, tiền tệ và hàng hóa được giao dịch trên sàn chứng khoán.

Thứ bảy là tài chính định lượng và nền tảng tài chính cho các dự án lớn, phức tạp như các dự án năng lượng, dự án cơ sở hạ tầng cần vốn lớn từ các nguồn khác nhau (công, tư, trong nước, quốc tế...). Đi kèm hoạt động này là mảng dịch vụ quản trị rủi ro.

Thứ tám là hoạt động thu mua và sáp nhập toàn cầu/khu vực cùng với các công việc “back office” (dịch vụ thuê ngoài trong kinh doanh, dịch vụ thuê ngoài trong lĩnh vực phân tích) và công việc thẩm định chi tiết “due diligence”.

Thứ chín là hoạt động gọi vốn cho các dự án hợp tác công tư toàn cầu/khu vực. Đối với các nước đang phát triển có nhu cầu đầu tư xây dựng dự án cơ sở hạ tầng lớn và ngân sách nhà nước eo hẹp, hoạt động này đóng vai trò rất quan trọng.

Cuộc cách mạng công nghệ 4.0, sự ra đời và phát triển của Fintech một mặt làm phong phú thêm rất nhiều các sản phẩm, dịch vụ tài chính thậm chí thay đổi cục diện các sản phẩm chính của thị trường và thay đổi công nghệ điều hành, quản trị, đặc tính của các tổ chức tài chính, thậm chí vai trò của tổ chức điều tiết, giám sát thị trường. Điều này sẽ tác động đến sự hình thành, phát triển của các TTTC tiềm năng và cũng như sự dịch chuyển vị thế của các TTTC hiện hữu.

II. Các yếu tố cần và đủ của một TTTC

Qua tổng hợp bài học kinh nghiệm từ các TTTC lớn trên thế giới và áp dụng mô hình phân tích của một số đơn vị tư vấn có uy tín trong lĩnh vực TTTC²², có thể xác định một số điều kiện cần và đủ để hình thành và phát triển một TTTC như sau:

1. Điều kiện cần:

- Quyết tâm chính trị và sự ủng hộ mạnh mẽ của người đứng đầu Chính quyền Trung ương. Người đứng đầu chính quyền Trung ương hoặc người đứng đầu Nhà nước đồng thời thường là người đứng đầu TTTC hoặc đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành và phát triển TTTC, bao gồm việc khởi xướng sáng kiến và xây dựng các cơ chế chính sách cho TTTC. Ví dụ, Tổng thống Kazakhstan là Chủ tịch Hội đồng Quản lý TTTC Astana, Tổng thống Ấn Độ

²² Như BCG, Global Financial Center Index (GFCI)

Narendra Modi là người khởi sướng sáng kiến TTTC GIFT City trong thời gian làm Thống đốc bang Gujarat và tiếp tục ủng hộ sáng kiến này khi ông trúng cử Tổng thống, Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đặc biệt quan tâm đến việc phát triển ngành tài chính tại Thượng Hải và nhiều lần đến thăm và trực tiếp chỉ đạo định hướng phát triển TTTC Thượng Hải trong nhiều năm qua

- Được sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế;
- Ổn định chính trị, kinh tế vĩ mô, thể chế và chính sách: môi trường chính trị ổn định, minh bạch, được xây dựng trên nền tảng nhà nước pháp quyền, áp dụng các quy định phù hợp với thông lệ quốc tế và hạn chế sự thay đổi chính sách đột ngột, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh doanh;
- Thị trường tài chính có tiềm năng;
- Môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, quy mô nền kinh tế phát triển, tăng trưởng kinh tế ổn định;
- Khuôn khổ pháp lý mở, minh bạch, tiệm cận tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế (ưu tiên sử dụng án lệ quốc tế “common law” dựa trên luật pháp Anh); hội nhập kinh tế quốc tế; có cơ chế giải quyết tranh chấp và tòa án chất lượng cao, đủ khả năng giải quyết các tranh chấp quốc tế; cơ chế ưu đãi cạnh tranh.

TTTC quốc tế thực chất là khu vực hoạt động dành riêng cho các nhà đầu tư tài chính quốc tế. Theo đó, các nhà đầu tư quốc tế luôn tìm kiếm môi trường đầu tư với luật pháp rõ ràng với việc thực thi có thể dự đoán được. Do đó, để hình thành và phát triển trung tâm tài chính đòi hỏi phải thiết lập khung thể chế, pháp luật phù hợp với kinh tế thị trường, tôn trọng quy luật của thị trường, có tính ổn định, minh bạch. Hầu hết các TTTC quốc tế đều sử dụng án lệ quốc tế (common law); vì vậy, việc sử dụng khuôn khổ pháp lý “thân thuộc” sẽ tạo niềm tin cho các nhà đầu tư khi hoạt động kinh doanh trong TTTC.

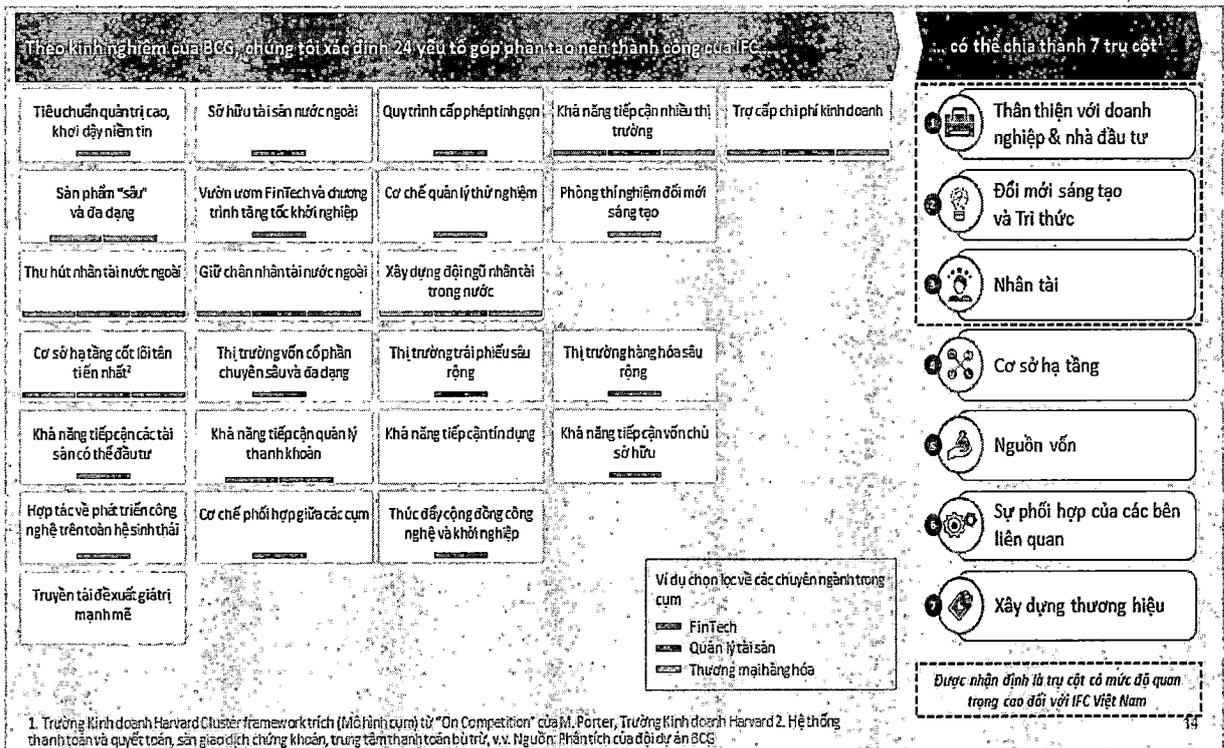
- Tính kết nối cao: **(i)** Là trung tâm giao thương hàng hóa quốc tế lớn hoặc cửa ngõ đầu tư-thương mại của quốc gia/khu vực; **(ii)** Thị trường tài chính có tính kết nối cao; **(iii)** Hạ tầng viễn thông và internet hiện đại; **(iv)** Có trung tâm trung chuyển khách quốc tế chất lượng: sân bay quốc tế hiện đại, có khả năng đáp ứng lượng khách lớn, kết nối trực tiếp tới nhiều nơi trên thế giới; và **(v)** Ngôn ngữ: ưu tiên sử dụng tiếng Anh; **(vi)** cơ sở hạ tầng đồng bộ.

2. Điều kiện đủ²³:

- Nguồn nhân lực: **(i)** lực lượng lao động (trong lĩnh vực tài chính, công nghệ thông tin, pháp luật, tư vấn, kiểm toán...) có trình độ cao và **(ii)** chi phí lao động cạnh tranh; **(iii)** quy định về xuất nhập cảnh thông thoáng để thu hút nguồn nhân lực nước ngoài.

- Cơ sở hạ tầng đồng bộ (bao gồm hạ tầng cứng và hạ tầng mềm): cơ sở hạ tầng của các TTTC cần được đầu tư bài bản, chất lượng cao, đảm bảo kết nối với các TTTC khác trên thế giới với mục tiêu cuối cùng là tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh và môi trường sống chất lượng cao cho các nhà đầu tư, tổ chức, định chế tài chính và các chuyên gia quốc tế đến sinh sống, giao lưu, hợp tác và làm việc tại TTTC.

- Hệ sinh thái tài chính: Hệ sinh thái tài chính phát triển có tính cạnh tranh, các tổ chức trung gian tài chính như ngân hàng, công ty môi giới; nhà đầu tư như các quỹ đầu tư hoặc các quỹ quản lý tài sản; cùng với đó là các công ty dịch vụ hỗ trợ như công ty luật, công ty tư vấn, công ty kế toán, kiểm toán, công ty IT. Mức độ tự do hoá dòng tiền cao.



Hình 1.2: 24 yếu tố nền tảng để hình thành TTTC

²³ Theo các chỉ số đánh giá của Global Financial Center Index – GFCI (tổ chức đánh giá năng lực cạnh tranh của các TTTC trên thế giới). Đây là bảng xếp hạng khả năng cạnh tranh của các trung tâm tài chính (TTTC) dựa trên hơn 29.000 đánh giá của TTTC từ bảng câu hỏi trực tuyến cùng với hơn 100 chỉ số từ các tổ chức như Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Economist Intelligence Unit.

III. Các mô hình quản lý TTTC

Các mô hình quản lý TTTC trên thế giới bao gồm nhiều hình thức khác nhau dựa theo đặc điểm của mỗi quốc gia và mỗi TTTC. Tuy nhiên, về cơ bản, các TTTC trên thế giới được quản lý chủ yếu thông qua 03 phương thức:

1. Hình thành cơ quan quản lý chuyên biệt: Trong đó, phân cấp, phân quyền tối đa cho cơ quan quản lý TTTC để hoạch định và điều hành việc hoạch định các chính sách phát triển TTTC trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao²⁴ (như tại Dubai, Abu Dhabi);

2. Thông qua các cơ quan quản lý chuyên ngành chung của quốc gia hoặc đơn vị hành chính nơi đặt TTTC. Trong đó, các Bộ, ngành, cơ quan quản lý chuyên ngành ở cấp trung ương hoặc địa phương thực hiện các chức năng quản lý theo lĩnh vực được phân công để phục vụ mục tiêu phát triển TTTC nói chung và của quốc gia nói riêng.

3. Mô hình kết hợp: phân cấp có chọn lọc một số lĩnh vực trọng yếu phục vụ phát triển TTTC cho cơ quan quản lý TTTC; các lĩnh vực còn lại chịu sự điều chỉnh của pháp luật chung của quốc gia.

	Mô hình mở	Mô hình kết hợp	Mô hình chuyên biệt
 Mô tả	Thuộc sở hữu nhà nước, có liên kết về mặt hành chính và tài chính/phụ thuộc vào chính phủ	Thuộc sở hữu nhà nước nhưng có mức độ tự chủ nhất định về hành chính và tài chính	Hoàn toàn độc lập với Nhà nước
 Lưu điểm	<ul style="list-style-type: none"> Được hỗ trợ bởi chính phủ Nhà nước là nhà đầu tư lớn thông qua trợ cấp 	<ul style="list-style-type: none"> Được hỗ trợ bởi chính phủ Linh hoạt hơn về mặt hành chính và tài chính so với sở hữu nhà nước 	<ul style="list-style-type: none"> Toàn quyền tự quyết định Đa dạng hóa nguồn đầu tư
 Nhược điểm	<ul style="list-style-type: none"> Không tự chủ Chính phủ gánh gánh nặng tài chính nặng nề 	<ul style="list-style-type: none"> Quá trình ra quyết định phân chia giữa các khía cạnh tư nhân/ nhà nước 	<ul style="list-style-type: none"> Chịu nhiều yêu cầu pháp lý Ít công bố thông tin
 Ví dụ	<ul style="list-style-type: none">  JAFZA  Khu kinh tế Batam 	<ul style="list-style-type: none">  DIFC  ADGM  Qatar 	<ul style="list-style-type: none">  Khu kinh tế tự do Seoul  Khu vực tự do cảng Klang  Thương Hải  Ogun-Quảng Đông  Khu thương mại tự do

Hình 1.3: Các mô hình quản lý TTTC trên thế giới

²⁴ Chính phủ chỉ tham gia hoạch định các đường lối lớn để phát triển TTTC và thực hiện chức năng giám sát đối với tính tuân thủ của cơ quan quản lý TTTC đối với các chủ trương, định hướng lớn của quốc gia.

CHƯƠNG II

KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN TTTC TRÊN THẾ GIỚI VÀ NHỮNG BÀI HỌC RÚT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

I. Kinh nghiệm phát triển TTTC trên thế giới

Các quốc gia và vùng lãnh thổ được tập trung nghiên cứu sâu về kinh nghiệm phát triển các TTTC dựa trên các lý do chủ yếu sau:

Một là, có nền tảng, lịch sử lâu dài, được quốc tế đánh giá là phát triển TTTC thành công như: Anh, Hoa Kỳ.

Hai là, có vị trí gần, cạnh tranh trực tiếp thu hút nguồn tài chính trong khu vực và quốc tế như: Trung Quốc, Singapore, Hong Kong.

Ba là, xây dựng theo mô hình mới, hiện đại và tập trung phát triển mô hình mới để đón đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 như: các Tiểu Vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE), Kazakhstan.

Theo đó, với mỗi TTTC sẽ tập trung phân tích các nội dung: (i) quá trình hình thành; (ii) mô hình quản lý; (iii) chính sách áp dụng.

1. London

TTTC London đã phát triển dựa trên đổi mới từ mô hình TTTC Amsterdam, Hà Lan – một TTTC và thương mại của thế giới vào thế kỷ 17, sau đó TTTC London tăng cường cạnh tranh với Paris, Pháp để trở thành trung tâm tài chính toàn cầu lớn nhất từ giữa thế kỷ 19. Quá trình hình thành được tóm tắt như sau:

London ban đầu được coi là thành phố thương mại phát triển với khối lượng giao dịch hàng hóa hàng đầu tại Châu Âu. Để giúp hoạt động giao dịch thuận lợi hơn, vào năm 1566, một thương gia Anh đã xây dựng trung tâm thương mại đầu tiên tại khu "Một dặm vuông" (The Square Mile). Theo đó, Nữ hoàng Elizabeth III đã đặt tên cho trung tâm giao dịch đầu tiên này là Royal Exchange và ban hành nhiều cơ chế, chính sách thuận lợi về thuế để giúp cho London ngày đó trở thành trung tâm thương mại lớn nhất thế giới. Đây được coi là nguồn gốc cho sự ra đời của các trung tâm giao dịch nông, lâm thủy sản, dệt may, khoáng sản và sở giao dịch chứng khoán sau này.

Năm 1795, sau khi trung tâm tài chính Amsterdam (Hà Lan) sụp đổ do cuộc tấn công của Napoleon, hoạt động tài chính thế giới, mà lúc đó chủ yếu ở châu Âu, bị đình trệ khiến người ta phải tìm nơi thay thế, và London được chọn. Khi đó, sau cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, London đã bắt đầu có vị thế của của một trung tâm thương mại. Một loạt nhà tài chính tên tuổi, nhất là các nhà

tài chính Do Thái - những người nắm được các công cụ tài chính, hiểu biết về mặt tài chính tốt nhất thời bấy giờ, đã đến London và xây dựng nơi đây từ trung tâm tài chính của riêng nước Anh thành trung tâm tài chính khu vực và toàn cầu. Trong đó, các nhà đầu tư chủ yếu tận dụng vai trò của London là một trung tâm thương mại lớn để phát triển hoạt động cung cấp và mua bán các sản phẩm bảo hiểm hàng hải phục vụ hoạt động viễn thám và giao thương với khu vực Bắc Mỹ²⁵. Đồng thời, tận dụng mạng lưới quan hệ của các nhà tài chính Do Thái với các đối tác tại các TTTC, trung tâm thương mại lớn khác tại châu Âu và châu Mỹ để phát triển sản phẩm tài chính khác (như mua bán cổ phiếu, trái phiếu, ngoại tệ, hàng hóa...).

Sau hơn 200 năm phát triển, Khu tài chính London hiện có quy mô hàng đầu nhất thế giới, tiếp tục cung cấp những sản phẩm tài chính chất lượng cao. Để tiếp tục củng cố vị thế của TTTC London, trong giai đoạn hậu Khủng hoảng Tài chính thế giới năm 2008 và giai đoạn hậu Brexit, Chính phủ Anh đang tập trung phát triển hoạt động fintech, trong đó: (i) thúc đẩy ứng dụng công nghệ trong các ngành tài chính truyền thống; (ii) thúc đẩy hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực fintech; (iii) ban hành khung chính sách mở và tăng cường cải cách hệ thống pháp luật trong lĩnh vực tài chính theo hướng linh hoạt để thích ứng với sự thay đổi của lĩnh vực tài chính, công nghệ và fintech.

Về mô hình quản lý: TTTC London được quản lý và vận hành bởi 01 cơ quan thuộc thành phố London²⁶, có cơ cấu điều hành riêng biệt với người đứng đầu gọi là Thị trưởng TTTC²⁷. Bên cạnh Thị trưởng TTTC còn có: (i) Giám đốc điều hành; (ii) Giám đốc tài chính; và (iii) Giám đốc truyền thông (có phụ trách cả về luật pháp). Ngoài ra, trong TTTC London bao gồm nhiều ủy ban phụ trách các vấn đề khác nhau: tài chính, bảo hiểm, giáo dục, bồi thường,...

2. New York (Phố Wall)

Wall Street là một điển hình của trung tâm tài chính được hình thành theo cơ chế thị trường, cụ thể quá trình hình thành có thể tóm tắt như sau:

Phố Wall trước khi là vùng đất được người Hà Lan mua lại từ các thổ dân để xây dựng và phát triển lại, vì vậy thời kỳ đầu nơi đây được gọi là New Amsterdam. Giữa vùng đất mới hoang vu, người Hà Lan đã xây dựng những căn nhà nhỏ để làm nơi sinh sống, thu mua lông thú, lâm sản và cất trữ, đợi tàu sang thì bán để chở về châu Âu. Để tránh bị thổ dân đến phá, thú dữ tấn công, họ dựng

²⁵ Trong hơn 200 qua, London luôn là một trong những trung tâm mua bán bảo hiểm lớn nhất của thế giới về quy mô và số lượng giao dịch.

²⁶ Tên là: City of London Corporation

²⁷ Thị trưởng TTTC London hiện nay là ông Vincent Keaveny, nguyên Thẩm phán tòa án thành phố London. Các Thị trưởng TTTC London trước thì hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

các bức bằng gỗ. Các bức tường này nối liền các căn nhà, tạo thành một lối đi, dần dà thành một con phố và được đặt tên là phố Wall hiện nay.

Do có vị trí nằm gần biển, các thương thuyền dễ dàng cập bến, nên việc buôn bán, trao đổi hàng hóa ở vùng Manhattan (New York) ngày càng nhộn nhịp. Vào thời điểm những năm 1789, New York đã vượt qua Philadelphia để trở thành thành phố dẫn đầu về thương mại. Theo đó, tại New York, người dân không chỉ mua bán hàng hóa thật, mà còn mua bán cả những giấy tờ có giá trị, ví dụ như giấy chứng nhận một lô lông thú, hay giấy tờ chứng nhận hùn hạp một con tàu buôn, giấy tờ sở hữu một công ty nào đó – tức là các loại chứng khoán.

Vào tháng 3/1792, 24 nhà buôn lớn ở New York đã họp và quyết định lập ra một khu chợ để mua bán các giấy tờ có giá trị và tổ chức đấu giá. ngày 17/5/1792, họ cùng nhau ký vào một bản thỏa ước có tên tiếng Anh là “Buttonwood Agreement” để thành lập nên một khu chợ. Trong thời gian ngắn sau đó, New York đã quyết định chính thức hóa sàn giao dịch này bằng cách thành lập Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch New York vào năm 1817, sau này trở thành Sở giao dịch chứng khoán New York” (New York Stock Exchange) và thị trường chứng khoán Mỹ ngày nay.

Theo thời gian, khu phố tài chính này phát triển lên và trở thành khu phố tài chính lớn và quan trọng nhất thế giới với hai sàn giao dịch là New York Stock Exchange và NASDAQ cùng một loạt các sàn hay trung tâm giao dịch hàng hóa phái sinh quan trọng khác như: New York Mercantile Exchange, New York Board of Trade và New York Futures Exchange. Wall Street đã phát triển với các lực thị trường đóng vai trò chính, trong khi nhà nước chỉ làm chức năng điều tiết thị trường.

Về mô hình quản lý: Tại New York, Thống đốc bang New York quản lý chung, các thực thể (ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm) có các cơ quan chủ quản riêng biệt. Sở Dịch vụ tài chính New York chịu trách nhiệm về quản lý dịch vụ và sản phẩm tài chính. Ở cấp Liên bang, FED, Văn phòng Kiểm soát Tiền tệ (OCC) và Tổng công ty Bảo hiểm Tiền gửi Liên bang (FDIC) điều chỉnh các quy định liên quan. Các lĩnh vực khác của thị trường tài chính do các chủ thể cụ thể quản lý.

3. Thượng Hải

Thượng Hải có lịch sử lâu đời là một trung tâm giao thương và thương mại nhờ có cảng biển lớn. Vào những năm 1920 - 1930, thành phố đã phát triển mạnh mẽ để trở thành Thượng Hải có lịch sử lâu đời là một trung tâm giao thương và thương mại nhờ có cảng biển lớn. Sau khi Trung Quốc áp dụng chính sách mở cửa vào năm 1978, Thượng Hải bắt đầu phát triển để trở thành trung tâm kinh tế và tài chính của Trung Quốc. Kế hoạch phát triển Thượng Hải trở thành trung tâm tài chính có thể cạnh tranh được với Hong Kong và Singapore gồm 03 giai đoạn chính:

- Giai đoạn I (từ năm 1980 – 2000): Trở thành TTTC quốc gia

Thượng Hải được trao nhiều đặc quyền trong đó bao gồm được hưởng chế độ chính trị và kinh tế bán tự trị. Thượng Hải được cung cấp các nguồn lực để phát triển cơ sở hạ tầng, phần lớn trong số đó sẽ tập trung vào sự phát triển của “Khu vực mới Phố Đông”. Các cơ quan chức năng quốc gia sẽ thực hiện các biện pháp quản lý, thể chế và tự do hóa để tạo cơ sở cho trung gian tài chính trong nước và phát triển khu vực tài chính.

Sở giao dịch chứng khoán Thượng Hải được tái thành lập vào tháng 12/1990 với tư cách là một trong hai sàn giao dịch duy nhất ở đại lục nhằm huy động nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế trong nước, đặc biệt là từ các thương nhân Hoa Kiều tại Hong Kong, và thúc đẩy sự phát triển của thị trường tài chính Trung Quốc (sở giao dịch còn lại là Sở giao dịch chứng khoán Thâm Quyển, có quy mô nhỏ hơn).

Ngay sau đó, Đại hội lần thứ 14 của Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1992 đã xác định mục tiêu phát triển Thượng Hải trở thành trung tâm kinh tế, thương mại và tài chính quốc tế.

- Giai đoạn II (từ năm 2000 – 2020): Trở thành TTTC khu vực

Thượng Hải tập trung vào việc thông tin hoá và hiện đại hoá đô thị. Đồng thời để tăng cường khả năng cạnh tranh quốc tế của Thượng Hải, các nỗ lực được hiện thực hóa thông qua đẩy nhanh xây dựng cơ sở hạ tầng đẳng cấp quốc tế và nâng cao trình độ quản lý.

Năm 2009, Quốc vụ Viện Trung Quốc đã ban hành Kế hoạch đẩy mạnh phát triển Thượng Hải trở thành TTTC và Trung tâm hàng hải quốc tế, trong đó đặt mục tiêu đưa Thượng Hải trở thành TTTC quốc tế gắn với phát triển tiềm lực kinh tế của Trung Quốc và vị thế của đồng Nhân dân tệ trên trường quốc tế đến năm 2020. Để tối ưu hóa nguồn lực đầu tư, Thượng Hải phát triển TTTC là một cấu phần của mô hình 5 trung tâm có sự tương hỗ lẫn nhau: Trung tâm tài chính, Trung tâm kinh tế, Trung tâm khoa học công nghệ, Trung tâm thương mại tự do, Trung tâm logistics...

Vào tháng 9/2013, Khu Thương mại Tự do Thí điểm (FTZ) đầu tiên ở Trung Quốc được thành lập tại Thượng Hải. bao gồm Khu thương mại Tự do Waigaoqiao, Khu Logistics Thương mại Tự do Waigaoqiao, Khu Cảng biển Thương mại tự do Yangshan và Cảng Hàng không thương mại Tự do Phố Đông.

- Giai đoạn III (từ năm 2020 đến nay): Trở thành TTTC quốc tế

Để tiếp tục phát huy các kết quả đã đạt được, năm 2020, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa 19 của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đặt mục tiêu cụ thể đến năm 2025, Thượng Hải sẽ tiếp tục phát huy vai trò là trung tâm tài chính khu vực với các yếu tố nền tảng để trở thành trung tâm tài chính quốc tế và đến năm 2035, chính thức trở thành trung tâm tài chính quốc tế.

Đặc biệt, tập trung phát triển thị trường tài chính gắn với “nâng cao năng lực cạnh tranh cốt lõi” và thu hút nguồn lực phát triển một số ngành, lĩnh vực chiến lược mới²⁸. Trong đó, thực thi đồng bộ một số giải pháp để phát triển TTTC Thượng Hải gồm: (i) nâng cao tính thanh khoản của thị trường vốn thông qua việc cho phép tự do chuyển đổi ngoại tệ trong phạm vi TTTC²⁹; (ii) thúc đẩy sử dụng đồng Nhân dân tệ trên trường quốc tế³⁰; (iii) tiếp tục phát triển thị trường phái sinh³¹; (iv) thúc đẩy và thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài³²; (v) phát triển thị trường bảo hiểm³³; (vi) tham gia vào thị trường giao dịch ngoại tệ toàn cầu³⁴. Đồng thời, tiếp tục củng cố vị thế và tầm ảnh hưởng của đồng Nhân dân tệ và khả năng tác động của Trung Quốc đối với việc định giá các sản phẩm tài chính trên thị trường toàn cầu.

Ngoài ra, để nắm bắt xu hướng phát triển của thị trường tài chính toàn cầu, TTTC Thượng Hải đã tập trung thúc đẩy phát triển lĩnh vực ‘fintech’ để tận dụng các lợi ích cộng hưởng từ mối quan hệ tương hỗ giữa lĩnh vực công nghệ và tài chính. Trong giai đoạn đầu, TTTC Thượng Hải đã cho phép thí điểm ứng dụng các công nghệ sẵn có trong lĩnh vực tài chính bằng cách hỗ trợ các doanh nghiệp fintech hoạt động trong những lĩnh vực công nghệ có tính ứng dụng cao trong lĩnh vực tài chính (như AI, cơ sở dữ liệu lớn, điện toán đám mây, blockchain...) thành lập văn phòng tại TTTC. Đồng thời, đóng vai trò trung gian để thúc đẩy sự gắn kết giữa các nhà đầu tư tài chính và các doanh nghiệp start-up công nghệ trong nước để đảm bảo nguồn cung vốn cho lĩnh vực công nghệ, công nghệ tài chính³⁵.

²⁸ Bao gồm: (1) Vật liệu mới cao cấp; (2) Trang thiết bị kỹ thuật tiên; (3) Sản xuất máy móc, công nghệ và Robot thông minh; (4) Xe năng lượng mới và xe thông minh; (5) Thiết bị Y tế Cao cấp và Thuốc tân tiến; (6) Máy và thiết bị nông nghiệp thông minh; (7) Ưu tiên phát triển các ngành chính trong nền kinh tế kỹ thuật số như điện toán đám mây, Big Data, IoT, Blockchain, Trí tuệ nhân tạo,...

²⁹ Thông qua việc cải cách các quy định về chuyển đổi ngoại tệ đối với các nhà đầu tư nước ngoài trong TTTC. Đặc biệt, đối với các nhà đầu tư chuyên nghiệp, cho phép tự do chuyển đổi ngoại tệ để thực hiện các giao dịch trong phạm vi TTTC.

³⁰ Thông qua các chính sách ưu đãi về thủ tục và phí chuyển tiền để khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong TTTC thực hiện các hoạt động chuyển tiền, cho vay xuyên biên giới, đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, niêm yết trên sàn chứng khoán nước ngoài bằng đồng Nhân dân tệ.

³¹ Thông qua việc phát triển thị trường phái sinh lãi suất (cho phép các nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường phái sinh lãi suất cùng các ngân hàng trong nước) để nâng cao năng lực chống chịu của hệ thống tài chính và từng bước đáp ứng được các quy định về chuẩn mực thị trường của thế giới.

³² Thí điểm cho phép các nhà đầu tư tổ chức và các định chế tài chính nước ngoài (bao gồm các ngân hàng lớn) được thành lập các tổ chức quản lý tài sản cung cấp dịch vụ trong phạm vi Thành phố Thượng Hải.

³³ Cho phép các tổ chức, nhà đầu tư tổ chức nước ngoài thành lập doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và cung cấp dịch vụ bảo hiểm nhân thọ tại TTTC Thượng Hải.

³⁴ Cho phép các tổ chức tài chính nghiệp dư thành lập các tập đoàn tài chính tại Thượng Hải để tham gia vào thị trường giao dịch ngoại tệ toàn cầu (đây là chính sách mở rộng phạm vi của chính sách phát triển TTTC Thượng Hải thông qua việc cho phép các nhà đầu tư nước ngoài thành lập tổ chức tài chính tại Thượng Hải để tham gia vào thị trường ngoại tệ toàn cầu được ban hành lần đầu vào năm 2005)

³⁵ Cho phép các định chế tài chính và các nhà đầu tư nước ngoài cung cấp vốn cho các doanh nghiệp start-up công nghệ thông qua các khoản đầu tư trực tiếp, trái phiếu doanh nghiệp và các khoản đầu tư gián tiếp (thông qua các thỏa thuận về quyền mua bán cổ phần). Đồng thời, thành lập Sàn Giao dịch chứng khoán chuyên biệt cho các doanh nghiệp công nghệ.

Kế hoạch 5 năm thứ 11 (2006-2010)	Kế hoạch 5 năm thứ 12 (2011-2015)	Kế hoạch 5 năm thứ 13 (2016-2020)	Kế hoạch 5 năm thứ 14 (2021-2025)
<ul style="list-style-type: none"> Ngân hàng, Bảo hiểm, Thị trường chứng khoán và trái phiếu 	<ul style="list-style-type: none"> Thị trường chứng khoán và trái phiếu Sản phẩm tài chính bằng đồng nhân dân tệ 	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm tài chính bằng đồng nhân dân tệ Fintech: thanh toán trực tuyến, blockchain và dữ liệu lớn Tài chính xanh 	<ul style="list-style-type: none"> Sản phẩm tài chính bằng đồng nhân dân tệ Chứng khoán phái sinh & hàng hóa Fintech: tiền số

Hình 2.1: Các lĩnh vực trọng tâm của TTTC Thượng Hải theo từng giai đoạn

Về mô hình quản lý: Nhìn chung, các hoạt động tại TTTC Thượng Hải chịu sự giám sát và quản lý theo pháp luật của Chính phủ Trung Quốc. Hệ thống giám sát tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực chuyên ngành bao gồm Ngân hàng Nhân Dân Trung ương, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc và Cơ quan quản lý Tài chính Trung Quốc thuộc Quốc vụ Viện. Đồng thời, có sự phối hợp tham gia của 02 cơ quan Tổng cục Quản lý ngoại hối Nhà nước và Bộ Tài chính. Kể từ khi TTTC Thượng Hải bắt đầu tăng cường phân cấp trong các lĩnh vực tài chính, tiền tệ, ngân hàng, một số chức năng quản lý chuyên ngành trong các lĩnh vực trọng yếu đã dần được giao cho Cơ quan quản lý chuyên ngành cấp địa phương.

Một số chính sách đặc thù áp dụng để phát triển TTTC Thượng Hải:

Từ năm 1990, chính quyền Trung ương Trung Quốc đã ban hành những chính sách ưu đãi cho nhà đầu tư vào “Khu Mậu dịch tài chính Lục Gia Thủy” của Phố Đông như sau:

(i) Ngày 18/4/1990, Thủ tướng Lý Bằng đã tuyên bố 10 điều ưu đãi, trong đó:

- Cho phép doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh dịch vụ “Khu vực III” (lĩnh vực dịch vụ tài chính...), mậu dịch thương mại (mở siêu thị, nhà hàng, khách sạn, các nghiệp vụ dịch vụ khác...), buôn bán lẻ...

- Cho phép nhà đầu tư nước ngoài kinh doanh ngành ngân hàng, thành lập công ty tài chính, và trên cơ sở yêu cầu của Khu Lục Gia Thủy cho phép ngân hàng nước ngoài mở chi nhánh tại Khu Lục Gia Thủy, đồng thời được ưu đãi giảm thuế.

- Đến ngày 8/9/1990, Ngân hàng Trung Quốc ban hành quy chế quản lý về doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp nước ngoài hoạt động kinh doanh ngành mậu dịch tài chính tại Khu Lục Gia Thủy.

(ii) Đầu năm 1992, Ban Chấp hành Trung ương Khóa 14 ban hành Nghị quyết về “tiếp tục đẩy mạnh phát triển các thành phố bên sông Trường Giang, bao gồm phát triển và mở cửa khu vực Phố Đông thuộc Thành phố Thượng Hải và

đẩy mạnh phát triển Thượng Hải để trở thành trung tâm quốc tế về kinh tế, tài chính, thương mại”. Tiếp sau đó, văn bản số 5 do Quốc vụ viện Trung Quốc ban hành 5 điều ưu đãi, trong đó có 2 điều liên quan Khu Lục Gia Thủy như sau:

- Mở rộng quyền thẩm định của Phố Đông Thượng Hải đối với các ngành kinh tế “phi sản xuất”.

- Ủy quyền cho chính quyền Thượng Hải (trong doanh số cho phép) được phát hành cổ phiếu, trái phiếu. Thủ tục quy chế cụ thể do chính quyền Thượng Hải quyết định. Đồng thời cho phép các tỉnh thành khác trong nước được đến Thượng Hải phát hành cổ phiếu và tham gia giao dịch.

(iii) Năm 1995, Thông tư 61 của Quốc vụ viện Trung Quốc ban bố “Cửu ngũ” (Kế hoạch 5 năm lần thứ 9), Phố Đông Thượng Hải, Khu Lục Gia Thủy (Khu khai thác phát triển) các chính sách ưu đãi, những điểm quan trọng gồm:

- Cho phép các công ty ngoại thương, các công ty sản xuất và xuất nhập khẩu Trung Quốc được thiết lập các công ty con, công ty chi nhánh tại nước ngoài.

- Cho phép thiết lập các công ty liên doanh (trong nước, nước ngoài) hoạt động ngoại thương và thành lập các “Thương xá tổng hợp”.

- Cho phép các công ty nước ngoài ở Phố Tây và Khu ngoại quan Thượng Hải được đăng ký hoạt động ở Khu Lục Gia Thủy, yêu cầu các ngân hàng nước ngoài mở chi nhánh tại Khu Lục Gia Thủy, đồng thời chuyển ngân hàng đang ở Phố Tây sang Phố Đông.

- Cho phép ngân hàng nước ngoài “thí điểm kinh doanh” đồng nhân dân tệ.

- Cho phép thành lập Công ty nước ngoài, Công ty hợp doanh (trong và ngoài nước) kinh doanh ngành bảo hiểm tại Khu Lục Gia Thủy.

- Cho phép thị trường giao dịch sản phẩm thương mại, quyền sở hữu sản phẩm, giao dịch chứng khoán... 10 loại ở mọi cấp chuyển vào Khu Lục Gia Thủy hoạt động.

(iv) Năm 2009, Quốc vụ Viện ban hành Kế hoạch “Một số ý kiến về việc phát triển ngành dịch vụ hiện đại và sản xuất nâng cao tại Thượng Hải, đẩy mạnh tiến trình hình thành và phát triển Thượng Hải thành TTTC và trung tâm thương mại quốc tế.

(v) Năm 2011, Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia đã trình Quốc vụ Viện ban hành “Định hướng xây dựng Thượng Hải trở thành TTTC” tại Kế

hoạch 5 năm lần thứ 12. Trong đó, xác định kế hoạch và lộ trình phát triển TTTC Thương Hải³⁶.

4. Singapore

Nhằm tận dụng múi giờ khác biệt³⁷, năm 1968, Singapore quyết định thành lập Thị trường Đôla châu Á (Asian Dollar Market - ADM). Cùng với Đơn vị tiền tệ châu Á (Asian Currency Unit - ACU) được thành lập song song, ADM đã cho phép các ngân hàng và tổ chức tài chính nước ngoài tham gia vào lĩnh vực dịch vụ tài chính của Singapore. Để ADM và ACU phát triển, Chính phủ Singapore đã đưa ra các biện pháp khuyến khích và ưu đãi về thuế. Trong đó, trong giai đoạn đầu, nhiệm vụ đưa ra các định hướng phát triển TTTC tại Singapore được giao cho Cơ quan phát triển Kinh tế Singapore (EDB).

Ban đầu, ADM chủ yếu là thị trường liên ngân hàng ở Singapore, có khả năng nắm giữ các quỹ ngoại tệ của các ngân hàng nước ngoài rồi cho các ngân hàng trong khu vực vay và ngược lại. Sau đó, nó mua bán ngoại hối và những phát sinh tài chính bằng ngoại tệ gọi là trái khoán, đảm trách công việc cho vay, phát hành trái phiếu và quản lý vốn. ADM phát triển đến mức vượt hơn 500 tỷ USD, xấp xỉ gấp ba lần quy mô thị trường ngân hàng nội địa vào năm 1997.

Khi ngành dịch vụ tài chính của Singapore ngày càng phát triển phức tạp và quốc tế hóa với sự gia tăng của các tổ chức tài chính trong và ngoài nước, nhu cầu về cách tiếp cận hợp nhất hơn để quản lý và điều tiết ngành trở nên cấp thiết. Vì vậy Cơ quan tiền tệ Singapore (MAS) ra đời năm 1971 là Cơ quan thuộc Chính phủ để thực thi chức năng quản lý chung đối với các hoạt động tài chính, tiền tệ, ngân hàng và phát triển dịch vụ tài chính; Cơ quan này đóng hai vai trò là ngân hàng trung ương và quản lý tài chính.

Sở giao dịch chứng khoán Singapore (SES) được thành lập năm 1973 và tiếp tục hợp nhất với Sở giao dịch tiền tệ quốc tế Singapore để tạo thành Sở giao dịch Singapore (SGX), nhằm đáp ứng sự đa dạng ngày càng tăng của thị trường vốn Singapore. MAS khuyến khích SES (Sở Giao dịch Chứng khoán) và SIMEX (thị trường mua bán kỳ hạn) sáp nhập, thả nổi mức hoa hồng và quyền tiếp cận các sở giao dịch này. Đồng thời, MAS cũng tự do hóa việc thâm nhập vào khu vực ngân hàng nội địa bằng cách cho phép các ngân hàng 100% vốn nước ngoài

³⁶ Bao gồm việc đa dạng hóa và phát triển các sản phẩm/dịch vụ tài chính của Thương Hải thông qua phát huy cơ chế thị trường; thu hút và phát triển các định chế tài chính có khả năng cạnh tranh trên trường quốc tế và có khả năng tác động đến toàn ngành tài chính; xây dựng và thúc đẩy vận hành trung tâm giao dịch đồng NDT xuyên biên giới và nâng cấp hạ tầng tài chính quốc gia; thúc đẩy đổi mới sáng tạo và cải cách thị trường tài chính để đưa ngành dịch vụ tài chính trở thành động lực phát triển kinh tế-xã hội của quốc gia; quốc tế hóa thị trường tài chính tại Trung Quốc và thúc đẩy môi trường tài chính cạnh tranh toàn cầu.

³⁷ Thế giới tài chính bắt đầu ở Zurich. Các ngân hàng Zurich mở cửa lúc 9 giờ sáng, sau đó là Frankfurt, rồi đến London. Tiếp đến là New York mở cửa. Buổi chiều, New York đóng cửa và chuyển giao dịch sang San Francisco. Singapore ở khoảng thời gian giữa San Francisco và Zurich.

Các chính sách trong tâm của TTTC Singapore:

(1) *Tự do hóa thị trường tài chính, giảm các quy định*: tiến trình từ 1970 đến 2000 thị trường tài chính Singapore mới tự do hóa hoàn toàn, sau khi đã thiết lập được hệ thống giám sát giảm thiểu các tác động tiêu cực và rủi ro thông qua hệ thống giám sát hợp nhất, các biện pháp giám sát dựa trên cơ sở rủi ro, giám sát thận trọng vĩ mô;

(2) *Phát triển trung gian tài chính*:

(i) Hình thành thị trường đô la Châu Á (Asian dollar market, ADM): tận dụng lợi thế múi giờ lấp khoảng trống giao dịch giữa thị trường châu Mỹ và châu Âu, ADM là thị trường vốn và tiền tệ quốc tế, hoạt động tương tự thị trường đô la châu Âu (eurodollar market), là thị trường cho tiền offshore (chủ yếu là USD, Yên Nhật, Bảng Anh, đồng Mark Đức và đồng Franc Thụy sĩ); Để tách bạch giao dịch giữa người không cư trú và cư trú, tất cả các ngân hàng được cấp phép đều phải tạo lập các đơn vị tài khoản đặc biệt cho các giao dịch không cư trú, tên là đơn vị tiền tệ châu Á (ACU, Asian currency unit).

(ii) Xây dựng hệ thống ngân hàng hai lớp: tách biệt các giao dịch bằng ngoại tệ khỏi các giao dịch bằng nội tệ thông qua dùng tài khoản hạch toán riêng. Điều này cho phép các dòng tiền quốc tế chảy vào Singapore không ảnh hưởng chính sách tiền tệ của Sing và bảo vệ các NH nội địa trước các NH quốc tế lớn;

(iii) Khuyến khích phát triển các công ty quản lý quỹ: Tập đoàn đầu tư chính phủ (GIC) và MAS đầu tư “môi” vào các công ty quản lý quỹ tốt và có cam kết phát triển ngành quản lý tài sản trong nước; Quy chế về Quỹ bảo hiểm xã hội (CPF) được nói lỏng để người đóng bảo hiểm xã hội được thuê nhà quản lý tài sản chuyên nghiệp đầu tư phần bảo hiểm xã hội được phép đầu tư của mình

(3) *Phát triển mạnh mẽ thị trường chứng khoán*: MAS phát hành Chứng khoán chính phủ SGS tạo đường cong lãi suất đô la Singapore chuẩn làm cơ sở cho doanh nghiệp phát hành trái phiếu doanh nghiệp; các cơ quan chức năng khác cũng được khuyến khích phát hành trái phiếu để mở rộng nguồn cung sản phẩm cho thị trường.

(4) *Thu hút đầu tư mạo hiểm, phát triển Fintech từ 2008 – nay*;

(5) *Hợp nhất mô hình giám sát hệ thống tài chính*

(6) *Các nhóm giải pháp khác*: các giải pháp tài chính (ưu đãi thuế, phí, trợ cấp); bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư (bảo mật thông tin, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ); ổn định kinh tế vĩ mô & phát triển CSHT; cải thiện môi trường kinh doanh (điều hành chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa, ứng phó khủng hoảng kinh tế 1985, khủng hoảng tiền tệ châu Á 1997, khủng hoảng kinh tế 2008); phát triển cơ sở hạ

tầng (CSHT giao thông, quy hoạch đô thị, CSHT thông tin...); cải cách thủ tục hành chính (nền quản trị tốt, thủ tục thành lập doanh nghiệp thuận lợi).

5. Hong Kong

Sau khủng hoảng tài chính năm 1965, Hong Kong đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để sắp xếp lại ngành ngân hàng trong nước theo hướng tinh gọn, tận dụng các lợi thế cạnh tranh về (i) yếu tố lịch sử, (ii) vị trí địa lý, và (iii) xu hướng dịch chuyển đầu tư trong ngành ngân hàng để trở thành TTTC khu vực, tiến tới phát triển thành TTTC quốc tế.

Tại thời điểm hình thành TTTC, Hong Kong là thuộc địa duy nhất còn lại của Anh tại khu vực Đông Á, với vai trò kết nối giao thương giữa châu Âu và các nước trong khu vực, đặc biệt là Trung Quốc. Về các yếu tố lịch sử, Hong Kong có một số lợi thế để thu hút các định chế tài chính quốc tế, hình thành TTTC gồm: (i) nền tảng pháp lý dựa trên Luật pháp Anh với cơ chế giải quyết tranh chấp chủ yếu dựa trên thông lệ quốc tế, (ii) nền tảng thuế thấp và hệ thống thuế đơn giản, tiệm cận quy chuẩn quốc tế, (iii) tính kết nối với thị trường thương mại toàn cầu cao, (iv) hệ thống giáo dục chủ yếu dựa trên nền tảng giáo dục của Anh, tiếng Anh được sử dụng là ngôn ngữ thông dụng trong hoạt động hành chính, kinh doanh hằng ngày, (v) không áp dụng quy định về kiểm soát hối đoái, (vi) tình hình kinh tế - chính trị - xã hội ổn định, (vii) tỉ giá ổn định, giá trị đồng tiền chủ yếu dựa trên các tài sản ở nước ngoài và ngoại tệ.

Về vị trí địa lý, với cơ sở hạ tầng phát triển, Hong Kong có tính kết nối với hầu hết các TTTC, trung tâm kinh tế - chính trị lớn trong khu vực như (Tokyo, Bắc Kinh, Seoul, Đài Bắc, Singapore, Jakarta...) cao, với thời gian di chuyển trung bình chỉ từ 3 – 5 giờ đồng hồ. Đồng thời, với nhiều điểm tương đồng về ngôn ngữ, văn hóa, và mạng lưới con người phát triển, Hong Kong được đánh giá là cửa ngõ quan trọng kết nối với Trung Quốc Đại lục.

Ngoài ra, tại thời điểm cuối những năm 1960s, việc các ngân hàng, tổ chức tài chính của phương Tây đang dịch chuyển hoạt động sang thị trường châu Á sau khi ADM hình thành tại Singapore đã mở ra nhiều cơ hội trong thu hút đầu tư cho các nước trong khu vực.

Tận dụng các lợi thế này, năm 1970, Hong Kong ban hành khung chính sách thúc đẩy việc hình thành các ngân hàng thương nhân (merchant bank), tập đoàn tài chính, thông qua việc giới hạn cấp phép đối với ngân hàng thương mại và nới lỏng quy định về sáp nhập, mua bán cổ phần (M&A), cho phép các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào thị trường tài chính trong nước. Khác với mạng lưới ngân hàng thương mại hiện hữu (chủ yếu là các ngân hàng vừa và nhỏ), các ngân hàng thương nhân không được phép thực hiện hoạt động cho vay bán lẻ, mà

tập trung vào phát triển dịch vụ cho vay hợp vốn, chuyển đổi ngoại tệ, tư vấn tài chính, quản lý tài sản và cung cấp dịch vụ tài chính xuyên biên giới.

Ngay sau đó, trong giai đoạn 1974 - 1978, Hong Kong lần lượt gỡ bỏ các quy định về kiểm soát giao dịch đối với các sản phẩm hàng hóa, đặc biệt là vàng, bạc, và thép, hình thành Sàn Giao dịch Hàng hóa (1977) và cho phép mua bán các hợp đồng tương lai đối với các sản phẩm hàng hóa mới nổi trên thị trường toàn cầu (như đường, bông). Đồng thời, gỡ bỏ giới hạn cấp phép đối với các ngân hàng nước ngoài (1978), cho phép các ngân hàng thành lập chi nhánh tại Hong Kong. Từ đó, quy mô thị trường tài chính Hong Kong đã có sự tăng trưởng vượt bậc, cùng Singapore trở thành 2 TTTC lớn nhất của khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Qua quá trình hình thành và phát triển, Chính phủ Hong Kong đã liên tục cập nhật, điều chỉnh, hoàn thiện khung chính sách nhằm nâng cao hiệu quả quản lý TTTC nói riêng và trong ngành tài chính – ngân hàng nói chung. Cụ thể, năm 1986, đã hợp nhất 04 sàn giao dịch chứng khoán và tiên phong áp dụng nền tảng giao dịch điện tử để đáp ứng được nhu cầu của các nhà đầu tư/tổ chức trong và ngoài nước. Sau đó, năm 1993, Chính phủ Hong Kong thành lập Cơ quan tiền tệ Hong Kong (Hong Kong Monetary Authority – HKMA) trên cơ sở sáp nhập Văn phòng Quản lý Quỹ Ngoại hối (Office of the Exchange Fund) và Văn phòng Ty trưởng Ty Ngân hàng (Office of the Commissioner of Banking) và hợp nhất chức năng quản lý với vai trò là cơ quan tiền tệ, ngân hàng trung ương thuộc Ty Tài chính Hong Kong (Bộ Tài chính).

Về mô hình quản lý: các hoạt động tài chính, tiền tệ, ngân hàng tại Hong Kong được quản lý bởi các cơ quan độc lập thuộc Chính phủ, tuy nhiên HKMA có vai trò điều phối, giám sát, tham mưu chính sách trực tiếp cho Ty trưởng Ty Tài chính Hong Kong về lĩnh vực này. Tương tự như MAS tại Singapore, bằng những quy định khắt khe và sự giám sát chặt chẽ, HKMA đã giúp Hong Kong phát triển thành một TTTC bền vững, đứng thứ ba thế giới theo đánh giá của GFCI trong nhiều năm (đến năm 2018).

6. Dubai

Thành phố Dubai nói riêng và Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất (UAE) nói chung được coi là cửa ngõ đầu tư – thương mại khu vực Trung Đông, Nam Á và Châu Phi. Theo đó, các liên kết đầu tư, thương mại và vận tải mạnh mẽ đã thúc đẩy các hoạt động và dịch vụ tài chính tại Dubai và UAE. Tận dụng được lợi thế này, Trung tâm tài chính của Dubai bắt đầu hoạt động vào những năm 1990 để cung cấp các dịch vụ tài chính cho các tập đoàn đa quốc gia từ Châu Âu, Hoa Kỳ khi tiến hành các hoạt động hợp tác kinh tế tại khu vực Trung Đông, Nam Á và Châu

Phi. Bên cạnh đó, thể chế xã hội ổn định và chất lượng cuộc sống cao được coi là sự hỗ trợ cho sự phát triển của Trung tâm tài chính Dubai thời điểm này.

Năm 2004, UAE đã quyết định hình thành một đặc khu riêng biệt với diện tích 110 ha với mục tiêu xây dựng Trung tâm tài chính quốc tế. Theo đó, đã thành lập Trung tâm tài chính quốc tế Dubai (DIFC) và cho phép hoạt động theo mô hình “một quốc gia độc lập” với các cơ quan quản lý và điều tiết riêng với hệ thống tòa án độc lập theo hệ thống luật tương tự mô hình Anh.

Theo đánh giá của các tổ chức quốc tế, đây là mô hình trung tâm tài chính hiện đại nhất thế giới mô phỏng các hoạt động các mô hình New York, London, Tokyo, Hong Kong và Singapore. DIFC nằm giữa các trung tâm tài chính của New York và London ở phía Tây, và Hồng Kông và Singapore ở phía Đông.

Khung pháp lý

- Hệ thống tư pháp riêng dựa trên hệ thống luật của Anh (hệ thống Luật theo án lệ - Common Law) với các tòa án xét xử các vụ án bằng tiếng Anh³⁸ và cho phép các thẩm phán là người nước ngoài tham gia hoạt động xét xử. Tuy nhiên, DIFC trực tiếp áp dụng toàn phần luật pháp Anh³⁹ và do đó chúng không tuân theo các tiền lệ do tòa án Anh đặt ra (mặc dù những người có thẩm quyền có thể thuyết phục các trường hợp cụ thể yêu cầu áp dụng luật Anh).

- Khung pháp lý dân sự, thương mại và hệ thống tòa án có mô hình tổ chức chặt chẽ theo tiêu chuẩn quốc tế.

Các hoạt động chính

DIFC tập trung cung cấp 02 nhóm hoạt động và dịch vụ tài chính chính bao gồm: (i) các sản phẩm tài chính truyền thống (như ngân hàng, bảo hiểm, thị trường tài sản, thị trường vốn, các giao dịch thương mại, dịch vụ tiền ích, quản lý tài sản gia đình, cung cấp các sản phẩm tài chính đặc thù...); và (ii) các sản phẩm tài chính hiện đại/tài chính của tương lai (như fintech, tiền ảo, tài sản ảo, AI, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực tài chính, quản lý tài sản gia đình...). Trong đó, nổi trội là các hoạt động:

(1) Ngân hàng: Tài trợ thương mại và xuất khẩu, Kinh phí dự án và cơ sở hạ tầng, Dịch vụ ngân quỹ, Ngân hàng đại lý.

(2) Thị trường vốn: DIFC là một địa điểm quan trọng trong khu vực cho các ngân hàng và các công ty thị trường vốn thực hiện các hoạt động ngân hàng đầu tư và ngân hàng thương mại trong khu vực. Theo đó, có 2 đơn vị quan trọng hình thành tại DIFC thực hiện chức năng phát triển thị trường vốn: (i) NASDAQ

³⁸ Hệ thống luật của UAE là theo Hệ thống Thông luật/Án lệ - Civil Law .

³⁹ Đây là điểm khác biệt giữa DIFC và ADGM

Dubai là một thị trường tài chính quốc tế hàng đầu ở Trung Đông, nơi các công ty huy động vốn thông qua các cổ phiếu bằng đô la Mỹ; và (ii) Dubai Mercantile Exchange (DME) là nơi thực hiện những giao dịch hàng hóa và giao dịch hàng hóa quốc tế hàng đầu của khu vực.

(3) Quản lý tài sản và quỹ đầu tư. Các công ty quản lý quỹ của DIFC có tổng tài sản lên đến 424 tỷ USD.

(4) Bảo hiểm và tái bảo hiểm

(5) Dịch vụ chất lượng cao: kế toán kiểm toán, quản lý rủi ro, công nghệ thông tin, giáo dục và đào tạo.

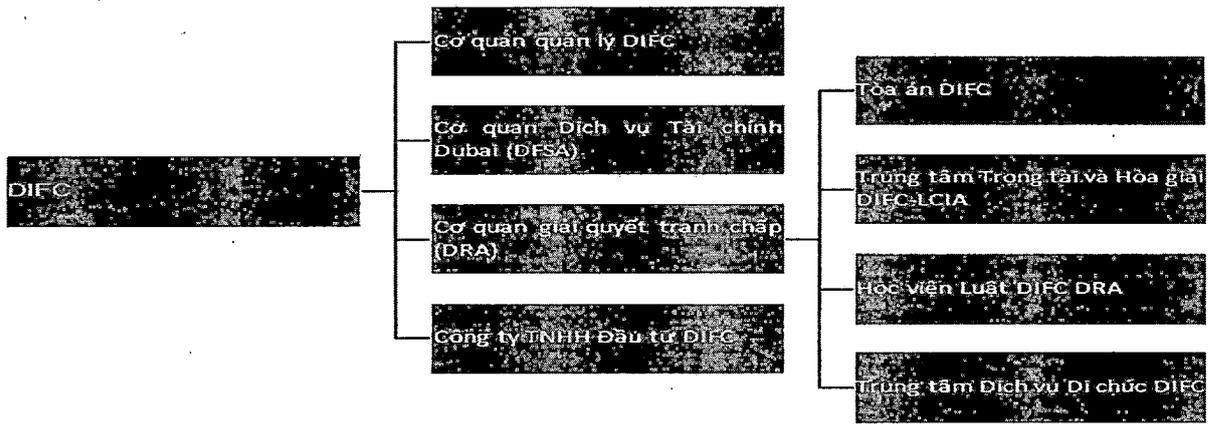
Theo số liệu đến năm 2024 thì có: (i) hơn 5.500 công ty đã đăng ký (tăng hơn 2 lần so với năm 2021), trong đó có 800 công ty tài chính và hơn 42.000 chuyên gia làm việc tại DIFC; (ii) 29/30 ngân hàng hàng đầu thế giới, 9/10 công ty luật hàng đầu thế giới, 8/10 công ty quản lý tài sản lớn nhất thế giới đang hoạt động tại DIFC.

DIFC được quản lý bởi các cơ quan:

(1) Hội đồng quản trị DIFC là cơ quan quản lý được thành lập để giám sát việc phát triển chiến lược và quản lý hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế Dubai. Chủ tịch Hội đồng quản trị DIFC đồng thời là Chủ tịch Thị trường tài chính Dubai (cơ quan quản lý chứng khoán và giao dịch ngoại hối tại Dubai).

(2) Cơ quan Dịch vụ Tài chính Dubai (DFSA) là cơ quan điều hành trung ương và độc lập cấp giấy phép, giám sát hoạt động của tất cả các tổ chức tài chính và phi tài chính trong DIFC và điều chỉnh tất cả các dịch vụ tài chính và phụ trợ được thực hiện ở trung tâm, bao gồm các yêu cầu được tiết lộ. DFSA cũng chịu trách nhiệm điều chỉnh và giám sát của những người trong DIFC liên quan đến chống rửa tiền, tài trợ chống khủng bố và tuân thủ trừng phạt và có quyền áp đặt các giới hạn, đình chỉ và trừng phạt, bao gồm cả hình phạt tài chính.

(3) Cơ quan Giải quyết Tranh chấp (DRA) kết hợp các Tòa án DIFC, Trung tâm Trọng tài DIFC LCIA, Học viện Luật DIFC và Cơ quan đăng ký Di chúc & Chứng thực và chịu trách nhiệm quản lý độc lập và thực thi công lý trong Trung tâm.



Hình 2.3: Cơ cấu tổ chức của TTTC Dubai

7: Abu Dhabi

ADGM (Abu Dhabi Global Market) là TTTC quốc tế và khu vực tự do tài chính duy nhất nằm trên Đảo Al Maryah ở thủ đô Abu Dhabi và là khu vực tự do tài chính thứ hai của Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) sau Trung tâm tài chính quốc tế tại Dubai (DIFC). Tận dụng lợi thế cạnh tranh với 04 Quỹ đầu tư Hoàng gia Abu Dhabi (với tổng giá trị tài sản lưu động giao động từ 1.500-2.000 tỷ USD), ADGM được thành lập vào năm 2013 và đi vào hoạt động đầy đủ vào tháng 10/2015, với mục tiêu cạnh tranh với TTTC Dubai trong thu hút dòng vốn đầu tư tài chính vào UAE nói riêng và khu vực Trung Đông nói chung.

Theo đó, ADGM đặt ra mục tiêu thu hút các nhà đầu tư, định chế tài chính quốc tế thông qua việc cung cấp một môi trường thuận lợi để tiến hành kinh doanh ở Trung Đông, tại một vị trí có vị trí chiến lược giữa thị trường phương Tây và phương Đông. Qua đó, hỗ trợ tiến trình đa dạng hóa và thúc đẩy phát triển kinh tế của Tiểu Vương Abu Dhabi, từng bước đưa Abu Dhabi trở thành một trung tâm kinh tế toàn cầu.

Kể từ khi đi vào hoạt động vào cuối tháng 10/2015, ADGM đã nhanh chóng nhận được sự công nhận trên toàn cầu nhờ hệ sinh thái thân thiện, đổi mới với doanh nghiệp. ADGM đóng một vai trò quan trọng trong việc phát hiện và tận dụng các xu hướng mới trong lĩnh vực dịch vụ tài chính quốc tế và những phát triển liên quan đến thế giới sau đại dịch, đặc biệt là trong các lĩnh vực tài chính tương lai (như fintech, tiền ảo, tài sản ảo...).

Khung pháp lý

- Hệ thống tư pháp riêng dựa trên hệ thống luật của Anh (hệ thống Luật theo án lệ - Common Law) với các tòa án xét xử các vụ án bằng tiếng Anh⁴⁰.

⁴⁰ Hệ thống luật của UAE là theo Hệ thống luật Thành văn - Civil Law.

- Khung pháp lý dân sự, thương mại và hệ thống tòa án có mô hình tổ chức chặt chẽ theo tiêu chuẩn quốc tế.

Nền tảng của luật dân sự và thương mại trong ADGM được xây dựng trên cơ sở các Quy định của luật Anh 2015.

Các hoạt động chính

ADGM cung cấp các hoạt động và dịch vụ tài chính bao gồm ngân hàng, bảo hiểm, thị trường tài sản, thị trường vốn, các giao dịch thương mại và các dịch vụ tiện ích tương tự như Trung tâm tài chính quốc tế tại Dubai. Tuy nhiên, ADGM đưa ra những thủ tục nhanh hơn với chi phí thấp hơn, đồng thời tập trung phát triển và khuyến khích các giải pháp, dịch vụ tài chính mới: ngân hàng kỹ thuật số, fintech,...

Bên cạnh đó, ADGM là nơi dành cho các công ty khởi nghiệp tài chính, do chi phí giảm, thủ tục nhanh hơn. Các sáng kiến ADGM đưa ra như FinTech RegLab⁴¹, ADGM SPV⁴² và HUB 71⁴³ đã cung cấp những khuôn khổ linh hoạt và cơ chế khuyến khích, ủng hộ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp triển khai các ý tưởng sáng tạo, mang tính đột phá.

ADGM được quản lý bởi các cơ quan độc lập:

(1) ADGM Authority được thành lập nhằm đề xuất các giải pháp chính sách mới và đột phá. Cơ quan này đưa ra các giải pháp chiến lược và hỗ trợ để đảm bảo việc tiếp tục cung cấp các dịch vụ tốt nhất nhằm tiếp tục thúc đẩy sự phát triển của ADGM. Đứng đầu ADGM Authority là ông Ahmed Jasim Al Zaabi, Giám đốc điều hành Cơ quan quản lý kho bạc trung ương của Abu Dhabi.

(2) Cơ quan đăng ký (RA) chịu trách nhiệm đăng ký, thành lập và cấp phép cho các pháp nhân trong ADGM và hỗ trợ tất cả các dịch vụ liên quan đến hành chính và thủ tục gia nhập thị trường, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp tăng trưởng để tạo nên một cộng đồng kinh doanh sôi động và bền vững.

(3) Cơ quan quản lý dịch vụ tài chính (FSRA) là cơ quan chủ trì xây dựng, duy trì và phát triển môi trường dịch vụ tài chính hiện đại, minh bạch và đạt chuẩn quốc tế. Đồng thời đảm bảo các tổ chức tài chính hoạt động một cách chắc chắn, các bên tham gia thị trường phát triển trong một môi trường chơi bình đẳng và lợi ích tốt nhất của các nhà đầu tư được bảo vệ.

⁴¹ Đây là sáng kiến đưa ra khung quy định được điều chỉnh đặc biệt nhằm cung cấp một môi trường cho những người tham gia FinTech để phát triển và thử nghiệm các giải pháp FinTech sáng tạo.

⁴² Cung cấp quy trình đăng ký kỹ thuật số hoàn toàn, để sử dụng và nhanh chóng, với các yêu cầu báo cáo đơn giản và giá cả minh bạch.

⁴³ Sáng kiến xây dựng hệ sinh thái công nghệ toàn cầu ở trung tâm của Abu Dhabi, tạo điều kiện cho các công ty khởi nghiệp phát triển. Đây là một phần trong nỗ lực của chính phủ nhằm đa dạng hóa nền kinh tế, được coi là chất xúc tác cho quá trình chuyển đổi kỹ thuật số của Abu Dhabi.

(4) Tòa án ADGM hoạt động theo mô hình hệ thống tư pháp Anh và được thành lập như một giải pháp thay thế cho các tòa án trong nước để giải quyết các tranh chấp dân sự và thương mại ở cả quy mô quốc tế và trong nước với mục đích cung cấp một hệ thống pháp luật và tư pháp sẽ được công nhận ngay lập tức và được quốc tế chấp nhận. Các tòa án ADGM đưa ra một khung pháp luật độc lập và các thẩm phán chủ tọa tại các tòa án ADGM thường đến từ các cơ quan pháp lý thông luật được tôn trọng nhất trên toàn cầu.

8. Astana (Kazakhstan)

Trung tâm Tài chính Quốc tế Astana (AIFC) chính thức hoạt động vào ngày 5/7/2018. Trước đó, thể chế pháp lý cho AIFC là một đạo luật riêng (Hiến chương AIFC - The Constitutional Statute On the Astana International Financial Centre)" được ban hành ngày 7/12/2015. Mục tiêu của AIFC là trở thành trung tâm tài chính, kinh doanh, kết nối các quốc gia Trung Á, Caucasus, Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU), Trung Đông, Mông Cổ, Châu Âu và phía Tây Trung Quốc. Đến nay, AIFC đã thu hút được 1.529 doanh nghiệp đăng ký hoạt động.

Cơ quan tối cao của AIFC là Hội đồng quản lý gồm 12 người, do Tổng thống là Chủ tịch, Thủ tướng là Phó Chủ tịch. Các thành viên khác gồm các Phó Thủ tướng, Thống đốc Ngân hàng nhà nước, Bộ trưởng Bộ Kinh tế quốc gia,...Hội đồng sẽ quyết định chiến lược phát triển của AIFC, tạo các điều kiện thuận lợi để AIFC vươn lên thành trung tâm tài chính quốc tế hàng đầu; thông qua các Đạo luật AIFC; xác định cơ cấu của các Cơ quan trực thuộc AIFC, Tòa án AIFC, Trung tâm Trọng tài Quốc tế; thông qua các báo cáo hàng năm về hoạt động của AIFC,... Thay mặt cho Hội đồng để điều hành các hoạt động hằng ngày của AIFC là Thống đốc AIFC, là một trong các thành viên Hội đồng nhưng chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức vụ chính quyền khác.

AIFC có 09 cơ quan trực thuộc với các chức năng khác nhau, gồm:

(i) AIFC Authority: chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch chiến lược tổng thể, quảng bá AIFC trên thị trường toàn cầu, thu hút các thành viên tiềm năng tham gia.

(ii) Astana Financial Services Authority (AFSA): là cơ quan xác lập quy tắc độc lập có nhiệm vụ thiết lập một môi trường hoạt động của thị trường vốn và tài chính công bằng và minh bạch, trong đó các cá nhân và tổ chức hành động chính trực.

(iii) IAFC Court: là cơ quan tư pháp độc lập của IAFC;

(iv) AIFC International Arbitration Centre: cơ quan trọng tài quốc tế bên cạnh AIFC để giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa các bên có thỏa thuận đưa ra giải quyết tại Trọng tài này.

(v) IAFC Expat Centre: chuyên phụ trách việc cung cấp các dịch vụ có liên quan cho các nhân sự ngoại quốc và gia đình họ.

(vi) AIFC Bureau for Continuing Professional Development: chịu trách nhiệm cung cấp các khóa học lý thuyết và thực hành với chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế và thông lệ quốc tế để phát triển nguồn nhân lực và tạo ra đội ngũ chuyên gia địa phương đạt chuẩn quốc tế cho hệ sinh thái AIFC.

(vii) Astana International Exchange (AIX): thành lập năm 2017 với sứ mệnh phát triển thị trường vốn ở Kazakhstan và khu vực Trung Á. AIX hoạt động theo Hiến chương AIFC, dựa trên các nguyên tắc thông luật của Anh. Các cổ đông của AIX là: AIFC, GoldmanSachs, Shanghai Stock Exchange, Silk Road Fund và NASDAQ (là tổ chức cung cấp nền tảng giao dịch cho AIX).

(viii) AIFC Green Finance Centre: được thành lập để phát triển tài chính xanh ở Kazakhstan và Trung Á. Mục tiêu chính là: (1) mang lại các khoản đầu tư cho nền kinh tế bền vững thông qua các công cụ tài chính đang là xu hướng (như trái phiếu xanh và trái phiếu xã hội,...); (2) cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược và kinh doanh trong lĩnh vực tài chính xanh và phát triển bền vững cho các Chính phủ, các tổ chức gần nhà nước và các doanh nhân; (3) hỗ trợ ban đầu cho các tổ chức phát hành, nhà đầu tư trên thị trường về việc chuẩn bị cho việc phát hành trái phiếu xanh trên Sở giao dịch AIFC (Astana International Exchange).

(ix) AIFC Tech Hub: chuyên hỗ trợ các doanh nghiệp và dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin và công nghệ tài chính. Cơ quan này có nhiệm vụ phát triển không gian fintech đa dạng, trí tuệ tại Kazakhstan và khu vực Trung Á cho các quỹ đầu tư mạo hiểm và các tổ chức tài chính. Nhiệm vụ chính là tạo ra Cơ sở hạ tầng hiện đại, các quy định linh hoạt, môi trường giao tiếp dễ dàng và tính minh bạch của pháp luật nhằm thu hút các công ty công nghệ và trở thành một trong những trung tâm fintech hàng đầu.

II. Một số bài học kinh nghiệm với Việt Nam

Qua quá trình nghiên cứu, tổng quan về kinh nghiệm phát triển một số trung tâm tài chính (TTTC) trên thế giới như sau:

1. Về cách thức hình thành TTTC

TTTC trên thế giới được phát triển theo một trong 03 cách thức sau:

- Mô hình tự nhiên: dựa trên yếu tố lịch sử và các yếu tố đã phát triển đến mức cao dẫn đến hình thành TTTC (London, New York,...);

- Mô hình “cải cách và hiện đại hóa”: dựa trên chiến lược bài bản và trải qua từng cấp độ từ thấp lên cao của TTTC (Singapore, Thượng Hải, Hong Kong...);

- Mô hình độc lập và chuyên biệt: Áp dụng ngay các chính sách có độ mở cao, cơ chế đặc thù riêng biệt (Dubai, Abu Dhabi, Astana-Kazakhstan).

2. Về mô hình quản lý

- *Đối với các TTTC được hình thành dựa trên yếu tố lịch sử* hoặc trải qua từng cấp độ từ thấp lên cao với chiến lược bài bản, việc giám sát và vận hành thường do các cơ quan chuyên ngành thuộc Chính phủ quản lý theo từng lĩnh vực cụ thể, không thành lập các Hội đồng hoặc Cơ quan quản lý riêng biệt.

- *Đối với các TTTC áp dụng ngay các chính sách có độ mở cao*, việc giám sát và vận hành do một Cơ quan độc lập với Chính phủ để quản lý và điều tiết các hoạt động trong TTTC.

IFC	New York	London	Singapore	Hong Kong	Thượng Hải	Bangkok	Dubai	Abu Dhabi	Astana
Quốc gia	Hoa Kỳ	Vương quốc Anh	Singapore	Trung Quốc	Trung Quốc	Thái Lan	Các tiêu chuẩn quốc tế Ả Rập thống nhất	Các tiêu chuẩn quốc tế Ả Rập thống nhất	Kazakhstan
Hệ thống pháp luật của quốc gia	Thông luật	Thông luật	Thông luật	Thông luật	Dân luật	Dân luật	Dân luật	Dân luật	Dân luật
Mô hình quản lý IFC	Mô hình lồng ghép	Mô hình lồng ghép	Mô hình lồng ghép	Mô hình lồng ghép	Mô hình lồng ghép	Mô hình lồng ghép	Mô hình khung pháp lý đặc thù theo chế độ thông luật	Mô hình khung pháp lý đặc thù theo chế độ thông luật	Mô hình khung pháp lý đặc thù theo chế độ thông luật
Chính sách tài chính	Lĩnh vực trọng tâm trong thị trường tăng trưởng mục tiêu	Fintech, tài chính xanh	Fintech, tài chính xanh	Fintech, tài chính xanh, kinh doanh bằng Nhân dân tệ	Fintech, tài chính xanh, kinh doanh bằng Nhân dân tệ	Fintech, tài chính xanh, kinh doanh bằng Nhân dân tệ	Fintech, tài chính xanh, tài chính Hồi giáo	Fintech, tài chính xanh, tài chính Hồi giáo	Fintech, tài chính xanh, tài chính Hồi giáo
	Nới lỏng kiểm soát vốn	Tự do hóa hoàn toàn	Tự do hóa hoàn toàn	Tự do hóa hoàn toàn	Tự do hóa hoàn toàn	Tự do hóa một phần	Tự do hóa hoàn toàn	Tự do hóa hoàn toàn	Tự do hóa hoàn toàn
	Tuân thủ các tiêu chuẩn tài chính quốc tế về quản lý rủi ro, phòng chống rửa tiền (AML) và chống tài trợ khủng bố (CFT)	Basel III & FATF	Basel III & FATF	Basel III & FATF	Basel III & FATF	Basel III & FATF	Basel III & FATF	Basel III & FATF	Basel III & FATF
Chính sách phi tài chính	Tính giản thủ tục cấp phép kinh doanh	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có
	Chính sách thị thực thuận lợi	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có
	Ngôn ngữ làm việc	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Trung	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Anh
	Sáng kiến phát triển nhân tài	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có
	Sáng kiến phát triển hạ tầng CNTT	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có
	Sáng kiến phát triển hạ tầng cơ sở	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có
	Sáng kiến nâng cao danh tiếng của IFC và/hoặc chất lượng cuộc sống	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có
Sáng kiến tăng cường kết nối tài chính toàn cầu	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	

Hình 2.4: Tổng hợp mô hình thiết kế của các TTTC lớn trên thế giới

3. Một số bài học kinh nghiệm

a) Việc hình thành và phát triển TTTC là nhiệm vụ chính trị, có sự chỉ đạo trực tiếp của các Lãnh đạo cấp cao nhất của quốc gia và sự đồng hành, vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương.

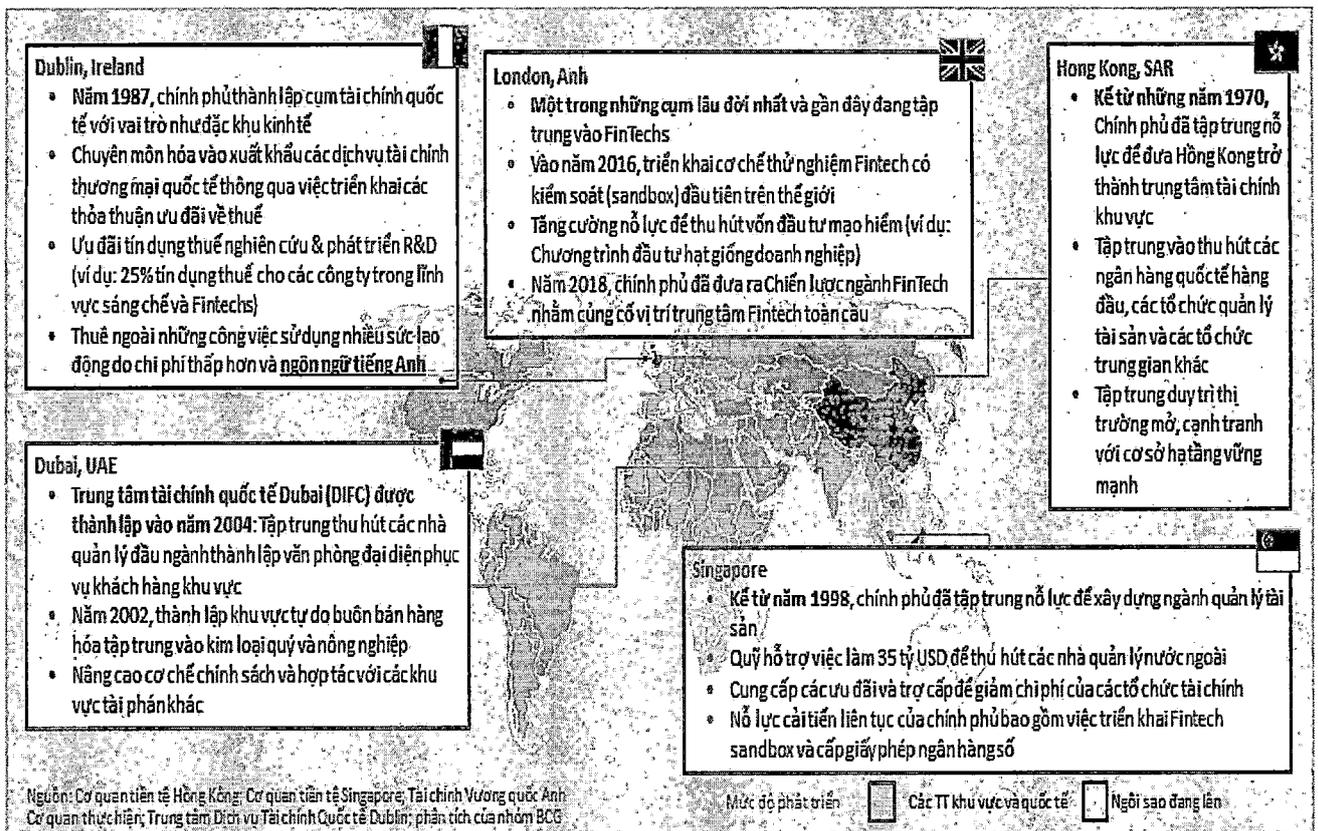
b) Phát triển TTTC là một tiến trình dài hạn, nhất quán, ổn định, công khai, minh bạch, thường là một phần của chiến lược phát triển kinh tế-xã hội chung của

quốc gia và địa phương nơi hình thành TTTC theo từng giai đoạn trong thời gian từ khoảng 20-30 năm.

c) TTTC được áp dụng các chính sách đặc thù, ưu đãi đột phá, có tính cạnh tranh, có độ mở cao và phù hợp thông lệ quốc tế để phát triển thị trường tài chính hiện đại và tự do hóa các giao dịch kinh doanh ngoại hối; kiến tạo và phát triển các mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính.

d) Xây dựng thêm các cơ chế đặc thù cho địa phương hoặc khu vực thuộc địa phương có TTTC để phát triển và tận dụng lợi thế từ nguồn tài chính đem lại trong TTTC. Các cơ chế đặc thù chủ yếu được áp dụng: (i) ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuê đất; (ii) thủ tục kinh doanh rút gọn; (iii) cơ chế xuất nhập cảnh; (iv) tự do luân chuyển dòng vốn; (v) phân bổ ngân sách giữa Chính phủ và địa phương/khu vực có TTTC. Bên cạnh đó, xung quanh TTTC thường được chú trọng phát triển thêm các dịch vụ tiện ích, bất động sản, khu phức hợp; tuy nhiên, đây là những dự án đầu tư độc lập với việc xây dựng và hình thành TTTC.

đ) Việc xây dựng, vận hành và phát triển TTTC phải dựa trên 05 lĩnh vực (trụ cột) cạnh tranh, cụ thể: (i) *Môi trường kinh doanh*: ổn định chính trị và pháp quyền, môi trường pháp lý và các thiết chế, môi trường kinh tế vĩ mô, tính cạnh tranh về thuế và chi phí; (ii) *Nguồn nhân lực*: nguồn nhân lực chất lượng cao sẵn có, thị trường lao động linh hoạt, giáo dục và phát triển, chất lượng cuộc sống để thu hút; (iii) *Cơ sở hạ tầng*: cơ sở hạ tầng xây dựng, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở hạ tầng giao thông, phát triển bền vững; (iv) *Sự phát triển của ngành tài chính*: độ sâu và rộng, khả năng tiếp cận vốn, thanh khoản thị trường, đầu ra; và (v) *Uy tín* (thương hiệu và sự thu hút của thành phố nơi có TTTC, mức độ đổi mới và sáng tạo, sức hấp dẫn và đa dạng văn hóa, vị trí có thể so sánh với các TTTC khác).



Hình 2.5: Điểm nổi bật của một số TTTC tiêu biểu

CHƯƠNG III

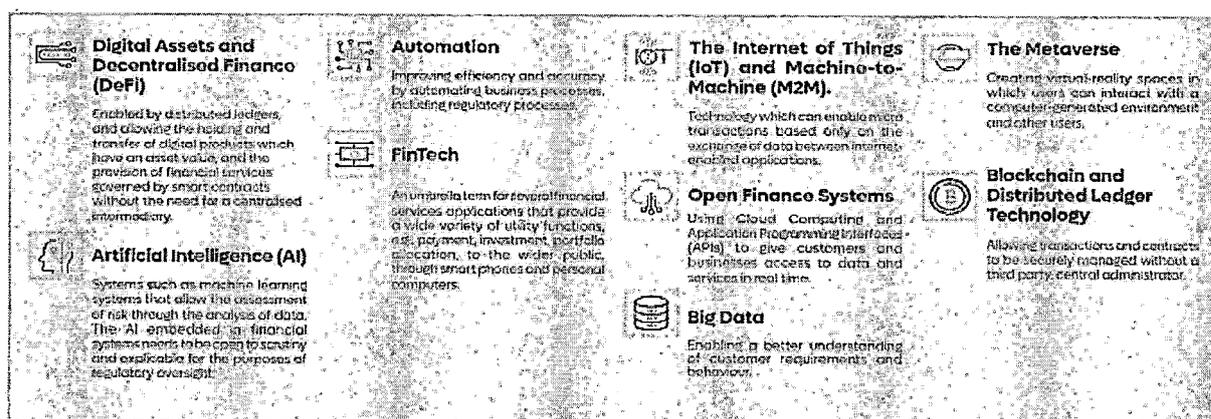
PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN TTTC TẠI VIỆT NAM

I. Bối cảnh mới, cơ hội và thách thức cho Việt Nam trong việc hình thành và phát triển TTTC

Thời gian qua, tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới tiếp tục ghi nhận nhiều khó khăn, thách thức, bối cảnh thế giới biến động nhanh, phức tạp, khó lường, tác động mạnh mẽ đến tất cả các nền kinh tế.

Riêng trong lĩnh vực tài chính, xu hướng sắp xếp lại trật tự của thị trường toàn cầu cùng với sự phát triển của công nghệ và việc ứng dụng công nghệ đã và đang thay đổi bản chất của thị trường, tháo gỡ toàn bộ rào cản trong các giao dịch tài chính xuyên biên giới, tạo nên một ‘thế giới phẳng’ trong lĩnh vực tài chính, bao gồm một số xu hướng chính như sau:

Thứ nhất, xu hướng triển của lĩnh vực fintech. Fintech là thuật ngữ ghép từ “fin” nghĩa là tài chính và “tech” nghĩa là công nghệ⁴⁴. Công nghệ ở đây được hiểu chủ yếu là công nghệ thông tin với nền tảng là tự động hóa (robotics), trí tuệ nhân tạo (AI) và học máy (machine learning) để thu thập, xây dựng và khai thác dữ liệu lớn (big data). Các nền tảng công nghệ này được phát triển để cung cấp dịch vụ tài chính như thanh toán điện tử/ví điện tử (e-payments/e-wallet), tài chính tiêu dùng, cho vay ngang hàng (peer-to-peer lending), tài chính cá nhân – tư vấn qua robot, ngân hàng số (digital banking), môi giới chứng khoán số (digital brokering), blockchain và tiền mã hóa (cryptocurrency).



Hình 3.1: Các ngành, dịch vụ tài chính mới nổi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

⁴⁴ Theo PWC (2016), Fintech là "một phân khúc năng động, giao điểm của các ngành dịch vụ tài chính và công nghệ nơi các công ty khởi nghiệp tập trung vào công nghệ và những người tham gia thị trường mới đổi mới các sản phẩm và dịch vụ hiện tại vốn dĩ do ngành dịch vụ tài chính truyền thống cung cấp".

Các TTTC fintech lớn có thể kể đến như “Silicon Valley” tại New York, “Silicon Roundabout” ở London, “Finance Innovation” ở Paris, Berlin, Munich, Singapore và Trung Quốc. Ở Trung Quốc, 90% đầu tư vào Fintech của khu vực Châu Á Thái Bình Dương là từ Bắc Kinh. Singapore hiện nay đang giữ vai trò cầu nối của các trung tâm mới nổi ở Indonesia, Malaysia, Thái Lan và Việt Nam.

Thứ hai, xu hướng gia tăng quy mô và sức mạnh của các ngân hàng trung ương, các tổ chức điều tiết giám sát đặc biệt ở Bắc Mỹ và Châu Âu. Vị trí hàng đầu của New York vẫn không suy chuyển bởi quy mô thị trường chứng khoán, sự tập trung của các tổ chức tài chính toàn cầu, nguồn nhân lực, vai trò của đồng USD như đồng tiền dự trữ chính trên thế giới, và quyền lực định hướng thị trường tài chính toàn cầu của Fed và Bộ Tài chính Hoa Kỳ. Tuy nhiên, sự thắt chặt chính sách điều tiết giám sát dường như không làm các giao dịch tài chính ngân hàng chững lại. Sự thắt chặt quá mức các quy định điều tiết giám sát hoạt động tài chính ở New York, London và Thụy Sĩ đã tạo cơ hội cho dòng vốn dịch chuyển sang một số thị trường khác, đặc biệt là khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á.

Thứ ba, xu hướng lớn mạnh của các TTTC ở Trung Quốc như Thượng Hải, Bắc Kinh, Thâm Quyển, Quảng Châu, Thanh Đảo. Các TTTC này vẫn chủ yếu mang tính chất của TTTC quốc gia và nội địa trong bối cảnh mà Trung Quốc vẫn không tự do hóa dòng vốn quốc tế và đồng nhân dân tệ (NDT) không có khả năng chuyển đổi. Nhưng nhờ quy mô lớn của nền kinh tế Trung Quốc nên các TTTC này đã đạt được hai lợi thế. **Thứ nhất**, quy mô giao dịch tài chính của các tổ chức tài chính, thị trường tiền tệ và thị trường vốn có giá trị tuyệt đối lớn, tương ứng với GDP cả nước và GRDP của các thành phố Trung Quốc. **Thứ hai**, vì tầm quan trọng của thị trường Trung Quốc, nên các tổ chức tài chính vẫn đầu tư và mở rộng hoạt động kinh doanh ở các TTTC này cho dù thể chế và khung chính sách vẫn có nhiều bất cập.

Cơ hội phát triển của các TTTC Trung Quốc trong thời gian tới là rất lớn. Cải cách chính sách, gia tăng vai trò của đồng NDT, lộ trình tự do hóa tài chính và tự do hóa tài khoản vốn nếu thực hiện sẽ có tác động mang tính đột phá. Fintech đang phát triển mạnh mẽ và sẽ là thế mạnh cho các TTTC ở Trung Quốc.

Thứ tư, là sự phát triển theo hướng đa dạng hóa các dịch vụ tài chính mang tính khu vực và toàn cầu của Singapore. Môi trường kinh doanh có tính cạnh tranh cao, chi phí giao dịch thấp, quản lý nhà nước với quyền lực can thiệp mạnh mẽ, nhưng linh hoạt theo thị trường đã giúp Singapore trở thành trung tâm khu vực cho hàng loạt tổ chức, thị trường và dịch vụ tài chính bao gồm ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư, giao dịch môi giới cổ phiếu và trái phiếu, quản lý quỹ, quản lý tài sản, đầu tư mạo hiểm, dịch vụ tài chính off-shore, giao dịch ngoại hối. Các startup nói chung và Fintech nói riêng ở Đông Nam Á có xu hướng chọn

Singapore là nơi huy động vốn và đăng ký kinh doanh. Môi trường pháp lý và khung quản lý nhà nước đối với Fintech của Singapore được coi là một trong những nơi ưu việt nhất trên thế giới.

Thứ năm, sự ảnh hưởng sâu rộng của chiến tranh thương mại, chiến tranh công nghệ và bất ổn địa – chính trị đến vai trò và hoạt động của các TTTC quốc tế. Brexit đã đang khiến nhiều tổ chức tài chính tại TTTC London phải lên kế hoạch di dời hoặc ít nhất là cũng thành lập hoạt động mới tại các TTTC khác ở EU như Frankfurt. Bất ổn chính trị làm giảm đi sức hút của TTTC Hong Kong. Nhưng chính phủ Trung Quốc cũng sẵn sàng để các TTTC nội địa của mình đảm nhận một phần vai trò của Hong Kong. Mặc dù Trung Quốc có tham vọng lớn để phát triển các tổ chức tài chính của mình lên quy mô toàn cầu, đưa đồng NDT thành đồng tiền dự trữ của thế giới và đầu tư mạnh vào Fintech, nhưng chiến tranh thương mại và chiến tranh công nghệ Mỹ - Trung, xung đột Nga-Ucraina và các cuộc xung đột địa chính trị khác trên thế giới đang là trở lực lớn. Trong bối cảnh này, những nơi có ổn định chính trị, kinh tế mở và hội nhập sâu nhưng lại mang tính đa phương, ít rủi ro địa – chính trị sẽ có cơ hội lớn để thu hút đầu tư vào các dịch vụ tài chính.

Thứ sáu, xu hướng phát triển của các dịch vụ Tài chính xanh: Tài chính xanh đang ngày càng có vai trò quan trọng trên toàn thế giới. Các bên liên quan trong hệ sinh thái IFC, như các nhà đầu tư, công ty đa quốc gia và thậm chí cả chính phủ nước ngoài đều đang tìm cách khai thác các nguồn vốn đối với lĩnh vực tài chính xanh tại Việt Nam. Thúc đẩy tài chính xanh có mối liên kết chặt chẽ với một số mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam.

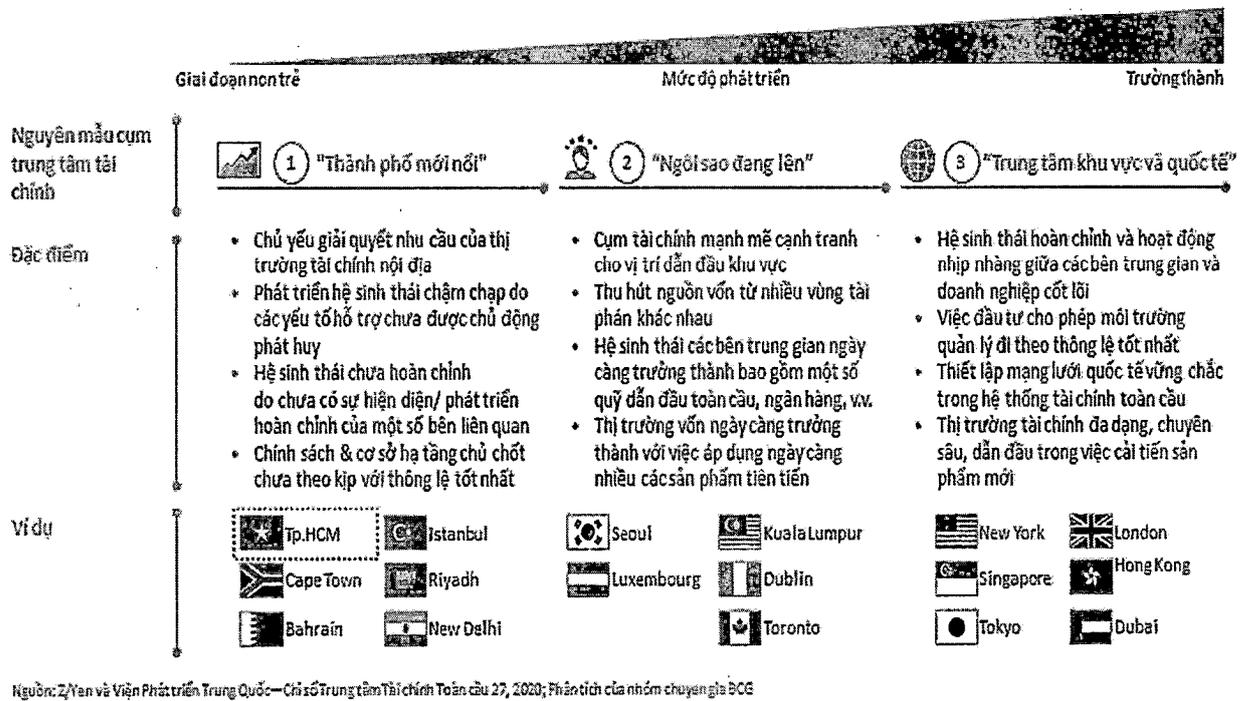
Trên toàn cầu, thị trường tài chính xanh (được định nghĩa là trái phiếu xanh và các khoản vay cũng như vốn cổ phần từ hoạt động IPO nhắm tới các dự án xanh) đã tăng trưởng gấp 100 lần trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2022 và được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng đến năm 2030⁴⁵. IFC có thể tận dụng xu hướng này bằng cách thiết lập nền tảng phát hành và giao dịch các công cụ tài chính xanh như trái phiếu xanh và khoản vay xanh, có thể giúp tăng tính thanh khoản và độ sâu của thị trường tài chính xanh. Ví dụ, Sở giao dịch và thanh toán bù trừ Hồng Kông (HKEX) đã xây dựng Khung tài chính xanh để hướng dẫn việc phát hành trái phiếu xanh trên sàn giao dịch chứng khoán của mình⁴⁶. Khung này dựa trên Nguyên tắc Trái phiếu Xanh, là tiêu chuẩn quốc tế về trái phiếu xanh.

Tuy nhiên, nhìn chung, hệ thống giám sát tài chính trên toàn cầu tiếp tục bộc lộ nhiều hạn chế; quan điểm điều hành chính sách tiền tệ và quản lý thị trường

⁴⁵ Reuters, “Thị trường tài chính xanh toàn cầu tăng trưởng hơn 100 lần trong thập kỷ qua - báo cáo nghiên cứu”

⁴⁶ Sở giao dịch và thanh toán bù trừ Hồng Kông (HKEX)

tài chính của các ngân hàng trung ương, cơ quan giám sát tài chính trên thế giới đang có sự thay đổi; kinh tế toàn cầu dự kiến bước vào giai đoạn tăng trưởng chậm nhất trong nhiều thập kỷ, lạm phát vẫn neo ở mức cao; chính sách lãi suất thay đổi thiếu nhất quán giữa các khu vực và các nền kinh tế... Đặc biệt, thị trường tài chính quốc tế và trong nước có nhiều biến động với một số sự kiện sụp đổ ngân hàng tại Mỹ và Châu Âu, rủi ro tấn công an ninh mạng, xu thế phát triển mạnh mẽ của tiền kỹ thuật số... cùng với tác động từ những diễn biến bất lợi, khó lường của tình hình địa chính trị trên thế giới đòi hỏi cần phải tăng cường hơn nữa hiệu lực, hiệu quả của hệ thống quản lý và giám sát thị trường tài chính tại các quốc gia nhằm phòng ngừa, cảnh báo sớm và ngăn chặn các rủi ro có thể xảy ra.



Hình 3.2: Đánh giá tiềm năng phát triển TTTC tại Việt Nam

II. Vai trò và sự cần thiết xây dựng TTTC quốc tế và khu vực tại Việt Nam

TTTC có vai trò lớn trong góp phần thúc đẩy và phát triển kinh tế đất nước thông qua: (i) đóng góp của chính TTTC và cả hệ thống tài chính do nguồn vốn được phân bổ hiệu quả hơn thông qua cạnh tranh và việc cắt giảm chi phí giao dịch tài chính; và (ii) đóng góp nhờ tác động lan tỏa tích cực (như trong thu hút đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, và cung cấp dịch vụ cuộc sống chất lượng cao...). Cụ thể:

1. Về tăng trưởng kinh tế, với lợi thế từ khác biệt múi giờ so với 21 TTTC hàng đầu thế giới, Việt Nam sẽ có cơ hội tận dụng nguồn vốn tài chính nhàn rỗi trong khoảng thời gian chênh lệch.

Thông qua TTTC, việc thu hút đầu tư và dịch chuyển vốn sẽ hiệu quả hơn, góp phần lan tỏa tích cực trên phạm vi rộng, thúc đẩy tái cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang các ngành kinh tế, dịch vụ chất lượng cao, đặc biệt là dịch vụ tài chính, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển hệ thống tài chính hiện đại⁴⁷. Đồng thời, đưa Việt Nam tham gia vào nấc thang cao hơn trong chuỗi giá trị kinh tế toàn cầu.

Trên thế giới, việc hình thành TTTC đã đem lại cho các quốc gia thu hút được nguồn vốn FDI tăng đột biến, cụ thể: (i) UAE: vốn FDI thực hiện năm 2022 đạt 22 tỉ USD, tăng hơn 2 lần so với mức 10 tỉ USD của năm 2018; (ii) Ấn Độ: vốn FDI thực hiện năm 2022 đạt 49 tỉ USD, tăng hơn 16% so với mức 42 tỉ USD của năm 2018 sau khi hình thành TTTC Gujarat; (iii) Singapore: vốn FDI thực hiện năm 2022 đạt 140 tỉ USD, tăng hơn 50% so với mức 81 tỉ USD của năm 2018; và (iv) Kazakhstan: vốn FDI thực hiện năm 2022 đạt 4,9 tỉ USD, tăng gần 4 lần so với mức 350 triệu USD của năm 2018.

Trên cơ sở nguồn vốn tài chính thu hút được sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế của quốc gia nói chung và của các địa phương nơi có TTTC. Cụ thể: (i) UAE: tăng trưởng GDP năm 2022 đạt mức cao nhất từ trước đến nay nhờ có ụu phát triển vượt bậc của TTTC Dubai và TTTC Abu Dhabi; (ii) Singapore: tăng trưởng GDP năm 2021 đạt mức cao nhất từ trước đến nay sau khi Singapore trở thành TTTC lớn thứ ba thế giới.

2. Nâng cao vai trò, vị thế, uy tín, ảnh hưởng của đất nước trên trường quốc tế; bảo vệ an ninh quốc phòng “từ sớm, từ xa”. Việc hình thành TTTC sẽ cho phép Việt Nam tham gia định hướng xu hướng của dòng vốn đầu tư tài chính khu vực và toàn cầu, điều phối dòng vốn đầu tư tài chính trong khu vực. Đồng thời, mở ra cơ hội để Việt Nam tham gia định giá, tác động đến các sản phẩm tài chính trên thị trường toàn cầu. Qua đó, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có thể chi phối, ảnh hưởng đến dòng tài chính dịch chuyển của thế giới.

3. Về an sinh xã hội: TTTC phát triển sẽ thu hút việc làm, đặc biệt là lao động có tay nghề, kỹ thuật cao, thúc đẩy thị trường lao động chuyển dịch theo hướng tích cực, chuyên sâu hơn; đồng thời, thu hút mạng lưới chuyên gia, giới tài phiệt, tri thức đến sinh sống và làm việc tại Việt Nam; qua đó hình thành các cộng đồng tri thức hiện đại, văn minh, có tầm ảnh hưởng quy mô toàn cầu. Bên cạnh đó, cũng giải quyết việc làm cho địa phương nơi có TTTC và góp phần nâng cao

⁴⁷ Ngành dịch vụ tài chính đóng góp nhiều nhất là London với 21% GDP (số liệu so sánh năm 2012), tiếp theo là Hồng Kông (16% GDP), New York (15%), Thượng Hải (12%) và Singapore (11%). Tổng sản lượng GDP mà ngành dịch vụ tài chính đóng góp cho thành phố New York sẽ là 37%, trong đó tác động đóng góp trực tiếp là 20% GDP của thành phố New York, gấp hơn 2 lần tổng mức đóng góp của 3 ngành xếp phía sau về mức độ đóng góp cho.

thu nhập cho người lao động⁴⁸. Cụ thể: (i) TTTC Dubai: đến năm 2023, DIFC đã tạo gần 40.000 việc làm chất lượng cao, tăng gần 2 lần so với mức 25.600 lao động của năm 2019; (ii) TTTC Abu Dhabi: đến năm 2023, ADGM đã tạo hơn 12.000 việc làm, tăng 42% so với năm 2019; (iii) TTTC Singapore: lực lượng lao động trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, luật, kế toán, quản lý tại Singapore tăng hơn 20% trong giai đoạn 2018-2023, đạt 384.100 người. Trong cùng thời gian đó, Singapore được đánh giá đã vượt Hong Kong để trở thành TTTC lớn thứ ba thế giới (sau New York và London); và (iv) TTTC Astana: đến năm 2023, AIFC đã tạo hơn 15.000 việc làm cho các chuyên gia trong nước và quốc tế.

4. Về ngân sách nhà nước, TTTC phát triển thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thu nhập của người lao động, qua đó góp phần tăng thu NSNN. Kinh nghiệm các quốc gia cho thấy, trong thời gian đầu có thể thu NSNN không được hỗ trợ nhiều từ TTTC do các chính sách ưu đãi hỗ trợ phát triển TTTC, tuy nhiên về dài hạn, khi TTTC phát triển các ngành dịch vụ trong TTTC phát triển và thu nhập lao động ngày càng cao sẽ đóng góp nhiều hơn cho NSNN⁴⁹.

5. Nâng cao chất lượng cuộc sống, TTTC phát triển sẽ kéo theo sự phát triển của các dịch vụ tiện ích nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển con người, nhu cầu vui chơi giải trí và cuộc sống của các nhà đầu tư và gia đình họ (y tế, giáo dục, khu mua sắm...), đồng thời góp phần quảng bá hình ảnh của đất nước có TTTC phát triển. Thu từ TTTC cũng góp phần thực hiện trách nhiệm xã hội như xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội, giao thông, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh, an toàn và an sinh xã hội,...

6. Bên cạnh đó TTTC phát triển cũng góp phần hoàn thiện khung khổ pháp lý theo hướng phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ... Qua đó, giảm thiểu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo niềm tin cho nhà đầu tư.

⁴⁸ Hiện có khoảng hơn 700.000 việc làm phụ thuộc vào lĩnh vực tài chính tại Mỹ và tạo ra hiệu ứng số nhân kinh tế là 3,54 (hệ số này ở các quốc gia khác thường ở mức 2.0-4.0). Tạo ra mức thu nhập trung bình ngành cao (266.000 USD/năm, thuộc mức cao của Mỹ; Trong khi ở Anh ngành dịch vụ tài chính chiếm 3,9% tổng số lao động; TTTC Hồng Kông tạo ra 273.000 việc làm trong ngành dịch vụ tài chính vào năm 2019 và tạo ra 100.000 công việc ăn theo thuộc các ngành IT, kế toán, luật... Singapore, tỷ lệ nhân lực chất lượng cao làm việc cho ngành dịch vụ tài chính là 38,2% năm 2012, gấp hơn 2 lần toàn nền kinh tế (18,4%).

⁴⁹ Ngành dịch vụ tài chính đóng góp cho doanh thu thuế của New York (2015) cụ thể là thuế TNCN chiếm 25%, thuế nhà đất trên 25%, riêng thuế TNDN chiếm 50% tổng số thuế TNDN của toàn thành phố (Partnership for New York city & Gerson Lehman Group - GLG, 6/2015). Ở Anh, trong năm 2020, thuế thu được từ dịch vụ tài chính là 30,7 tỷ bảng, chiếm 4,1% tổng thu từ thuế, phần lớn là từ PAYE, thuế TNDN 5 tỷ bảng và thuế ngân (Georgina Hutton Ali Shalchi, 2021). Ngành dịch vụ tài chính Hồng Kông đóng góp thuế TNDN khoảng 17% tổng thu thuế (tương đương 40 tỷ HKD, thuế TNCN khoảng 109 tỷ HKD và 43 tỷ HKD thuế trước bạ (Hồng Kông Financial, 2013).

III. Đánh giá năng lực cạnh tranh và tiềm năng phát triển TTTC tại Việt Nam

1. Cấp quốc gia

Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam tiếp tục được các tổ chức quốc tế đánh giá là điểm sáng về thu hút đầu tư, dần hội tụ nhiều yếu tố để phát triển thị trường tài chính hiện đại, hướng đến hình thành TTTC, có khả năng liên kết với các TTTC trong khu vực và trên thế giới nhờ có các lợi thế chung như sau:

- (i) Kinh tế vĩ mô và chính trị được duy trì ổn định;
- (ii) Vị trí địa lý thuận lợi, có tính kết nối cao; có múi giờ khác biệt với 21 trung tâm tài chính lớn nhất toàn cầu gắn với vị trí địa kinh tế chiến lược;
- (iii) Triển vọng tốt nhờ tích cực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng; chuyển đổi kinh tế số và gia tăng chỉ số đổi mới sáng tạo;
- (iv) Quy mô nền kinh tế và mức độ phát triển của thị trường tài chính ngày càng được cải thiện, thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào thị trường tài chính;
- (v) Sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương để thực hiện các giải pháp nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội.

Ngoài những lợi thế chung nêu trên, Việt Nam đang dần hội tụ các yếu tố nền tảng để đáp ứng các điều kiện “cần” và “đủ” của một TTTC như đã nêu tại mục II Chương I. Đề án sẽ phân tích cụ thể về việc đáp ứng của Thành phố Hồ Chí Minh với các điều kiện này. Thực tế từ tháng 3 năm 2020, lần đầu tiên Việt Nam có Thành phố Hồ Chí Minh đã được nằm trong bảng xếp hạng GFCI 27 với tư cách là một trung tâm liên kết và đến nay đứng thứ 108/121 TTTC quốc tế.

Việc được GFCI đánh giá và xếp hạng cho thấy Việt Nam về cơ bản đã đáp ứng được các điều kiện cơ bản của một TTTC với những đặc điểm và lợi thế nêu trên. Tuy nhiên, để tập trung nguồn lực và tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành TTTC có tính cạnh tranh và đem lại hiệu quả cao, việc cần thiết là phải xây dựng được một khuôn khổ pháp lý rõ ràng, cụ thể và phù hợp với thông lệ quốc tế.

2. Tại Thành phố Hồ Chí Minh

a. Tổng quan về TTTC Thành phố Hồ Chí Minh

- *Về vị trí địa lý và khả năng kết nối:* Tp. Hồ Chí Minh nói riêng đang sở hữu nhiều lợi thế tự nhiên sẵn có để phát triển TTTC quốc tế. Tp. Hồ Chí Minh nằm ở ngã tư quốc tế giữa các tuyến đường hàng hải từ Bắc xuống Nam, từ Đông

sang Tây, là tâm điểm của khu vực Đông Nam Á. Trung tâm Tp. Hồ Chí Minh cách bờ biển Đông 50 km đường chim bay. Đây là đầu mối giao thông nối liền các tỉnh trong vùng và là cửa ngõ quốc tế. Với hệ thống cảng và sân bay lớn nhất cả nước, cảng Sài Gòn với sản lượng và năng suất xếp dỡ hàng đầu của quốc gia. Tp. Hồ Chí Minh chỉ cách khoảng 3 giờ bay với các nền kinh tế năng động của Châu Á như Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Ấn Độ, Trung Quốc, Philippines, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan. Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất với hàng chục đường bay chỉ cách trung tâm thành phố 7km. Việc xây dựng và sớm đưa vào khai thác sân bay Long Thành ở Đồng Nai cùng hoàn thiện hạ tầng Tp. Hồ Chí Minh - Đồng Nai – các tỉnh khác càng tạo thêm khả năng kết nối hiệu quả trong và ngoài nước của TP. HCM. Đặc biệt, TP. HCM ở múi giờ khác biệt với 21 TTTC lớn nhất toàn cầu. Đây là lợi thế “riêng có và đặc biệt” trong việc thu hút dòng vốn nhân rồi trong thời gian nghỉ giao dịch từ các trung tâm này.

- *Về quy mô kinh tế - tài chính:* Quy mô GRDP của Tp. Hồ Chí Minh đạt khoảng 65,5 tỷ USD tính đến cuối năm 2023, chiếm khoảng 15,5% GDP của cả nước, theo đó mỗi điểm phần trăm tăng trưởng GRDP tăng thêm của Thành phố sẽ đóng góp 0,15% tăng trưởng tăng thêm GDP của cả nước. Năm 2023, dự toán thu ngân sách nhà nước của Tp. Hồ Chí Minh 469.000 tỷ đồng, chiếm hơn 20% tổng thu ngân sách cả nước, đảm bảo mục tiêu về thu và có tác động trực tiếp tới nguồn thu ngân sách của cả nước. Điều này cho thấy kỳ vọng của cả nước vào các động lực tăng trưởng lớn như TPHCM và các tỉnh, TP khác vốn là các cực tăng trưởng quan trọng.

Về quy mô thị trường vốn, đến hết tháng 3/2024, giá trị vốn hóa cổ phiếu trên sàn HOSE đạt hơn 5,22 triệu tỷ đồng, tăng 23% so với cuối năm 2023, chiếm hơn 94% tổng giá trị vốn hóa cổ phiếu niêm yết toàn thị trường chứng khoán Việt Nam và tương đương 51% GDP năm 2023 (GDP theo giá hiện hành). Toàn sàn HoSE có 587 mã chứng khoán niêm yết (gồm 398 mã cổ phiếu, 4 mã chứng chỉ quỹ đóng, 14 mã chứng chỉ quỹ ETF và 171 mã chứng quyền có bảo đảm) với tổng khối lượng 157 tỷ chứng khoán⁵⁰. Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn đạt 3,541 triệu tỷ đồng, tăng 9,8% so với cuối năm 2022 và chiếm 26,1% so với tổng dư nợ tín dụng của cả nước.

Tỷ lệ dư nợ tín dụng so với GRDP của Thành phố năm 2023 là 220%, trong khi đó tỷ lệ này năm 2022 là 218%; năm 2021 là 214% và năm 2020 là 185%. Điều này không chỉ phản ánh quy mô tín dụng mà còn phản ánh vai trò nguồn vốn tín dụng ngân hàng cho tăng trưởng và phát triển thành phố luôn là nguồn vốn quan trọng và chủ yếu⁵¹.

⁵⁰<https://www.vietnamplus.vn/ho-se-43-doanh-nghiep-niem-yet-co-von-hoa-thi-truong-tren-ty-usd-post937983.vnp>

⁵¹ Thông tin của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chi nhánh TP.HCM (Tháng 1/2024)

Đánh giá về tiềm năng thị trường FinTech Đông Nam Á, Việt Nam là nền kinh tế số có mức độ tăng trưởng cao nhất trong ASEAN với tốc độ 29% hàng năm trong giai đoạn 2021- 2025 và đứng thứ hai trong ASEAN với số lượng vườn ươm doanh nghiệp, mô hình tăng tốc khởi nghiệp và phòng thử nghiệm sáng tạo trong hệ sinh thái FinTech. Thành phố Hồ Chí Minh được nhận định là trung tâm về các ngành dịch vụ cũng như cực tăng trưởng về dịch vụ của Việt Nam, đóng góp ~30% về tỷ trọng và tăng trưởng khu vực dịch vụ của cả nước giai đoạn 2011-2020. Đặc biệt, đối với các nhóm ngành như Hoạt động chuyên môn, KHCN; Bán buôn bán lẻ; Vận tải kho bãi; Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; Y tế, TP Hồ Chí Minh có tỷ trọng đóng góp lớn, từ ~35-40%, cho thấy được vai trò của TP. Hồ Chí Minh là một trung tâm về tài chính, khoa học, y tế và vận tải kho bãi của cả nước.

Ngoài ra, những nhóm ngành dịch vụ có giá trị cao có sự tăng trưởng ở mức 8% giai đoạn 2011-2020 và ngày càng chiếm tỷ trọng lớn hơn trong khu vực dịch vụ (40% năm 2010 lên 46% năm 2022), cho thấy sự chuyển dịch trong cơ cấu dịch vụ. TP.HCM cũng là hệ sinh thái Fintech hàng đầu của Việt Nam với trên 50% công ty khởi nghiệp Fintech của quốc gia. Theo báo cáo hệ sinh thái khởi nghiệp StartupBlink năm 2023, hệ sinh thái Fintech của Việt Nam đứng thứ 53 trên toàn cầu. Với lực lượng IT có tay nghề cao và giá cả phải chăng, TP. HCM có nền tảng vững chắc để trở thành trung tâm dịch vụ tài chính số của Việt Nam.

b. Vị trí xếp hạng của TTTC Tp. Hồ Chí Minh so với các TTTC trong khu vực

Trong báo cáo GFCI tháng 3/2020, lần đầu tiên Tp. Hồ Chí Minh xuất hiện ở danh sách các TTTC thứ cấp và đến tháng 9/2021 Tp. Hồ Chí Minh đứng đầu danh sách 10 trung tâm tiềm năng được GFCI xem xét để đưa vào danh sách đánh giá chính thức của GFCI nhờ đạt mức cao nhất về số lượng nội dung đánh giá (148/150).

Đến năm 2022, Tp. Hồ Chí Minh là thành phố duy nhất của Việt Nam lần đầu được xếp hạng trong danh sách chính thức các TTTC toàn cầu tại báo cáo GFCI 31 với thứ hạng là **102/120** và điểm đánh giá là 544. Năm 2023, GFCI xếp hạng TTTC Tp. Hồ Chí Minh là 112/120 tại báo cáo Tháng 3 và xếp hạng thứ 120/121 tại báo cáo Tháng 9 với điểm đánh giá lần lượt là 567 điểm và 577 điểm.

Tại báo cáo GFCI 35 (3/2024), Tp. Hồ Chí Minh xếp thứ hạng **108/121**, điểm đánh giá là 623 điểm. Đặc biệt báo cáo GFCI 35 nhấn mạnh sự cải thiện về xếp hạng của các TTTC thuộc khu vực Châu Á Thái Bình Dương, trong số các TTTC được báo cáo đề cập có sự cải thiện nổi bật là TTTC HCM tăng 12 bậc.

Tại báo cáo gần nhất GFCI 36 (24/9/2024), Tp. Hồ Chí Minh tiếp tục được tăng điểm đánh giá với 629 điểm, tăng 3 bậc và 6 điểm so với 6 tháng trước, xếp thứ hạng **105/121**.

Với các lợi thế được GFCI xem xét xếp hạng, Tp. Hồ Chí Minh là địa phương duy nhất trên cả nước được xếp hạng và có điều kiện đầy đủ hơn để phát triển TTTC quốc tế nếu xét trên các tiêu chí và đặc điểm của TTTC quốc tế, đặc biệt là về mức độ tập trung của thị trường và các định chế tài chính cũng như tiềm năng phát triển.

Tuy nhiên, nếu so sánh với các TTTC khác trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, Tp. Hồ Chí Minh vẫn xếp thứ hạng cuối cùng. Tại báo cáo GFCI 36, TTTC HCM được phân loại là “*IFC địa phương mới nổi*”⁵² cùng với một số TTTC mới nổi của Trung Quốc (như Tây An, Hàng Châu, Vũ Hán, Thiên Tân...). TTTC HCM được đánh giá *đang trên đà tăng trưởng nhưng còn thiếu tính kết nối, đa dạng và chuyên môn hóa của các IFC hàng đầu*. Mặc dù gần sát vị trí xếp hạng với TTTC HCM, tuy nhiên các TTTC lân cận thuộc khối Đông Nam Á được phân loại ở nhóm chuyên sâu hơn và ở cấp độ quốc tế như Bangkok được phân loại theo nhóm TTTC đa dạng cấp độ quốc tế, Manila và Jakarta thuộc nhóm TTTC mới nổi cấp quốc tế, Kuala Lumpur thuộc nhóm TTTC tương đối đa dạng ở cấp độ toàn cầu.

Bên cạnh xếp hạng tổng thể về TTTC, báo cáo GFCI còn xem xét xếp hạng 116 TTTC trong lĩnh vực FinTech với các TTTC của Trung Quốc và Hoa Kỳ tiếp tục nổi bật trong bảng xếp hạng với 05 trung tâm của Hoa Kỳ và 06 trung tâm của Trung Quốc nằm trong top 20. Điều này phản ánh sự tập trung liên tục của các quốc gia này về phát triển ứng dụng công nghệ. Các TTTC thuộc khu vực Châu Á như Singapore, Thượng Hải, Seoul, Bắc Kinh, Hồng Kông thuộc top 15 toàn cầu trong bảng xếp hạng Fintech.

Trong lĩnh vực Fintech, so sánh với các TTTC trong khu vực, theo Báo cáo GFCI lần thứ 36 (tháng 9/2024), Tp. Hồ Chí Minh đạt 609 điểm, xếp hạng **100/116**, tăng 4 bậc và tăng 6 điểm so với báo cáo trước. So sánh với các TTTC trong khu vực, TP.HCM xếp sau Jakarta (xếp thứ 94), nhưng đứng trên Manila (xếp thứ 101) và Bangkok (xếp thứ 102) với điểm đánh giá khá gần nhau (lần lượt là 615, 608, 607 điểm). Kuala Lumpur hạng 72, điểm 637.

3. Tại Thành phố Đà Nẵng

a. Các điều kiện nền tảng

Thứ nhất, việc xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quy mô khu vực đã có cơ sở chính trị và pháp lý đầy đủ, thể hiện tại Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/1/2019, Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 02/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định

⁵² Các TTTC được phân loại để theo dõi theo các nhóm TTTC sâu và rộng, TTTC tương đối rộng, TTTC tương đối sâu, TTTC mới nổi tương ứng theo cấp độ khu vực, quốc tế và toàn cầu.

nhiệm vụ xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quốc tế cấp vùng; Kết luận số 79-KL/TW ngày 13/5/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW yêu cầu cần tập trung xây dựng các cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực để xây dựng thí điểm khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế quy mô khu vực, phát triển Đà Nẵng thành trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, trung tâm công nghệ cao của cả nước; Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 định hướng trung tâm tài chính quốc tế quy mô khu vực là một trong ba trụ cột trong thời kỳ mới của nền kinh tế Đà Nẵng.

Thứ hai, Đà Nẵng có vị trí địa chính trị, kinh tế quan trọng, có tính kết nối cao về giao thông quốc tế (hàng không⁵³, hàng hải⁵⁴). Đặc biệt cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng có sân bay quốc tế hiện đại nằm ngay trong trung tâm thành phố, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế⁵⁵, hạ tầng công nghệ thông tin phát triển⁵⁶, với tốc độ mạng băng rộng di động và cố định cao nhất cả nước thông qua kết nối trạm cáp quang biển cập bờ với 02 tuyến cáp quang biển quốc tế SWM3 và APG); Đà Nẵng cũng đã phê duyệt quy hoạch bổ sung thêm một trạm cáp quang cập bờ vào năm 2025, nhằm cải thiện khả năng kết nối hơn nữa⁵⁷.

Thứ ba, Đà Nẵng được các nhà đầu tư và tổ chức kinh tế quốc tế đánh giá cao về môi trường sống và kinh doanh; Được đánh giá là một trong những thành phố sạch nhất Việt Nam⁵⁸; Có chất lượng y tế và giáo dục, đào tạo được đánh giá tốt, ngày càng phát triển theo hướng chuyên sâu, chất lượng cao⁵⁹. Cơ sở hạ tầng

⁵³ Có khả năng đáp ứng lượng khách lớn, kết nối trực tiếp tới kết nối Đà Nẵng với các trung tâm kinh tế toàn cầu quan trọng như Hồng Kông, Thượng Hải, Seoul, Tokyo, Thẩm Quyển, Singapore và nhiều nơi khác trên thế giới. Hiện sân bay quốc tế Đà Nẵng có 16 đường bay quốc tế thường kỳ, kết nối trực tiếp với 35 thành phố thuộc 11 quốc gia, vùng lãnh thổ với tần suất khai thác trung bình 51 chuyến/ngày

⁵⁴ Cảng Đà Nẵng hiện là cảng biển container lớn nhất miền Trung hiện nay (có gần 1.700m cầu bến với khả năng tiếp nhận các tàu hàng tổng hợp lên đến 70.000 DWT, tàu container đến 4000 Teus và tàu khách đến 170.000 GRT), Cảng Đà Nẵng cũng được chọn là điểm cuối cùng của tuyến Hành lang Kinh tế Đông Tây, nối liền 4 nước Myanmar, Thailand, Lào và Việt Nam, là cửa ngõ chính ra Biển Đông cho toàn khu vực.

⁵⁵ Ngày 01/01/2024, nhà ga quốc tế Đà Nẵng chính thức trở thành nhà ga đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam đạt tiêu chuẩn 5 sao của Skytrax. Sân bay quốc tế Đà Nẵng liên tục thuộc top 100 sân bay tốt nhất thế giới và Top 5 đề cử cho Giải thưởng Routes Asia 2024 hạng mục “Sân bay có công suất phục vụ 5-20 triệu hành khách năm”.

⁵⁶ Đà Nẵng hiện có 03 khu công nghệ thông tin tập trung đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận, 01 khu đang xây dựng và 03 khu đang chờ phê duyệt. Sự hiện diện của nhiều không gian làm việc chung kể cả khu vực công và tư nhân cung cấp như Enouvo Space, Regus Đà Nẵng.... cung cấp các giải pháp văn phòng linh hoạt cho các công ty khởi nghiệp cũng như các công ty lớn.

⁵⁷ Trong thời kỳ 2021-2030, Đà Nẵng dự kiến sẽ hình thành trên địa bàn các trung tâm dữ liệu quy mô quốc gia và khu vực, triển khai mạng di động 5G trên địa bàn thành phố. Đến năm 2030, bảo đảm cung cấp hạ tầng tính toán, lưu trữ chuyên sâu để triển khai các ứng dụng lõi liên quan đến Cách mạng 4.0 (trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, IoT, block-chain, điện toán đám mây, ảo hoá).

⁵⁸ Đà Nẵng là một trong số ít các thành phố của khu vực có chất lượng môi trường không khí và ô nhiễm (AQI) ở mức Tốt⁵⁸ trên thế giới, xếp cao hơn các thành phố có trung tâm tài chính quốc tế của khu vực như Đài Bắc, Singapore, Tokyo, Thượng Hải, Dubai... Đồng thời, Đà Nẵng đang dẫn đầu trong bảng xếp hạng Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường (PEPI 2022).

⁵⁹ Các chỉ tiêu về y tế tính trên bình quân dân số của Đà Nẵng đều thuộc nhóm dẫn đầu của cả nước, có đại diện thuộc top 500 triển bảng xếp hạng đại học thế giới của Times Higher Education (THE), hoạt động đào tạo chuyên

năng lượng của Đà Nẵng đang hỗ trợ tốt cho các hoạt động công nghiệp và dân cư, đảm bảo nguồn cung cấp điện đáng tin cậy và liên tục, ngay cả khi thời tiết khắc nghiệt. Đà Nẵng còn là một thành phố du lịch có danh tiếng trong khu vực, là một đô thị trẻ có không gian sống được đánh giá cao ở khu vực và quốc tế, có các dự án tổ hợp thương mại, chung cư cao cấp, văn phòng làm việc hạng A gắn với dãy khách sạn, resort sát biển tạo không gian làm việc mở, sáng tạo. Hiện Đà Nẵng đã phê duyệt quy hoạch các bên du thuyền quốc tế, tăng cường giao thông kết nối và trải nghiệm của doanh nhân và du khách thuộc lớp chi tiêu cao.

Thứ tư, Đà Nẵng đang xây dựng để trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, gắn với những xu thế công nghệ mới, hiện đại như vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, Blockchain, điện toán đám mây...; có tiềm năng và điều kiện về hạ tầng, nguồn nhân lực, chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức mô hình chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng. Trong đó, cho phép thành phố được thu hút nhà đầu tư chiến lược trong các lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm dữ liệu, hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Đây là lợi thế và cơ sở để triển khai ngay việc thu hút các tổ chức tài chính quốc tế phát triển dịch vụ công nghệ tài chính (Fintech), các công ty công nghệ tham gia vào lĩnh vực tài chính (TechFin) thiết lập hệ sinh thái Fintech tại thành phố Đà Nẵng.

Thứ năm, Đà Nẵng đã có quỹ đất sạch khá lớn được quy hoạch phục vụ cho việc thiết lập khu phức hợp trung tâm tài chính và công nghệ với điều kiện vị trí kết nối, hạ tầng thuộc loại tốt nhất của quốc gia, đã được đưa vào quy hoạch thành phố tại Quyết định 1287/QĐ-TTg ngày 02/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

b. Lợi thế về thời điểm

Trên nền tảng vị thế, kinh tế vĩ mô của quốc gia, thành phố Đà Nẵng cũng sở hữu những lợi thế riêng về vị trí địa kinh tế, chính trị, tính kết nối về giao thông (hàng hải, hàng không) và viễn thông quốc tế, môi trường sống, hạ tầng đô thị, các dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng thuộc loại tốt nhất của Việt Nam hiện đang nhận được sự chú ý và liên hệ hợp tác của các nhà đầu tư tài chính quốc tế đến từ Hoa Kỳ, Singapore, Dubai để phát triển hạ tầng và xây dựng các trung tâm tài chính và giải trí thế giới tương tự như mô hình của Singapore, Dubai...

- Cộng hưởng với các lợi thế hiện có của thành phố Đà Nẵng, việc Quốc hội ban hành Nghị quyết số 136/2024/QH15, cho phép thành phố được thu hút nhà

sâu, các chương trình liên kết chất lượng cao đang được chú trọng gắn với các chuyên ngành ngân hàng, quản trị tài chính, tài chính doanh nghiệp, Công nghệ tài chính, Khoa học dữ liệu, Kinh doanh số, Thương mại điện tử...Ngoài ra, hiện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có 03 trường đại học đào tạo chuyên ngành tài chính - ngân hàng, 03 trường đại học đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

đầu tư chiến lược trong các lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm dữ liệu và đầu tư xây dựng, thành lập khu thương mại tự do Đà Nẵng mở ra triển vọng phát triển Đà Nẵng trở thành một trung tâm giao thương không chỉ hàng hoá mà còn là dịch vụ và công nghệ quốc tế. Các nhà đầu tư, tổ chức tư vấn quốc tế nhận định Đà Nẵng có tiềm năng phát triển và hợp tác với các trung tâm tài chính quốc tế khác để tận dụng lợi thế hiện tại về múi giờ, sự ổn định chính trị, thể chế, điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam nói chung và Đà Nẵng nói riêng, đặc biệt khi kết hợp cùng khu thương mại tự do Đà Nẵng sẽ mở ra cơ hội phát triển các liên kết tài chính - thương mại quốc tế⁶⁰, công nghệ cao để đưa Đà Nẵng trở thành cửa ngõ đầu tư - thương mại - tài chính - công nghệ của quốc gia, khu vực. Ngoài ra sự kết hợp các hoạt động tài chính, thương mại trong cùng khu vực sẽ tạo môi trường thử nghiệm cho các chính sách tài chính mới, thúc đẩy sự phát triển của thị trường tài chính Việt Nam.

⁶⁰ Khu thương mại tự do cung cấp môi trường thuận lợi cho hoạt động thương mại và đầu tư, từ đó tạo ra nhu cầu cho các dịch vụ tài chính như tài trợ ngoại thương, đầu tư và quản lý rủi ro tài chính. Bằng cách xây dựng các chính sách đồng bộ và hợp tác chặt chẽ giữa hai khu vực này, Đà Nẵng có thể tạo ra môi trường giao dịch linh hoạt và thuận lợi, giảm chi phí và thời gian xử lý, gia tăng năng lực cạnh tranh và thu hút các tập đoàn, đối tác đầu tư, tài chính, công nghệ, thương mại quốc tế.

CHƯƠNG IV: QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN TTTC TẠI VIỆT NAM

TTTC là một mô hình đã được phát triển tại nhiều quốc gia, có tiềm năng kiến tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho Việt Nam nếu được xây dựng thành công trong giai đoạn tới. Theo đó, việc hình thành và phát triển một TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam sẽ tạo một bước chuyển mới về chất, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa Việt Nam tham gia vào nấc thang cao hơn trong chuỗi giá trị kinh tế toàn cầu, nâng cao vai trò, vị thế, ảnh hưởng của đất nước trên quốc tế; qua đó, góp phần quan trọng trong bảo đảm an ninh quốc phòng “từ sớm, từ xa”.

Đối với Việt Nam, đây là vấn đề mới, phức tạp. Việc lựa chọn mô hình và cách thức xây dựng TTTC cần được thực hiện trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc các bài học kinh nghiệm quốc tế. Nguyên tắc xuyên suốt phải là “sân chơi” của các nhà đầu tư tài chính quốc tế, có luật chơi chung tương thích với thông lệ quốc tế (cơ chế vận hành, phát triển các hệ sinh thái, ưu đãi...), nhưng đồng thời phải phù hợp với điều kiện Việt Nam, trong đó ưu tiên lợi ích quốc gia là trên hết.

Đề án xây dựng TTTC khu vực và quốc tế là chủ trương lớn và cần có sự chỉ đạo thống nhất và xuyên suốt về quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển, lựa chọn mô hình và xây dựng khung pháp lý để tạo sự cạnh tranh so với các TTTC khác trong khu vực cũng như đủ năng lực để tiếp nhận nguồn lực tài chính dịch chuyển từ Luân Đôn, Hồng Kông và Singapore.

Trên cơ sở các bài học kinh nghiệm đã được phân tích tại Chương II Đề án này, ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan liên quan và các tổ chức, chuyên gia quốc tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin đề xuất quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và mô hình phát triển TTTC như sau:

I. Quan điểm chỉ đạo

1. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tuyệt đối của Đảng; sự quản lý tập trung, thống nhất, thông suốt và liên tục của Nhà nước.

2. Phát triển TTTC theo hướng đi lên từ năng lực nội sinh của Việt Nam, từ tiềm năng khác biệt, cơ hội nội trội, lợi thế cạnh tranh của từng địa phương nói riêng và của Việt Nam nói chung.

3. Việc lựa chọn mô hình TTTC trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và căn cứ vào điều kiện và nguồn lực thực tế của Việt Nam; có lộ trình phù hợp, gắn liền với quá trình xây dựng, phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ trên tinh thần hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất và hiệu quả.

4. Khung pháp lý áp dụng cho TTTC phải có tính đột phá, đảm bảo phát huy tối đa các lợi thế của Việt Nam; bắt kịp xu hướng phát triển quốc tế, theo chuẩn

mục, thông lệ tiên tiến của thế giới, bảo đảm nguyên tắc pháp quyền, hài hoà với cam kết quốc tế; bảo đảm sự đồng bộ, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, mở đường cho đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, có tính cạnh tranh cao, khả thi và phù hợp với điều kiện thực tiễn và năng lực nội tại, trong đó ưu tiên lợi ích quốc gia là trên hết; đặc biệt là uy tín và an ninh tài chính quốc gia.

5. Phát triển TTTC tại khu vực có ranh giới xác định và áp dụng các chính sách đặc thù trong khu vực TTTC, đối tượng tham gia được xác định theo tiêu chí rõ ràng, với chính sách ưu đãi vượt trội để cho phép Việt Nam: (i) thử nghiệm có kiểm soát các chính sách đặc thù nhằm tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường tài chính toàn cầu; (ii) phân quyền, phân cấp cho cơ quan quản lý TTTC và cải cách thủ tục hành chính tối đa có thể; tập trung quản lý, giám sát dựa trên rủi ro; (iii) đánh giá tác động đối với các chính sách phát triển TTTC phù hợp với điều kiện trong nước theo từng giai đoạn để điều chỉnh phù hợp, linh hoạt.

6. Đầu tư nguồn lực thỏa đáng và có sự đột phá mạnh mẽ về cơ chế, chính sách có tính cạnh tranh để thu hút các nguồn lực tài chính quốc tế, nhằm tạo động lực phát triển kinh tế xã hội.

7. Bảo đảm cân đối lợi ích của nhà nước, nhà đầu tư và người dân trên tinh thần hài hòa lợi ích, chia sẻ rủi ro; cần dự báo và có thể phải chấp nhận một mức độ rủi ro nhất định nhưng tăng cường vị thế địa chính trị, địa kinh tế của Việt Nam, gắn lợi ích kinh tế các đối tác, các nước lớn; qua đó góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh “phi truyền thống”; ổn định và phát triển toàn diện về các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, môi trường.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển thị trường tài chính để huy động có hiệu quả các nguồn lực, dịch vụ tài chính để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội các địa phương có TTTC nói riêng và Việt Nam nói chung bảo đảm minh bạch, hiệu quả, bắt kịp các chuẩn mực tài chính của thế giới.

2. Mục tiêu cụ thể

- Thành lập và phát triển TTTC khu vực vào năm 2035, TTTC quốc tế vào năm 2045.

- Được xếp hạng theo Chỉ số TTTC toàn cầu (GFCI): (i) đến năm 2035: trong nhóm 75 TTTC thế giới⁶¹ và nhóm 25 TTTC khu vực Châu Á-Thái Bình Dương⁶²;

⁶¹ Ngang bằng với nhóm các TTTC, Lisbon (Bồ Đào Nha), Vienna (Áo),...

⁶² Ngang bằng với nhóm các TTTC New Delhi (Ấn Độ), Taipei (Đài Loan),...

(ii) đến năm 2045: trong nhóm 20 TTTC thế giới⁶³ và nhóm 10 TTTC khu vực Châu Á - Thái Bình Dương⁶⁴.

- Trong lĩnh vực FinTech⁶⁵, được GFCI xếp hạng: (i) đến năm 2035 trong nhóm 75 TTTC thế giới, nhóm 25 khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và thứ 3 trong khu vực ASEAN; (ii) đến năm 2045: trong nhóm 20 TTTC thế giới và nhóm 10 TTTC khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, thứ 2 trong khu vực ASEAN.

III. Đề xuất mô hình và cơ cấu tổ chức TTTC tại Việt Nam

Căn cứ đặc điểm của Việt Nam, trên cơ sở tham vấn ý kiến của các tổ chức tư vấn, chuyên gia quốc tế, xin đề xuất như sau:

1. Về số lượng TTTC

Căn cứ các Nghị quyết của Đảng⁶⁶, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin kiến nghị xây dựng 02 TTTC ở Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng; trong đó, xây dựng và phát triển TTTC quốc tế tại thành phố Hồ Chí Minh một cách toàn diện, TTTC khu vực ở Đà Nẵng đi trước phát triển các dịch vụ tài chính quốc tế, trọng điểm gắn với Khu Thương mại tự do Đà Nẵng và cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực công nghệ tài chính (fintech) gắn với đổi mới sáng tạo mà Nghị quyết số 136/2024/QH15⁶⁷ đã cho phép thí điểm, tạo tiền đề quan trọng để thúc đẩy việc hình thành TTTC khu vực tại Đà Nẵng.

2. Về phạm vi phát triển TTTC

Để xây dựng TTTC thì Việt Nam cần cho áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù, nhất là trong các lĩnh vực tài chính mới như fintech, phù hợp với thông lệ quốc tế. Do khung pháp lý áp dụng cho TTTC có sự khác biệt so với các quy định pháp luật hiện hành nên các cơ chế, chính sách này cần được thực hiện có kiểm soát, theo lộ trình và trong **giới hạn không gian địa lý xác định**, bao gồm:

Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất thực hiện tại khu vực *Quận 1* và *Khu đô thị mới Thủ Thiêm*.

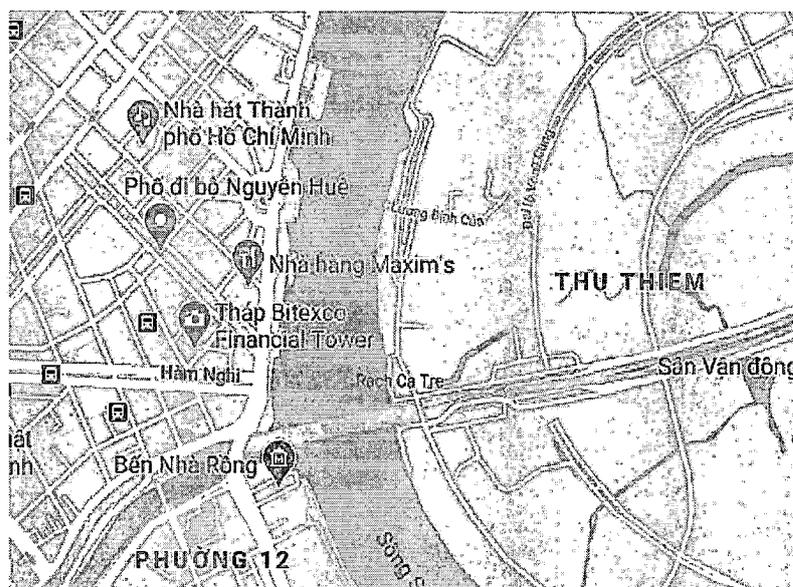
⁶³ Ngang bằng với nhóm các TTTC Dubai (đang thứ 20), Tokyo (số 19), Sydney (số 18)...

⁶⁴ Ngang bằng với nhóm các TTTC Beijing (Trung Quốc), Busan (Hàn Quốc),...

⁶⁵ Theo Báo cáo GFCI lần thứ 36 (tháng 9/2024), trong lĩnh vực FinTech, Tp. Hồ Chí Minh đạt 609 điểm, xếp hạng 100/116, tăng 4 bậc và tăng 6 điểm so với báo cáo trước. So sánh với các TTTC trong khu vực, TP.HCM xếp sau Jakarta (xếp thứ 94), nhưng đứng trên Manila (xếp thứ 101) và Bangkok (xếp thứ 102) với điểm đánh giá khá gần nhau (lần lượt là 615, 608, 607 điểm). Kuala Lumpur hạng 72, điểm 637.

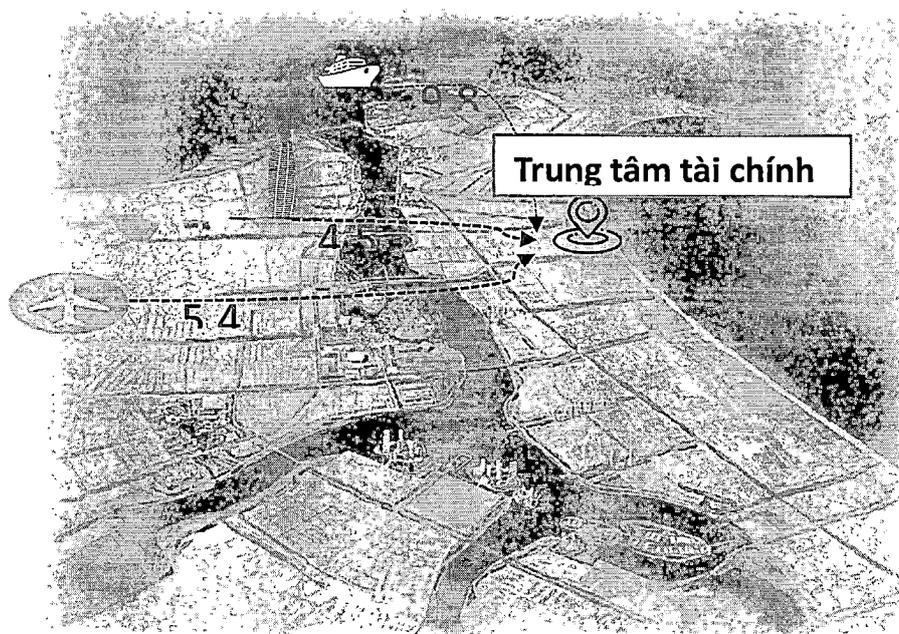
⁶⁶ Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; các Nghị quyết: số 31-NQ/TW và số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị đặt ra nhiệm vụ xây dựng TTTC quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh; các Nghị quyết: số 26-NQ/TW và số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị cũng đặt ra nhiệm vụ xây dựng TTTC cấp vùng cho Đà Nẵng

⁶⁷ Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng (Điều 14).



Hình 5.2: Dự kiến không gian phát triển TTTC tại Tp. Hồ Chí Minh gồm khu vực Hàm Nghi-Nam Kỳ Khởi Nghĩa-Võ Văn Kiệt-Tôn Đức Thắng và khu Thủ Thiêm (Nguồn: UBND Tp. Hồ Chí Minh)

Thành phố Đà Nẵng đề xuất thực hiện tại khu lõi gồm các Lô đất A12, A13, A14, A15 trên đường Võ Văn Kiệt và Lô đất A* giáp đường Võ Nguyên Giáp và Võ Văn Kiệt với diện tích hơn 6 ha, có thể mở rộng thành khu phố tài chính là vùng diện tích địa lý nằm tại khu công nghiệp Đà Nẵng với diện tích khoảng 62 ha; đồng thời phát triển Trung tâm công nghệ tài chính là phần diện tích của Khu Công viên phần mềm số 2.



Hình 5.3: Dự kiến không gian phát triển TTTC tại Tp. Đà Nẵng

Các khu vực nêu trên được xác định là không gian lõi để tập trung nguồn lực đầu tư phát triển TTTC, có thể được điều chỉnh mở rộng theo từng giai đoạn.

3. Về mô hình phát triển và cơ cấu tổ chức của TTTC

3.1. Lựa chọn mô hình phát triển

3.1.1. Các mô hình phát triển TTTC trên thế giới

a) Mô hình “cải cách và hiện đại hóa”:

Mô hình cải cách và hiện đại hóa có mục tiêu chính là nâng cao chất lượng các dịch vụ tài chính nhằm đáp ứng các chuẩn mực quốc tế để phát triển TTTC theo lộ trình phát triển dài hạn của quốc gia. Theo đó, mô hình này không thành lập một khu vực chuyên biệt để áp dụng các chính sách vượt trội; thay vào đó, ưu tiên cải cách, hoàn thiện thể chế chung của quốc gia trong lĩnh vực tài chính, kết hợp với một số chính sách đặc thù cho thành phố, khu vực nơi đặt TTTC (trong lĩnh vực tài chính, tòa án, thị trường vốn... nhưng không quá khác biệt với phần còn lại của quốc gia) để tạo đột phá trong một số lĩnh vực tài chính có chọn lọc. Đồng thời, áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro của các chính sách đặc thù để giảm thiểu tác động tiêu cực đối với an toàn hệ thống tài chính quốc gia. Các quốc gia áp dụng mô hình này là Singapore, Hong Kong...

Một số chính sách có thể nghiên cứu trường hợp lựa chọn thực thi mô hình này là: **(i)** cải cách các tiêu chuẩn và chuẩn mực tài chính chung của quốc gia để phù hợp với các thông lệ quốc tế; **(ii)** phát triển một số sản phẩm/lĩnh vực tài chính đặc thù (như fintech, tài chính xanh, sàn giao dịch hàng hóa...); **(iii)** nâng cao chất lượng của hệ thống tư pháp, tòa án, cơ chế giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực dân sự, kinh tế; **(iv)** hoàn thiện các điều kiện để nâng hạng thị trường tài chính trong nước; **(v)** phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực tài chính...

Ưu điểm:

- Cho phép hoàn thiện thể chế và phát triển TTTC theo lộ trình dài hạn;
- Cho phép thí điểm, đánh giá tác động và thử nghiệm chính sách phù hợp với bối cảnh, thể chế và điều kiện chung của quốc gia theo từng giai đoạn;
- Hạn chế rủi ro đối với an toàn hệ thống tài chính quốc gia;
- Thúc đẩy phát triển môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, tránh sự chênh lệch giữa TTTC và khu vực còn lại của nền kinh tế;

Hạn chế:

- Không tạo được đột phá trong ngắn hạn;
- Không tạo lợi thế cạnh tranh so với các TTTC đã phát triển trong khu vực;

- Không tạo lợi thế cạnh tranh khác biệt để thu hút dòng vốn đầu tư dịch chuyển trong một số lĩnh vực mới nổi;
- Thời gian thích ứng với các tiêu chuẩn/chuẩn mực và xu hướng phát triển của thị trường tài chính toàn cầu chậm;
- Lộ trình phát triển dài hạn, đòi hỏi dàn trải nguồn lực đầu tư;

b) Mô hình TTTC độc lập và chuyên biệt

Mô hình TTTC độc lập và chuyên biệt có mục tiêu chính là hình thành một khu vực độc lập, được áp dụng nhiều chính sách vượt trội so với khung pháp luật chung của quốc gia để phát triển ngay các cấu phần của một TTTC toàn diện, qua đó tạo đột phá trong thu hút dòng vốn đầu tư tài chính dịch chuyển và bắt kịp với các TTTC đã phát triển. Theo đó, mô hình này được phát triển thông qua việc cải cách toàn diện hệ thống pháp luật trong phạm vi TTTC hoặc hình thành một thể chế riêng cho TTTC (thường được xây dựng dựa trên nền tảng thông luật/án lệ). Các quốc gia áp dụng mô hình này là: các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất (Dubai, Abu Dhabi) và Kazakhstan (Astana),...

Các chính sách có thể nghiên cứu áp dụng gồm: **(i)** thành lập khung pháp lý và cơ chế quản lý chuyên biệt cho TTTC, tách biệt với khung pháp lý chung của quốc gia; **(ii)** xây dựng hệ thống pháp luật dựa trên thông luật/án lệ (common law); **(iii)** hình thành hệ thống tòa án và cơ chế giải quyết tranh chấp độc lập hoặc cho phép các chủ thể trong TTTC lựa chọn luật áp dụng; **(iv)** áp dụng khung pháp lý chuyên biệt trong lĩnh vực tài chính, tín dụng; **(v)** thành lập thị trường vốn chuyên biệt; **(vi)** thành lập hệ thống đăng ký thành viên/doanh nghiệp chuyên biệt; **(vii)** gỡ bỏ kiểm soát ngoại hối và cho phép sử dụng đồng ngoại tệ chuyển đổi; **(viii)** ưu tiên sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh; **(ix)** gỡ bỏ cơ chế kiểm soát thị thực đối với các chuyên gia, nhà đầu tư trong TTTC...

Ưu điểm:

- Áp dụng ngay các chính sách phù hợp với thông lệ quốc tế trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh;
- Tạo đột phá để thu hút dòng vốn đầu tư tài chính dịch chuyển;
- Thiết lập ngay thương hiệu TTTC trên thị trường tài chính toàn cầu;
- Thể hiện cam kết về tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi;
- Khả năng thích ứng với các tiêu chuẩn, xu hướng phát triển của thị trường tài chính toàn cầu cao;
- Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các lĩnh vực mới nổi: đổi mới sáng tạo, các sản phẩm tài chính của tương lai.

Hạn chế:

- Điều chỉnh đồng loạt nhiều chính sách trong thời gian ngắn;
- Yêu cầu tập trung nguồn lực lớn trong thời gian ngắn để đầu tư phát triển hạ tầng và chính sách đồng bộ;
- Rủi ro tác động tiêu cực đến nền kinh tế trong nước khi mở cửa đột ngột;
- Phân biệt chính sách giữa các đối tượng áp dụng trong và ngoài TTTC;
- Khả năng thúc đẩy liên kết giữa các chủ thể trong TTTC với các chủ thể hoạt động trong phần còn lại của lãnh thổ quốc gia thấp.

c) Mô hình kết hợp

Mô hình TTTC kết hợp là mô hình giao thoa giữa sự đột phá của mô hình TTTC độc lập với việc cải cách chính sách và hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo lộ trình dài hạn của mô hình “cải cách và hiện đại hóa”.

Theo đó, các TTTC phát triển theo mô hình kết hợp thường: **(i) trong ngắn hạn:** thúc đẩy hình thành và phát triển TTTC thông qua việc tạo cơ chế đột phá cho một số lĩnh vực tài chính trọng tâm, phù hợp với các lợi thế cạnh tranh của quốc gia và khu vực nơi hình thành TTTC; **(ii) trong dài hạn:** hoàn thiện thể chế chung của quốc gia hoặc mở rộng phạm vi thí điểm chính sách để từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế trong một số lĩnh vực trọng yếu của TTTC như: giải quyết tranh chấp, quản lý ngoại hối, thị trường vốn, xuất nhập cảnh...

Theo đó, các TTTC kết hợp thường có cơ chế thí điểm chính sách đi kèm với cơ chế quản lý hoặc miễn trừ rủi ro tài chính để vừa thúc đẩy phát triển các sản phẩm tài chính tiềm năng và tạo lan tỏa đối với các khu vực khác trong nền kinh tế, đồng thời giảm thiểu tối đa rủi ro đối với an toàn hệ thống tài chính của quốc gia.

Ưu điểm:

- Kết hợp các chính sách đặc thù, đột phá với hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong dài hạn;
- Cho phép thử nghiệm chính sách trong phạm vi TTTC, đảm bảo phù hợp với bối cảnh và điều kiện thực tế của quốc gia trong từng giai đoạn;

Hạn chế:

- Rủi ro phân tán nguồn lực trường hợp không lựa chọn được các cấu phần/lĩnh vực trọng tâm;
- Tính đồng bộ giữa các cấu phần của TTTC không cao;

3.1.2. Khuyến nghị mô hình phát triển TTTC tại Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu các mô hình phát triển TTTC trên thế giới; căn cứ quan điểm chỉ đạo, mục tiêu cũng như đặc điểm, tình hình, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nguồn lực thực tiễn của Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất phát triển TTTC theo mô hình “kết hợp”, có chọn lọc các ưu điểm của các mô hình trên thế giới⁶⁸, phù hợp với đặc điểm và bối cảnh của Việt Nam.

Trong đó, sẽ lựa chọn từng nhóm chính sách phù hợp với lợi thế và điều kiện phát triển của Việt Nam và các địa phương để áp dụng có kiểm soát, theo lộ trình cho các chủ thể hoạt động tại TTTC, trong phạm vi các giao dịch tài chính giữa các chủ thể này với nhau và với quốc tế. Đối với các giao dịch giữa các chủ thể tại TTTC và phần còn lại của đất nước sẽ thực hiện theo quy định và pháp luật chung hiện hành.

Giới hạn khu vực địa lý để xây dựng TTTC với các cơ chế chính sách vượt trội, theo thông lệ quốc tế nhưng từng bước, có kiểm soát theo lộ trình 02 giai đoạn, cụ thể như sau:

a) *Giai đoạn 1*: Lựa chọn một số chính sách đặc thù phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện cụ thể của Việt Nam để áp dụng ngay (hoặc có lộ trình rõ ràng, cụ thể, công khai rộng rãi) nhằm: (i) hình thành các điều kiện nền tảng của TTTC tại Việt Nam để tiến tới trở thành một TTTC toàn diện; (ii) tạo đột phá so với các TTTC trong khu vực để thu hút dòng vốn đầu tư tài chính dịch chuyên trong một số lĩnh vực phù hợp với lợi thế cạnh tranh và định hướng phát triển của TTTC Việt Nam.

Đối tượng điều chỉnh của các chính sách trong TTTC là các tổ chức được đăng ký thành viên và có sự hiện diện thương mại trong TTTC.

b) *Giai đoạn 2*: Từng bước nghiên cứu áp dụng các chính sách còn lại theo lộ trình phù hợp với thực trạng phát triển của TTTC và điều kiện chung của Việt Nam để tiến tới hình thành một TTTC quốc tế toàn diện.

Trong quá trình xây dựng, hình thành và phát triển, các chính sách phát triển TTTC đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện, mang tính cạnh tranh, đảm bảo tính ổn định, nhất quán và có tính dự báo, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, thúc đẩy hợp tác giám sát và cơ chế thực thi hiệu quả, đáng tin cậy.

Mô hình “kết hợp” được đề xuất có ưu điểm là kết hợp các chính sách đặc thù, đột phá với hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong dài hạn; đồng thời cho phép thử nghiệm chính sách trong phạm vi hoạt động của

⁶⁸ sự đột phá của mô hình “độc lập và chuyên biệt”; sự cải cách chính sách và hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo lộ trình dài hạn của mô hình “cải cách và hiện đại hóa”,...

TTTC, đảm bảo phù hợp với bối cảnh và điều kiện thực tế của quốc gia trong từng giai đoạn. Tuy nhiên, mô hình này cũng có những hạn chế nhất định như tính đồng bộ giữa các chính sách, hoạt động... của TTTC đòi hỏi phải được liên tục nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung để đảm bảo hiệu quả hoạt động.

3.2. Cơ cấu tổ chức hoạt động của TTTC

Việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước điều phối, quản lý, giám sát TTTC phải dựa trên các nguyên tắc: (i) phân quyền, phân cấp tối đa cho các cơ quan này trong phạm vi không gian của TTTC; (ii) các cơ quan này đóng vai trò là đầu mối “một cửa” trong mọi đối thoại, hợp tác, tiếp nhận và giải quyết các trình tự, thủ tục của doanh nghiệp hoạt động tại TTTC với các cơ quan nhà nước khác; (iii) hoạt động của các cơ quan này mang tính chất xây dựng, hỗ trợ, đồng hành với doanh nghiệp để phát triển TTTC⁶⁹ cũng như tăng cường hợp tác quốc tế.

Trong đó, cơ cấu tổ chức hoạt động của TTTC gồm các cơ quan:

(i) *Ban chỉ đạo TTTC*⁷⁰: đóng vai trò điều phối, quản lý cao nhất đối với TTTC; quyết định chiến lược phát triển, đầu tư...; giải quyết ý kiến khác nhau giữa cơ quan quản lý chuyên trách TTTC và cơ quan giám sát TTTC; thành lập các cơ quan, tổ chức phục vụ hoạt động của TTTC (như sở/sàn giao dịch).

Trưởng Ban chỉ đạo TTTC là Thủ tướng Chính phủ; các thành viên thường trực gồm đại diện Lãnh đạo các Bộ ngành, địa phương liên quan (có thể bao gồm đại diện Lãnh đạo một số cơ quan của Quốc hội, như Ủy ban Tài chính - Ngân sách, Ủy ban Kinh tế, Ủy ban pháp luật). Ngoài ra, Ban chỉ đạo TTTC có một số thành viên (có thể trực tiếp tham gia hoặc thông qua một Ủy ban tư vấn) là chuyên gia quốc tế đã có kinh nghiệm trong việc vận hành TTTC.

(ii) *Cơ quan quản lý TTTC*⁷¹: quyết định việc gia nhập và rút khỏi TTTC của các chủ thể/thành viên tham gia TTTC (người cung cấp dịch vụ và khách hàng), cấp phép, quản lý hoạt động trong TTTC cũng như các vấn đề liên quan (visa, lao động, thuế...) theo cơ chế một cửa; xử lý các đề xuất, kiến nghị của các thành viên tham gia TTTC; hỗ trợ các cơ quan khác của TTTC...

Người đứng đầu Cơ quan quản lý TTTC là 01 Lãnh đạo cấp ủy của địa phương nơi có TTTC; thành viên là đại diện lãnh đạo các sở, ngành: Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh (Đà Nẵng),

⁶⁹ Trong tự các TTTC tại Dubai, Abu Dhabi và Astana. Tại TTTC *Thượng Hải*, cơ chế vận hành, cơ chế quản lý và giám sát các hoạt động được cho phép/cho phép thí điểm và định hướng phát triển TTTC Thượng Hải được quy định tại các Kế hoạch 5 năm chung của Quốc gia và của Thành phố Thượng Hải nói riêng.

⁷⁰ Trong tự mô hình AIFC Management Council (Điều 10 Luật về AIFC năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2022).

⁷¹ Trong tự mô hình AIFC Management Council (Điều 10 Luật về AIFC năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2022).

Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Công an Thành phố, Sở Tư pháp...

Cơ quan quản lý TTTC tiếp nhận yêu cầu, báo cáo Ban chỉ đạo TTTC về việc cho phép triển khai, áp dụng các giải pháp, tiêu chuẩn, quy chuẩn, mô hình kinh doanh mới liên quan lĩnh vực tài chính trong phạm vi TTTC theo cơ chế tiền kiểm và/hoặc cơ chế hậu kiểm.

(iii) *Cơ quan giám sát TTTC*⁷²: chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của các định chế tài chính trong TTTC; gồm đại diện của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt TTTC, các cơ quan liên quan; đảm bảo an toàn cho hoạt động của TTTC, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng (người tiêu dùng); phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, gian lận tài chính...

(iv) *Cơ quan giải quyết tranh chấp*: để đảm bảo việc giải quyết tranh chấp liên quan TTTC (giữa các thành viên tham gia TTTC, giữa thành viên và khách hàng, giữa các chủ thể tham gia TTTC và cơ quan quản lý, giám sát TTTC...) diễn ra nhanh chóng, hiệu quả, đảm bảo công lý, thân thiện với các nhà đầu tư tham gia TTTC, trước mắt thành lập Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTC như mô hình trung tâm trọng tài thương mại nhưng có một số đặc thù để đảm bảo niềm tin và sự thuận tiện cho các chủ thể, nhất là về luật áp dụng, phạm vi tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết, ngôn ngữ giải quyết tranh chấp, khả năng thực thi phán quyết trọng tài (có cơ chế để phán quyết trọng tài không bị tòa án hủy bỏ và có cơ chế để thi hành được phán quyết trọng tài trên thực tế một cách kịp thời)⁷³; đồng thời, tăng cường ứng dụng công nghệ, số hóa hoạt động giải quyết tranh chấp trong TTTC.

⁷² Tương tự mô hình Astana Financial Services Authority (Điều 12 Luật về AIFC năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2022).

⁷³ Tương tự mô hình International Arbitration Centre (Điều 14 Luật về AIFC năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2022).

CHƯƠNG V

KHUYẾN NGHỊ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH XÂY DỰNG TTTC

Trên cơ sở lựa chọn mô hình TTTC nêu trên, tham vấn ý kiến của các tổ chức tư vấn, chuyên gia tài chính quốc tế, xin kiến nghị định hướng các *cơ chế chính sách* xây dựng TTTC, được chia thành **3 nhóm**, cụ thể như sau:

I. Các chính sách áp dụng ngay (Nhóm 1)

(i) **Hệ thống và bộ tiêu chí đăng ký doanh nghiệp/đăng ký thành viên** do Ban quản lý TTTC là đơn vị chủ quản;⁷⁴ chỉ áp dụng một thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp và thực hiện thủ tục đăng ký trực tuyến, không yêu cầu dự án, không yêu cầu tài liệu bản gốc, không yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự.

Cơ sở đề xuất:

- Kinh nghiệm phát triển các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi, Astana...): đã hình thành hệ thống đăng ký thành viên/doanh nghiệp chuyên biệt và phân cấp quyền cấp, điều chỉnh, quản lý giấy phép hoạt động đầu tư của các chủ thể trong TTTC cho Cơ quan quản lý TTTC. Trong đó, Cơ quan quản lý TTTC Thực hiện chức năng cấp phép và quản lý hoạt động của các doanh nghiệp nói chung; Cơ quan giám sát tài chính cấp phép và quản lý hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán...

- Kinh nghiệm phát triển TTTC Singapore: chức năng quản lý hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và dịch vụ tài chính do Ngân hàng Trung ương thực hiện; chức năng cấp phép và quản lý hoạt động của các doanh nghiệp khác do Bộ Tài chính thực thi.

(ii) **Ưu tiên sử dụng ngôn ngữ giao dịch là tiếng Anh**⁷⁵: cho phép sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ giao dịch chính hoặc có giá trị pháp lý tương đương với tiếng Việt trong TTTC.

⁷⁴ Các *TTTC mới nổi* (Dubai, Abu Dhabi, Astana...) đã hình thành hệ thống đăng ký thành viên/doanh nghiệp chuyên biệt và phân cấp quyền cấp, điều chỉnh, quản lý giấy phép hoạt động của các chủ thể trong TTTC cho Cơ quan quản lý TTTC; trong đó: (i) Cơ quan quản lý TTTC thực hiện chức năng cấp phép và quản lý hoạt động của các doanh nghiệp nói chung; (ii) Cơ quan giám sát tài chính cấp phép và quản lý hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán... Tại *Singapore*, do đặc thù về diện tích và địa lý, chức năng quản lý hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và dịch vụ tài chính do Ngân hàng Trung ương thực hiện; chức năng cấp phép và quản lý hoạt động của các doanh nghiệp khác do Bộ Tài chính thực thi.

⁷⁵ Xuất phát từ các *TTTC truyền thống* (New York, London...) đều tiếng Anh là ngôn ngữ chính, do đó đã ảnh hưởng và thành nguyên tắc mặc định bắt thành văn trong giao dịch tài chính toàn cầu. Các *TTTC mới nổi* (Dubai, Abu Dhabi, Astana...) đều cho phép áp dụng tiếng Anh là ngôn ngữ giao dịch chính, có giá trị tương đương với ngôn ngữ bản địa trong phạm vi TTTC, và được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có sự khác nhau về cách hiểu giữa các bản dịch với nhau. Riêng *TTTC Thượng Hải* áp dụng Tiếng Hoa kèm bản dịch tiếng Anh đối với các giao dịch trong TTTC; hiện đang thí điểm sử dụng tiếng Anh trong hoạt động giải quyết tranh chấp.

Tiếng Anh là ngôn ngữ giao dịch phổ biến nhất của thị trường tài chính toàn cầu. Theo đó, cần cần nhắc sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ giao dịch chính trong TTTC để đảm bảo tính kết nối với các TTTC khác. Tuy nhiên, vẫn yêu cầu sử dụng song song với tiếng Việt để đảm bảo tuân thủ các quy định trong nước.

Cơ sở đề xuất:

- Kinh nghiệm phát triển các TTTC truyền thống (New York, London...): tiếng Anh là ngôn ngữ chính của quốc gia.

- Kinh nghiệm phát triển các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi, Astana...): đều cho phép áp dụng tiếng Anh là ngôn ngữ giao dịch chính, có giá trị tương đương với ngôn ngữ bản địa trong phạm vi TTTC, và được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có sự khác nhau về cách hiểu giữa các bản dịch với nhau.

- Kinh nghiệm phát triển TTTC Thượng Hải: áp dụng Tiếng Hoa kèm bản dịch tiếng Anh đối với các giao dịch trong TTTC; hiện đang thí điểm sử dụng tiếng Anh trong hoạt động giải quyết tranh chấp.

(iii) **Xác định các lĩnh vực ưu tiên trong TTTC⁷⁶**: một số sản phẩm tài chính truyền thống (thị trường vốn, tiền tệ, ngân hàng, bảo hiểm...) trong đó ưu tiên triển khai các dịch vụ tài chính quốc tế⁷⁷; và một số sản phẩm tài chính hiện đại (tài sản mã hóa, fintech, tài chính xanh...), trong đó cần tập trung vào ưu tiên phát triển các mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính (fintech)⁷⁸ nhằm tăng tính cạnh tranh và hấp dẫn của TTTC ở Việt Nam.

Cơ sở đề xuất:

- Kinh nghiệm phát triển các TTTC truyền thống (New York, London, Singapore...): phát triển thị trường vốn gắn với các lợi thế của nền kinh tế trong nước là trọng tâm của TTTC trong giai đoạn đầu.

- Kinh nghiệm phát triển TTTC Singapore: phát triển thị trường tiền tệ để tận dụng khoảng trống về múi giờ giao dịch của thị trường tài chính toàn cầu.

⁷⁶ các **TTTC truyền thống** (New York, London,...) và Singapore, xác định phát triển thị trường vốn gắn với các lợi thế của nền kinh tế trong nước là trọng tâm của TTTC trong giai đoạn đầu; riêng **Singapore** còn đặt mục tiêu phát triển thị trường tiền tệ để tận dụng khoảng trống về múi giờ giao dịch của thị trường tài chính toàn cầu. Các **TTTC mới nổi** (Dubai, Abu Dhabi, Astana...): kết hợp giữa 1-2 sản phẩm tài chính truyền thống (như thị trường chứng khoán tại Dubai hoặc quản lý quỹ tại Abu Dhabi) và 1-2 sản phẩm tài chính hiện đại (như phát triển lĩnh vực fintech gắn với hoạt động đổi mới sáng tạo tại Dubai hoặc hình thành cơ chế thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực liên quan đến tài sản ảo tại Abu Dhabi).

⁷⁷ Bao gồm các dịch vụ để thúc đẩy hoạt động của TTTC Tp. Hồ Chí Minh theo hướng toàn diện và các dịch vụ đặc thù để phát triển TTTC Đà Nẵng gắn với hoạt động thương mại quốc tế, gắn với khu thương mại tự do Đà Nẵng Các dịch vụ tài trợ chuỗi cung ứng, chiết khấu chứng từ thương mại, thanh toán và chuyển nhượng uỷ thác, các dịch vụ quản lý rủi ro và giao dịch ngoại hối, nghiệp vụ Eurocurrencies, các giao dịch công cụ tài chính phái sinh như hợp đồng quyền chọn, hợp đồng tương lai, hợp đồng hoán đổi ...

⁷⁸ Về các lĩnh vực fintech quan trọng cần tập trung, xin xem: *The Global Financial Centres Index 35*, 3/2024, tr. 43, https://www.longfinance.net/media/documents/GFCI_35_Report_2024.03.21_v1.0.pdf; *Một số vấn đề pháp lý về tài sản mã hóa, tiền mã hóa*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2019.

- Kinh nghiệm phát triển các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi, Astana...): kết hợp giữa 1-2 sản phẩm tài chính truyền thống (như thị trường chứng khoán tại Dubai hoặc quản lý quỹ tại Abu Dhabi) và 1-2 sản phẩm tài chính hiện đại (như phát triển lĩnh vực fintech gắn với hoạt động đổi mới sáng tạo tại Dubai hoặc hình thành cơ chế thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực liên quan đến tài sản ảo, tài sản mã hóa tại Abu Dhabi).

(iv) Quy định đặc thù để phát triển thị trường vốn⁷⁹, gồm:

- Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với mô hình kinh doanh ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính (fintech), đi kèm với phân cấp quyền quản lý, đánh giá tác động và quản trị rủi ro trong hoạt động fintech cho Cơ quan quản lý TTTC,⁸⁰ bao gồm cả sàn giao dịch đối với tài sản mã hoá, tiền mã hoá.

- Có cơ chế ưu đãi vượt trội so với quy định hiện hành đối với hoạt động tài chính xanh trong phạm vi TTTC (như mua bán tín chỉ các-bon, tài trợ vốn cho các dự án xanh...⁸¹).

- Đơn giản hóa thủ tục thành lập và quản lý hoạt động của các tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động và cung cấp dịch vụ trong TTTC so với quy định hiện hành⁸².

- Thành lập sàn giao dịch chuyên biệt cho TTTC.⁸³

- Ban hành một số quy định đăng ký, lưu ký, giao dịch và thanh toán bù trừ chuyên biệt cho chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán của TTTC Việt Nam theo thông lệ của các TTTC lớn.

- Triển khai một số giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm⁸⁴.

⁷⁹ Kinh nghiệm quốc tế cho thấy phát triển thị trường vốn (cùng với thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng) là một trong những cấu phần nền tảng để phát triển thị trường tài chính nói chung và TTTC nói riêng. Tuy nhiên, phát triển thị trường vốn tại các TTTC mới nổi là một nhiệm vụ khó, phức tạp do có sự cạnh tranh cao từ các TTTC đã phát triển.

Trên thực tế, nhiều TTTC mới nổi (như Dubai, Abu Dhabi, Astana...) tuy đã đạt được một số kết quả nhất định trong phát triển các sản phẩm tài chính nói chung và thị trường vốn nói riêng, nhưng đến nay vẫn chưa được GFCI xếp hạng về mức độ phát triển của các cấu phần nền tảng.

⁸⁰ Thử nghiệm có kiểm soát đã được đưa vào Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng (Điều 14)

⁸¹ Quy định này đã có trong Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

⁸² Trình tự, thủ tục hiện nay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (Chương V Luật các tổ chức tín dụng).

⁸³ Có thể cân nhắc cho phép: (i) giao dịch bằng đồng ngoại tệ chuyên đổi; (ii) niêm yết chéo với các sàn giao dịch quốc tế; (iii) đơn giản hóa quy định về niêm yết và giao dịch cổ phiếu. Một số sản phẩm tài chính có thể cân nhắc phát triển tại sàn giao dịch chuyên biệt cho TTTC bao gồm: cổ phiếu, trái phiếu Chính phủ, các sản phẩm thứ cấp trái phiếu Chính phủ, trái phiếu xanh, trái phiếu doanh nghiệp, hàng hóa, kim loại, phái sinh, hợp đồng tương lai...).

⁸⁴ Có thể thành lập sàn giao dịch bảo hiểm, tái bảo hiểm chuyên biệt thuộc Sàn giao dịch chung của TTTC như tại London, Thượng Hải, Dubai...

- Áp dụng thông lệ quốc tế về chuẩn mực kế toán, tài chính, báo cáo tài chính⁸⁵ và các thông lệ quốc tế về tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị công ty (tiêu chuẩn ESG). Trong đó, cho phép các chủ thể trong TTTC tự do lựa chọn chuẩn mực báo cáo tài chính, trường hợp đã thực hiện theo thông lệ quốc tế thì không cần thực hiện theo quy định trong nước.⁸⁶

- Có chính sách ưu đãi cho các ngân hàng nước ngoài thành lập chi nhánh hoặc chuyên trụ sở, văn phòng đại diện đến TTTC Việt Nam (như ưu đãi về thuế, phí...).

- Xây dựng hệ thống thông tin thị trường minh bạch và chuyên sâu; cải thiện cơ cấu và quy định quản lý rủi ro để tăng tính cạnh tranh, bao gồm quản lý rủi ro hoạt động (ORM), quản lý rủi ro thị trường (MRM), đặc biệt là quản lý rủi ro tín dụng (CRM).

Cơ sở đề xuất:

- Kinh nghiệm quốc tế cho thấy phát triển thị trường vốn (cùng với thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng) là một trong những cấu phần nền tảng để phát triển thị trường tài chính nói chung và TTTC nói riêng. Tuy nhiên, phát triển thị trường vốn tại các TTTC mới nổi là một nhiệm vụ khó, phức tạp do có sự cạnh tranh cao từ các TTTC đã phát triển.

- Trên thực tế, nhiều TTTC mới nổi (như Dubai, Abu Dhabi, Astana...) tuy đã đạt được một số kết quả nhất định trong phát triển các sản phẩm tài chính nói chung và thị trường vốn nói riêng, nhưng đến nay vẫn chưa được GFCI xếp hạng về mức độ phát triển của các cấu phần nền tảng.

Theo đó, việc phát triển thành công thị trường vốn theo hướng hiện đại, có tính cạnh tranh cao đòi hỏi một số chính sách vượt trội để tiệm cận với thông lệ quốc tế, nhưng đồng thời vẫn có lộ trình phát triển hệ sinh thái tài chính phù hợp với từng giai đoạn phát triển của TTTC.

⁸⁵ Nội dung này đã được định hướng tại Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020 của Bộ Tài chính phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam.

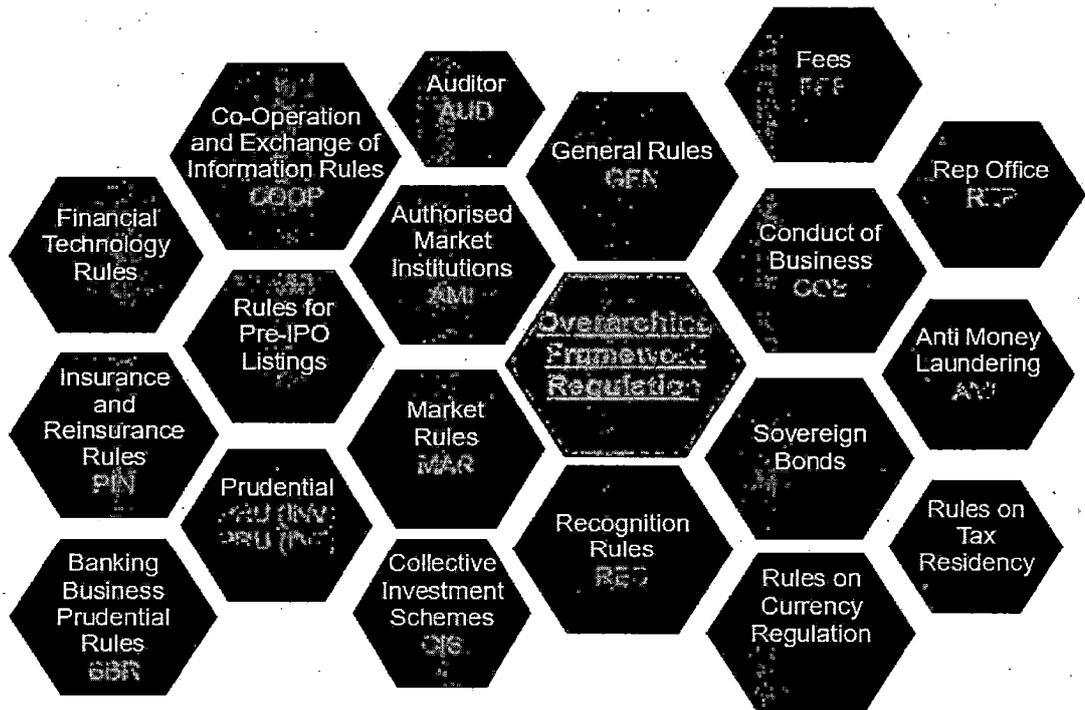
⁸⁶ Vấn đề này trong chừng mực nhất định đã được đưa vào dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia.

IFC	New York	London	Singapore	Hong Kong	Thượng Hải	Bangkok	Dubai	Abu Dhabi	Astana
Quốc gia	Hoa Kỳ	Vương quốc Anh	Singapore	Trung Quốc	Trung Quốc	Thái Lan	Các tiêu chuẩn quốc tế Ả Rập thống nhất	Các tiêu chuẩn quốc tế Ả Rập thống nhất	Kazakhstan
Tuân thủ các tiêu chuẩn tài chính quốc tế trong quản lý rủi ro	Basel III	Basel III	Basel III	Basel III	Basel III	Basel III	Basel III	Basel III	Basel III
Tuân thủ các tiêu chuẩn tài chính quốc tế và phòng chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố	FATF	FATF	FATF	FATF	FATF	FATF	FATF	FATF	FATF

Hình 5.5: Thực trạng áp dụng các chuẩn mực tài chính quốc tế tại các TTTC lớn

IFC	New York	London	Singapore	Hong Kong	Thượng Hải	Bangkok	Dubai	Abu Dhabi	Astana	
Nền tảng	Dịch vụ ngân hàng ⁶	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 6	Hạng 9	Hạng 3	x	x	x	x
	Ngoại hối ⁶	Hạng 1	Hạng 4	Hạng 10	Hạng 9	Hạng 5	x	x	x	
	Thị trường chứng khoán ⁷	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 14	Hạng 4	Hạng 2	x	Hạng 16	x	x
	Thị trường trái phiếu ⁸	Hạng 1	Hạng 5	x	x	Hạng 2	x	x	x	x
Chuyên sâu	Thị trường hàng hóa và phái sinh hàng hóa	Hạng 1	Hạng 2	x	x	x	x	x		
	Quản lý tài sản ⁹	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 7	Hạng 13	Hạng 11	x	x	x	
	Quý đầu tư tư nhân và quỹ đầu tư mạo hiểm ¹⁰	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 7	Hạng 15	Hạng 8	Hạng 25	Hạng 33	Hạng 33	Hạng 53
	Đầu tư bất động sản và hạ tầng	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 6	Hạng 12	Hạng 5				x
	Tài trợ thương mại	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 7	Hạng 8	Hạng 6	x	x	x	x
	Thị trường bảo hiểm và tái bảo hiểm	Hạng 2	Hạng 3	Hạng 1	Hạng 8	Hạng 5	x	x	x	
	Quản lý gia sản và ngân hàng cao cấp	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 6	Hạng 10	Hạng 8		x		
Mới nổi	Fintech	Hạng 1	Hạng 2	Hạng 7	Hạng 14	Hạng 8	Hạng 102	Hạng 30	Hạng 41	Hạng 63
	Tài chính bền vững	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	Tài chính Hồi giáo		Hạng 15	Hạng 33			Hạng 29	Hạng 5	Hạng 5	x
	Sản phẩm định giá bằng đồng nhân dân tệ			x	x	x				
Ghi chú: Dấu "x" thể hiện những hạng mục mà IFC đã phát triển thị trường nhưng chưa được xếp hạng.										

Hình 5.6: Tổng hợp xếp hạng chất lượng cung cấp dịch vụ tài chính của các TTTC lớn trên thế giới theo đánh giá của GFCI



Hình 5.7: Hệ thống các văn bản pháp luật để phát triển thị trường vốn/tiền tệ tại các TTTC lớn trên thế giới

(v) **Tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng TTTC⁸⁷**: Cho phép thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư vượt trội thu hút nhà đầu tư chiến lược để đầu tư xây dựng hạ tầng TTTC đảm bảo quy mô, hiệu quả hoạt động của TTTC theo tiêu chuẩn quốc tế.

Giao Cơ quan quản lý TTTC ban hành Kế hoạch huy động nguồn lực, bao gồm nguồn lực từ ngân sách nhà nước và nguồn lực tư nhân để phát triển hạ tầng phục vụ TTTC trong các giai đoạn sau.

Nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cho TTTC được huy động từ nguồn ngân sách nhà nước (cấp Trung ương và địa phương) và nguồn đầu tư xã hội (có thể được huy động từ nhà đầu tư chiến lược và các tổ chức/định chế tài chính thành viên TTTC).

Cơ sở đề xuất:

- Kinh nghiệm phát triển các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi, Astana...): đã xác định các khu vực có hàng rào để phát triển TTTC, đồng thời ban hành kèm

⁸⁷ Các **TTTC mới nổi** (Dubai, Abu Dhabi, Astana...): đã xác định các khu vực có hàng rào để phát triển TTTC, đồng thời ban hành kèm theo quy hoạch là kế hoạch huy động nguồn lực phát triển CSHT cho TTTC (bao gồm cả hạ tầng cứng và hạ tầng mềm). Các **TTTC truyền thống** (New York, London...) xác định: (i) nguồn lực phát triển hạ tầng cứng cho TTTC là một cấu phần của nguồn lực đầu tư phát triển đô thị chung tại các thành phố, địa điểm tập trung nhiều tổ chức, định chế tài chính; (ii) nguồn lực phát triển hạ tầng mềm cho TTTC được triển khai chung với phần còn lại của quốc gia.

- Kinh nghiệm phát triển TTTC Singapore: tận dụng mạng lưới chuyên gia để thu hút các Trường Đại học uy tín thế giới thành lập phân viện tại Singapore.

(vii) Nói lỏng quy định trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh và quản lý chuyên gia nước ngoài trong TTTC:

- Miễn thị thực nhập cảnh thời hạn tối đa 30 ngày đối với các cá nhân nước ngoài đến làm việc theo giấy mời của tổ chức hoạt động trong TTTC.

- Miễn thị thực nhập cảnh thời hạn tối đa 90 ngày cho các nhà đầu tư nước ngoài có tài khoản giao dịch tại các tổ chức hoạt động trong TTTC.

- Miễn giấy phép lao động/áp dụng quy trình cấp giấy phép lao động rút gọn (fast-track) đối với các cá nhân nước ngoài làm việc cho các tổ chức hoạt động trong TTTC và áp dụng quy trình cấp thị thực nhập cảnh/thẻ tạm trú dài hạn rút gọn đối với vợ/chồng/con chưa thành niên của các cá nhân đó.

Cơ sở đề xuất:

Các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi,): đã ban hành chính sách miễn thị thực/giấy phép lao động hoặc đơn giản hóa thủ tục cấp, gia hạn và sử dụng thẻ cư trú cho các chuyên gia và gia đình đang làm việc tại TTTC hoặc các nhà đầu tư nước ngoài có hoạt động đầu tư/đặt trụ sở doanh nghiệp tại TTTC.

Trong khi đó, theo quy định tại Điều 9 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, thị thực cấp cho chuyên gia nước ngoài: (i) không quá 2 năm đối với người nước ngoài làm việc tại Việt Nam có xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động; (ii) không quá 01 năm đối với người nước ngoài làm việc với doanh nghiệp, tổ chức khác có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam. Về giấy phép lao động, theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ, chỉ không phải cấp giấy phép lao động đối với người nước ngoài vào Việt Nam làm việc tại vị trí nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật có thời gian làm việc dưới 30 ngày và không quá 03 lần trong 01 năm.

(viii) Áp dụng cơ chế ưu đãi đầu tư vượt trội trong TTTC

Tại văn bản quy phạm pháp luật quy định việc thành lập TTTC, giao Cơ quan có thẩm quyền ban hành một số cơ chế ưu đãi đặc thù, vượt trội cho nhà đầu tư chiến lược đầu tư xây dựng hạ tầng TTTC và các chủ thể đầu tư tại TTTC (miễn, giảm một số thủ tục đăng ký đầu tư, góp vốn kinh doanh; được tự do kinh doanh với người không cư trú các lĩnh vực mà Việt Nam không cấm, được hưởng các ưu đãi đầu tư, đặc biệt là thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân, sở hữu các bất động sản du lịch...).

theo quy hoạch là kế hoạch huy động nguồn lực phát triển CSHT cho TTTC (bao gồm cả hạ tầng cứng và hạ tầng mềm).

- Kinh nghiệm phát triển các TTTC truyền thống (New York, London...):
(i) nguồn lực phát triển hạ tầng cứng cho TTTC là một cấu phần của nguồn lực đầu tư phát triển đô thị chung tại các thành phố, địa điểm tập trung nhiều tổ chức, định chế tài chính; (ii) nguồn lực phát triển hạ tầng mềm cho TTTC được triển khai chung với phần còn lại của quốc gia.

(vi) Đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực tài chính⁸⁸: giao Cơ quan quản lý TTTC hình thành kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực tài chính, dịch vụ tài chính.

Đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực tài chính, dịch vụ tài chính là một trong những yếu tố nền tảng cơ bản để thu hút các định chế tài chính và các nhà đầu tư đến TTTC. Theo đó, Việt Nam được nhiều tổ chức uy tín quốc tế đánh giá đang có nhiều lợi thế thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực này, đặc biệt là có chi phí cạnh tranh so với các nước trong khu vực. Tuy nhiên, cần có chiến lược và kế hoạch đào tạo bài bản, gắn với các chuẩn mực quốc tế và nhu cầu của nhà đầu tư để đảm bảo hiệu quả trong quá trình triển khai.

Theo đó, có thể triển khai đồng thời 2 giải pháp chính: **(i)** phối hợp với các Hiệp hội, tổ chức uy tín quốc tế trong lĩnh vực tài chính, kế toán trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực tại Việt Nam⁸⁹; **(ii)** nghiên cứu khả năng thu hút một số Đại học uy tín trong lĩnh vực tài chính thành lập phân viện hoặc hình thành các trung tâm đào tạo chuyên biệt cho TTTC tại Việt Nam⁹⁰.

Cơ sở đề xuất:

- Kinh nghiệm phát triển các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi): đã ban hành các cơ chế ưu đãi để thu hút các Viện nghiên cứu, trường đại học uy tín hàng đầu thế giới đặt phân viện gần hoặc tại TTTC, kết hợp với đầu tư phát triển chương trình đào tạo tại các Viện, Trường đại học công lập phục vụ riêng cho ngành dịch vụ tài chính.

⁸⁸ Các **TTTC mới nổi** (Dubai, Abu Dhabi): đã ban hành các cơ chế ưu đãi để thu hút các Viện nghiên cứu, trường đại học uy tín hàng đầu thế giới đặt phân viện gần hoặc tại TTTC, kết hợp với đầu tư phát triển chương trình đào tạo tại các Viện, Trường đại học công lập phục vụ riêng cho ngành dịch vụ tài chính. **TTTC Singapore** tận dụng mạng lưới chuyên gia để thu hút các Trường Đại học uy tín thế giới thành lập phân viện tại Singapore.

⁸⁹ Ví dụ, Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (The Association of Chartered Certified Accountants-ACCA) đã phối hợp triển khai chương trình đào tạo và cấp chứng chỉ kế toán/kiểm toán tại nhiều Trường Đại học lớn của Việt Nam.

⁹⁰ ADGM thu hút Đại học New York; DIFC phối hợp với một số Đại học uy tín của Hoa Kỳ và Anh để hình thành trung tâm đào tạo chuyên biệt cho TTTC; Thượng Hải xây dựng chương trình Thu hút nhân tài tại Khu Lục Gia Thủy để phục vụ phát triển TTTC.

Cơ sở đề xuất: các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi) đã ban hành các cơ chế ưu đãi về thuế, thủ tục cấp phép và hỗ trợ sau đầu tư để thu hút các nhà đầu tư tham gia phát triển và đặt trụ sở tại TTTC.

II. Các chính sách áp dụng theo lộ trình để phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam (Nhóm 2)

(i) Nói lỏng kiểm soát ngoại hối và các giao dịch tiền tệ trong TTTC: không kiểm soát ngoại hối và áp dụng thủ tục cấp phép đối với: các giao dịch thực hiện trong TTTC và giữa các chủ thể TTTC và các chủ thể tại nước ngoài; và giữa các chủ thể trong TTTC. Các giao dịch ngoại tệ giữa chủ thể trong TTTC và phần còn lại của quốc gia thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối.⁹¹

Cơ sở đề xuất:

Hầu hết các TTTC đều cho phép giao dịch bằng đồng ngoại tệ chuyển đổi trong phạm vi TTTC để tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch tài chính; đây là một trong những tiêu chí cơ bản của một TTTC. Singapore áp dụng “2 chế độ” khác nhau về quản lý ngoại hối giữa các đối tượng hoạt động trong TTTC và phần còn lại của nền kinh tế; theo đó, không cho phép các giao dịch ngoại tệ giữa chủ thể trong và ngoài TTTC, mà chỉ cho phép giao dịch bằng đồng ngoại tệ chuyển đổi trong phạm vi TTTC và từng bước mở cửa thị trường theo lộ trình phát triển chung của TTTC. Tại các TTTC mới nổi, đối với các giao dịch giữa chủ thể trong TTTC và chủ thể “nội địa”, được thực hiện theo quy định về giao dịch ngoại tệ xuyên biên giới (như tại Astana) hoặc theo một quy định riêng do các Cơ quan chuyên ngành cấp trung ương quản lý (như tại Dubai).

(ii) Khuyến khích thành lập các công ty holding (công ty có chức năng đầu tư vốn vào công ty khác) trong TTTC nhằm “kéo” các công ty đang hoạt động ở nước ngoài về Việt Nam và các công ty này được tự do đầu tư, góp vốn, mua cổ phần trong các công ty trong nước và nước ngoài.

Các công ty trong TTTC được tự do thỏa thuận giá mua bán cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán và không bị giới hạn theo biên độ giao dịch.

(iii) Phát triển thị trường tiền tệ, ngân hàng⁹²:

- Hoàn thiện lộ trình áp dụng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về ngân hàng (như Basel III) trong TTTC.

⁹¹ Khác với quy định của Pháp lệnh ngoại hối (Điều 22).

⁹² Trong giai đoạn đầu phát triển, các TTTC tại Singapore, Hong Kong và Thượng Hải đều tận dụng các lợi thế cạnh tranh về múi giờ và vị trí địa chính trị thuận lợi để tham gia vào cấu trúc trật tự của thị trường tài chính toàn cầu, từ đó hình thành và phát triển TTTC

- Lộ trình cho phép hình thành ngân hàng ,số hóa hoàn toàn, không bao gồm các chi nhánh, phòng giao dịch thực tế, chỉ cung cấp dịch vụ trong TTTC và cho các khách hàng quốc tế.

- Lộ trình áp dụng các chuẩn mực về phòng, chống rửa tiền theo thông lệ quốc tế tại TTTC.

- Không áp dụng hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài hoặc điều kiện đầu tư nước ngoài đối với các ngân hàng hoặc TCTD có trụ sở tại TTTC để cung cấp dịch vụ trong TTTC hoặc dịch vụ xuyên biên giới.

Cơ sở đề xuất:

- Tương tự như phát triển thị trường vốn, phát triển thị trường tiền tệ và ngân hàng là một trong những cấu phần nền tảng để phát triển thị trường tài chính nói chung và TTTC nói riêng.

- Trong giai đoạn đầu phát triển, các TTTC tại Singapore, Hong Kong và Thượng Hải đều tận dụng các lợi thế cạnh tranh về múi giờ và vị trí địa chính trị thuận lợi để tham gia vào cấu trúc trật tự của thị trường tài chính toàn cầu, từ đó hình thành và phát triển TTTC⁹³. Ngoài ra, theo đánh giá của GFICI, việc đa dạng hóa và nâng cao chất lượng cung cấp các sản phẩm giao dịch, quản lý hoạt động của thị trường tiền tệ và ngân hàng (cùng với thị trường vốn), là những yếu tố quan trọng giúp TTTC New York vượt TTTC London để trở thành TTTC lớn nhất toàn cầu trong giai đoạn sau Brexit.

(iv) Tiếp tục phát triển các sản phẩm, giao dịch liên quan đến tài sản mã hóa,⁹⁴ phát triển và quản lý theo lộ trình giao dịch bằng tài sản mã hoá, tiền mã hoá trong TTTC. Bao gồm:

- Xác định phát triển các sản phẩm, mô hình kinh tế hiện đại dựa trên tài sản mã hóa là một trọng tâm của TTTC Việt Nam.

- Ban hành chính sách quản lý, định hướng thúc đẩy cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản mã hóa trong TTTC.

Cơ sở đề xuất: các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi, Astana) đều xác định tài sản ảo, tài sản mã hóa, tiền ảo là các sản phẩm tài chính của tương lai, có khả năng tạo đột phá trên thị trường tài chính quốc tế. Theo đó, đã tiên phong ban hành các văn bản pháp lý để quy định và thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực này.

⁹³ Singapore tham gia thông qua thị trường Đô-la Châu Á và mở cửa lĩnh vực ngân hàng; Hong Kong tham gia thông qua phát triển thị trường hàng hóa, sản giao dịch vàng và mở cửa thị trường ngân hàng; Thượng Hải mở cửa ngành ngân hàng trong nước để thu hút các định chế tài chính đặt trụ sở khu vực.

⁹⁴ Các TTTC Dubai, Abu Dhabi đều xác định tài sản ảo, tài sản mã hóa, tiền mã hóa là các sản phẩm tài chính của tương lai, có khả năng tạo đột phá trên thị trường tài chính quốc tế. Theo đó, đã tiên phong ban hành các văn bản pháp lý để quy định và thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực này

(v) **Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân** hoạt động trong TTTC xuống ngang bằng với mức thuế tại Singapore, Hồng Kong và áp dụng các mức giảm trừ tương tự.⁹⁵

Các chính sách nêu trên có sự khác biệt so với quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, hoạt động, cấp phép, giám sát... trong Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Pháp lệnh ngoại hối, Luật Phòng, chống rửa tiền, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Bộ luật Lao động, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân... Bên cạnh đó, để thúc đẩy các mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực tài chính (fintech), như tài sản mã hoá, các mô hình ứng dụng công nghệ chuỗi khối phân tán (blockchain) nhằm tạo lập các sản phẩm “đặc thù”, mang tính cạnh tranh cho TTTC ở Việt Nam, các quy định mới, “đặc thù” cần được xác lập, nhằm tập trung vào việc quản lý, xử lý các rủi ro.

III. Các chính sách cần tiếp tục nghiên cứu và cân nhắc sau năm 2035 (Nhóm 3)

(i) **Nghiên cứu áp dụng pháp luật án lệ** (có thể dựa trên nền tảng luật pháp Anh, Singapore, hoặc bang New York) để điều chỉnh các hoạt động tài chính, thương mại trong phạm vi TTTC và **hình thành tòa án tài chính độc lập**, cho phép các thẩm phán là người nước ngoài tham gia hoạt động tố tụng để giải quyết các tranh chấp thương mại trong TTTC.

- Án lệ “Common law” được đánh giá là khung pháp luật phù hợp nhất để quản lý các hoạt động tài chính do cơ chế pháp luật này được thực thi thông qua những phán quyết của tòa án trong các vụ án cụ thể. Việc áp dụng án lệ cho phép các thẩm phán có thể đưa ra quyết định khác nhau đối với những trường hợp tương tự như nhau nhưng xảy ra trong tình huống khác nhau để phù hợp với bối cảnh áp dụng. Theo đó, điều này cho phép khung pháp luật tự điều chỉnh để phù hợp với sự thay đổi của các yếu tố ngoại quan (như mức độ phát triển của nền kinh tế, công nghệ, thị trường tài chính...), qua đó tạo điều kiện thông thoáng để thúc đẩy việc thử nghiệm các mô hình, hoạt động kinh tế mới, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính.

Việc áp dụng án lệ có thể tạo đột phá để thu hút ngay các nhà đầu tư tài chính đến TTTC Việt Nam trong giai đoạn đầu như tại Dubai và Abu Dhabi. Tuy nhiên, việc áp dụng án lệ đòi hỏi cải cách toàn diện về hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách và quan điểm tiếp cận đối với việc quản lý các hoạt động tài chính. Theo đó, kinh nghiệm cho thấy việc mở cửa quá nhanh chóng có thể tạo nên nhiều

⁹⁵ Hiện nay, thuế thu nhập cá nhân ở Hồng Kong và Singapore cao nhất chỉ là 24% và Hong Kong là 17%; trong khi cao nhất (theo Luật Thuế thu nhập cá nhân) ở Việt Nam là 35%.

rủi ro đối với hệ thống pháp luật của một nước đang phát triển và đang trong quá trình hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực tài chính như Việt Nam.

Nhiều TTTC mới nổi trong giai đoạn vừa qua (như Dubai, Abu Dhabi...) đã áp dụng án lệ là khung pháp luật chuyên biệt để giải quyết các tranh chấp dân sự/thương mại trong TTTC thay cho các quy định chung của quốc gia (thường là luật dân sự) để tạo sự đột phá về thể chế nhằm thu hút các nhà đầu tư tài chính do đây là nền tảng pháp luật mà các định chế tài chính lớn đã quen thuộc. Đây cũng là cách để các TTTC mới nổi tạo niềm tin đối với các định chế tài chính quốc tế.

Trong khi đó, một số TTTC nhỏ khác (như GIFT City-Ấn Độ, Casablanca-Ma Rốc) lựa chọn sửa đổi khung pháp luật chung của quốc gia để thúc đẩy hình thành và phát triển TTTC mà không hình thành khung pháp luật chuyên biệt.

- Sự phát triển của các dịch vụ tài chính sẽ đi đôi với nhu cầu giải quyết các tranh chấp có quy mô và tính phức tạp cao, liên quan đến nhiều chủ thể hoạt động xuyên biên giới và giữa các chủ thể hoạt động trong TTTC với cơ quan quản lý TTTC. Theo đó, các TTTC lớn đều có cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả, được xây dựng dựa trên mô hình của các TTTC hiện hữu, phù hợp với thông lệ quốc tế để đáp ứng nhu cầu và bảo vệ quyền lợi của các chủ thể hoạt động trong TTTC trên nguyên tắc minh bạch, công bằng, khách quan.

Tại Việt Nam, việc hình thành tòa án tài chính độc lập có thể được thử nghiệm thí điểm trong giai đoạn đầu phát triển TTTC là một đơn vị của hệ thống tư pháp hiện hành, trong đó thí điểm: (i) cho phép một số thẩm phán quốc tế có kinh nghiệm tham gia các tòa án tài chính quốc tế; (ii) cho phép áp dụng án lệ quốc tế.

(ii) Xây dựng cơ chế ưu đãi (bao gồm các loại thuế) chuyên biệt, vượt trội, cập nhật so với các quy định hiện hành của quốc gia áp dụng cho TTTC.

Ưu đãi về thuế là một trong những công cụ phổ biến của các TTTC hiện đại để thu hút dòng vốn đầu tư tài chính dịch chuyển, đồng thời thu hút các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính, dịch vụ tài chính đến làm việc công tác tại TTTC đó.

Tuy nhiên, trong bối cảnh áp dụng quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu của OECD, việc áp dụng các hình thức ưu đãi về thuế cần được cân nhắc một cách thận trọng, với nguyên tắc xuyên suốt là phải đảm bảo được lợi ích chính đáng của quốc gia, đồng thời duy trì được lợi thế cạnh tranh trong thu hút đầu tư mà không vi phạm các cam kết quốc tế mà ta đã là thành viên.

Các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi) đã ban hành các cơ chế ưu đãi vượt trội về thuế TNDN và thuế TNCN (0%) để thu hút các nhà đầu tư tham gia phát triển và đặt trụ sở tại TTTC.

(iii) **Thiết lập khung pháp lý và vận hành tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương quốc gia (CBDC).**

(iv) **Các vấn đề mới, phát sinh khác.**

Các chính sách này tất yếu có sự khác biệt so với hệ thống pháp luật quốc gia nhưng sẽ được đánh giá sau năm 2035.

IV. Nguồn lực phát triển TTTC

Để chuẩn bị các điều kiện về hạ tầng và nguồn nhân lực phục vụ phát triển TTTC, cần huy động cả nguồn lực của nhà nước và ngoài nhà nước; theo đó, UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng cần: (i) thực hiện các thủ tục liên quan để bổ sung các dự án thành phần tại địa phương vào kế hoạch đầu tư công trung hạn (giai đoạn 2026-2030); (ii) phối hợp với các Bộ, ngành liên quan làm việc với các nhà đầu tư chiến lược để nghiên cứu khả năng tham gia đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển TTTC tại các địa phương.

Sau khi đã hình thành Ban quản lý TTTC, giao Ban quản lý TTTC tiếp tục triển khai nhiệm vụ huy động nguồn lực đầu tư phát triển TTTC.

V. Đánh giá tác động và quản lý rủi ro của các cơ chế chính sách đề xuất

Với 3 nhóm chính sách đề xuất, phạm vi tác động của việc phát triển TTTC tại Việt Nam ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế. Tuy nhiên, các chính sách nêu trên đều được xây dựng dựa trên các bài học kinh nghiệm của các TTTC lớn trên thế giới, với quan điểm xuyên suốt là áp dụng ngay một số chính sách vượt trội, nhưng phù hợp với cả thông lệ quốc tế và điều kiện thực tế của Việt Nam để hình thành ngay một số yếu tố nền tảng cho TTTC Việt Nam và tạo đột phá trong thu hút dòng vốn đầu tư tài chính dịch chuyển. Sau đó, tiếp tục nghiên cứu, thí điểm các chính sách phù hợp để phát triển một TTTC toàn diện theo lộ trình dài hạn, gắn với điều kiện thực tế của quốc gia theo từng giai đoạn.

1. Lợi ích tích cực

Việc hình thành và phát triển TTTC tại Việt Nam sẽ tạo nên một số lợi ích tích cực như sau:

(i) Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

Việc điều chỉnh các chính sách cần thiết để hình thành và phát triển TTTC tại Việt Nam sẽ là động lực để đẩy mạnh quá trình cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng thông thoáng. Qua tổng hợp kinh nghiệm quốc tế, hầu hết các quốc gia khi hình thành TTTC đều được các tổ chức uy tín quốc tế (như IMF,

OECD, World Bank...) đánh giá tích cực về triển vọng tăng trưởng cũng như các chỉ số về sự thuận lợi của môi trường đầu tư kinh doanh.

(ii) Gia tăng dòng vốn FDI

Việc hình thành và phát triển TTTC sẽ tạo một kênh luân chuyển dòng vốn từ thị trường tài chính quốc tế, qua đó thúc đẩy các hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài tại nước sở tại. Theo đó, việc hình thành và phát triển của các TTTC đã có tác động tích cực tới thu hút FDI của một số quốc gia như sau:

- UAE: vốn FDI thực hiện năm 2022 đạt 22 tỉ USD, tăng hơn 2 lần so với mức 10 tỉ USD của năm 2018.

- Ấn Độ: vốn FDI thực hiện năm 2022 đạt 49 tỉ USD, tăng hơn 16% so với mức 42 tỉ USD của năm 2018 sau khi hình thành TTTC Gujarat.

- Singapore: vốn FDI thực hiện năm 2022 đạt 140 tỉ USD, tăng hơn 50% so với mức 81 tỉ USD của năm 2018.

- Kazakhstan: vốn FDI thực hiện năm 2022 đạt 4,9 tỉ USD, tăng gần 4 lần so với mức 350 triệu USD của năm 2018.

(iii) Thúc đẩy phát triển kinh tế

Việc hình thành và phát triển TTTC tại Việt Nam sẽ có tác động tích cực đến triển vọng phát triển kinh tế của quốc gia nói chung và của các địa phương nơi có TTTC. Ví dụ:

- UAE: tăng trưởng GDP năm 2022 đạt mức cao nhất từ trước đến nay nhờ có sự phát triển vượt bậc của TTTC Dubai và TTTC Abu Dhabi.

- Singapore: tăng trưởng GDP năm 2021 đạt mức cao nhất từ trước đến nay sau khi Singapore trở thành TTTC lớn thứ ba thế giới.

(iv) Tăng khả năng tạo việc làm của nền kinh tế

Việc hình thành và phát triển TTTC sẽ tạo hàng chục nghìn việc làm chất lượng cao trong các lĩnh vực tài chính và phi tài chính. Đồng thời, sẽ gián tiếp tạo hàng trăm nghìn việc làm trong các ngành, lĩnh vực hỗ trợ cho TTTC. Ví dụ:

- TTTC Dubai: đến năm 2023, DIFC đã tạo gần 40.000 việc làm chất lượng cao, tăng gần 2 lần so với mức 25.600 lao động của năm 2019.

- TTTC Abu Dhabi: đến năm 2023, ADGM đã tạo hơn 12.000 việc làm, tăng 42% so với năm 2019.

- TTTC Singapore: lực lượng lao động trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, luật, kế toán, quản lý tại Singapore tăng hơn 20% trong giai đoạn 2018-2023, đạt

384.100 người. Trong cùng thời gian đó, Singapore được đánh giá đã vượt Hong Kong để trở thành TTTC lớn thứ ba thế giới (sau New York và London).

- TTTC Astana: đến năm 2023, AIFC đã tạo hơn 15.000 việc làm cho các chuyên gia trong nước và quốc tế.

2. Quản lý rủi ro chính sách

2.1. Để đảm bảo việc xây dựng TTTC có khả năng cạnh tranh và đem lại những lợi ích tích cực và hạn chế rủi ro đối với phát triển kinh tế xã hội, cần phát triển TTTC trong một khu vực có ranh giới địa lý và đối tượng tham gia được xác định theo tiêu chí rõ ràng để: *(i)* thử nghiệm có kiểm soát các chính sách vượt trội nhằm tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường tài chính toàn cầu; *(ii)* phân cấp, phân quyền cho cơ quan quản lý TTTC để thực thi chính sách quản lý và phát triển TTTC theo hướng tập trung, tránh phân tán nguồn lực và chòng chéo trong quá trình triển khai; *(iii)* đánh giá tác động đối với các chính sách phát triển TTTC phù hợp với điều kiện trong nước theo từng giai đoạn.

2.2. Như đã nêu ở phần trên, Đề án đang đề xuất định hướng các nhóm chính sách theo hướng trong giai đoạn đầu sẽ lựa chọn phát triển một số tính năng/cấu phần của mô hình chuyên biệt cho TTTC Việt Nam, áp dụng các chính sách đặc thù so với phần còn lại của quốc gia nhằm: *(i)* hình thành các điều kiện nền tảng cho TTTC Việt Nam để tiến tới trở thành một TTTC toàn diện; *(ii)* tạo đột phá so với các TTTC trong khu vực để thu hút dòng vốn đầu tư tài chính dịch chuyên trong một số lĩnh vực phù hợp với lợi thế cạnh tranh và định hướng phát triển của TTTC Việt Nam.

Đối với các chính sách còn lại, vẫn cần có sự quản lý, giám sát, điều hành chặt chẽ bởi các cơ quan liên quan để kiểm soát các yếu tố rủi ro trong quá trình phát triển TTTC. Theo kinh nghiệm quốc tế, việc xác định ranh giới TTTC là một khu vực chuyên biệt cho phép nước sở tại giảm thiểu tối đa các yếu tố rủi ro của đối với nền kinh tế trong nước, trong khi vẫn kết nối và thu hút được dòng vốn đầu tư tài chính toàn cầu. Đối với các chính sách đặc thù cho TTTC, các quốc gia áp dụng mô hình chuyên biệt thường áp dụng cơ chế thử nghiệm và đánh giá tác động chuyên sâu của các chính sách áp dụng, từ đó điều chỉnh, nhân rộng theo lộ trình phù hợp, linh hoạt với điều kiện thực tế của từng giai đoạn.

Như vậy, việc quản lý rủi ro đối với từng chính sách đề xuất sẽ được đánh giá cụ thể sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương để từ đó có lộ trình áp dụng phù hợp. Đồng thời, sau khi có định hướng, chủ trương của Bộ Chính trị, việc đánh giá tác động chính sách cụ thể, trong đó có đánh giá rủi ro và giải pháp quản lý, hạn chế rủi ro, sẽ được thực hiện chi tiết gắn với quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về TTTC theo quy định của Luật Ban

hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.3. Một số yếu tố rủi ro cụ thể:

2.3.1 Rủi ro về quản lý ngoại hối:

(1) Trường hợp áp dụng chính sách gỡ bỏ kiểm soát ngoại tệ và cho phép sử dụng một đồng ngoại tệ chuyển đổi trong TTTC sẽ tạo ra 2 chế độ khác nhau về quản lý ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam giữa các đối tượng trong và ngoài TTTC, có thể tạo rủi ro về việc phân biệt đối xử của Nhà nước với các đối tượng trong nền kinh tế. Chính sách trên chưa phù hợp với mục tiêu, chính sách quản lý ngoại hối của nhà nước, chủ trương chống đô-la hóa của Chính phủ từ trước tới nay. Như vậy, có thể tạo rủi ro trong công tác điều hành chính sách tiền tệ, ngoại hối như hạn chế việc thực hiện mục tiêu trên lãnh thổ Việt Nam chỉ sử dụng đồng Việt Nam, ảnh hưởng tiêu cực tới hiệu quả của công tác ổn định thị trường tiền tệ, kinh tế vĩ mô của Việt Nam.

(2) Việc tự do hóa dòng vốn đầu tư vào/ra TTTC trong khi cơ sở hạ tầng và thực trạng điều kiện của nền kinh tế chưa kịp phát triển tương ứng có thể gây rủi ro lớn cho nền kinh tế như đầu cơ, bong bóng bất động sản, bong bóng thị trường tài chính (như giai đoạn khủng hoảng tài chính Châu Á 1997-1998) gây bất ổn kinh tế - xã hội.

(3) Việc gỡ bỏ kiểm soát ngoại tệ sẽ khiến việc dịch chuyển các dòng vốn trong TTTC ra ngoài lãnh thổ Việt Nam/từ nước ngoài vào TTTC diễn ra một cách nhanh chóng. Theo Dự thảo Đề án, TP.Hồ Chí Minh là một trong 02 địa phương được lựa chọn phát triển TTTC – Đây một trong những địa phương thu ngân sách hàng năm nhiều nhất (*năm 2023, TP. Hồ Chí Minh dẫn đầu với mức thu lên tới 469.000 tỷ đồng, chiếm hơn 20% tổng thu ngân sách cả nước*) và có tỷ trọng nhà đầu tư nước ngoài cao. Do đó, việc các dòng vốn đầu cơ đảo chiều nhanh có thể tác động đến cung – cầu ngoại tệ gây khó khăn trong điều hành tỷ giá, phá vỡ cân đối lớn của nền kinh tế và ảnh hưởng nghiêm trọng đến dự trữ ngoại hối nhà nước. Có thể cân nhắc thí điểm áp dụng trước với TTTC tại Đà Nẵng để đi trước phát triển các dịch vụ tài chính quốc tế, phục vụ kinh doanh và thương mại quốc tế của Việt Nam, trọng điểm gắn với khu thương mại tự do Đà Nẵng,

(4) Bên cạnh đó, việc tự do hóa dòng ngoại hối cản trở, gây khó khăn trong công tác phòng chống rửa tiền, không phù hợp với cam kết của Việt Nam quy định tại pháp luật phòng chống rửa tiền và pháp luật ngoại hối, tiềm ẩn rủi ro tội phạm tài chính liên quan đến các hoạt động rửa tiền, tham nhũng, tài trợ khủng bố...

2.3.2. Rủi ro về mở cửa thị trường tài chính liên quan đến rủi ro vi phạm cam kết quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng như sau:

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, tới nay, Việt Nam là thành viên WTO và 16 Hiệp định thương mại tự do (FTA). Bên cạnh nhiều cơ hội do các FTA mang lại, Việt Nam hiện đang duy trì một hệ cam kết quốc tế tương đối phức tạp, nhiều tầng lớp tại hầu hết các phân ngành, trong đó có lĩnh vực Dịch vụ Tài chính. Thực tế quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngành ngân hàng hiện nay đã và đang phát sinh nhiều hơn các tranh chấp/vụ kiện/vụ điều tra cấp Nhà nước và giữa Nhà đầu tư với Nhà nước cũng như là các bất đồng về quan điểm điều hành và thực thi chính sách kinh tế vĩ mô (trong đó có chính sách tài chính tiền tệ). *Vì lý do đó, việc xây dựng ra các cơ chế đặc thù về mở cửa thị trường tài chính của TTTC có thể dẫn đến phát sinh thêm các tranh chấp và bất đồng mới trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.*

Hiện nay, ngoài các nghĩa vụ chính (Mở cửa thị trường, Đối xử quốc gia, cơ chế giải quyết tranh chấp Nhà nước với Nhà nước...), tại các FTA thế hệ mới, Việt Nam đã cam kết các nghĩa vụ như Tiêu chuẩn đối xử tối thiểu (MST),⁹⁶ cơ chế Nhà đầu tư kiện Nhà nước. Việc cho phép một số nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi trong đầu tư sẽ cho phép các nhà đầu tư kiện Nhà nước (ISDS) Việt Nam về điều kiện kinh doanh không công bằng. Việc cam kết cơ chế ISDS trong Hiệp định CPTPP đã thể chế hóa một cơ chế bảo hộ đầu tư dành cho các nhà đầu tư CPTPP kinh doanh trong tất cả các lĩnh vực mở cửa thị trường của nước đối tác (trong đó có lĩnh vực ngân hàng). Trường hợp Chính phủ nước sở tại vi phạm các nghĩa vụ cam kết của Hiệp định CPTPP, ISDS cho phép nhà đầu tư của nước thành viên CPTPP khác được phép trực tiếp khởi kiện Nhà nước nơi mà họ thực hiện hoạt động đầu tư ra Cơ quan trọng tài quốc tế, ví dụ như Trung tâm giải quyết tranh chấp đầu tư của Ngân hàng Thế giới (ICSID) hoặc Ủy ban Liên hợp quốc về Luật Thương mại (UNCITRAL). Quá trình này không đòi hỏi nhà đầu tư phải thông qua Chính phủ của họ để khởi kiện thay mặt nhà đầu tư.

2.3.3. Rủi ro khác:

(1) Việc các tổ chức trong TTTC hoạt động trong một môi trường pháp lý mở và thực hiện hoạt động kinh doanh với nhiều quốc gia có thể dẫn đến rủi ro vi phạm các quy định trong hệ thống pháp luật điều chỉnh của quốc gia đối tác.

(2) Việc áp dụng các chuẩn mực trong TTTC cần lưu ý rằng các TCTD trong nước hiện nay chưa đạt chuẩn thông lệ quốc tế (Basel III...), nếu áp dụng các

⁹⁶ Tiêu chuẩn đối xử tối thiểu đề cập đến việc các nước cam kết dành cho các nhà đầu tư nước ngoài sự đối xử công bằng và thỏa đáng khi tiến hành các thủ tục tố tụng hình sự, dân sự hoặc hành chính. Ngoài ra, các nước CPTPP cần phải bảo đảm an toàn cho các khoản đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với pháp luật quốc tế. Trong thực tiễn thực hiện tự do hóa thương mại và đầu tư xuyên quốc gia, cơ chế đảm bảo đối xử theo tiêu chuẩn tối thiểu đã được các quốc gia ghi nhận trong những thỏa thuận tự do thương mại, đầu tư quốc tế thế hệ trước. Tiêu chuẩn đối xử tối thiểu quốc tế được thiết lập nhằm quy định mức độ tối thiểu bảo hộ áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài, mà tiêu chuẩn đối xử của quốc gia sở tại không được thấp hơn mức tối thiểu này. Đây là nghĩa vụ thuộc nhóm tạm hoãn áp dụng đối với lĩnh vực dịch vụ tài chính.

chuẩn mực quốc tế tại TTTC, các TCTD trong nước sẽ chưa thể đáp ứng và tham gia ngay.

II. LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI

1. Giai đoạn từ năm 2025- năm 2030: ban hành Nghị quyết của Quốc hội về việc xây dựng và phát triển TTTC tại Việt Nam; tổ chức thực hiện ngay 08 nhóm chính sách phù hợp với thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện Việt Nam và cần áp dụng ngay; đồng thời thí điểm theo lộ trình 05 nhóm chính sách thông dụng tại các TTTC lớn trên thế giới, nhưng cần có lộ trình áp dụng để phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

Nghị quyết của Quốc hội sẽ chỉ quy định các nội dung mang tính nguyên tắc, quy định khung chính sách để phát triển TTTC, sau đó giao Chính phủ hướng dẫn nội dung chi tiết, xử lý các vấn đề cụ thể.

2. Giai đoạn từ năm 2030- năm 2035: tổ chức thực hiện đầy đủ theo lộ trình 05 nhóm chính sách thông dụng tại các TTTC lớn trên thế giới, nhưng cần có lộ trình áp dụng để phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

3. Sau năm 2035: trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện các chính sách đã được thực hiện ngay (nhóm 1) và có lộ trình áp dụng (nhóm 2), tiếp tục nghiên cứu để báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến về việc ban hành và thực hiện các chính sách cần tiếp tục cân nhắc cho giai đoạn sau năm 2035 (nhóm 3), phù hợp với vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn tại Việt Nam cũng như xu hướng phát triển của các TTTC quốc tế.

CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các nội dung tại dự thảo Đề án sau khi báo cáo Bộ Chính trị sẽ phân công các Ban cán sự đảng, Đảng đoàn, cấp uỷ liên quan triển khai xây dựng kế hoạch điều chỉnh, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật và các chính sách liên quan.

1. Phân công nhiệm vụ các Bộ, ngành

1.1. *Nhiệm vụ chung*

- Quán triệt, tuân thủ và thể hiện đầy đủ, nhất quán các mục tiêu, quan điểm và các giải pháp của Đề án trong các văn bản pháp luật, chính sách được phân công soạn thảo và các đề án, chương trình cụ thể của từng Bộ, ngành, cơ quan, địa phương liên quan.

- Lồng ghép các nội dung về xây dựng TTTC quốc tế Việt Nam vào Chiến lược, Quy hoạch (Quy hoạch phát triển quốc gia, vùng, tỉnh và ngành), các Chương trình, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực và địa phương liên quan.

- Rà soát, bổ sung và hoàn thiện chính sách/khung khổ pháp lý để xây dựng TTTC quốc tế Việt Nam hiệu quả.

- Quán triệt, tuân thủ và thể hiện đầy đủ, nhất quán các mục tiêu, quan điểm và các giải pháp của Đề án trong các văn bản pháp luật, chính sách được phân công soạn thảo và các đề án, chương trình cụ thể của từng Bộ, ngành, cơ quan, địa phương liên quan.

- Lồng ghép các nội dung về xây dựng TTTC quốc tế Việt Nam vào Chiến lược, Quy hoạch (Quy hoạch phát triển quốc gia, vùng, tỉnh và ngành), các Chương trình, kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực và địa phương liên quan.

- Rà soát, bổ sung và hoàn thiện chính sách/khung khổ pháp lý để xây dựng TTTC quốc tế Việt Nam hiệu quả.

1.2. *Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

- Tổng hợp, báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt Đề án TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam.

- Trình Ban Cán sự Đảng Chính phủ xin ý kiến Đề án TTTC khu vực và quốc tế để báo cáo Bộ Chính trị.

- Sau khi có ý kiến của Bộ Chính trị, phối hợp với các cơ quan có liên quan chuẩn bị nội dung phục vụ xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội phát triển TTTC tại Việt Nam.

- Tổ chức triển khai, theo dõi đánh giá kết quả và công bố báo cáo về kết quả thực hiện Đề án xây dựng TTTC Việt Nam theo định kỳ.

- Chủ trì triển khai hoạt động hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước phục vụ phát triển TTTC Việt Nam.

1.3. Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để xây dựng, bổ sung, hoàn thiện và triển khai thực hiện các chính sách, khuôn khổ pháp lý về thuế, thị trường chứng khoán, bảo hiểm, phái sinh, hoạt động quản lý quỹ, chế độ kế toán, kiểm toán, báo cáo tài chính, ưu đãi về thuế... phục vụ phát triển TTTC Việt Nam;

- Ban hành Khung quản lý thử nghiệm công nghệ tài chính cho lĩnh vực chứng khoán và lĩnh vực bảo hiểm.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp để phát triển thị trường vốn, nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Ban hành Khung quản lý thử nghiệm công nghệ tài chính áp dụng trong lĩnh vực tài chính và hoạt động của các TCTD.

1.4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để xây dựng, bổ sung và hoàn thiện và triển khai thực hiện các chính sách, khuôn khổ pháp lý về tiền tệ- ngân hàng ... đối với hoạt động TTTC quốc tế Việt Nam; nghiên cứu, hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng.

- Tiếp tục nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành Khung quản lý thử nghiệm công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng và tiền tệ.

1.5. Các Bộ, ngành, Cơ quan Trung ương

- Phối hợp triển khai Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Phân công nhiệm vụ các địa phương

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan giải trình các ý kiến đối với dự thảo Đề án và hoàn thiện Đề án của từng địa phương.

- Tổng hợp các chính sách cụ thể để đề xuất phát triển TTTC theo các nhóm chính sách đã nêu tại dự thảo Đề án tổng thể của Ban Chỉ đạo và Đề án của các địa phương phục vụ xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh việc thành lập và hoạt động của TTTC để trình cấp có thẩm quyền.

- Triển khai thực hiện Đề án theo nhiệm vụ được phân công.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐỀ ÁN XÂY DỰNG TRUNG TÂM TÀI CHÍNH
KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ**

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2024

I. CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN

1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Nghị quyết số 31-NQ/TW, Nghị quyết 24-NQ/TW đặt ra nhiệm vụ, giải pháp: *có cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội, cạnh tranh quốc tế để sớm xây dựng thành công Trung tâm Tài chính quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh*. Nghị quyết số 26-NQ/TW và Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị đặt ra nhiệm vụ: *Xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quốc tế cấp vùng*.

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (điểm b khoản 2 Điều 15) giao “Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”.

1.2. Cơ sở thực tiễn

a) Bối cảnh thế giới và khu vực:

Hiện nay trên thế giới đang có 116 trung tâm tài chính (TTTC), cạnh tranh giữa các TTTC và các nước trong việc trở thành trung tâm của trung tâm tài chính, đổi mới sáng tạo ngày càng lớn, nhưng để phù hợp với sự vận động và phát triển, thế giới đang có nhu cầu về một TTTC mới, khác biệt với những TTTC hiện có để tiếp nhận nguồn lực tài chính dịch chuyển từ các TTTC quốc tế lớn như Luân Đôn, Hồng Kông, Singapore..., cung cấp dịch vụ tài chính mới, tiếp cận các thị trường mới, xu thế phát triển mới, trong đó, khả năng hình thành TTTC mới ở Châu Á - Thái Bình Dương, nơi được đánh giá là trung tâm kinh tế năng động nhất thế giới hiện nay đang ngày càng bộc lộ rõ nét.

b) Bối cảnh trong nước

- Việt Nam đang là điểm sáng về phát triển và tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, thu hút đầu tư, đang dần hội tụ các yếu tố cần thiết để phát triển thị trường tài chính hiện đại, hướng đến hình thành TTTC, có khả năng liên kết với các TTTC trong khu vực và trên thế giới. Việt Nam cũng nằm trong số những thị trường dẫn đầu về tỷ lệ áp dụng các công nghệ tài chính tương lai, có thể tạo được lợi thế cạnh tranh, hình thành các sản phẩm “đặc thù” cho TTTC ở Việt Nam.

- Việc xây dựng, củng cố và phát huy các lợi thế cạnh tranh để hình thành TTTC khu vực, hướng đến TTTC quốc tế đặt ra nhiều thách thức với Việt Nam. Tuy nhiên nếu thành công, sẽ giúp Việt Nam: **(i)** kết nối thị trường tài chính toàn cầu; **(ii)** thu hút các tổ chức tài chính nước ngoài, tạo ra nguồn lực đầu tư mới, thúc đẩy nguồn lực đầu tư hiện hữu; **(iii)** tận dụng cơ hội dịch chuyển dòng vốn đầu tư quốc tế; **(iv)** thúc đẩy phát triển thị trường tài chính Việt Nam hiệu quả, bắt kịp chuẩn mực quốc tế; **(v)** góp phần phát triển bền vững kinh tế đất nước, nâng cao vai trò, vị thế, uy tín và ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế; từ đó bảo đảm quốc phòng an ninh, nhất là trong lĩnh vực tài chính từ sớm, từ xa.

II. PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

Việc thành lập, vận hành và xây dựng thể chế nhằm phát triển TTTC là phức tạp, phải trải qua nhiều giai đoạn; cần nghiên cứu kỹ, điều chỉnh, bổ sung liên tục, kịp thời cho phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển. Theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Đề án đã được nghiên cứu trong thời gian dài, xây dựng và hoàn thiện theo nguyên tắc vừa làm vừa rút kinh nghiệm, trên cơ sở cân nhắc, tính toán thận trọng, có lộ trình, mở rộng từng bước, phù hợp với thực tiễn và trình độ phát triển của Việt Nam. Quá trình thực hiện khi phát sinh các nội dung mới, cơ quan chủ trì sẽ trình Ban cán sự đảng Chính phủ để báo cáo Bộ Chính trị.

Theo đó, đến nay Đề án tập trung nghiên cứu, đề xuất những vấn đề lớn gồm: quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển, lựa chọn mô hình, số lượng thành lập TTTC, cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý, các yêu cầu về nguồn lực và đề xuất khung pháp lý và các chính sách chủ yếu để báo cáo, xin ý kiến Bộ Chính trị.

Sau khi có định hướng, chủ trương của Bộ Chính trị đối với Đề án, Chính phủ sẽ giao cơ quan đầu mối để lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về phát triển TTTC.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

(i) Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ¹, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hoà Bình² và Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái³, Ủy ban nhân dân các thành phố: Hồ Chí Minh và Đà Nẵng đã xây dựng dự thảo Đề án xây dựng Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế.

(ii) Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái giao⁴, trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh⁵ và thành phố Đà Nẵng⁶, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp và báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái về 02 Đề án⁷.

(iii) Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ⁸, trên cơ sở tiếp thu, giải trình ý kiến của các Cơ quan liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1160/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2023 thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án TTTC khu vực và quốc tế do Phó Thủ

¹ Công văn số 1840/VPCP-KTTH ngày 19/3/2021 của Văn phòng Chính phủ.

² Công văn số 2726/VPCP-KTTH ngày 22/4/2021 của Văn phòng Chính phủ.

³ Thông báo số 27/TB-VPCP ngày 28/01/2022 của Văn phòng Chính phủ.

⁴ Công văn số 3546/VPCP-KTTH ngày 07/6/2022 về các Đề án trung tâm tài chính quy mô khu vực và quốc tế và xác định Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án

⁵ Công văn số 3343/UBND-KT ngày 20/9/2022.

⁶ Các công văn số 3700/UBND-KT ngày 05/7/2022 và 5510/UBND-KT ngày 7/10/2022.

⁷ Công văn số 8128/BKHĐT-ĐTNN ngày 11/11/2022.

⁸ Công văn số 6796/VPCP-KTTH ngày 02/9/2023.

tướng Chính phủ Lê Minh Khái làm Trưởng Ban, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Phó Ban chỉ đạo thường trực.

(iv) Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái – Trưởng Ban Chỉ đạo⁹, trên cơ sở tiếp thu, giải trình ý kiến của các Cơ quan liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Trưởng Ban Chỉ đạo ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo¹⁰.

(v) Được sự phân công của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các Cơ quan, đối tác liên quan chuẩn bị nội dung phục vụ các cuộc họp Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án.

(vi) Thực hiện chỉ đạo của Trưởng Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế (“Ban Chỉ đạo”) tại văn bản số 180/TB-VPCP ngày 24/4/2024 của Văn phòng Chính phủ về kết luận tại cuộc họp lần thứ hai của Ban Chỉ đạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai các công việc như sau:

- Xây dựng và hoàn thiện dự thảo Đề án tổng thể của Ban Chỉ đạo về xây dựng Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế. Trong quá trình xây dựng dự thảo Đề án, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức đoàn học tập trao đổi về kinh nghiệm triển khai và xây dựng TTTC tại Singapore, Trung Quốc (Thượng Hải) và UAE (Dubai và Abu Dhabi) với sự tham gia của các bộ, ngành, Ban Kinh tế trung ương, Văn phòng trung ương Đảng, Ủy ban Tài chính - Ngân sách Quốc hội và đại diện UBND Tp. HCM¹¹. Trên cơ sở kết quả chuyến đi, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp tục tổ chức các cuộc họp với các tổ chức chuyên gia quốc tế¹² về Đề án tổng thể cũng như tham vấn ý kiến chuyên sâu về các nội dung quan trọng tại Đề án. Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp tổ chức các cuộc họp Tổ công tác xây dựng Đề án, làm việc từng Cơ quan chuyên ngành (Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Bộ Tư pháp, Tòa án Nhân dân tối cao,...) về Đề án với sự tham gia của UBND Tp. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Trong đó, đã trao đổi và thống nhất với các UBND về định hướng hoàn thiện một số nội dung liên quan đến 02 Thành phố tại Đề án tổng thể của Ban Chỉ đạo; gửi văn bản lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan.

- Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan; các chuyên gia, tổ chức quốc tế để trao đổi và thống nhất với UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng về định hướng hoàn thiện một số nội dung liên quan Đề án riêng của từng Thành phố, bảo đảm thống nhất với Đề án tổng thể của Ban Chỉ đạo.

⁹ Các công văn số: 3064/PB-VPCP ngày 07/12/2023; số 282/VPCP-KTTH ngày 13/1/2024; số 1051/VPCP-KTTH ngày 19/2/2024 của Văn phòng Chính phủ.

¹⁰ Quyết định số 41/QĐ-BCĐXDTTTC ngày 15/3/2024.

¹¹ UBND Tp. Đà Nẵng không cử đại diện tham gia Đoàn.

¹² 02 cuộc họp với Viện Nghiên cứu Tony Blair và The CityUk (25/7/2024)

(vii) Ngày 15/9/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 987/QĐ-TTg ngày 15/9/2024 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng Đề án Trung tâm Tài chính quốc tế và khu vực, theo đó Trưởng ban là Thủ tướng Chính phủ.

(viii) Ngày 04/10/2024, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số 453/TB-VPCP về kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp về dự thảo Đề án xây dựng Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế.

Đề án này là sản phẩm chung của Ban Chỉ đạo; có tổng hợp, sử dụng các nội dung, đề xuất phù hợp trong 02 Đề án riêng của Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng.

IV. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

Dự thảo Đề án gồm 06 Chương, gồm những nội dung chủ yếu sau:

1. Chương I. Tổng quan về khái niệm và vai trò của TTTC

Chương này tổng hợp các khái niệm về TTTC, xác định một số tiêu chuẩn đánh giá mức độ phát triển của các TTTC trên thế giới, bao gồm chỉ số đánh giá mức độ phát triển TTTC (Global Financial Center Index-GFCI)¹³ và một số nhóm dịch vụ, sản phẩm cơ bản của một TTTC.

Từ đó, nhận định một số điều kiện cần và đủ để hình thành và phát triển một TTTC trong bối cảnh hiện nay, bao gồm:

a. Điều kiện cần:

- Quyết tâm chính trị và sự ủng hộ mạnh mẽ của người đứng đầu Chính quyền Trung ương¹⁴;
- Được sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế;
- Ổn định chính trị, kinh tế vĩ mô, thể chế và chính sách
- Thị trường tài chính có tiềm năng;
- Môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi: quy mô nền kinh tế phát triển; tăng trưởng kinh tế ổn định;
- Khuôn khổ pháp lý mở¹⁵, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, mở đường cho đổi mới sáng tạo, phát triển bền

¹³ Do Viện Nghiên cứu Z/Yen (1994) thuộc TTTC London xây dựng lần đầu vào năm 2007. Bộ chỉ số được rà soát theo định kỳ hai lần/năm nhằm đánh giá và theo dõi tình hình phát triển của các TTTC trên thế giới.

¹⁴ Người đứng đầu chính quyền Trung ương hoặc người đứng đầu Nhà nước đồng thời thường là người đứng đầu TTTC hoặc đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành và phát triển TTTC, bao gồm việc khởi xướng sáng kiến và xây dựng các cơ chế chính sách cho TTTC. Ví dụ, Tổng thống Kazakhstan là Chủ tịch Hội đồng Quản lý TTTC Astana, Tổng thống Ấn Độ Narendra Modi là người khởi xướng sáng kiến TTTC GIFT City trong thời gian làm Thống đốc bang Gujarat và tiếp tục ủng hộ sáng kiến này khi ông trúng cử Tổng thống, Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình đặc biệt quan tâm đến việc phát triển ngành tài chính tại Thượng Hải và nhiều lần đến thăm và trực tiếp chỉ đạo định hướng phát triển TTTC Thượng Hải trong nhiều năm qua.

¹⁵ Hội nhập kinh tế quốc tế; có cơ chế giải quyết tranh chấp và tòa án tài chính chất lượng cao, đủ khả năng giải quyết các tranh chấp quốc tế; cơ chế ưu đãi cạnh tranh; áp dụng các tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế...

vững, mang tính cạnh tranh và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán;

- Tính kết nối cao: **(i)** Là trung tâm giao thương hàng hóa quốc tế lớn hoặc cửa ngõ đầu tư-thương mại của quốc gia/khu vực; **(ii)** Thị trường tài chính có tính kết nối cao; **(iii)** Hạ tầng viễn thông và internet hiện đại; **(iv)** Có trung tâm trung chuyển khách quốc tế chất lượng: sân bay quốc tế hiện đại, có khả năng đáp ứng lượng khách lớn, kết nối trực tiếp tới nhiều nơi trên thế giới; và **(v)** Ngôn ngữ: ưu tiên sử dụng tiếng Anh; **(vi)** Cơ sở hạ tầng đồng bộ.

b. Điều kiện đủ¹⁶:

- Nguồn nhân lực: **(i)** lực lượng lao động có trình độ cao và **(ii)** chi phí lao động cạnh tranh; **(iii)** quy định về xuất nhập cảnh thông thoáng để thu hút nguồn nhân lực nước ngoài.

- Cơ sở hạ tầng đồng bộ (bao gồm hạ tầng cứng và hạ tầng mềm): cơ sở hạ tầng của các TTTC lớn cần được đầu tư bài bản, chất lượng cao, đảm bảo kết nối với các TTTC khác trên thế giới với mục tiêu cuối cùng là tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh và môi trường sống chất lượng cao cho các định chế tài chính và các chuyên gia quốc tế đến sinh sống và làm việc tại TTTC.

- Hệ sinh thái tài chính: các tổ chức trung gian tài chính như ngân hàng, công ty môi giới; nhà đầu tư như các quỹ đầu tư hoặc các quỹ quản lý tài sản; cùng với đó là các công ty dịch vụ hỗ trợ như công ty luật, công ty tư vấn, công ty kế toán, kiểm toán, công ty IT; mức độ tự do hoá dòng tiền cao.

2. Chương II. Kinh nghiệm phát triển TTTC trên thế giới và những bài học rút ra đối với Việt Nam

Các TTTC trên thế giới được lựa chọn để nghiên cứu dựa trên các tiêu chí:

(i) Có nền tảng, lịch sử lâu dài, được quốc tế đánh giá là phát triển TTTC thành công (*như: Anh, Hoa Kỳ*);

(ii) Có vị trí gần, cạnh tranh trực tiếp thu hút nguồn tài chính trong khu vực và quốc tế (*như: Trung Quốc, Singapore, Hong Kong*);

(iii) Xây dựng theo mô hình mới, hiện đại để đón đầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (*như: các Tiểu Vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE), Kazakhstan*).

Theo đó, với mỗi TTTC sẽ tập trung phân tích các nội dung: (i) quá trình hình thành; (ii) mô hình quản lý; (iii) chính sách áp dụng. Qua quá trình nghiên

¹⁶ Theo các chỉ số đánh giá của Global Financial Center Index – GFCI (tổ chức đánh giá năng lực cạnh tranh của các TTTC trên thế giới). Đây là bảng xếp hạng khả năng cạnh tranh của các trung tâm tài chính (TTTC) dựa trên hơn 29.000 đánh giá của TTTC từ bảng câu hỏi trực tuyến cùng với hơn 100 chỉ số từ các tổ chức như Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Economist Intelligence Unit.

cứu, tổng quan về kinh nghiệm phát triển một số trung tâm tài chính (TTTC) trên thế giới, rút ra một số bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam như sau:

(1) Về cách thức hình thành TTTC

TTTC trên thế giới được phát triển theo một trong 03 cách thức sau:

- Mô hình tự nhiên: dựa trên yếu tố lịch sử và các yếu tố đã phát triển đến mức cao dẫn đến hình thành TTTC (London, New York,...);
- Mô hình “cải cách và hiện đại hóa”: dựa trên chiến lược bài bản và trải qua từng cấp độ từ thấp lên cao của TTTC (Singapore, Thượng Hải, Hong Kong...);
- Mô hình độc lập và chuyên biệt: Áp dụng ngay các chính sách có độ mở cao, cơ chế đặc thù riêng biệt (Dubai, Abu Dhabi, Astana).

(2) Về mô hình quản lý

- Đối với các TTTC được hình thành dựa trên yếu tố lịch sử hoặc trải qua từng cấp độ từ thấp lên cao với chiến lược bài bản, việc giám sát và vận hành thường do các cơ quan chuyên ngành thuộc Chính phủ quản lý theo từng lĩnh vực cụ thể, không thành lập các Hội đồng hoặc Cơ quan quản lý riêng biệt.

- Đối với các TTTC áp dụng ngay các chính sách có độ mở cao, việc giám sát và vận hành do một Cơ quan độc lập với Chính phủ để quản lý và điều tiết các hoạt động trong TTTC.

(3) Về một số bài học kinh nghiệm

a) Việc hình thành và phát triển TTTC có sự chỉ đạo trực tiếp của các Lãnh đạo cấp cao nhất của quốc gia và sự đồng hành, vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương, sự hợp tác quốc tế.

b) Phát triển TTTC là một tiến trình dài hạn, nhất quán, ổn định, công khai, minh bạch, thường là một phần của chiến lược phát triển kinh tế-xã hội chung của quốc gia và địa phương nơi hình thành TTTC theo từng giai đoạn trong thời gian từ khoảng 20-30 năm.

c) TTTC được áp dụng các chính sách đặc thù, ưu đãi đột phá, có tính cạnh tranh, có độ mở cao và phù hợp thông lệ quốc tế để phát triển thị trường tài chính hiện đại và tự do hóa các giao dịch kinh doanh ngoại hối; kiến tạo và phát triển các mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính.

d) Xây dựng thêm các cơ chế đặc thù cho địa phương hoặc khu vực thuộc địa phương có TTTC để phát triển và tận dụng lợi thế từ nguồn tài chính đem lại trong TTTC. Các cơ chế đặc thù chủ yếu được áp dụng: (i) ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuê đất; (ii) thủ tục kinh doanh rút gọn; (iii) cơ chế xuất nhập cảnh; (iv) tự do luân chuyển dòng vốn; (v) phân bổ ngân sách giữa Chính phủ và địa phương/khu

vực có TTTC. Bên cạnh đó, xung quanh TTTC thường được chú trọng phát triển thêm các dịch vụ tiện ích, bất động sản, khu phức hợp; tuy nhiên, đây là những dự án đầu tư độc lập với việc xây dựng và hình thành TTTC.

đ) Việc xây dựng, vận hành và phát triển TTTC phải dựa trên 05 lĩnh vực (trụ cột) cạnh tranh, cụ thể: **(i) Môi trường kinh doanh:** ổn định chính trị và pháp quyền, môi trường pháp lý và các thiết chế, môi trường kinh tế vĩ mô, tính cạnh tranh về thuế và chi phí); **(ii) Nguồn nhân lực:** nguồn nhân lực chất lượng cao sẵn có, thị trường lao động linh hoạt, giáo dục và phát triển, chất lượng cuộc sống để thu hút; **(iii) Cơ sở hạ tầng:** cơ sở hạ tầng xây dựng, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở hạ tầng giao thông, phát triển bền vững; **(iv) Sự phát triển của ngành tài chính:** độ sâu và rộng, khả năng tiếp cận vốn, thanh khoản thị trường, đầu ra; và **(v) Uy tín** (thương hiệu và sự thu hút của thành phố nơi có TTTC, mức độ đổi mới và sáng tạo, sức hấp dẫn và đa dạng văn hóa, vị trí có thể so sánh với các TTTC khác).

3. Chương III. Phân tích thực trạng và tiềm năng phát triển TTTC tại Việt Nam

3.1. Cấp quốc gia

Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam tiếp tục được các tổ chức quốc tế đánh giá là điểm sáng về thu hút đầu tư, dần hội tụ nhiều yếu tố để phát triển thị trường tài chính hiện đại, hướng đến hình thành TTTC, có khả năng liên kết với các TTTC trong khu vực và trên thế giới nhờ có các lợi thế như sau:

(1) Kinh tế vĩ mô và chính trị được duy trì ổn định:

(2) Vị trí địa lý thuận lợi, có tính kết nối cao; có múi giờ khác biệt với 21 trung tâm tài chính lớn nhất toàn cầu gắn với vị trí địa kinh tế chiến lược:

(3) Triển vọng tốt nhờ tích cực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng; chuyển đổi kinh tế số và gia tăng chỉ số đổi mới sáng tạo;

(4) Quy mô nền kinh tế và mức độ phát triển của thị trường tài chính ngày càng được cải thiện, thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào thị trường tài chính;

(5) Sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương để thực hiện các giải pháp nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội.

Với những yếu tố nêu trên, Việt Nam đang có cơ hội “vàng” để tiếp nhận nguồn lực tài chính dịch chuyển từ các TTTC quốc tế lớn như London, Hong Kong, Singapore...

3.2. Cấp Thành phố

a) Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về vị trí địa lý và khả năng kết nối: Tp. Hồ Chí Minh đang sở hữu nhiều lợi thế tự nhiên sẵn có để phát triển TTTC quốc tế. Tp. Hồ Chí Minh nằm ở ngã tư quốc tế giữa các tuyến đường hàng hải từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây, là tâm điểm của khu vực Đông Nam Á.

- Về quy mô kinh tế: Quy mô GRDP của Tp. Hồ Chí Minh đạt khoảng 65,5 tỷ USD tính đến cuối năm 2023, chiếm khoảng 15,5% GDP của cả nước, theo đó mỗi điểm phần trăm tăng trưởng GRDP tăng thêm của Thành phố sẽ đóng góp 0,15% tăng trưởng tăng thêm GDP của cả nước.

Tại báo cáo GFCI 35 (3/2024), Tp. Hồ Chí Minh xếp thứ hạng **108/121**, điểm đánh giá là 623 điểm. Đặc biệt báo cáo GFCI 35 nhấn mạnh sự cải thiện về xếp hạng của các TTTC thuộc khu vực Châu Á Thái Bình Dương, trong số các TTTC được báo cáo đề cập có sự cải thiện nổi bật là TTTC HCM tăng 12 bậc.

Tại báo cáo gần nhất GFCI 36 (24/9/2024), Tp. Hồ Chí Minh tiếp tục được tăng điểm đánh giá với 629 điểm, tăng 3 bậc và 6 điểm so với 6 tháng trước, xếp thứ hạng **105/121**.

Với các lợi thế được GFCI xem xét xếp hạng, Tp. Hồ Chí Minh là địa phương duy nhất trên cả nước được xếp hạng và có điều kiện đầy đủ hơn để phát triển TTTC quốc tế nếu xét trên các tiêu chí và đặc điểm của TTTC quốc tế, đặc biệt là về mức độ tập trung của thị trường và các định chế tài chính cũng như tiềm năng phát triển.

b) Thành phố Đà Nẵng: (i) Vị trí địa lý và khả năng kết nối tốt; (ii) Sở hữu nhiều điều kiện tốt về hạ tầng đô thị, chất lượng môi trường sống và các nhu cầu phát triển cơ bản, xét về nhiều mặt vượt trội so với các đô thị lớn khác trong cả nước; (iii) Được định hướng trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, có nền tảng và lợi thế về hạ tầng để hình thành một trung tâm công nghệ; (iv) đã có quỹ đất sạch khá lớn được quy hoạch phục vụ cho việc thiết lập khu phức hợp trung tâm tài chính với điều kiện vị trí kết nối, hạ tầng tốt; (v) Môi trường kinh doanh có nhiều dư địa đột phá.

4. Chương IV. Quan điểm, mục tiêu và mô hình phát triển TTTC tại Việt Nam

4.1. Quan điểm chỉ đạo

a) Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tuyệt đối của Đảng; sự quản lý tập trung, thống nhất, thông suốt và liên tục của Nhà nước.

b) Phát triển TTTC theo hướng đi lên từ năng lực nội sinh của Việt Nam, từ tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh của từng địa phương nói riêng và của Việt Nam nói chung.

c) Việc lựa chọn mô hình TTTC trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và căn cứ vào điều kiện và nguồn lực thực tế của Việt Nam; có lộ trình phù hợp, gắn liền với quá trình xây dựng, phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ trên tinh thần hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất và hiệu quả.

d) Khung pháp lý áp dụng cho TTTC phải có tính đột phá, đảm bảo phát huy tối đa các lợi thế của Việt Nam; bắt kịp xu hướng phát triển quốc tế, theo chuẩn mực, thông lệ tiên tiến của thế giới, bảo đảm nguyên tắc pháp quyền, hài hòa với cam kết quốc tế; bảo đảm sự đồng bộ, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, mở đường cho đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, có tính cạnh tranh cao, khả thi và phù hợp với điều kiện thực tiễn và năng lực nội tại, trong đó ưu tiên lợi ích quốc gia là trên hết; đặc biệt là uy tín và an ninh tài chính quốc gia.

đ) Phát triển TTTC tại khu vực có ranh giới xác định và áp dụng các chính sách đặc thù trong khu vực TTTC, đối tượng tham gia được xác định theo tiêu chí rõ ràng, với chính sách ưu đãi vượt trội để cho phép Việt Nam: *(i)* thử nghiệm có kiểm soát các chính sách đặc thù nhằm tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường tài chính toàn cầu; *(ii)* phân quyền, phân cấp cho cơ quan quản lý TTTC và cải cách thủ tục hành chính tối đa có thể; tập trung quản lý, giám sát dựa trên rủi ro; *(iii)* đánh giá tác động đối với các chính sách phát triển TTTC phù hợp với điều kiện trong nước theo từng giai đoạn để điều chỉnh phù hợp, linh hoạt.

e) Đầu tư nguồn lực thỏa đáng và có sự đột phá mạnh mẽ về cơ chế, chính sách có tính cạnh tranh để thu hút các nguồn lực tài chính quốc tế, nhằm tạo động lực phát triển kinh tế xã hội.

g) Bảo đảm cân đối lợi ích của nhà nước, nhà đầu tư và người dân trên tinh thần hài hòa lợi ích, chia sẻ rủi ro; cần dự báo và có thể phải chấp nhận một mức độ rủi ro nhất định nhưng tăng cường vị thế địa chính trị, địa kinh tế của Việt Nam, gắn lợi ích kinh tế các đối tác, các nước lớn; qua đó góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh “phi truyền thống”; ổn định và phát triển toàn diện về các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, môi trường.

4.2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Phát triển thị trường tài chính để huy động có hiệu quả các nguồn lực, dịch vụ tài chính để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội các địa phương có TTTC nói riêng và Việt Nam nói chung bảo đảm minh bạch, hiệu quả, bắt kịp các chuẩn mực tài chính của thế giới.

b) Mục tiêu cụ thể

- Thành lập và phát triển TTTC khu vực vào năm 2035, TTTC quốc tế vào năm 2045.

- Được xếp hạng theo Chỉ số TTTC toàn cầu (GFCI): (i) đến năm 2035: trong nhóm 75 TTTC thế giới và nhóm 25 TTTC khu vực Châu Á-Thái Bình Dương; (ii) đến năm 2045: trong nhóm 20 TTTC thế giới và nhóm 10 TTTC khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

- Trong lĩnh vực FinTech¹⁷, được GFCI xếp hạng: (i) đến năm 2035 trong nhóm 75 TTTC thế giới, nhóm 25 khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và thứ 3 trong khu vực ASEAN; (ii) đến năm 2045: trong nhóm 20 TTTC thế giới và nhóm 10 TTTC khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, thứ 2 trong khu vực ASEAN.

4.3. Đề xuất mô hình và cơ cấu tổ chức TTTC tại Việt Nam

4.3.1. Về số lượng TTTC

Căn cứ các Nghị quyết của Đảng¹⁸, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin kiến nghị xây dựng 02 TTTC ở Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng; trong đó, xây dựng và phát triển TTTC **quốc tế** tại thành phố Hồ Chí Minh một cách toàn diện, TTTC **khu vực** ở Đà Nẵng đi trước phát triển các dịch vụ tài chính quốc tế, trọng điểm gắn với Khu Thương mại tự do Đà Nẵng và cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực công nghệ tài chính (fintech) gắn với đổi mới sáng tạo mà Nghị quyết số 136/2024/QH15¹⁹ đã cho phép thí điểm, tạo tiền đề quan trọng để thúc đẩy việc hình thành TTTC khu vực tại Đà Nẵng.

4.3.2. Về phạm vi phát triển TTTC

Để xây dựng TTTC thì Việt Nam cần cho áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù, nhất là trong các lĩnh vực tài chính mới như fintech, phù hợp với thông lệ quốc tế. Do khung pháp lý áp dụng cho TTTC có sự khác biệt so với các quy định pháp luật hiện hành nên các cơ chế, chính sách này cần được thực hiện có kiểm soát, theo lộ trình và trong giới hạn không gian địa lý xác định, bao gồm:

Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất thực hiện tại khu vực Quận 1 và Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

Thành phố Đà Nẵng đề xuất thực hiện tại khu lõi gồm các Lô đất A12, A13, A14, A15 trên đường Võ Văn Kiệt và Lô đất A* giáp đường Võ Nguyên Giáp và Võ Văn Kiệt với diện tích hơn 6 ha, có thể mở rộng thành khu phố tài chính là vùng diện tích địa lý nằm tại khu công nghiệp Đà Nẵng với diện tích khoảng 62 ha; đồng thời phát triển Trung tâm công nghệ tài chính là phần diện tích của Khu Công viên phần mềm số 2.

¹⁷ Theo Báo cáo GFCI lần thứ 36 (tháng 9/2024), trong lĩnh vực FinTech, Tp. Hồ Chí Minh đạt 609 điểm, xếp hạng 100/116, tăng 4 bậc và tăng 6 điểm so với báo cáo trước. So sánh với các TTTC trong khu vực, TP.HCM xếp sau Jakarta (xếp thứ 94), nhưng đứng trên Manila (xếp thứ 101) và Bangkok (xếp thứ 102) với điểm đánh giá khá gần nhau (lần lượt là 615, 608, 607 điểm). Kuala Lumpur hạng 72, điểm 637.

¹⁸ Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; các Nghị quyết: số 31-NQ/TW và số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị đặt ra nhiệm vụ xây dựng TTTC quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh; các Nghị quyết: số 26-NQ/TW và số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị cũng đặt ra nhiệm vụ xây dựng TTTC cấp vùng cho Đà Nẵng

¹⁹ Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng (Điều 14).

4.3.3. Các mô hình xây dựng và phát triển TTTC

Trên cơ sở tổng hợp kinh nghiệm quốc tế, có 03 mô hình phát triển TTTC, bao gồm:

a) Mô hình “cải cách và hiện đại hóa”:

Mô hình cải cách và hiện đại hóa có mục tiêu chính là nâng cao chất lượng các dịch vụ tài chính nhằm đáp ứng các chuẩn mực quốc tế để phát triển TTTC theo lộ trình phát triển dài hạn của quốc gia. Theo đó, ưu tiên cải cách, hoàn thiện thể chế chung của quốc gia trong lĩnh vực tài chính, kết hợp với một số chính sách đặc thù cho các địa phương nơi đặt TTTC mà không thành lập một khu vực chuyên biệt. Đồng thời, áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro của các chính sách đặc thù để giảm thiểu tác động tiêu cực đối với an toàn hệ thống tài chính quốc gia.

Một số chính sách có thể nghiên cứu trường hợp lựa chọn thực thi mô hình này là: **(i)** cải cách các tiêu chuẩn và chuẩn mực tài chính chung của quốc gia để phù hợp với các thông lệ quốc tế; **(ii)** phát triển một số sản phẩm/lĩnh vực tài chính đặc thù (như fintech, tài chính xanh, sàn giao dịch hàng hóa...); **(iii)** nâng cao chất lượng của hệ thống tư pháp, tòa án, cơ chế giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực dân sự, kinh tế; **(iv)** hoàn thiện các điều kiện để nâng hạng thị trường tài chính trong nước; **(v)** phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực tài chính...

Ưu điểm:

- Cho phép hoàn thiện thể chế và phát triển TTTC theo lộ trình dài hạn;
- Cho phép thí điểm, đánh giá tác động và thử nghiệm chính sách phù hợp với bối cảnh, thể chế và điều kiện chung của quốc gia theo từng giai đoạn;
- Hạn chế rủi ro đối với an toàn hệ thống tài chính quốc gia;
- Thúc đẩy phát triển môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, tránh sự chênh lệch giữa TTTC và khu vực còn lại của nền kinh tế;

Hạn chế:

- Không tạo được đột phá trong ngắn hạn;
- Không tạo lợi thế cạnh tranh so với các TTTC đã phát triển trong khu vực;
- Không tạo lợi thế cạnh tranh khác biệt để thu hút dòng vốn đầu tư dịch chuyển trong một số lĩnh vực mới nổi;
- Thời gian thích ứng với các tiêu chuẩn/chuẩn mực và xu hướng phát triển của thị trường tài chính toàn cầu chậm;
- Lộ trình phát triển dài hạn, đòi hỏi dàn trải nguồn lực đầu tư;

b) Mô hình TTTC độc lập và chuyên biệt:

Mô hình TTTC độc lập và chuyên biệt có mục tiêu chính là hình thành một khu vực độc lập, được áp dụng nhiều chính sách vượt trội so với khung pháp luật chung của quốc gia để phát triển ngay các cấu phần của một TTTC toàn diện, qua đó tạo đột phá trong thu hút dòng vốn đầu tư tài chính dịch chuyển và bắt kịp với các TTTC đã phát triển. Theo đó, mô hình này được phát triển thông qua việc cải cách toàn diện hệ thống pháp luật trong phạm vi TTTC hoặc hình thành một thể chế riêng cho TTTC (thường được xây dựng dựa trên nền tảng án lệ quốc tế). Các quốc gia áp dụng mô hình này là: các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất (Dubai, Abu Dhabi) và Kazakhstan (Astana),...

Ưu điểm:

- Áp dụng ngay các chính sách phù hợp với thông lệ quốc tế trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh;
- Tạo đột phá để thu hút dòng vốn đầu tư tài chính dịch chuyển;
- Thiết lập ngay thương hiệu TTTC trên thị trường tài chính toàn cầu;
- Thể hiện cam kết về tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi;
- Khả năng thích ứng với các tiêu chuẩn, xu hướng phát triển của thị trường tài chính toàn cầu cao;
- Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các lĩnh vực mới nổi: đổi mới sáng tạo, các sản phẩm tài chính của tương lai.

Hạn chế:

- Điều chỉnh đồng loạt nhiều chính sách trong thời gian ngắn;
- Yêu cầu tập trung nguồn lực lớn trong thời gian ngắn để đầu tư phát triển hạ tầng và chính sách đồng bộ;
- Rủi ro tác động tiêu cực đến nền kinh tế trong nước khi mở cửa đột ngột;
- Phân biệt chính sách giữa các đối tượng áp dụng trong và ngoài TTTC;
- Khả năng thúc đẩy liên kết giữa các chủ thể trong TTTC với các chủ thể hoạt động trong phần còn lại của lãnh thổ quốc gia thấp.

c) Mô hình kết hợp

Mô hình TTTC kết hợp là mô hình giao thoa giữa sự đột phá của mô hình TTTC độc lập với việc cải cách chính sách và hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo lộ trình dài hạn của mô hình “cải cách và hiện đại hóa”.

Theo đó, các TTTC phát triển theo mô hình kết hợp thường: **(i) trong ngắn hạn:** thúc đẩy hình thành và phát triển TTTC thông qua việc tạo cơ chế đột phá cho một số lĩnh vực tài chính trọng tâm, phù hợp với các lợi thế cạnh tranh của quốc gia và khu vực nơi hình thành TTTC; **(ii) trong dài hạn:** hoàn thiện thể chế

chung của quốc gia hoặc mở rộng phạm vi thí điểm chính sách để từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế trong một số lĩnh vực trọng yếu của TTTC như: giải quyết tranh chấp, quản lý ngoại hối, thị trường vốn, xuất nhập cảnh...

Ưu điểm:

- Kết hợp các chính sách đặc thù, đột phá với hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong dài hạn;

- Cho phép thử nghiệm chính sách trong phạm vi TTTC, đảm bảo phù hợp với bối cảnh và điều kiện thực tế của quốc gia trong từng giai đoạn;

Hạn chế:

- Rủi ro phân tán nguồn lực trường hợp không lựa chọn được các cấu phần/lĩnh vực trọng tâm;

- Tính đồng bộ giữa các cấu phần của TTTC không cao;

4.3.4. Đề xuất mô hình xây dựng và phát triển TTTC tại Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu các mô hình phát triển TTTC trên thế giới; căn cứ quan điểm chỉ đạo, mục tiêu cũng như đặc điểm, tình hình, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nguồn lực thực tiễn của Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất phát triển TTTC theo mô hình “kết hợp”, có chọn lọc các ưu điểm của các mô hình trên thế giới, phù hợp với đặc điểm và bối cảnh của Việt Nam.

Trong đó, sẽ lựa chọn từng nhóm chính sách phù hợp với lợi thế và điều kiện phát triển của Việt Nam và các địa phương để áp dụng có kiểm soát, theo lộ trình cho các chủ thể hoạt động tại TTTC, trong phạm vi các giao dịch tài chính giữa các chủ thể này với nhau và với quốc tế. Đối với các giao dịch giữa các chủ thể tại TTTC và phần còn lại của đất nước sẽ thực hiện theo quy định và pháp luật chung hiện hành.

Giới hạn khu vực địa lý để xây dựng TTTC với các cơ chế chính sách vượt trội, theo thông lệ quốc tế nhưng từng bước, có kiểm soát theo lộ trình 02 giai đoạn, cụ thể như sau:

a) Giai đoạn 1: Lựa chọn một số chính sách đặc thù phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện cụ thể của Việt Nam để áp dụng ngay (hoặc có lộ trình rõ ràng, cụ thể, công khai rộng rãi) nhằm: (i) hình thành các điều kiện nền tảng của TTTC tại Việt Nam để tiến tới trở thành một TTTC toàn diện; (ii) tạo đột phá so với các TTTC trong khu vực để thu hút dòng vốn đầu tư tài chính dịch chuyển trong một số lĩnh vực phù hợp với lợi thế cạnh tranh và định hướng phát triển của TTTC Việt Nam.

Đối tượng điều chỉnh của các chính sách trong TTTC là các tổ chức được đăng ký thành viên và có sự hiện diện thương mại trong TTTC.

b) Giai đoạn 2: Từng bước nghiên cứu áp dụng các chính sách còn lại theo lộ trình phù hợp với thực trạng phát triển của TTTC và điều kiện chung của Việt Nam để tiến tới hình thành một TTTC quốc tế toàn diện.

Trong quá trình xây dựng, hình thành và phát triển, các chính sách phát triển TTTC đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện, mang tính cạnh tranh, đảm bảo tính ổn định, nhất quán và có tính dự báo, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, thúc đẩy hợp tác giám sát và cơ chế thực thi hiệu quả, đáng tin cậy.

Mô hình “kết hợp” được đề xuất có ưu điểm là kết hợp các chính sách đặc thù, đột phá với hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong dài hạn; đồng thời cho phép thử nghiệm chính sách trong phạm vi hoạt động của TTTC, đảm bảo phù hợp với bối cảnh và điều kiện thực tế của quốc gia trong từng giai đoạn. Tuy nhiên, mô hình này cũng có những hạn chế nhất định như tính đồng bộ giữa các chính sách, hoạt động... của TTTC đòi hỏi phải được liên tục nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung để đảm bảo hiệu quả hoạt động.

4.3.5. Cơ cấu tổ chức hoạt động của TTTC

Việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước điều phối, quản lý, giám sát TTTC phải dựa trên các nguyên tắc: (i) phân quyền, phân cấp tối đa cho các cơ quan này trong phạm vi không gian của TTTC; (ii) các cơ quan này đóng vai trò là đầu mối “một cửa” trong mọi đối thoại, hợp tác, tiếp nhận và giải quyết các trình tự, thủ tục của doanh nghiệp hoạt động tại TTTC với các cơ quan nhà nước khác; (iii) hoạt động của các cơ quan này mang tính chất xây dựng, hỗ trợ, đồng hành với doanh nghiệp để phát triển TTTC²⁰ cũng như tăng cường hợp tác quốc tế.

Trong đó, cơ cấu tổ chức hoạt động của TTTC gồm các cơ quan:

(i) *Ban chỉ đạo TTTC*²¹: đóng vai trò điều phối, quản lý cao nhất đối với TTTC; quyết định chiến lược phát triển, đầu tư...; giải quyết ý kiến khác nhau giữa cơ quan quản lý chuyên trách TTTC và cơ quan giám sát TTTC; thành lập các cơ quan, tổ chức phục vụ hoạt động của TTTC (như sở/sàn giao dịch).

Trưởng Ban chỉ đạo TTTC là Thủ tướng Chính phủ; các thành viên thường trực gồm đại diện Lãnh đạo các Bộ ngành, địa phương liên quan (có thể bao gồm đại diện Lãnh đạo một số cơ quan của Quốc hội, như Ủy ban Tài chính - Ngân sách, Ủy ban Kinh tế, Ủy ban pháp luật). Ngoài ra, Ban chỉ đạo TTTC có một số thành viên (có thể trực tiếp tham gia hoặc thông qua một Ủy ban tư vấn) là chuyên gia quốc tế đã có kinh nghiệm trong việc vận hành TTTC.

²⁰ Tương tự các TTTC tại Dubai, Abu Dhabi và Astana. Tại TTTC *Thượng Hải*, cơ chế vận hành, cơ chế quản lý và giám sát các hoạt động được cho phép/cho phép thí điểm và định hướng phát triển TTTC Thượng Hải được quy định tại các Kế hoạch 5 năm chung của Quốc gia và của Thành phố Thượng Hải nói riêng.

²¹ Tương tự mô hình AIFC Management Council (Điều 10 Luật về AIFC năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2022).

(ii) *Cơ quan quản lý TTTC*²²: quyết định việc gia nhập và rút khỏi TTTC của các chủ thể/thành viên tham gia TTTC (người cung cấp dịch vụ và khách hàng), cấp phép, quản lý hoạt động trong TTTC cũng như các vấn đề liên quan (visa, lao động, thuế...) theo cơ chế một cửa; xử lý các đề xuất, kiến nghị của các thành viên tham gia TTTC; hỗ trợ các cơ quan khác của TTTC...

Người đứng đầu Cơ quan quản lý TTTC là 01 Lãnh đạo cấp ủy của địa phương nơi có TTTC; thành viên là đại diện lãnh đạo các sở, ngành: Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh (Đà Nẵng), Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Công an Thành phố, Sở Tư pháp...

Cơ quan quản lý TTTC tiếp nhận yêu cầu, báo cáo Ban chỉ đạo TTTC về việc cho phép triển khai, áp dụng các giải pháp, tiêu chuẩn, quy chuẩn, mô hình kinh doanh mới liên quan lĩnh vực tài chính trong phạm vi TTTC theo cơ chế tiền kiểm và/hoặc cơ chế hậu kiểm.

(iii) *Cơ quan giám sát TTTC*²³: chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của các định chế tài chính trong TTTC; gồm đại diện của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt TTTC, các cơ quan liên quan; đảm bảo an toàn cho hoạt động của TTTC, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng (người tiêu dùng); phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, gian lận tài chính...

(iv) *Cơ quan giải quyết tranh chấp*: để đảm bảo việc giải quyết tranh chấp liên quan TTTC (giữa các thành viên tham gia TTTC, giữa thành viên và khách hàng, giữa các chủ thể tham gia TTTC và cơ quan quản lý, giám sát TTTC...) diễn ra nhanh chóng, hiệu quả, đảm bảo công lý, thân thiện với các nhà đầu tư tham gia TTTC, trước mắt thành lập Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTC như mô hình trung tâm trọng tài thương mại nhưng có một số đặc thù để đảm bảo niềm tin và sự thuận tiện cho các chủ thể, nhất là về luật áp dụng, phạm vi tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết, ngôn ngữ giải quyết tranh chấp, khả năng thực thi phán quyết trọng tài (có cơ chế để phán quyết trọng tài không bị tòa án hủy bỏ và có cơ chế để thi hành được phán quyết trọng tài trên thực tế một cách kịp thời)²⁴; đồng thời, tăng cường ứng dụng công nghệ, số hóa hoạt động giải quyết tranh chấp trong TTTC.

5. Chương V. Khuyến nghị cơ chế chính sách xây dựng TTTC

Trên cơ sở lựa chọn mô hình TTTC kết hợp, tham vấn ý kiến của các tổ chức tư vấn, chuyên gia tài chính quốc tế, xin kiến nghị định hướng các ***cơ chế chính sách*** xây dựng TTTC, được chia thành **3 nhóm**, cụ thể như sau:

²² Tương tự mô hình AIFC Management Council (Điều 10 Luật về AIFC năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2022).

²³ Tương tự mô hình Astana Financial Services Authority (Điều 12 Luật về AIFC năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2022).

²⁴ Tương tự mô hình International Arbitration Centre (Điều 14 Luật về AIFC năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2022).

5.1. Các chính sách áp dụng ngay (Nhóm 1)

(i) **Hệ thống và bộ tiêu chí đăng ký doanh nghiệp/đăng ký thành viên** do Ban quản lý TTTC là đơn vị chủ quản²⁵; chỉ áp dụng một thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp và thực hiện thủ tục đăng ký trực tuyến, không yêu cầu dự án, không yêu cầu tài liệu bản gốc, không yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự.

Cơ sở đề xuất:

- Kinh nghiệm phát triển các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi, Astana...): đã hình thành hệ thống đăng ký thành viên/doanh nghiệp chuyên biệt và phân cấp quyền cấp, điều chỉnh, quản lý giấy phép hoạt động đầu tư của các chủ thể trong TTTC cho Cơ quan quản lý TTTC. Trong đó, Cơ quan quản lý TTTC Thực hiện chức năng cấp phép và quản lý hoạt động của các doanh nghiệp nói chung; Cơ quan giám sát tài chính cấp phép và quản lý hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán...

- Kinh nghiệm phát triển TTTC Singapore: chức năng quản lý hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và dịch vụ tài chính do Ngân hàng Trung ương thực hiện; chức năng cấp phép và quản lý hoạt động của các doanh nghiệp khác do Bộ Tài chính thực thi.

(ii) **Ưu tiên sử dụng ngôn ngữ giao dịch là tiếng Anh**²⁶: cho phép sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ giao dịch chính hoặc có giá trị pháp lý tương đương với tiếng Việt trong TTTC.

Tiếng Anh là ngôn ngữ giao dịch phổ biến nhất của thị trường tài chính toàn cầu. Theo đó, cần cần nhắc sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ giao dịch chính trong TTTC để đảm bảo tính kết nối với các TTTC khác. Tuy nhiên, vẫn yêu cầu sử dụng song song với tiếng Việt để đảm bảo tuân thủ các quy định trong nước.

Cơ sở đề xuất:

- Kinh nghiệm phát triển các TTTC truyền thống (New York, London...): tiếng Anh là ngôn ngữ chính của quốc gia.

- Kinh nghiệm phát triển các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi, Astana...): đều cho phép áp dụng tiếng Anh là ngôn ngữ giao dịch chính, có giá trị tương

²⁵ Các **TTTC mới nổi** (Dubai, Abu Dhabi, Astana...) đã hình thành hệ thống đăng ký thành viên/doanh nghiệp chuyên biệt và phân cấp quyền cấp, điều chỉnh, quản lý giấy phép hoạt động của các chủ thể trong TTTC cho Cơ quan quản lý TTTC; trong đó: (i) Cơ quan quản lý TTTC thực hiện chức năng cấp phép và quản lý hoạt động của các doanh nghiệp nói chung; (ii) Cơ quan giám sát tài chính cấp phép và quản lý hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán... Tại **Singapore**, do đặc thù về diện tích và địa lý, chức năng quản lý hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và dịch vụ tài chính do Ngân hàng Trung ương thực hiện; chức năng cấp phép và quản lý hoạt động của các doanh nghiệp khác do Bộ Tài chính thực thi.

²⁶ Xuất phát từ các **TTTC truyền thống** (New York, London...) đều tiếng Anh là ngôn ngữ chính, do đó đã ảnh hưởng và thành nguyên tắc mặc định bất thành văn trong giao dịch tài chính toàn cầu. Các **TTTC mới nổi** (Dubai, Abu Dhabi, Astana...): đều cho phép áp dụng tiếng Anh là ngôn ngữ giao dịch chính, có giá trị tương đương với ngôn ngữ bản địa trong phạm vi TTTC, và được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có sự khác nhau về cách hiểu giữa các bản dịch với nhau. Riêng **TTTC Thượng Hải** áp dụng Tiếng Hoa kèm bản dịch tiếng Anh đối với các giao dịch trong TTTC; hiện đang thí điểm sử dụng tiếng Anh trong hoạt động giải quyết tranh chấp.

đương với ngôn ngữ bản địa trong phạm vi TTTC, và được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có sự khác nhau về cách hiểu giữa các bản dịch với nhau.

- Kinh nghiệm phát triển TTTC Thượng Hải: áp dụng Tiếng Hoa kèm bản dịch tiếng Anh đối với các giao dịch trong TTTC; hiện đang thí điểm sử dụng tiếng Anh trong hoạt động giải quyết tranh chấp.

(iii) **Xác định các lĩnh vực ưu tiên trong TTTC²⁷**: một số sản phẩm tài chính truyền thống (thị trường vốn, tiền tệ, ngân hàng, bảo hiểm...) trong đó ưu tiên triển khai các dịch vụ tài chính quốc tế²⁸; và một số sản phẩm tài chính hiện đại (tài sản mã hóa, fintech, tài chính xanh...), trong đó cần tập trung vào ưu tiên phát triển các mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính (fintech)²⁹ nhằm tăng tính cạnh tranh và hấp dẫn của TTTC ở Việt Nam.

Cơ sở đề xuất:

- Kinh nghiệm phát triển các TTTC truyền thống (New York, London, Singapore...): phát triển thị trường vốn gắn với các lợi thế của nền kinh tế trong nước là trọng tâm của TTTC trong giai đoạn đầu.

- Kinh nghiệm phát triển TTTC Singapore: phát triển thị trường tiền tệ để tận dụng khoảng trống về múi giờ giao dịch của thị trường tài chính toàn cầu.

- Kinh nghiệm phát triển các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi, Astana...): kết hợp giữa 1-2 sản phẩm tài chính truyền thống (như thị trường chứng khoán tại Dubai hoặc quản lý quỹ tại Abu Dhabi) và 1-2 sản phẩm tài chính hiện đại (như phát triển lĩnh vực fintech gắn với hoạt động đổi mới sáng tạo tại Dubai hoặc hình thành cơ chế thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực liên quan đến tài sản ảo, tài sản mã hóa tại Abu Dhabi).

(iv) Quy định đặc thù để phát triển thị trường vốn³⁰, gồm:

- Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với mô hình kinh doanh ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính (fintech), đi kèm

²⁷ các TTTC truyền thống (New York, London,...) và Singapore, xác định phát triển thị trường vốn gắn với các lợi thế của nền kinh tế trong nước là trọng tâm của TTTC trong giai đoạn đầu; riêng Singapore còn đặt mục tiêu phát triển thị trường tiền tệ để tận dụng khoảng trống về múi giờ giao dịch của thị trường tài chính toàn cầu. Các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi, Astana...): kết hợp giữa 1-2 sản phẩm tài chính truyền thống (như thị trường chứng khoán tại Dubai hoặc quản lý quỹ tại Abu Dhabi) và 1-2 sản phẩm tài chính hiện đại (như phát triển lĩnh vực fintech gắn với hoạt động đổi mới sáng tạo tại Dubai hoặc hình thành cơ chế thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực liên quan đến tài sản ảo tại Abu Dhabi).

²⁸ Bao gồm các dịch vụ để thúc đẩy hoạt động của TTTC Tp. Hồ Chí Minh theo hướng toàn diện và các dịch vụ đặc thù để phát triển TTTC Đà Nẵng gắn với hoạt động thương mại quốc tế, gắn với khu thương mại tự do Đà Nẵng Các dịch vụ tài trợ chuỗi cung ứng, chiết khấu chứng từ thương mại, thanh toán và chuyển nhượng uỷ thác, các dịch vụ quản lý rủi ro và giao dịch ngoại hối, nghiệp vụ Eurocurrencies, các giao dịch công cụ tài chính phái sinh như hợp đồng quyền chọn, hợp đồng tương lai, hợp đồng hoán đổi ...

²⁹ Về các lĩnh vực fintech quan trọng cần tập trung, xin xem: *The Global Financial Centres Index 35, 3/2024*, tr. 43, https://www.longfinance.net/media/documents/GFCI_35_Report_2024.03.21_v1.0.pdf; *Một số vấn đề pháp lý về tài sản mã hoá, tiền mã hoá*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2019.

³⁰ Kinh nghiệm quốc tế cho thấy phát triển thị trường vốn (cùng với thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng) là một trong những cấu phần nền tảng để phát triển thị trường tài chính nói chung và TTTC nói riêng. Tuy nhiên, phát triển thị trường vốn tại các TTTC mới nổi là một nhiệm vụ khó, phức tạp do có sự cạnh tranh cao từ các TTTC đã phát triển.

Trên thực tế, nhiều TTTC mới nổi (như Dubai, Abu Dhabi, Astana...) tuy đã đạt được một số kết quả nhất định trong phát triển các sản phẩm tài chính nói chung và thị trường vốn nói riêng, nhưng đến nay vẫn chưa được GFCI xếp hạng về mức độ phát triển của các cấu phần nền tảng.

với phân cấp quyền quản lý, đánh giá tác động và quản trị rủi ro trong hoạt động fintech cho Cơ quan quản lý TTTC,³¹ bao gồm cả sàn giao dịch đối với tài sản mã hoá, tiền mã hoá.

- Có cơ chế ưu đãi vượt trội so với quy định hiện hành đối với hoạt động tài chính xanh trong phạm vi TTTC (như mua bán tín chỉ các-bon, tài trợ vốn cho các dự án xanh...).³²

- Đơn giản hóa thủ tục thành lập và quản lý hoạt động của các tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động và cung cấp dịch vụ trong TTTC so với quy định hiện hành³³.

- Thành lập sàn giao dịch chuyên biệt cho TTTC.³⁴

- Ban hành một số quy định đăng ký, lưu ký, giao dịch và thanh toán bù trừ chuyên biệt cho chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán của TTTC Việt Nam theo thông lệ của các TTTC lớn.

- Triển khai một số giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm³⁵.

- Áp dụng thông lệ quốc tế về chuẩn mực kế toán, tài chính, báo cáo tài chính³⁶ và các thông lệ quốc tế về tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị công ty (tiêu chuẩn ESG). Trong đó, cho phép các chủ thể trong TTTC tự do lựa chọn chuẩn mực báo cáo tài chính, trường hợp đã thực hiện theo thông lệ quốc tế thì không cần thực hiện theo quy định trong nước.³⁷

- Có chính sách ưu đãi cho các ngân hàng nước ngoài thành lập chi nhánh hoặc chuyển trụ sở, văn phòng đại diện đến TTTC Việt Nam (như ưu đãi về thuế, phí...).

- Xây dựng hệ thống thông tin thị trường minh bạch và chuyên sâu; cải thiện cơ cấu và quy định quản lý rủi ro để tăng tính cạnh tranh, bao gồm quản lý rủi ro hoạt động (ORM), quản lý rủi ro thị trường (MRM), đặc biệt là quản lý rủi ro tín dụng (CRM).

Cơ sở đề xuất:

- Kinh nghiệm quốc tế cho thấy phát triển thị trường vốn (cùng với thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng) là một trong những cấu phần nền tảng để phát

³¹ Thử nghiệm có kiểm soát đã được đưa vào Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng (Điều 14)

³² Quy định này đã có trong Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

³³ Trình tự, thủ tục hiện nay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (Chương V Luật các tổ chức tín dụng).

³⁴ Có thể cân nhắc cho phép: (i) giao dịch bằng đồng ngoại tệ chuyên đổi; (ii) niêm yết chéo với các sàn giao dịch quốc tế; (iii) đơn giản hóa quy định về niêm yết và giao dịch cổ phiếu. Một số sản phẩm tài chính có thể cân nhắc phát triển tại sàn giao dịch chuyên biệt cho TTTC bao gồm: cổ phiếu, trái phiếu Chính phủ, các sản phẩm thứ cấp trái phiếu Chính phủ, trái phiếu xanh, trái phiếu doanh nghiệp, hàng hóa, kim loại, phái sinh, hợp đồng tương lai...).

³⁵ Có thể thành lập sàn giao dịch bảo hiểm, tái bảo hiểm chuyên biệt thuộc Sàn giao dịch chung của TTTC như tại London, Thượng Hải, Dubai...

³⁶ Nội dung này đã được định hướng tại Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020 của Bộ Tài chính phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam.

³⁷ Vấn đề này trong chừng mực nhất định đã được đưa vào dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia.

triển thị trường tài chính nói chung và TTTC nói riêng. Tuy nhiên, phát triển thị trường vốn tại các TTTC mới nổi là một nhiệm vụ khó, phức tạp do có sự cạnh tranh cao từ các TTTC đã phát triển.

- Trên thực tế, nhiều TTTC mới nổi (như Dubai, Abu Dhabi, Astana...) tuy đã đạt được một số kết quả nhất định trong phát triển các sản phẩm tài chính nói chung và thị trường vốn nói riêng, nhưng đến nay vẫn chưa được GFCI xếp hạng về mức độ phát triển của các cấu phần nền tảng.

Theo đó, việc phát triển thành công thị trường vốn theo hướng hiện đại, có tính cạnh tranh cao đòi hỏi một số chính sách vượt trội để tiệm cận với thông lệ quốc tế, nhưng đồng thời vẫn có lộ trình phát triển hệ sinh thái tài chính phù hợp với từng giai đoạn phát triển của TTTC.

(v) Tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng TTTC³⁸: Cho phép thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư vượt trội thu hút nhà đầu tư chiến lược để đầu tư xây dựng hạ tầng TTTC đảm bảo quy mô, hiệu quả hoạt động của TTTC theo tiêu chuẩn quốc tế.

Giao Cơ quan quản lý TTTC ban hành Kế hoạch huy động nguồn lực, bao gồm nguồn lực từ ngân sách nhà nước và nguồn lực tư nhân để phát triển hạ tầng phục vụ TTTC trong các giai đoạn sau.

Nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cho TTTC được huy động từ nguồn ngân sách nhà nước (cấp Trung ương và địa phương) và nguồn đầu tư xã hội (có thể được huy động từ nhà đầu tư chiến lược và các tổ chức/định chế tài chính thành viên TTTC).

Cơ sở đề xuất:

- Kinh nghiệm phát triển các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi, Astana...): đã xác định các khu vực có hàng rào để phát triển TTTC, đồng thời ban hành kèm theo quy hoạch là kế hoạch huy động nguồn lực phát triển CSHT cho TTTC (bao gồm cả hạ tầng cứng và hạ tầng mềm).

- Kinh nghiệm phát triển các TTTC truyền thống (New York, London...):
(i) nguồn lực phát triển hạ tầng cứng cho TTTC là một cấu phần của nguồn lực đầu tư phát triển đô thị chung tại các thành phố, địa điểm tập trung nhiều tổ chức, định chế tài chính; (ii) nguồn lực phát triển hạ tầng mềm cho TTTC được triển khai chung với phần còn lại của quốc gia.

³⁸ Các **TTTC mới nổi** (Dubai, Abu Dhabi, Astana...): đã xác định các khu vực có hàng rào để phát triển TTTC, đồng thời ban hành kèm theo quy hoạch là kế hoạch huy động nguồn lực phát triển CSHT cho TTTC (bao gồm cả hạ tầng cứng và hạ tầng mềm). Các **TTTC truyền thống** (New York, London...) xác định: (i) nguồn lực phát triển hạ tầng cứng cho TTTC là một cấu phần của nguồn lực đầu tư phát triển đô thị chung tại các thành phố, địa điểm tập trung nhiều tổ chức, định chế tài chính; (ii) nguồn lực phát triển hạ tầng mềm cho TTTC được triển khai chung với phần còn lại của quốc gia.

(vi) Đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực tài chính³⁹: giao Cơ quan quản lý TTTC hình thành kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực tài chính, dịch vụ tài chính.

Đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực tài chính, dịch vụ tài chính là một trong những yếu tố nền tảng cơ bản để thu hút các định chế tài chính và các nhà đầu tư đến TTTC. Theo đó, Việt Nam được nhiều tổ chức uy tín quốc tế đánh giá đang có nhiều lợi thế thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực này, đặc biệt là có chi phí cạnh tranh so với các nước trong khu vực. Tuy nhiên, cần có chiến lược và kế hoạch đào tạo bài bản, gắn với các chuẩn mực quốc tế và nhu cầu của nhà đầu tư để đảm bảo hiệu quả trong quá trình triển khai.

Theo đó, có thể triển khai đồng thời 2 giải pháp chính: **(i)** phối hợp với các Hiệp hội, tổ chức uy tín quốc tế trong lĩnh vực tài chính, kế toán trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực tại Việt Nam⁴⁰; **(ii)** nghiên cứu khả năng thu hút một số Đại học uy tín trong lĩnh vực tài chính thành lập phân viện hoặc hình thành các trung tâm đào tạo chuyên biệt cho TTTC tại Việt Nam⁴¹.

Cơ sở đề xuất:

- Kinh nghiệm phát triển các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi): đã ban hành các cơ chế ưu đãi để thu hút các Viện nghiên cứu, trường đại học uy tín hàng đầu thế giới đặt phân viện gần hoặc tại TTTC, kết hợp với đầu tư phát triển chương trình đào tạo tại các Viện, Trường đại học công lập phục vụ riêng cho ngành dịch vụ tài chính.

- Kinh nghiệm phát triển TTTC Singapore: tận dụng mạng lưới chuyên gia để thu hút các Trường Đại học uy tín thế giới thành lập phân viện tại Singapore.

(vii) Nói lỏng quy định trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh và quản lý chuyên gia nước ngoài trong TTTC:

- Miễn thị thực nhập cảnh thời hạn tối đa 30 ngày đối với các cá nhân nước ngoài đến làm việc theo giấy mời của tổ chức hoạt động trong TTTC.

- Miễn thị thực nhập cảnh thời hạn tối đa 90 ngày cho các nhà đầu tư nước ngoài có tài khoản giao dịch tại các tổ chức hoạt động trong TTTC.

³⁹ Các **TTTC mới nổi** (Dubai, Abu Dhabi): đã ban hành các cơ chế ưu đãi để thu hút các Viện nghiên cứu, trường đại học uy tín hàng đầu thế giới đặt phân viện gần hoặc tại TTTC, kết hợp với đầu tư phát triển chương trình đào tạo tại các Viện, Trường đại học công lập phục vụ riêng cho ngành dịch vụ tài chính. **TTTC Singapore** tận dụng mạng lưới chuyên gia để thu hút các Trường Đại học uy tín thế giới thành lập phân viện tại Singapore.

⁴⁰ Ví dụ, Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (The Association of Chartered Certified Accountants-ACCA) đã phối hợp triển khai chương trình đào tạo và cấp chứng chỉ kế toán/kiểm toán tại nhiều Trường Đại học lớn của Việt Nam.

⁴¹ ADGM thu hút Đại học New York; DIFC phối hợp với một số Đại học uy tín của Hoa Kỳ và Anh để hình thành trung tâm đào tạo chuyên biệt cho TTTC; Thượng Hải xây dựng chương trình Thu hút nhân tài tại Khu Lọc Gia Thủy để phục vụ phát triển TTTC.

- Miễn giấy phép lao động/áp dụng quy trình cấp giấy phép lao động rút gọn (fast-track) đối với các cá nhân nước ngoài làm việc cho các tổ chức hoạt động trong TTTC và áp dụng quy trình cấp thị thực nhập cảnh/thẻ tạm trú dài hạn rút gọn đối với vợ/chồng/con chưa thành niên của các cá nhân đó.

Cơ sở đề xuất:

Các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi,): đã ban hành chính sách miễn thị thực/giấy phép lao động hoặc đơn giản hóa thủ tục cấp, gia hạn và sử dụng thẻ cư trú cho các chuyên gia và gia đình đang làm việc tại TTTC hoặc các nhà đầu tư nước ngoài có hoạt động đầu tư/đặt trụ sở doanh nghiệp tại TTTC.

Trong khi đó, theo quy định tại Điều 9 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, thị thực cấp cho chuyên gia nước ngoài: (i) không quá 2 năm đối với người nước ngoài làm việc tại Việt Nam có xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động; (ii) không quá 01 năm đối với người nước ngoài làm việc với doanh nghiệp, tổ chức khác có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam. Về giấy phép lao động, theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ, chỉ không phải cấp giấy phép lao động đối với người nước ngoài vào Việt Nam làm việc tại vị trí nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc lao động kỹ thuật có thời gian làm việc dưới 30 ngày và không quá 03 lần trong 01 năm.

(viii) Áp dụng cơ chế ưu đãi đầu tư vượt trội trong TTTC

Tại văn bản quy phạm pháp luật quy định việc thành lập TTTC, giao Cơ quan có thẩm quyền ban hành một số cơ chế ưu đãi đặc thù, vượt trội cho nhà đầu tư chiến lược đầu tư xây dựng hạ tầng TTTC và các chủ thể đầu tư tại TTTC (miễn, giảm một số thủ tục đăng ký đầu tư, góp vốn kinh doanh; được tự do kinh doanh với người không cư trú các lĩnh vực mà Việt Nam không cấm, được hưởng các ưu đãi đầu tư, đặc biệt là thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân, sở hữu các bất động sản du lịch...).

Cơ sở đề xuất: các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi) đã ban hành các cơ chế ưu đãi về thuế, thủ tục cấp phép và hỗ trợ sau đầu tư để thu hút các nhà đầu tư tham gia phát triển và đặt trụ sở tại TTTC.

5.2. Các chính sách áp dụng theo lộ trình để phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam (Nhóm 2)

(i) Nói lỏng kiểm soát ngoại hối và các giao dịch tiền tệ trong TTTC: không kiểm soát ngoại hối và áp dụng thủ tục cấp phép đối với: các giao dịch thực hiện trong TTTC và giữa các chủ thể TTTC và các chủ thể tại nước ngoài; và giữa

các chủ thể trong TTTC. Các giao dịch ngoại tệ giữa chủ thể trong TTTC và phần còn lại của quốc gia thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối.⁴²

Cơ sở đề xuất:

Hầu hết các TTTC đều cho phép giao dịch bằng đồng ngoại tệ chuyển đổi trong phạm vi TTTC để tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch tài chính; đây là một trong những tiêu chí cơ bản của một TTTC. Singapore áp dụng “2 chế độ” khác nhau về quản lý ngoại hối giữa các đối tượng hoạt động trong TTTC và phần còn lại của nền kinh tế; theo đó, không cho phép các giao dịch ngoại tệ giữa chủ thể trong và ngoài TTTC, mà chỉ cho phép giao dịch bằng đồng ngoại tệ chuyển đổi trong phạm vi TTTC và từng bước mở cửa thị trường theo lộ trình phát triển chung của TTTC. Tại các TTTC mới nổi, đối với các giao dịch giữa chủ thể trong TTTC và chủ thể “nội địa”, được thực hiện theo quy định về giao dịch ngoại tệ xuyên biên giới (như tại Astana) hoặc theo một quy định riêng do các Cơ quan chuyên ngành cấp trung ương quản lý (như tại Dubai).

(ii) **Khuyến khích thành lập các công ty holding** (công ty có chức năng đầu tư vốn vào công ty khác) trong TTTC nhằm “kéo” các công ty đang hoạt động ở nước ngoài về Việt Nam và các công ty này được tự do đầu tư, góp vốn, mua cổ phần trong các công ty trong nước và nước ngoài.

Các công ty trong TTTC được tự do thỏa thuận giá mua bán cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán và không bị giới hạn theo biên độ giao dịch.

(iii) **Phát triển thị trường tiền tệ, ngân hàng⁴³:**

- Hoàn thiện lộ trình áp dụng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về ngân hàng (như Basel III) trong TTTC.

- Lộ trình cho phép hình thành ngân hàng, số hóa hoàn toàn, không bao gồm các chi nhánh, phòng giao dịch thực tế, chỉ cung cấp dịch vụ trong TTTC và cho các khách hàng quốc tế.

- Lộ trình áp dụng các chuẩn mực về phòng, chống rửa tiền theo thông lệ quốc tế tại TTTC.

- Không áp dụng hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài hoặc điều kiện đầu tư nước ngoài đối với các ngân hàng hoặc TCTD có trụ sở tại TTTC để cung cấp dịch vụ trong TTTC hoặc dịch vụ xuyên biên giới.

Cơ sở đề xuất:

⁴² Khác với quy định của Pháp lệnh ngoại hối (Điều 22).

⁴³ Trong giai đoạn đầu phát triển, các TTTC tại Singapore, Hong Kong và Thượng Hải đều tận dụng các lợi thế cạnh tranh về múi giờ và vị trí địa chính trị thuận lợi để tham gia vào cấu trúc trật tự của thị trường tài chính toàn cầu, từ đó hình thành và phát triển TTTC

- Tương tự như phát triển thị trường vốn, phát triển thị trường tiền tệ và ngân hàng là một trong những cấu phần nền tảng để phát triển thị trường tài chính nói chung và TTTC nói riêng.

- Trong giai đoạn đầu phát triển, các TTTC tại Singapore, Hong Kong và Thượng Hải đều tận dụng các lợi thế cạnh tranh về múi giờ và vị trí địa chính trị thuận lợi để tham gia vào cấu trúc trật tự của thị trường tài chính toàn cầu, từ đó hình thành và phát triển TTTC⁴⁴. Ngoài ra, theo đánh giá của GFICI, việc đa dạng hóa và nâng cao chất lượng cung cấp các sản phẩm giao dịch, quản lý hoạt động của thị trường tiền tệ và ngân hàng (cùng với thị trường vốn), là những yếu tố quan trọng giúp TTTC New York vượt TTTC London để trở thành TTTC lớn nhất toàn cầu trong giai đoạn sau Brexit.

(iv) Tiếp tục phát triển các sản phẩm, giao dịch liên quan đến tài sản mã hóa,⁴⁵ phát triển và quản lý theo lộ trình giao dịch bằng tài sản mã hoá, tiền mã hoá trong TTTC. Bao gồm:

- Xác định phát triển các sản phẩm, mô hình kinh tế hiện đại dựa trên tài sản mã hóa là một trọng tâm của TTTC Việt Nam.

- Ban hành chính sách quản lý, định hướng thúc đẩy cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản mã hóa trong TTTC.

Cơ sở đề xuất: các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi, Astana) đều xác định tài sản ảo, tài sản mã hóa, tiền ảo là các sản phẩm tài chính của tương lai, có khả năng tạo đột phá trên thị trường tài chính quốc tế. Theo đó, đã tiên phong ban hành các văn bản pháp lý để quy định và thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực này.

(v) Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân hoạt động trong TTTC xuống ngang bằng với mức thuế tại Singapore, Hồng Kong và áp dụng các mức giảm trừ tương tự.⁴⁶

Các chính sách nêu trên có sự khác biệt so với quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, hoạt động, cấp phép, giám sát... trong Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Pháp lệnh ngoại hối, Luật Phòng, chống rửa tiền, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Bộ luật Lao động, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân... Bên cạnh đó, để thúc đẩy các mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực tài chính (fintech), như tài sản mã hoá, các mô hình ứng dụng công nghệ chuỗi khối phân

⁴⁴ Singapore tham gia thông qua thị trường Đô-la Châu Á và mở cửa lĩnh vực ngân hàng; Hong Kong tham gia thông qua phát triển thị trường hàng hóa, sản giao dịch vàng và mở cửa thị trường ngân hàng; Thượng Hải mở cửa ngành ngân hàng trong nước để thu hút các định chế tài chính đặt trụ sở khu vực.

⁴⁵ Các TTTC Dubai, Abu Dhabi đều xác định tài sản ảo, tài sản mã hóa, tiền mã hóa là các sản phẩm tài chính của tương lai, có khả năng tạo đột phá trên thị trường tài chính quốc tế. Theo đó, đã tiên phong ban hành các văn bản pháp lý để quy định và thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực này

⁴⁶ Hiện nay, thuế thu nhập cá nhân ở Hồng Kong và Singapore cao nhất chỉ là 24% và Hong Kong là 17%; trong khi cao nhất (theo Luật Thuế thu nhập cá nhân) ở Việt Nam là 35%.

tán (blockchain) nhằm tạo lập các sản phẩm “đặc thù”, mang tính cạnh tranh cho TTTC ở Việt Nam, các quy định mới, “đặc thù” cần được xác lập, nhằm tập trung vào việc quản lý, xử lý các rủi ro.

5.3. Các chính sách cần tiếp tục nghiên cứu và cân nhắc sau năm 2035 (Nhóm 3)

(i) Nghiên cứu áp dụng pháp luật án lệ (có thể dựa trên nền tảng luật pháp Anh, Singapore, hoặc bang New York) để điều chỉnh các hoạt động tài chính, thương mại trong phạm vi TTTC và **hình thành tòa án tài chính độc lập**, cho phép các thẩm phán là người nước ngoài tham gia hoạt động tố tụng để giải quyết các tranh chấp thương mại trong TTTC.

- Án lệ “Common law” được đánh giá là khung pháp luật phù hợp nhất để quản lý các hoạt động tài chính do cơ chế pháp luật này được thực thi thông qua những phán quyết của tòa án trong các vụ án cụ thể. Việc áp dụng án lệ cho phép các thẩm phán có thể đưa ra quyết định khác nhau đối với những trường hợp tương tự như nhau nhưng xảy ra trong tình huống khác nhau để phù hợp với bối cảnh áp dụng. Theo đó, điều này cho phép khung pháp luật tự điều chỉnh để phù hợp với sự thay đổi của các yếu tố ngoại quan (như mức độ phát triển của nền kinh tế, công nghệ, thị trường tài chính...), qua đó tạo điều kiện thông thoáng để thúc đẩy việc thử nghiệm các mô hình, hoạt động kinh tế mới, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính.

Việc áp dụng án lệ có thể tạo đột phá để thu hút ngay các nhà đầu tư tài chính đến TTTC Việt Nam trong giai đoạn đầu như tại Dubai và Abu Dhabi. Tuy nhiên, việc áp dụng án lệ đòi hỏi cải cách toàn diện về hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách và quan điểm tiếp cận đối với việc quản lý các hoạt động tài chính. Theo đó, kinh nghiệm cho thấy việc mở cửa quá nhanh chóng có thể tạo nên nhiều rủi ro đối với hệ thống pháp luật của một nước đang phát triển và đang trong quá trình hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực tài chính như Việt Nam.

Nhiều TTTC mới nổi trong giai đoạn vừa qua (như Dubai, Abu Dhabi...) đã áp dụng án lệ là khung pháp luật chuyên biệt để giải quyết các tranh chấp dân sự/thương mại trong TTTC thay cho các quy định chung của quốc gia (thường là luật dân sự) để tạo sự đột phá về thể chế nhằm thu hút các nhà đầu tư tài chính do đây là nền tảng pháp luật mà các định chế tài chính lớn đã quen thuộc. Đây cũng là cách để các TTTC mới nổi tạo niềm tin đối với các định chế tài chính quốc tế.

Trong khi đó, một số TTTC nhỏ khác (như GIFT City-Ấn Độ, Casablanca-Ma Rốc) lựa chọn sửa đổi khung pháp luật chung của quốc gia để thúc đẩy hình thành và phát triển TTTC mà không hình thành khung pháp luật chuyên biệt.

- Sự phát triển của các dịch vụ tài chính sẽ đi đôi với nhu cầu giải quyết các tranh chấp có quy mô và tính phức tạp cao, liên quan đến nhiều chủ thể hoạt động xuyên biên giới và giữa các chủ thể hoạt động trong TTTC với cơ quan quản lý

TTTC. Theo đó, các TTTC lớn đều có cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả, được xây dựng dựa trên mô hình của các TTTC hiện hữu, phù hợp với thông lệ quốc tế để đáp ứng nhu cầu và bảo vệ quyền lợi của các chủ thể hoạt động trong TTTC trên nguyên tắc minh bạch, công bằng, khách quan.

Tại Việt Nam, việc hình thành tòa án tài chính độc lập có thể được thử nghiệm thí điểm trong giai đoạn đầu phát triển TTTC là một đơn vị của hệ thống tư pháp hiện hành, trong đó thí điểm: (i) cho phép một số thẩm phán quốc tế có kinh nghiệm tham gia các tòa án tài chính quốc tế; (ii) cho phép áp dụng án lệ quốc tế.

(ii) Xây dựng cơ chế ưu đãi (bao gồm các loại thuế) chuyên biệt, vượt trội, cập nhật so với các quy định hiện hành của quốc gia áp dụng cho TTTC.

Ưu đãi về thuế là một trong những công cụ phổ biến của các TTTC hiện đại để thu hút dòng vốn đầu tư tài chính dịch chuyên, đồng thời thu hút các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính, dịch vụ tài chính đến làm việc công tác tại TTTC đó.

Tuy nhiên, trong bối cảnh áp dụng quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu của OECD, việc áp dụng các hình thức ưu đãi về thuế cần được cân nhắc một cách thận trọng, với nguyên tắc xuyên suốt là phải đảm bảo được lợi ích chính đáng của quốc gia, đồng thời duy trì được lợi thế cạnh tranh trong thu hút đầu tư mà không vi phạm các cam kết quốc tế mà ta đã là thành viên.

Các TTTC mới nổi (Dubai, Abu Dhabi) đã ban hành các cơ chế ưu đãi vượt trội về thuế TNDN và thuế TNCN (0%) để thu hút các nhà đầu tư tham gia phát triển và đặt trụ sở tại TTTC.

(iii) Thiết lập khung pháp lý và vận hành tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung ương quốc gia (CBDC).

(iv) Các vấn đề mới, phát sinh khác.

Các chính sách này tất yếu có sự khác biệt so với hệ thống pháp luật quốc gia nhưng sẽ được đánh giá sau năm 2035.

5.4. Nguồn lực phát triển TTTC

Để chuẩn bị các điều kiện về hạ tầng và nguồn nhân lực phục vụ phát triển TTTC, cần huy động cả nguồn lực của nhà nước và ngoài nhà nước; theo đó, UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng cần: (i) thực hiện các thủ tục liên quan để bổ sung các dự án thành phần tại địa phương vào kế hoạch đầu tư công trung hạn (giai đoạn 2026-2030); (ii) phối hợp với các Bộ, ngành liên quan làm việc với các nhà đầu tư chiến lược để nghiên cứu khả năng tham gia đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển TTTC tại các địa phương.

Sau khi đã hình thành Ban quản lý TTTC, giao Ban quản lý TTTC tiếp tục triển khai nhiệm vụ huy động nguồn lực đầu tư phát triển TTTC.

5.5. Lộ trình triển khai

1. Giai đoạn từ năm 2025- năm 2030: ban hành Nghị quyết của Quốc hội về việc xây dựng và phát triển TTTC tại Việt Nam; tổ chức thực hiện ngay 08 nhóm chính sách phù hợp với thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện Việt Nam và cần áp dụng ngay; đồng thời thí điểm theo lộ trình 05 nhóm chính sách thông dụng tại các TTTC lớn trên thế giới, nhưng cần có lộ trình áp dụng để phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

Nghị quyết của Quốc hội sẽ chỉ quy định các nội dung mang tính nguyên tắc, quy định khung chính sách để phát triển TTTC, sau đó giao Chính phủ hướng dẫn nội dung chi tiết, xử lý các vấn đề cụ thể.

2. Giai đoạn từ năm 2030- năm 2035: tổ chức thực hiện đầy đủ theo lộ trình 05 nhóm chính sách thông dụng tại các TTTC lớn trên thế giới, nhưng cần có lộ trình áp dụng để phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

3. Sau năm 2035: trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện các chính sách đã được thực hiện ngay (nhóm 1) và có lộ trình áp dụng (nhóm 2), tiếp tục nghiên cứu đề báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến về việc ban hành và thực hiện các chính sách cần tiếp tục cân nhắc cho giai đoạn sau năm 2035 (nhóm 3), phù hợp với vấn đề mới phát sinh từ thực tiễn tại Việt Nam cũng như xu hướng phát triển của các TTTC quốc tế.

5.6. Quản lý rủi ro chính sách

Để đảm bảo việc xây dựng TTTC có khả năng cạnh tranh và đem lại những lợi ích tích cực và hạn chế rủi ro đối với phát triển kinh tế xã hội, cần phát triển TTTC trong một khu vực có ranh giới địa lý và đối tượng tham gia được xác định theo tiêu chí rõ ràng để: (i) thử nghiệm có kiểm soát các chính sách vượt trội nhằm tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường tài chính toàn cầu; (ii) phân cấp, phân quyền cho cơ quan quản lý TTTC để thực thi chính sách quản lý và phát triển TTTC theo hướng tập trung, tránh phân tán nguồn lực và chông chéo trong quá trình triển khai; (iii) đánh giá tác động đối với các chính sách phát triển TTTC phù hợp với điều kiện trong nước theo từng giai đoạn.

Như đã nêu ở phần trên, Đề án đang đề xuất định hướng các nhóm chính sách theo hướng trong giai đoạn đầu sẽ lựa chọn phát triển một số tính năng/cấu phần của mô hình chuyên biệt cho TTTC Việt Nam, áp dụng các chính sách đặc thù so với phần còn lại của quốc gia nhằm: (i) hình thành các điều kiện nền tảng cho TTTC Việt Nam để tiến tới trở thành một TTTC toàn diện; (ii) tạo đột phá so với các TTTC trong khu vực để thu hút dòng vốn đầu tư tài chính dịch chuyển trong một số lĩnh vực phù hợp với lợi thế cạnh tranh và định hướng phát triển của TTTC Việt Nam.

Đối với các chính sách còn lại, vẫn cần có sự quản lý, giám sát, điều hành chặt chẽ bởi các cơ quan liên quan để kiểm soát các yếu tố rủi ro trong quá trình phát triển TTTC. Theo kinh nghiệm quốc tế, việc xác định ranh giới TTTC là một khu vực chuyên biệt cho phép nước sở tại giảm thiểu tối đa các yếu tố rủi ro của đối với nền kinh tế trong nước, trong khi vẫn kết nối và thu hút được dòng vốn đầu tư tài chính toàn cầu. Đối với các chính sách đặc thù cho TTTC, các quốc gia áp dụng mô hình chuyên biệt thường áp dụng cơ chế thử nghiệm và đánh giá tác động chuyên sâu của các chính sách áp dụng, từ đó điều chỉnh, nhân rộng theo lộ trình phù hợp, linh hoạt với điều kiện thực tế của từng giai đoạn.

Như vậy, việc quản lý rủi ro đối với từng chính sách đề xuất sẽ được đánh giá cụ thể sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương để từ đó có lộ trình áp dụng phù hợp. Đồng thời, sau khi có định hướng, chủ trương của Bộ Chính trị, việc đánh giá tác động chính sách cụ thể, trong đó có đánh giá rủi ro và giải pháp quản lý, hạn chế rủi ro, sẽ được thực hiện chi tiết gắn với quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về TTTC theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

6. Chương VI. Tổ chức thực hiện

Các nội dung tại dự thảo Đề án sau khi báo cáo Bộ Chính trị sẽ phân công các Ban cán sự đảng, Đảng đoàn, cấp uỷ liên quan triển khai xây dựng kế hoạch điều chỉnh, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật và các chính sách liên quan.

Số: -TTr/BCSD-ĐTNN

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2024

TỜ TRÌNH
Đề án xây dựng Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế

Kính gửi: Bộ Chính trị,

Căn cứ chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin báo cáo Bộ Chính trị về Đề án xây dựng Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam như sau:

I. CĂN CỨ, CƠ SỞ VÀ PHẠM VI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Nghị quyết số 31-NQ/TW, Nghị quyết 24-NQ/TW đặt ra nhiệm vụ, giải pháp: *có cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội, cạnh tranh quốc tế để sớm xây dựng thành công Trung tâm Tài chính quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh.* Nghị quyết số 26-NQ/TW và Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị đặt ra nhiệm vụ: *Xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quốc tế cấp vùng.*

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (điểm b khoản 2 Điều 15) giao “Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”.

2. Cơ sở thực tiễn

a) *Bối cảnh thế giới và khu vực:* Hiện nay trên thế giới đang có 121 trung tâm tài chính (TTTC), cạnh tranh giữa các TTTC và các nước trong việc trở thành trung tâm của trung tâm tài chính, đổi mới sáng tạo ngày càng lớn, nhưng để phù hợp với sự vận động và phát triển, thế giới đang có nhu cầu về một TTTC mới, khác biệt với những TTTC hiện có để tiếp nhận nguồn lực tài chính dịch chuyển từ các TTTC quốc tế lớn như Luân Đôn, Hồng Kông, Singapore..., cung cấp dịch vụ tài chính mới, tiếp cận các thị trường mới, xu thế phát triển mới, trong đó, khả năng hình thành TTTC mới ở Châu Á - Thái Bình Dương, nơi được đánh giá là trung tâm kinh tế năng động nhất thế giới hiện nay đang ngày càng bộc lộ rõ nét.

b) *Bối cảnh trong nước*

- Việt Nam đang là điểm sáng về phát triển và tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, thu hút đầu tư, đang dần hội tụ các yếu tố cần thiết để phát triển thị

trường tài chính hiện đại, hướng đến hình thành TTTC, có khả năng liên kết với các TTTC trong khu vực và trên thế giới. Việt Nam cũng nằm trong số những thị trường dẫn đầu về tỷ lệ áp dụng các công nghệ tài chính tương lai, có thể tạo được lợi thế cạnh tranh, hình thành các sản phẩm “đặc thù” cho TTTC ở Việt Nam.

- Việc xây dựng, củng cố và phát huy các lợi thế cạnh tranh để hình thành TTTC khu vực, hướng đến TTTC quốc tế đặt ra nhiều thách thức với Việt Nam. Tuy nhiên nếu thành công, sẽ giúp Việt Nam: (i) kết nối thị trường tài chính toàn cầu; (ii) thu hút các tổ chức tài chính nước ngoài, tạo ra nguồn lực đầu tư mới, thúc đẩy nguồn lực đầu tư hiện hữu; (iii) tận dụng cơ hội dịch chuyển dòng vốn đầu tư quốc tế; (iv) thúc đẩy phát triển thị trường tài chính Việt Nam hiệu quả, bắt kịp chuẩn mực quốc tế; (v) góp phần phát triển bền vững kinh tế đất nước, nâng cao vai trò, vị thế, uy tín và ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế; từ đó bảo đảm quốc phòng an ninh, nhất là trong lĩnh vực tài chính từ sớm, từ xa.

3. Phạm vi của Đề án

Việc thành lập, vận hành và xây dựng thể chế nhằm phát triển TTTC là phức tạp, phải trải qua nhiều giai đoạn; cần nghiên cứu kỹ, điều chỉnh, bổ sung liên tục, kịp thời cho phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển. Theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án, Đề án đã được nghiên cứu trong thời gian dài, xây dựng và hoàn thiện theo nguyên tắc vừa làm vừa rút kinh nghiệm, trên cơ sở cân nhắc, tính toán thận trọng, có lộ trình, mở rộng từng bước, phù hợp với thực tiễn và trình độ phát triển của Việt Nam. Quá trình thực hiện khi phát sinh các nội dung mới, cơ quan chủ trì sẽ trình Ban cán sự đảng Chính phủ để báo cáo Bộ Chính trị.

Theo đó, đến nay Đề án tập trung nghiên cứu, đề xuất những vấn đề lớn gồm: quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển, lựa chọn mô hình, số lượng thành lập TTTC, cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý, các yêu cầu về nguồn lực và đề xuất khung pháp lý và các chính sách chủ yếu để báo cáo, xin ý kiến Bộ Chính trị.

Sau khi có định hướng, chủ trương của Bộ Chính trị đối với Đề án, Chính phủ sẽ giao cơ quan đầu mối để lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về phát triển TTTC.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các Cơ quan liên quan nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, tham khảo ý kiến các chuyên gia, tổ chức tư vấn quốc tế để xây dựng, hoàn thiện Đề án; trao đổi và thống nhất với UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng về định hướng hoàn thiện một số nội dung liên quan Đề án riêng của từng Thành phố, bảo đảm thống nhất với Đề án tổng thể của Ban Chỉ đạo.

III. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ ĐIỀU KIỆN HÌNH THÀNH TTTC

1. Kinh nghiệm phát triển TTTC trên thế giới

1.1. Về cách thức hình thành TTTC: TTTC trên thế giới được phát triển theo một trong 03 cách thức sau:

a) Mô hình tự nhiên: dựa trên yếu tố lịch sử và các yếu tố đã phát triển đến mức cao dẫn đến hình thành TTTC (London, New York...);

b) Mô hình cải cách và hiện đại hóa: dựa trên chiến lược bài bản và trải qua từng cấp độ từ thấp lên cao của TTTC (Singapore, Thượng Hải, Hong Kong...);

c) Mô hình độc lập và chuyên biệt: áp dụng ngay các chính sách có độ mở cao, cơ chế đặc thù riêng biệt mang tính đột phá, tại khu vực địa lý tách biệt, theo mô hình mới, hiện đại (Dubai, Abu Dhabi, Astana).

1.2. Về mô hình quản lý:

Đối với các TTTC được hình thành dựa trên yếu tố lịch sử hoặc trải qua từng cấp độ phát triển từ thấp lên cao với chiến lược bài bản, việc giám sát và vận hành thường do các cơ quan chuyên ngành thuộc Chính phủ quản lý theo từng lĩnh vực cụ thể, không thành lập các Hội đồng hoặc Cơ quan quản lý riêng biệt.

Đối với các TTTC áp dụng ngay các chính sách có độ mở cao, TTTC được thiết lập trên địa giới hành chính nhất định và việc giám sát và vận hành do một (các) cơ quan độc lập với Chính phủ để quản lý và điều tiết các hoạt động trong TTTC.

1.3. Về một số bài học kinh nghiệm

a) Việc hình thành và phát triển TTTC có sự chỉ đạo trực tiếp của các Lãnh đạo cấp cao nhất của quốc gia và sự đồng hành, vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương, sự hợp tác quốc tế.

b) Phát triển TTTC là một tiến trình dài hạn, nhất quán, ổn định, công khai, minh bạch, thường là một phần của chiến lược phát triển kinh tế-xã hội chung của quốc gia và địa phương nơi hình thành TTTC theo từng giai đoạn trong thời gian từ khoảng 20-30 năm.

c) TTTC được áp dụng các chính sách đặc thù, ưu đãi đột phá, có tính cạnh tranh, có độ mở cao và phù hợp thông lệ quốc tế để phát triển thị trường tài chính hiện đại và tự do hóa các giao dịch kinh doanh ngoại hối; kiến tạo và phát triển các mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính.

d) Xây dựng thêm các cơ chế đặc thù cho địa phương hoặc khu vực có TTTC để phát triển và tận dụng lợi thế từ nguồn tài chính đem lại trong TTTC.

đ) Việc xây dựng, vận hành và phát triển TTTC phải dựa trên 05 lĩnh vực (trụ cột) cạnh tranh: **(i) Môi trường kinh doanh; (ii) Nguồn nhân lực; (iii) Cơ sở hạ tầng; (iv) Sự phát triển của ngành tài chính; và (v) Uy tín.**

2. Điều kiện hình thành TTTC

2.1. Điều kiện cần: **(i)** quyết tâm chính trị và sự ủng hộ mạnh mẽ của người đứng đầu đất nước; **(ii)** được sự ủng hộ, hợp tác của cộng đồng quốc tế; **(iii)** ổn định chính trị, kinh tế vĩ mô, thể chế và chính sách; **(iv)** thị trường tài chính có tiềm năng; **(v)** môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi; quy mô nền kinh tế phát triển; tăng trưởng kinh tế ổn định; **(vi)** khuôn khổ pháp lý mở, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, mở đường cho đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững, mang tính cạnh tranh và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán; và **(vii)** tính kết nối cao.

b. Điều kiện đủ: (i) Nguồn nhân lực (trong lĩnh vực tài chính, pháp luật, tư vấn, kiểm toán...) trình độ cao; (ii) Cơ sở hạ tầng đồng bộ; và (iii) Hệ sinh thái tài chính phát triển có tính cạnh tranh, mức độ tự do hoá dòng tiền cao.

IV. ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG TTTC TẠI VIỆT NAM

1. Quan điểm chỉ đạo

a) Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tuyệt đối của Đảng; sự quản lý tập trung, thống nhất, thông suốt và liên tục của Nhà nước.

b) Phát triển TTTC theo hướng đi lên từ năng lực nội sinh của Việt Nam, từ tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh của từng địa phương nói riêng và của Việt Nam nói chung.

c) Việc lựa chọn mô hình TTTC trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và căn cứ vào điều kiện và nguồn lực thực tế của Việt Nam; có lộ trình phù hợp, gắn liền với quá trình xây dựng, phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ trên tinh thần hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất và hiệu quả.

d) Khung pháp lý áp dụng cho TTTC phải có tính đột phá, đảm bảo phát huy tối đa các lợi thế của Việt Nam; bắt kịp xu hướng phát triển quốc tế, theo chuẩn mực, thông lệ tiên tiến của thế giới, bảo đảm nguyên tắc pháp quyền, hài hoà với cam kết quốc tế; bảo đảm sự đồng bộ, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, mở đường cho đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, có tính cạnh tranh cao, khả thi và phù hợp với điều kiện thực tiễn và năng lực nội tại, trong đó ưu tiên lợi ích quốc gia là trên hết; đặc biệt là uy tín và an ninh tài chính quốc gia.

đ) Phát triển TTTC tại khu vực có ranh giới xác định và áp dụng các chính sách đặc thù trong khu vực TTTC, đối tượng tham gia được xác định theo tiêu chí rõ ràng, với chính sách ưu đãi vượt trội để cho phép Việt Nam: (i) thử nghiệm có kiểm soát các chính sách đặc thù nhằm tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường tài chính toàn cầu; (ii) phân quyền, phân cấp cho cơ quan quản lý TTTC và cải cách thủ tục hành chính tối đa có thể; tập trung quản lý, giám sát dựa trên rủi ro; (iii) đánh giá tác động đối với các chính sách phát triển TTTC phù hợp với điều kiện trong nước theo từng giai đoạn để điều chỉnh phù hợp, linh hoạt.

e) Đầu tư nguồn lực thỏa đáng và có sự đột phá mạnh mẽ về cơ chế, chính sách có tính cạnh tranh để thu hút các nguồn lực tài chính quốc tế, nhằm tạo động lực phát triển kinh tế xã hội.

g) Bảo đảm cân đối lợi ích của nhà nước, nhà đầu tư và người dân trên tinh thần hài hòa lợi ích, chia sẻ rủi ro; cần dự báo và có thể phải chấp nhận một mức độ rủi ro nhất định nhưng tăng cường vị thế địa chính trị, địa kinh tế của Việt Nam, gắn lợi ích kinh tế các đối tác, các nước lớn; qua đó góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh "phi truyền thống"; ổn định và phát triển toàn diện về các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, môi trường.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát: Phát triển thị trường tài chính để huy động có hiệu quả các nguồn lực, dịch vụ tài chính để phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội

các địa phương có TTTC nói riêng và Việt Nam nói chung bảo đảm minh bạch, hiệu quả, bắt kịp các chuẩn mực tài chính của thế giới.

2.2. Mục tiêu cụ thể: Đề án đặt ra một số mục tiêu cụ thể, có lộ trình, định lượng được và phù hợp với các tiêu chí đánh giá về TTTC của quốc tế.

3. Đề xuất mô hình và cơ chế chính sách để xây dựng TTTC tại Việt Nam

3.1. Về số lượng TTTC

Căn cứ các Nghị quyết của Đảng¹, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin kiến nghị xây dựng **02 TTTC** ở Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng; trong đó, xây dựng và phát triển TTTC **quốc tế** tại thành phố Hồ Chí Minh một cách toàn diện, TTTC **khu vực** ở Đà Nẵng đi trước phát triển các dịch vụ tài chính quốc tế, trọng điểm gắn với Khu Thương mại tự do Đà Nẵng và cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực công nghệ tài chính (fintech) gắn với đổi mới sáng tạo mà Nghị quyết số 136/2024/QH15² đã cho phép thí điểm, tạo tiền đề quan trọng để thúc đẩy việc hình thành TTTC quốc tế quy mô khu vực tại Đà Nẵng.

3.3. Mô hình phát triển và cơ cấu tổ chức của TTTC

a) Về lựa chọn mô hình và lộ trình phát triển TTTC

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất phát triển TTTC theo mô hình “kết hợp”, có chọn lọc các ưu điểm của các mô hình trên thế giới³, phù hợp với đặc điểm và bối cảnh của Việt Nam. Lộ trình 02 giai đoạn như sau:

a) *Giai đoạn 1:* Lựa chọn một số chính sách đặc thù phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện cụ thể của Việt Nam để áp dụng ngay (hoặc có lộ trình rõ ràng, cụ thể, công khai rộng rãi) nhằm: (i) hình thành các điều kiện nền tảng của TTTC tại Việt Nam để tiến tới trở thành một TTTC toàn diện; (ii) tạo đột phá so với các TTTC trong khu vực để thu hút dòng vốn đầu tư tài chính dịch chuyển trong một số lĩnh vực phù hợp với lợi thế cạnh tranh và định hướng phát triển của TTTC Việt Nam.

Đối tượng điều chỉnh của các chính sách trong TTTC là các tổ chức được đăng ký thành viên và có sự hiện diện thương mại trong TTTC.

b) *Giai đoạn 2:* Từng bước nghiên cứu áp dụng các chính sách còn lại theo lộ trình phù hợp với thực trạng phát triển của TTTC và điều kiện chung của Việt Nam để tiến tới hình thành một TTTC quốc tế toàn diện (sau năm 2035).

Các chính sách phát triển TTTC đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện, mang tính cạnh tranh, đảm bảo tính ổn định, nhất quán và có tính dự báo, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, thúc đẩy hợp tác giám sát và cơ chế thực thi hiệu quả, đáng tin cậy.

¹ Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; các Nghị quyết: số 31-NQ/TW và số 24-NQ/TW về nhiệm vụ xây dựng TTTC quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh; các Nghị quyết: số 26-NQ/TW và số 43-NQ/TW về nhiệm vụ xây dựng TTTC cấp vùng cho Đà Nẵng

² Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng (Điều 14).

³ sự đột phá của mô hình “độc lập và chuyên biệt”; sự cải cách chính sách và hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo lộ trình dài hạn của mô hình “cải cách và hiện đại hóa”,...

Mô hình “kết hợp” được đề xuất có ưu điểm là kết hợp các chính sách đặc thù, đột phá với hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong dài hạn; đồng thời cho phép thử nghiệm chính sách trong phạm vi hoạt động của TTTC, đảm bảo phù hợp với bối cảnh và điều kiện thực tế của quốc gia trong từng giai đoạn. Tuy nhiên, mô hình này cũng có những hạn chế nhất định như đòi hỏi phải được liên tục nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung để đảm bảo hiệu quả hoạt động.

b) Cơ cấu tổ chức hoạt động của TTTC

Việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước điều phối, quản lý, giám sát TTTC phải dựa trên các nguyên tắc: **(i)** phân quyền, phân cấp tối đa cho các cơ quan này trong phạm vi không gian của TTTC; **(ii)** các cơ quan này đóng vai trò là đầu mối “một cửa” trong mọi đối thoại, hợp tác, tiếp nhận và giải quyết các trình tự, thủ tục của doanh nghiệp hoạt động tại TTTC với các cơ quan nhà nước khác; **(iii)** hoạt động của các cơ quan này mang tính chất xây dựng, hỗ trợ, đồng hành với doanh nghiệp để phát triển TTTC⁴ cũng như tăng cường hợp tác quốc tế. Trong đó, cơ cấu tổ chức hoạt động của TTTC gồm các cơ quan:

(i) Ban chỉ đạo TTTC⁵: đóng vai trò điều phối, quản lý cao nhất đối với TTTC; quyết định chiến lược phát triển, đầu tư...; giải quyết ý kiến khác nhau giữa cơ quan quản lý chuyên trách TTTC và cơ quan giám sát TTTC; thành lập các cơ quan, tổ chức phục vụ hoạt động của TTTC (như sở/sàn giao dịch).

Trưởng Ban chỉ đạo TTTC là Thủ tướng Chính phủ; các thành viên thường trực gồm đại diện Lãnh đạo các Bộ ngành, địa phương liên quan và một số thành viên (*có thể trực tiếp tham gia hoặc thông qua một Ủy ban tư vấn*) là chuyên gia quốc tế đã có kinh nghiệm trong việc vận hành TTTC.

(ii) Cơ quan quản lý TTTC⁶: quyết định việc gia nhập và rút khỏi TTTC của các chủ thể/thành viên tham gia TTTC (người cung cấp dịch vụ và khách hàng), cấp phép, quản lý hoạt động trong TTTC cũng như các vấn đề liên quan (visa, lao động, thuế...) theo cơ chế một cửa; xử lý các đề xuất, kiến nghị của các thành viên tham gia TTTC; hỗ trợ các cơ quan khác của TTTC... Người đứng đầu Cơ quan quản lý TTTC là 01 Lãnh đạo cấp ủy của địa phương nơi có TTTC; thành viên là đại diện lãnh đạo các Sở, ngành liên quan.

Cơ quan quản lý TTTC tiếp nhận yêu cầu, báo cáo Ban chỉ đạo TTTC về việc cho phép triển khai, áp dụng các giải pháp, tiêu chuẩn, quy chuẩn, mô hình kinh doanh mới liên quan lĩnh vực tài chính trong phạm vi TTTC theo cơ chế tiền kiểm và/hoặc cơ chế hậu kiểm.

(iii) Cơ quan giám sát TTTC⁷: chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của các định chế tài chính trong TTTC, đảm bảo an toàn hệ thống tài chính của TTTC; gồm đại

⁴ Tương tự các TTTC tại Dubai, Abu Dhabi và Astana. Tại TTTC **Thượng Hải**, cơ chế vận hành, cơ chế quản lý và giám sát các hoạt động được cho phép/cho phép thí điểm và định hướng phát triển TTTC Thượng Hải được quy định tại các Kế hoạch 5 năm chung của Quốc gia và của Thành phố Thượng Hải nói riêng.

⁵ Tương tự mô hình AIFC Management Council (Điều 10 Luật về AIFC năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2022).

⁶ Tương tự mô hình AIFC Management Council (Điều 10 Luật về AIFC năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2022).

⁷ Tương tự mô hình Astana Financial Services Authority (Điều 12 Luật về AIFC năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2022).

diện của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt TTTC, các cơ quan liên quan...

(iv) Cơ quan giải quyết tranh chấp: trước mắt thành lập Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTC như mô hình trung tâm trọng tài thương mại nhưng có một số đặc thù để đảm bảo niềm tin và sự thuận tiện cho các các chủ thể, nhất là về luật áp dụng, phạm vi tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết, ngôn ngữ giải quyết tranh chấp, khả năng thực thi phán quyết trọng tài (có cơ chế để phán quyết trọng tài không bị tòa án hủy bỏ và có cơ chế để thi hành được phán quyết trọng tài trên thực tế một cách kịp thời)⁸; đồng thời, tăng cường ứng dụng công nghệ, số hóa hoạt động giải quyết tranh chấp trong TTTC.

3.3. Đề xuất chính sách

Các cơ chế chính sách xây dựng TTTC được chia thành **3 nhóm**:

a) Các chính sách áp dụng ngay (Nhóm 1)

(i) Hệ thống và bộ tiêu chí đăng ký doanh nghiệp/đăng ký thành viên do cơ quan quản lý TTTC là đơn vị chủ quản; **(ii)** Ưu tiên sử dụng ngôn ngữ giao dịch là tiếng Anh; **(iii)** Xác định các lĩnh vực ưu tiên trong TTTC; **(iv)** Quy định đặc thù để phát triển thị trường vốn; **(v)** Tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng TTTC. **(vi)** Đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực tài chính; **(vii)** Nói lỏng quy định trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh và quản lý chuyên gia nước ngoài trong TTTC; **(viii)** Áp dụng cơ chế ưu đãi đầu tư vượt trội trong TTTC.

b) Các chính sách áp dụng theo lộ trình để phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam (Nhóm 2)

(i) Gỡ bỏ kiểm soát ngoại hối và các giao dịch tiền tệ trong TTTC; **(ii)** Khuyến khích thành lập các công ty holding (công ty có chức đầu tư vốn vào công ty khác) trong TTTC nhằm “kéo” các công ty đang hoạt động ở nước ngoài về Việt Nam và các công ty này được tự do đầu tư, góp vốn, mua cổ phần trong các công ty trong nước và nước ngoài; **(iii)** Phát triển thị trường tiền tệ, ngân hàng; **(iv)** Tiếp tục phát triển các sản phẩm, giao dịch liên quan đến tài sản mã hóa, phát triển và quản lý theo lộ trình giao dịch bằng tài sản mã hoá, tiền mã hoá trong TTTC; **(v)** Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân hoạt động trong TTTC xuống ngang bằng với mức thuế tại Singapore, Hồng Kong và áp dụng các mức giảm trừ tương tự.

Các chính sách nêu trên có sự khác biệt so với quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, hoạt động, cấp phép, giám sát... trong pháp luật hiện hành của Việt Nam⁹. Bên cạnh đó, để thúc đẩy các mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực tài chính (fintech), như tài sản mã hoá, các mô hình ứng dụng công nghệ chuỗi khối phân tán (blockchain) nhằm tạo lập các sản phẩm “đặc thù”,

⁸ Tương tự mô hình International Arbitration Centre (Điều 14 Luật về AIFC năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2022).

⁹ Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Pháp lệnh ngoại hối, Luật Phòng, chống rửa tiền, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Bộ luật Lao động, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân...

mang tính cạnh tranh cho TTTC ở Việt Nam, các quy định mới, “đặc thù” cần được xác lập, nhằm tập trung vào việc quản lý, xử lý các rủi ro.

c) Các chính sách chưa đưa vào Đề án, sẽ được tiếp tục nghiên cứu và cân nhắc sau năm 2035 (Nhóm 3)

(i) Nghiên cứu áp dụng pháp luật án lệ và hình thành tòa án tài chính độc lập; (ii) Xây dựng cơ chế ưu đãi (bao gồm các loại thuế) chuyên biệt, vượt trội, cập nhật so với các quy định hiện hành của quốc gia áp dụng cho TTTC; (iii) Thiết lập khung pháp lý và vận hành tiên kỹ thuật số của ngân hàng trung ương quốc gia; (iv) Các vấn đề mới, phát sinh khác. Các chính sách này tất yếu có sự khác biệt so với hệ thống pháp luật quốc gia nhưng sẽ được nghiên cứu, cân nhắc sau năm 2035.

3.5. Về nguồn lực phát triển TTTC

Để chuẩn bị các điều kiện về hạ tầng và nguồn nhân lực phục vụ phát triển TTTC, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị huy động cả nguồn lực của nhà nước và ngoài nhà nước. Theo đó, UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng cần: (i) thực hiện các thủ tục liên quan để bổ sung các dự án thành phần tại địa phương vào kế hoạch đầu tư công trung hạn (giai đoạn 2026-2030); (ii) phối hợp với các Bộ, ngành liên quan làm việc với các nhà đầu tư chiến lược để nghiên cứu khả năng tham gia phát triển TTTC tại các địa phương.

Sau khi đã hình thành Cơ quan quản lý TTTC, giao Cơ quan quản lý TTTC tiếp tục triển khai nhiệm vụ huy động nguồn lực đầu tư phát triển TTTC.

4. Quản lý rủi ro chính sách: Đề án đã có các đánh giá tác động của các cơ chế chính sách đề xuất trên cả góc độ tích cực, lợi ích đem lại cũng như rủi ro tiềm tàng và việc quản lý rủi ro đối với từng chính sách đề xuất; từ đó, có lộ trình áp dụng phù hợp. Sau khi có định hướng, chủ trương của Bộ Chính trị, việc đánh giá tác động chính sách cụ thể, trong đó có đánh giá rủi ro và giải pháp quản lý, hạn chế rủi ro, sẽ được thực hiện chi tiết gắn với quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về TTTC theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Tổ chức thực hiện: Sau khi Bộ Chính trị cho ý kiến, sẽ phân công các Ban cán sự đảng, Đảng đoàn, cấp uỷ liên quan triển khai xây dựng kế hoạch điều chỉnh, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật và các chính sách liên quan nội dung Đề án.

V. CÁC NỘI DUNG XIN Ý KIẾN BỘ CHÍNH TRỊ

Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Bộ Chính trị:

1. Về các nội dung xây dựng TTTC:

1.1. Chủ trương thành lập TTTC tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Bên cạnh xây dựng TTTC quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh một cách toàn diện, TTTC ở Đà Nẵng đi trước phát triển các dịch vụ tài chính quốc tế, trọng điểm gắn với Khu Thương mại tự do Đà Nẵng và cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh

vực công nghệ tài chính (fintech) gắn với đổi mới sáng tạo, tạo tiền đề quan trọng để thúc đẩy việc hình thành TTTC quốc tế quy mô khu vực tại Đà Nẵng.

1.2. Phát triển TTTC theo mô hình “kết hợp” trên cơ sở áp dụng một số chính sách đặc thù, vượt trội theo lộ trình, có ranh giới địa lý và đối tượng điều chỉnh được xác định theo tiêu chí rõ ràng; TTTC được áp dụng cơ chế quản lý đặc thù, vượt trội hơn so với quy định hiện hành, mang tính cạnh tranh nhưng phải kèm theo các cơ chế giám sát, quản lý rủi ro phù hợp.

1.3. Cơ cấu tổ chức của TTTC gồm: (i) Ban chỉ đạo TTTC là cơ quan quản lý cao nhất đối với TTTC, quyết định chiến lược phát triển, đầu tư và các nội dung quan trọng khác; (ii) Cơ quan quản lý TTTC chịu trách nhiệm trước Ban chỉ đạo để quản lý hoạt động của TTTC; (iii) Cơ quan giám sát TTTC chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của các định chế tài chính trong TTTC; (iv) Cơ quan giải quyết tranh chấp: trước mắt thành lập Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTC như mô hình trung tâm trọng tài thương mại nhưng có một số đặc thù để đảm bảo trong việc giải quyết tranh chấp.

1.4. Các chính sách xây dựng TTTC như đã được nêu cụ thể trong Đề án và Tờ trình đầy đủ, thực hiện theo lộ trình như sau: (i) Từ 2025-2030: ban hành và tổ chức thực hiện ngay các chính sách thuộc nhóm 1 phù hợp với thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện Việt Nam và cần áp dụng ngay; đồng thời thí điểm theo lộ trình các chính sách thông dụng tại các TTTC lớn trên thế giới thuộc nhóm 2, nhưng cần có lộ trình áp dụng để phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam; (ii) Từ 2030-2035: tổ chức thực hiện đầy đủ theo lộ trình các chính sách thông dụng tại các TTTC lớn trên thế giới thuộc nhóm 2, nhưng cần có lộ trình áp dụng để phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam; (iii) Sau năm 2035: trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện, tiếp tục nghiên cứu để báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến về việc ban hành và thực hiện các chính sách cần tiếp tục cân nhắc cho giai đoạn sau năm 2035.

1.5. Nguồn lực thực hiện: huy động cả nguồn lực của nhà nước và ngoài nhà nước, trung ương và địa phương.

1.6. Tổ chức thực hiện: Sau khi Bộ Chính trị đồng ý về chủ trương, cơ quan chủ trì sẽ trình ban hành Nghị quyết của Quốc hội về việc xây dựng và phát triển TTTC tại Việt Nam. Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết sẽ tiến hành đánh giá, tổng kết về việc phát triển TTTC. Trong quá trình thực thi nếu có vấn đề phát sinh sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền.

2. Giao nhiệm vụ:

a) Giao Ban cán sự đảng Chính phủ, trên cơ sở Đề án trình Bộ Chính trị, lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, đánh giá tác động các chính sách đột phá, mang tính cạnh tranh để kiến tạo phát triển mô hình trung tâm tài chính; phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo, nghiên cứu, trình Quốc hội ban hành Nghị quyết của Quốc hội quy định các nội dung mang tính nguyên tắc, quy định khung chính sách phát triển TTTC; sau đó giao Chính phủ hướng dẫn nội dung chi tiết, xử lý các vấn đề cụ thể.

b) Giao Ban cán sự đảng Chính phủ, Ban Thường vụ Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, ban hành các văn bản cụ thể, đầu tư nguồn lực tương xứng để thúc đẩy 05 trụ cột cạnh tranh của trung tâm tài chính quốc tế (khu vực) của Việt Nam: (i) môi trường kinh doanh, (ii) nguồn nhân, (iii) cơ sở hạ tầng, (iv) sự phát triển của ngành tài chính và (v) Uy tín; đồng thời triển khai chất lượng, hiệu quả Đề án và Nghị quyết về thành lập và phát triển TTTC theo pháp luật của Nhà nước.

c) Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cùng Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao, các bộ, ngành liên quan lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp tổ chức thực hiện Đề án.

Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Bộ Chính trị xem xét, cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BCSD Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng;
- Lưu: VP BCSD, ĐTNN.

**T/M BAN CÁN SỰ ĐẢNG
BÍ THƯ**

Nguyễn Chí Dũng

*

Số: -KL/TW

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về Đề án xây dựng Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế

Xem xét Tờ trình, Báo cáo của Ban cán sự đảng Chính phủ về Đề án xây dựng Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế, ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Chính trị kết luận như sau:

1. Bối cảnh quốc tế, khu vực và tăng trưởng kinh tế, thu hút đầu tư trong nước đã hội tụ các điều kiện cần thiết để xây dựng trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Xây dựng trung tâm tài chính tại Việt Nam là yếu tố then chốt, tạo bước đột phá trong thu hút đầu tư, thay đổi về chất trong phát triển kinh tế, thúc đẩy Việt Nam tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị kinh tế toàn cầu, nâng cao vị thế của Việt Nam, hướng tới kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc Việt Nam.

Quá trình thực hiện cần nghiên cứu, phát triển TTTC theo hướng đi lên từ năng lực nội sinh của Việt Nam, từ tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh của từng địa phương nói riêng và của Việt Nam nói chung; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, bắt kịp xu hướng, hình thành các cơ chế, chính sách vượt trội, cạnh tranh, tương thích với thông lệ quốc tế, theo lộ trình phù hợp, gắn liền với quá trình xây dựng, phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ trên tinh thần hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất và hiệu quả, phát huy tối đa lợi ích, phù hợp với trình độ phát triển của Việt Nam; ưu tiên lợi ích quốc gia là trên hết, đảm bảo nguyên tắc pháp quyền.

2. Đồng ý chủ trương thành lập Trung tâm tài chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Bên cạnh xây dựng TTTC quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh một cách toàn diện, TTTC ở Đà Nẵng đi trước phát triển các dịch vụ tài chính quốc tế, trọng điểm gắn với Khu Thương mại tự do Đà Nẵng và cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực công nghệ tài chính (fintech) gắn với đổi mới sáng tạo, tạo tiền đề quan trọng để thúc đẩy việc hình thành TTTC quốc tế quy mô khu vực tại Đà Nẵng.

Phát triển TTTC theo mô hình “kết hợp” trên cơ sở áp dụng một số chính sách đặc thù, vượt trội theo lộ trình, có ranh giới địa lý và đối tượng điều chỉnh được xác định theo tiêu chí rõ ràng; TTTC được áp dụng cơ chế quản lý đặc thù, vượt trội hơn so với quy định hiện hành, mang tính cạnh tranh nhưng phải kèm theo các cơ chế giám sát, quản lý rủi ro phù hợp.

Cơ cấu tổ chức của TTTC gồm:

(i) Ban chỉ đạo TTTC là cơ quan quản lý cao nhất đối với TTTC, quyết định chiến lược phát triển, đầu tư và các nội dung quan trọng khác. Người đứng đầu Ban chỉ đạo là Thủ tướng Chính phủ.

(ii) Cơ quan quản lý TTTC là cơ quan chịu trách nhiệm trước Hội đồng điều phối/Ban chỉ đạo để quản lý hoạt động của TTTC

(iii) Cơ quan giám sát TTTC: chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của các định chế tài chính trong TTTC

(iv) Cơ quan giải quyết tranh chấp: trước mắt thành lập Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc TTTC như mô hình trung tâm trọng tài thương mại nhưng có một số đặc thù để đảm bảo trong việc giải quyết tranh chấp.

Nguồn lực thực hiện: Huy động cả nguồn lực của nhà nước và ngoài nhà nước, trung ương và địa phương.

3. Các chính sách ban hành để xây dựng TTTC:

(1) Xây dựng hệ thống và bộ tiêu chí đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thành viên do cơ quan quản lý TTTC là đơn vị chủ quản; áp dụng thủ tục đăng ký trực tuyến, không yêu cầu dự án, không yêu cầu tài liệu bản gốc, không yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự.

(2) Cho phép sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ giao dịch chính hoặc có giá trị pháp lý tương đương với tiếng Việt trong TTTC.

(3) Các lĩnh vực ưu tiên trong TTTC, ngoài các sản phẩm tài chính truyền thống (thị trường vốn, tiền tệ, ngân hàng, bảo hiểm...) và các sản phẩm tài chính hiện đại (tài sản mã hóa, fintech, tài chính xanh...), cần tập trung vào ưu tiên phát triển các mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính (fintech) nhằm tăng tính cạnh tranh và hấp dẫn của TTTC ở Việt Nam.

(4) Quy định đặc thù để phát triển thị trường vốn tại TTTC, gồm:

- Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với mô hình kinh doanh ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính (fintech), đi kèm với phân cấp quyền quản lý, đánh giá tác động và quản trị rủi ro trong hoạt động fintech cho Cơ quan quản lý TTTC, bao gồm cả sàn giao dịch đối với tài sản mã hoá, tiền mã hoá.

- Có cơ chế ưu đãi vượt trội so với quy định hiện hành đối với hoạt động tài chính xanh trong phạm vi TTTC (như mua bán tín chỉ các-bon, tài trợ vốn cho các dự án xanh...).

- Đơn giản hóa thủ tục thành lập và quản lý hoạt động của các tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động và cung cấp dịch vụ trong TTTC so với quy định hiện hành.

- Thành lập sàn giao dịch chuyên biệt cho TTTC và được giao dịch bằng đồng ngoại tệ chuyên đổi; niêm yết chéo với các sàn giao dịch quốc tế; đơn giản hóa quy định về niêm yết và giao dịch cổ phiếu; một số sản phẩm tài chính được phát triển tại sàn giao dịch chuyên biệt cho TTTC bao gồm: cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu Chính phủ, các sản phẩm thứ cấp trái phiếu Chính phủ, trái phiếu xanh, hàng hóa, kim loại, phái sinh, hợp đồng tương lai...

- Ban hành một số quy định đăng ký, lưu ký, giao dịch và thanh toán bù trừ chuyên biệt cho chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán của TTTC Việt Nam theo thông lệ của các TTTC lớn.

- Triển khai một số giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm; thành lập sàn giao dịch bảo hiểm, tái bảo hiểm chuyên biệt thuộc Sàn giao dịch chung của TTTC như một số TTTC lớn trên thế giới.

- Áp dụng thông lệ quốc tế về chuẩn mực kế toán, tài chính, báo cáo tài chính và các thông lệ quốc tế về tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị công ty.

- Có chính sách ưu đãi cho các ngân hàng nước ngoài thành lập chi nhánh hoặc chuyên trụ sở, văn phòng đại diện đến TTTC Việt Nam (như ưu đãi về thuế, phí...).

- Xây dựng hệ thống thông tin thị trường minh bạch và chuyên sâu; cải thiện cơ cấu và quy định quản lý rủi ro để tăng tính cạnh tranh, bao gồm quản lý rủi ro hoạt động (ORM), quản lý rủi ro thị trường (MRM), đặc biệt là quản lý rủi ro tín dụng (CRM).

(5) Tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng TTTC, bao gồm nguồn lực từ ngân sách nhà nước và nguồn lực tư nhân để phát triển hạ tầng phục vụ TTTC.

(6) Đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực tài chính, kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực tài chính, dịch vụ tài chính.

(7) Nói lỏng quy định trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh và quản lý chuyên gia nước ngoài trong TTTC:

- Miễn thị thực nhập cảnh thời hạn tối đa 30 ngày đối với các cá nhân nước ngoài đến làm việc theo giấy mời của tổ chức hoạt động trong TTTC.

- Miễn thị thực nhập cảnh thời hạn tối đa 90 ngày cho các nhà đầu tư nước ngoài có tài khoản giao dịch tại các tổ chức hoạt động trong TTTC.

- Miễn giấy phép lao động/áp dụng quy trình cấp giấy phép lao động rút gọn (fast-track) đối với các cá nhân nước ngoài làm việc cho các tổ chức hoạt động trong TTTC và áp dụng quy trình cấp thị thực nhập cảnh, thẻ tạm trú dài hạn rút gọn đối với vợ, chồng, con chưa thành niên của các cá nhân đó.

(8) Áp dụng cơ chế ưu đãi đầu tư vượt trội trong TTTC cho nhà đầu tư TTTC và các chủ thể đầu tư tại TTTC.

(9) Gỡ bỏ kiểm soát ngoại hối và các giao dịch tiền tệ trong TTTC: không kiểm soát ngoại hối đối với: các giao dịch thực hiện trong TTTC và giữa các chủ thể TTTC và các chủ thể tại nước ngoài; và giữa các chủ thể trong TTTC. Các giao dịch ngoại tệ giữa chủ thể trong TTTC và phần còn lại của quốc gia thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối.

(10) Khuyến khích thành lập các công ty có chức năng đầu tư vốn vào công ty khác (công ty holding) trong TTTC; các công ty này được tự do đầu tư, góp vốn, mua cổ phần trong các công ty trong nước và nước ngoài. Các công ty trong TTTC được tự do thỏa thuận giá mua bán cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán và không bị giới hạn theo biên độ giao dịch.

(11) Phát triển thị trường tiền tệ, ngân hàng:

- Hoàn thiện lộ trình áp dụng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về ngân hàng (như Basel III) trong TTTC.

- Lộ trình cho phép hình thành ngân hàng số hóa hoàn toàn, không bao gồm các chi nhánh, phòng giao dịch thực tế, chỉ cung cấp dịch vụ trong TTTC và cho các khách hàng quốc tế.

- Lộ trình áp dụng các chuẩn mực về phòng, chống rửa tiền theo thông lệ quốc tế tại TTTC.

- Không áp dụng hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài hoặc điều kiện đầu tư nước ngoài đối với các ngân hàng hoặc TCTD có trụ sở tại TTTC để cung cấp dịch vụ trong TTTC hoặc dịch vụ xuyên biên giới.

(12) Tiếp tục phát triển các sản phẩm, giao dịch liên quan đến tài sản mã hóa, phát triển và quản lý theo lộ trình giao dịch bằng tài sản mã hoá, tiền mã hoá trong TTTC.

(13) Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân hoạt động trong TTTC xuống ngang bằng với mức thuế tại Singapore, Hong Kong và áp dụng các mức giảm trừ tương tự để đảm bảo tính cạnh tranh.

4. Lộ trình tổ chức thực hiện chính sách theo giai đoạn như sau:

a) Từ 2025-2030: ban hành và tổ chức thực hiện ngay các nhóm chính sách từ số (1) đến (8) là các chính sách phù hợp với thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện Việt Nam và cần áp dụng ngay; đồng thời thí điểm theo lộ trình các nhóm chính sách từ (09) đến (13) là các chính sách thông dụng tại các TTTC lớn trên thế giới, nhưng cần có lộ trình áp dụng để phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

b) Từ 2030-2035: tổ chức thực hiện đầy đủ theo lộ trình các nhóm chính sách từ (09) đến (13).

c) Sau năm 2035: trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện, tiếp tục nghiên cứu để báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến về việc ban hành và thực hiện các chính sách cần tiếp tục cân nhắc cho giai đoạn sau năm 2035.

5. Sau khi Bộ Chính trị đồng ý về chủ trương, cơ quan chủ trì trình ban hành Nghị quyết của Quốc hội về việc xây dựng và phát triển TTTC tại Việt Nam quy định các nội dung mang tính nguyên tắc, quy định khung chính sách để phát triển TTTC, sau đó giao Chính phủ hướng dẫn nội dung chi tiết, xử lý các vấn đề cụ thể. Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết sẽ tiến hành đánh giá, tổng kết về việc phát triển TTTC để ban hành Luật về Trung tâm tài chính. Trong quá trình thực thi nếu có vấn đề phát sinh sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền.

6. Bộ Chính trị giao:

a) Ban cán sự đảng Chính phủ, trên cơ sở Đề án trình Bộ Chính trị, lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, đánh giá tác động các chính sách đột phá, mang tính cạnh tranh để kiến tạo phát triển mô hình trung tâm tài chính; phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo, nghiên cứu, trình Quốc hội ban hành Nghị quyết về trung tâm tài chính để thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm tài chính khu vực tại Thành phố Đà Nẵng; trong đó có các quy định phù hợp về thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước đối với trung tâm tài chính để điều phối, quản lý, giám sát trung tâm tài chính và giải quyết tranh chấp.

b) Ban cán sự đảng Chính phủ, Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, ban hành các văn bản cụ thể, đầu tư nguồn lực tương xứng để thúc đẩy 05 trụ cột cạnh tranh của trung tâm tài chính quốc tế (khu vực) của Việt Nam: (i) môi trường kinh doanh, (ii) nguồn nhân lực, (iii) cơ sở hạ tầng, (iv) sự phát triển của ngành tài chính và (v) Uy tín; đồng thời triển khai chất lượng, hiệu quả Đề án và Nghị quyết về trung tâm tài chính, đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

c) Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cùng Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao, các bộ, ngành liên quan lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp tổ chức thực hiện Đề án.



7. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ, Ban Nội chính Trung ương, Ủy ban kiểm tra Trung ương, Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án theo đúng Kết luận của Bộ Chính trị.

8. Ban cán sự đảng Chính phủ chủ trì, giúp Bộ Chính trị theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kết luận này; định kỳ đánh giá kết quả thực hiện, báo cáo Bộ Chính trị.

Nơi nhận:

- Các tỉnh ủy, thành ủy,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đảng ủy đơn vị sự nghiệp trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Lương Cường

Nghị quyết số: /2024/QH15

NGHỊ QUYẾT

Về việc xây dựng và phát triển Trung tâm tài chính tại Việt Nam

DỰ THẢO

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định về thành lập, tổ chức hoạt động và các cơ chế chính sách áp dụng đối với Trung tâm tài chính tại Việt Nam.

2. Nghị quyết này áp dụng đối với:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam;
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động của Trung tâm tài chính tại Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trung tâm tài chính là một hệ sinh thái đa dạng các dịch vụ tài chính tập trung tại một khu vực được thành lập theo quy định của Luật này, có thể chế đặc thù, phục vụ và thu hút các định chế tài chính, ngân hàng, quỹ đầu tư, công ty dịch vụ tài chính và có các sản phẩm dịch vụ chứng khoán, tiền tệ, hàng hóa... để cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính, kết nối với các trung tâm tài chính quốc tế khác.

2. Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư có dự án đầu tư tại trung tâm tài chính và đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

Điều 3. Áp dụng các luật có liên quan và điều ước quốc tế

1. Những nội dung về thành lập, tổ chức hoạt động và các cơ chế chính sách áp dụng đối với Trung tâm tài chính tại Việt Nam được áp dụng theo quy định tại Nghị quyết này. Những nội dung không được quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Nghị quyết này với các luật có liên quan về cùng một nội dung thì áp dụng quy định của Nghị quyết này.

2. Trường hợp các luật có liên quan được ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực có quy định thuận lợi hơn đối với nhà đầu tư theo quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng quy định của các luật có liên quan.

3. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (sau đây gọi là Điều ước quốc tế) có quy định khác với quy định tại Nghị quyết này và pháp luật Việt Nam thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó, trừ trường hợp Nghị quyết này và pháp luật Việt Nam có quy định thuận lợi hơn đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập và hoạt động tại Trung tâm tài chính.

4. Nguyên tắc áp dụng pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế quy định tại khoản 3 Điều này không được cản trở việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Việt Nam theo các Điều ước quốc tế.

Điều 4. Thành lập, hoạt động của Trung tâm Tài chính

1. Chính phủ quyết định thành lập Trung tâm tài chính trên cơ sở đề nghị của Ban chỉ đạo Trung tâm tài chính. Phạm vi của Trung tâm tài chính được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất, trình Chính phủ xem xét quyết định.

2. Ban chỉ đạo Trung tâm tài chính

Thủ tướng Chính phủ là Trưởng ban chỉ đạo Trung tâm tài chính. Ban chỉ đạo có quyền như sau:

a) Điều phối, quản lý cao nhất đối với Trung tâm tài chính;

b) Quyết định chiến lược phát triển, đầu tư...;

c) Giải quyết ý kiến khác nhau giữa cơ quan quản lý chuyên trách Trung tâm tài chính và cơ quan giám sát Trung tâm tài chính;

d) Thành lập các cơ quan, tổ chức phục vụ hoạt động của Trung tâm tài chính (như sở/sàn giao dịch);

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với hành vi của Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính hoặc Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính;

g) Hợp tác quốc tế, đối thoại với các trung tâm tài chính, cơ quan quản lý và tổ chức quốc tế khác; hài hòa hóa các quy định, hợp tác và xử lý các vấn đề xuyên biên giới liên quan đến Trung tâm tài chính.

3. Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính: có trách nhiệm quản lý hoạt động của Trung tâm tài chính theo cơ chế một cửa, bao gồm:

a) Chấp thuận việc gia nhập và rút khỏi Trung tâm tài chính của các thành viên tham gia Trung tâm tài chính (người cung cấp dịch vụ và khách hàng);

b) Cấp phép, quản lý hoạt động trong Trung tâm tài chính và các vấn đề liên quan như visa, lao động, thuế...);

c) Xử lý các đề xuất, kiến nghị của các thành viên tham gia Trung tâm tài chính; hỗ trợ các cơ quan khác của Trung tâm tài chính ...

d) Tiếp nhận yêu cầu, báo cáo Hội đồng điều phối về việc cho phép triển khai, áp dụng các giải pháp, tiêu chuẩn, quy chuẩn, mô hình kinh doanh mới liên quan lĩnh vực tài chính trong phạm vi Trung tâm tài chính theo cơ chế tiền kiểm và/hoặc cơ chế hậu kiểm.

4. Cơ quan giám sát trung tâm tài chính

Người đứng đầu Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính do Ban chỉ đạo Trung tâm tài chính lựa chọn và bổ nhiệm. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính chịu trách nhiệm:

a) Giám sát hoạt động của các định chế tài chính trong Trung tâm tài chính;

b) Đảm bảo an toàn cho hoạt động của Trung tâm tài chính, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng (người tiêu dùng);

c) Phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, gian lận tài chính...

d) Các nhiệm vụ khác theo phân công của Hội đồng điều phối.

5. Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc trung tâm tài chính

a) Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính là trung tâm trọng tài thương mại đặc thù được thành lập để giải quyết các tranh chấp giữa các thành viên tham gia Trung tâm tài chính, giữa thành viên và khách hàng, giữa các chủ thể tham gia Trung tâm tài chính và cơ quan quản lý, giám sát Trung tâm tài chính.

b) Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính được chủ động xem xét và quyết định về luật áp dụng, phạm vi tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết, ngôn ngữ giải quyết tranh chấp,

c) Phán quyết, quyết định của Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính có giá trị thi hành ngay và được nhà nước bảo đảm thi hành kịp thời trên thực tế.

d) Trung tâm trọng tài quốc tế thuộc Trung tâm tài chính được áp dụng và ứng dụng công nghệ, số hóa hoạt động giải quyết tranh chấp trong Trung tâm tài chính.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 5. Chính sách đối với Trung tâm tài chính

1. Các ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư trong Trung tâm tài chính bao gồm:

a) Các sản phẩm tài chính truyền thống (thị trường vốn, tiền tệ, ngân hàng, bảo hiểm...);

b) Các sản phẩm tài chính hiện đại (tài sản mã hóa, fintech, tài chính xanh...);

c) Các mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính (fintech).

Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thành lập và hoạt động đầu tư kinh doanh tại Trung tâm tài chính sẽ không phải đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và Điều ước quốc tế có liên quan đối với những lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư tại khoản này.

2. Hình thức đầu tư tại trung tâm tài chính

a) Ngoài các hình thức đầu tư quy định tại Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo đối tác công tư, nhà đầu tư được đề xuất thực hiện các hình thức đầu tư khác phù hợp với thông lệ quốc tế khi được Chủ tịch cơ quan quản lý Trung tâm tài chính chấp thuận.

b) Khuyến khích thành lập các công ty holding (công ty có chức đầu tư vốn vào công ty khác) trong Trung tâm tài chính và các công ty này được tự do đầu tư, góp vốn, mua cổ phần trong các công ty trong nước và nước ngoài.

3. Nhà đầu tư chiến lược tại trung tâm tài chính

a) Tiêu chí xác định nhà đầu tư chiến lược (để thu hút phát triển hạ tầng TTTC và những tập đoàn tài chính đa quốc gia hàng đầu)

b) Quyền và nghĩa vụ, quy trình lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.

4. Thủ tục đầu tư kinh doanh tại trung tâm tài chính

a) Các nhà đầu tư tại Trung tâm tài chính được áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư.

b) Các nhà đầu tư tại Trung tâm tài chính chỉ áp dụng một thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp và thực hiện thủ tục đăng ký trực tuyến, không yêu cầu dự án, không yêu cầu tài liệu bản gốc, không yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự.

c) Cho phép sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ giao dịch chính hoặc có giá trị pháp lý tương đương với tiếng Việt trong Trung tâm tài chính.

5. Đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội

a) Nhà nước dành một phần vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình bảo vệ môi trường quan trọng tại Trung tâm tài chính.

b) Đối với các nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước có liên quan trực tiếp đến dự án đầu tư của nhà đầu tư mà chưa bố trí được vốn thì nhà đầu tư đã được lựa chọn theo quy định của pháp luật được phép ứng trước vốn để thực hiện.

c) Các nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước quy định tại điểm b khoản 5 Điều này bao gồm: Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu tái định cư và các công trình khác ngoài hàng rào dự án đầu tư của nhà đầu tư; Bồi thường, giải phóng mặt bằng; Hỗ trợ đào tạo nghề.

6. Ưu đãi thuế thu nhập cá nhân

a) Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời gian 05 năm nhưng không quá năm 2030 và giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong các năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh của cá nhân làm việc tại Trung tâm tài chính.

b) Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời gian 10 năm nhưng không quá năm 2035 và giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong các năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh của nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao làm việc tại Trung tâm tài chính.

c) Nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao nêu tại điểm b khoản 6 Điều này được xác định theo quy định của Chính phủ.

7. Ưu đãi thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

Dự án đầu tư trong Trung tâm tài chính được hưởng ưu đãi về thuế nhập khẩu với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư tại Trung tâm tài chính như với địa bàn đặc biệt khuyến khích đầu tư (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).

8. Ưu đãi thuế giá trị gia tăng

Hàng hóa miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 7 Điều này thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

9. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Các dự án đầu tư tại Trung tâm tài chính được hưởng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế, trừ các dự án thuộc khoản 5 Điều 15 Luật Đầu tư.

10. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước

a) Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với dự án đầu tư tại Trung tâm tài chính được áp dụng như đối với dự án trong Khu công nghệ cao.

b) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 36 tháng kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước.

11. Chính sách về ngoại hối

a) Không kiểm soát ngoại hối đối với các giao dịch thực hiện trong Trung tâm tài chính và giữa các chủ thể Trung tâm tài chính và các chủ thể tại nước ngoài; và giữa các chủ thể trong Trung tâm tài chính.

b) Các giao dịch ngoại tệ giữa chủ thể trong Trung tâm tài chính và phần còn lại của quốc gia thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối.

12. Chính sách về ngân hàng

a) Đơn giản hóa thủ tục thành lập và quản lý hoạt động của các tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động và cung cấp dịch vụ trong Trung tâm tài chính so với quy định hiện hành.

b) Các ngân hàng nước ngoài thành lập chi nhánh hoặc chuyên trụ sở, văn phòng đại diện đến Trung tâm tài chính Việt Nam được hưởng các ưu đãi về thuế, phí...

c) Cho phép áp dụng theo lộ trình các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về ngân hàng (như Basel III) trong Trung tâm tài chính.

d) Cho phép hình thành theo lộ trình ngân hàng số hóa hoàn toàn, không bao gồm các chi nhánh, phòng giao dịch thực tế, chỉ cung cấp dịch vụ trong Trung tâm tài chính và cho các khách hàng quốc tế.

đ) Cho phép áp dụng theo lộ trình các chuẩn mực về phòng, chống rửa tiền theo thông lệ quốc tế tại Trung tâm tài chính.

e) Không áp dụng hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài hoặc điều kiện đầu tư nước ngoài đối với các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng có trụ sở tại Trung tâm tài chính để cung cấp dịch vụ trong Trung tâm tài chính hoặc dịch vụ xuyên biên giới.

g) Phát triển theo lộ trình đối với các sản phẩm, giao dịch liên quan đến tài sản mã hóa, phát triển và quản lý theo lộ trình giao dịch bằng tài sản mã hoá, tiền mã hoá trong Trung tâm tài chính.

12. Chính sách về hoạt động chứng khoán

a) Quy định đăng ký, lưu ký, giao dịch và thanh toán bù trừ chuyên biệt cho chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán của Trung tâm tài chính Việt Nam theo thông lệ của các Trung tâm tài chính lớn.

b) Thành lập sàn giao dịch chuyên biệt cho Trung tâm tài chính.

c) Xây dựng hệ thống thông tin thị trường minh bạch và chuyên sâu; cải thiện cơ cấu và quy định quản lý rủi ro để tăng tính cạnh tranh, bao gồm quản lý rủi ro hoạt động (ORM), quản lý rủi ro thị trường (MRM), đặc biệt là quản lý rủi ro tín dụng (CRM).

d) Các công ty trong Trung tâm tài chính được tự do thỏa thuận giá mua bán cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán và không bị giới hạn theo biên độ giao dịch.

13. Chính sách về hoạt động bảo hiểm

Cho phép triển khai một số giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm.

14. Chính sách về tài chính, kế toán

a) Quy định khung về cơ chế ưu đãi vượt trội so với quy định hiện hành đối với hoạt động tài chính xanh trong phạm vi Trung tâm tài chính (như mua bán tín chỉ các-bon, tài trợ vốn cho các dự án xanh...).

b) Cho phép áp dụng thông lệ quốc tế về chuẩn mực kế toán, tài chính, báo cáo tài chính và các thông lệ quốc tế về tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị công ty (tiêu chuẩn ESG). Trong đó, cho phép các chủ thể trong Trung tâm tài



chính tự do lựa chọn chuẩn mực báo cáo tài chính, trường hợp đã thực hiện theo thông lệ quốc tế thì không cần thực hiện theo quy định trong nước.

c) Các giao dịch tài chính đặc thù tại Trung tâm tài chính được thực hiện theo cơ chế theo dõi, giám sát riêng biệt, đặc thù.

15. Chính sách về công nghệ tài chính (fintech, bao gồm insurtech)

Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với mô hình kinh doanh ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực tài chính (fintech), đi kèm với phân cấp quyền quản lý, đánh giá tác động và quản trị rủi ro trong hoạt động fintech cho Cơ quan quản lý Trung tâm tài chính, bao gồm cả sản giao dịch đối với tài sản mã hoá, tiền mã hoá, insurtech.

16. Xuất cảnh, nhập cảnh, đi lại và tạm trú

a) Người nước ngoài, người Việt Nam mang hộ chiếu nước ngoài làm việc tại Trung tâm tài chính và các thành viên gia đình của họ được cấp thị thực có giá trị nhiều lần và có thời hạn phù hợp với thời hạn làm việc tại Trung tâm tài chính; được tạm trú có thời hạn tại Trung tâm tài chính và ở Việt Nam.

b) Miễn thị thực nhập cảnh thời hạn tối đa 30 ngày đối với các cá nhân nước ngoài đến làm việc theo giấy mời của tổ chức hoạt động trong Trung tâm tài chính.

c) Miễn thị thực nhập cảnh thời hạn tối đa 90 ngày cho các nhà đầu tư nước ngoài có tài khoản giao dịch tại các tổ chức hoạt động trong Trung tâm tài chính.

d) Người nước ngoài, người Việt Nam mang hộ chiếu nước ngoài nhập cảnh qua cửa khẩu đường không và đường biển để vào Trung tâm tài chính được miễn thị thực với thời gian tạm trú không quá 60 ngày trong thời gian 180 ngày.

đ) Khi hết thời hạn thị thực quy định tại Điều này, người nước ngoài, người Việt Nam mang hộ chiếu nước ngoài và các thành viên gia đình của họ nếu có nhu cầu tiếp tục ở lại làm việc tại TTTC thì được xem xét, cho phép gia hạn tạm trú theo quy định của pháp luật về xuất, nhập cảnh.

17. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Ban hành Nghị định hướng dẫn quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị quyết này.

b) Tổ chức thi hành Nghị quyết này; sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết và báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện Nghị quyết tại kỳ họp cuối năm 2035.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành trong thời gian 10 năm, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2035.



Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý LẦN 2

Đề án Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế

- Các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị xin ý kiến (theo đề nghị tại các văn bản số 6837/BKHĐT-ĐTNN ngày 26/8/2024; 7545/BKHĐT-ĐTNN ngày 18/9/2024; 7546/BKHĐT-ĐTNN ngày 18/9/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư):

- Các Cơ quan: Văn phòng Trung ương Đảng; Ban Kinh tế Trung ương; Tòa án Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao;

- Các Ủy ban của Quốc hội: Tài chính-Ngân sách, Kinh tế, Pháp luật;

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Tài chính, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Công an, Quốc phòng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Văn phòng Chính phủ.

- UBND các thành phố: Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.

1. Các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị có ý kiến thống nhất:

2. Các Bộ, ngành, cơ quan có ý kiến góp ý:

STT	Cơ quan	Nội dung ý kiến	Tiếp thu, giải trình
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	I. Ý KIẾN CHUNG 1. Về tổng thể, Dự thảo Đề án hiện vẫn chưa làm rõ các nội dung quan trọng đối với việc hình thành và phát triển trung tâm tài chính (TTTC) như: Định vị chiến lược rõ ràng về vị thế của TTTC Việt Nam; Lợi thế cạnh tranh đặc thù của TTTC; Mức độ sẵn sàng cạnh tranh; Chiến lược đối phó với cạnh tranh trực tiếp từ các TTTC lân cận; Chiến lược hợp tác khu vực để tạo ra lợi thế cộng hưởng; Đánh giá về các xu hướng dịch chuyển của các định chế tài chính quốc tế; Chiến lược xây dựng thương hiệu; Phân tích về rào cản gia nhập thị trường; Chiến lược phát triển các sản phẩm tài chính đặc thù. Do đó, đề nghị Dự thảo Đề án: (i) Cần nhắc làm rõ các nội dung trên, phân tích, đánh giá việc xây dựng mạng lưới đối tác chiến lược, lộ trình tham gia vào các tổ chức và diễn đàn quốc tế, cơ chế hợp tác với các cơ quan quản lý tài chính quốc tế, phát triển cơ sở hạ tầng kết nối quốc tế, phát triển nguồn nhân lực quốc	I. Ý KIẾN CHUNG 1. Đề án tổng thể của Ban Chỉ đạo hiện chỉ tập trung vào các vấn đề lớn, mang tính định hướng, chủ trương, gồm: quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển, lựa chọn mô hình và đề xuất khung pháp lý để báo cáo Bộ Chính trị. Đối với các nội dung liên quan đến mục tiêu

tế, hợp tác trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo và tăng cường hợp tác khu vực. (ii) Bổ sung nội dung đánh giá các đối thủ cạnh tranh khi hình thành TTTC tại Việt Nam, đặc biệt là các TTTC có vị trí địa lý và múi giờ gần với Việt Nam như Singapore, Hồng Kông, Thượng Hải.

của Đề án như “định vị chiến lược về vị thế của TTTC Việt Nam”, “lợi thế cạnh tranh đặc thù của TTTC Việt Nam”, “Chiến lược phát triển các sản phẩm cho TTTC”, Bộ KHĐT đã làm rõ, bổ sung tại dự thảo Đề án. Đối với các nội dung chi tiết còn lại, như “chiến lược hợp tác khu vực để tạo ra lợi thế cộng hưởng” hoặc “phân tích về rào cản gia nhập thị trường”..., xin kiến nghị giao Cơ quan quản lý TTTC tiếp tục nghiên cứu trong quá trình phát triển TTTC.

2. Thay vì sửa nhiều quy định liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau, các quy định mang tính đặc thù riêng cho TTTC nên được quy định thống nhất tại 01 VBPL chung điều chỉnh hoạt động của TTTC. Do đó, NHNN đề xuất xây dựng Luật TTTC quy định về tổ chức và hoạt động của TTTC nhằm thể hiện tính pháp lý cao và phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng rộng để đảm bảo quy định được toàn bộ các hoạt động trong TTTC như ngân hàng, tài chính, chứng khoán, bảo hiểm..., giao các cơ quan chức năng ban hành văn bản hướng dẫn nếu cần thiết.

2. Đã tiếp thu tại dự thảo Đề án. Theo đó, sẽ ban hành NQ của Quốc hội

	<p>3. Đối với các chính sách trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, để đảm bảo thống nhất các cơ chế chính sách áp dụng đối với các chủ thể cung cấp dịch vụ, cũng như có cơ sở thực hiện và đánh giá tác động chính sách, cần dựa trên các thông tin sau:</p> <p>(1) Xác định cụ thể các chủ thể cung cấp dịch vụ tại TTTC, chịu sự điều chỉnh của các cơ chế, chính sách áp dụng tại TTTC (có thể bao gồm các pháp nhân của các tổ chức tín dụng (TCTD) trong nước và nước ngoài, các chi nhánh TCTD trong nước và nước ngoài có trụ sở trong TTTC; hay các TCTD trong nước và nước ngoài không có hiện diện thương mại tại TTTC nhưng thực hiện cung cấp dịch vụ từ bên ngoài TTTC vào trong TTTC).</p> <p>(2) Xác định cụ thể các hình thức hiện diện thương mại của các định chế tài chính trong TTTC, có thể bao gồm: hiện diện thương mại dưới hình thức chi nhánh của các TCTD trong nước và nước ngoài; hiện diện thương mại dưới hình thức pháp nhân của các TCTD trong nước và nước ngoài, từ đó có các đề xuất chính sách đảm bảo công bằng cho các TCTD trong nước khi hoạt động trong TTTC cũng như đảm bảo lợi ích quốc gia (Dự thảo hiện nay đang đề xuất đơn giản hóa thủ tục thành lập và quản lý hoạt động của các TCTD nước ngoài hoạt động tại TTTC tại Mục II.2 (trang 58) – không đề cập TCTD trong nước).</p> <p>(3) Xác định rõ phạm vi hoạt động của các định chế tài chính tại TTTC và cụ thể những hoạt động nào của TTTC cần được áp dụng các chính sách đặc thù và mức độ gỡ bỏ các hạn chế so với chính sách hiện hành, nhất là đối với chính sách về tự do hóa chuyển đổi ngoại tệ.</p>	<p>3. Đã tiếp thu tại dự thảo Đề án, cụ thể như sau:</p> <p>(1) Đề án xác định đối tượng điều chỉnh của các chính sách trong TTTC là “tổ chức được đăng ký thành viên và có sự hiện diện thương mại trong TTTC”.</p> <p>(2) Đề án xác định các chủ thể trong TTTC là các chủ thể được “đăng ký thành viên”. Theo đó, hình thức hiện diện thương mại của các thành viên TTTC <u>không bị giới hạn</u>, có thể dưới hình thức chi nhánh, hoặc pháp nhân của tổ chức kinh tế trong nước hoặc nước ngoài.</p> <p>(3) Đề án đã xác định phạm vi điều chỉnh (về không gian lõi và đối</p>
--	---	---

Do đó, đề nghị Bộ KHĐT đầu mối có ý kiến đối với TPHCM và Đà Nẵng về việc có các nội dung này tại Đề án, làm cơ sở để đánh giá tác động chính sách.

II. Ý KIẾN CỤ THỂ

1. Đề nghị bỏ các đề xuất chính sách sau tại dự thảo, gồm:

(1) “Cho phép các nhà đầu tư hoạt động trong TTTC được tự do chuyển các khoản thu hợp pháp bằng ngoại tệ ra ngoài lãnh thổ Việt Nam sau khi đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật” (điểm (ii) trang 57) do khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 12 và khoản 2 Điều 39 Pháp lệnh ngoại hối 2005 (đã được sửa đổi, bổ sung) đã có quy định cho phép nhà đầu tư nước ngoài sử dụng các nguồn thu hợp pháp để tái đầu tư hoặc mua ngoại tệ tại TCTD được phép để chuyển ra nước ngoài trên cơ sở cung cấp các giấy tờ, chứng từ liên quan phù hợp với các giao dịch thực tế.

(2) “Xây dựng lộ trình phát triển và thí điểm quản lý giao dịch bằng tiền điện tử trong TTTC” (Chương V, Phần II, Mục 3, trang 61) do: Nội dung về quản lý

tượng) của các chính sách phát triển TTTC.

II. Ý KIẾN CỤ THỂ

(1) Tự do hóa dòng vốn là một trong những chính sách cốt lõi của một TTTC, bao gồm việc cho phép các chủ thể tự do chuyển các nguồn thu nhập hợp pháp bằng ngoại tệ về nước sau khi hoàn thành tất cả nghĩa vụ pháp lý tại Việt Nam. Đồng thời, chính sách này hiện đang được đưa vào nhóm 2, các chính sách cần có lộ trình áp dụng để phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Bộ KHĐT kiến nghị vẫn giữ nội dung này tại dự thảo để xin ý kiến Bộ Chính trị.

(2) Đã tiếp thu tại dự thảo Đề án.

tiền điện tử đã có văn bản pháp lý điều chỉnh đầy đủ tại Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt.

(3) “*Cân nhắc lộ trình cho phép hình thành ngân hàng số độc lập, số hóa hoàn toàn, không bao gồm các chi nhánh, phòng giao dịch thực tế, chỉ cung cấp dịch vụ trong TTTC và cho các khách hàng quốc tế (không cung cấp dịch vụ cho khách hàng trong nước)*” (Chương V, Phần II, Mục 3, trang 61) do:

- Việc đưa nội dung chính sách về hình thành và phát triển ngân hàng số vào Đề án cần được xem xét để đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển hệ thống ngân hàng tại Việt Nam và quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Hiện hệ thống ngân hàng Việt Nam với hơn 100 ngân hàng thương mại (NHTM), chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang trong quá trình tái cơ cấu. Mục tiêu tại Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 ban hành theo Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ đề ra: “...phấn đấu đến năm 2025 giảm số lượng các TCTD, xử lý cơ bản các ngân hàng yếu kém, không để phát sinh những ngân hàng yếu kém mới, hệ thống các TCTD lành mạnh và phát triển bền vững” và “Phát triển các mô hình ngân hàng số, gia tăng tiện ích, trải nghiệm khách hàng và thực hiện mục tiêu tài chính toàn diện, phát triển bền vững trên cơ sở thúc đẩy ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến trong quản trị điều hành và cung ứng sản phẩm, dịch vụ theo hướng tự động hóa quy trình, tối ưu hóa hoạt động nghiệp vụ”. Như vậy, về định hướng phát triển, trong giai đoạn 2022-2025, các cơ quan quản lý Việt Nam chưa có hướng cấp phép thêm ngân hàng/TCTD; đồng nghĩa với việc không cấp phép thêm cho thực thể ngân hàng số với tư cách là loại hình TCTD độc lập.

- Hoạt động ngân hàng số không chỉ là vấn đề cấp phép, quản lý mà còn liên quan đến vấn đề về hạ tầng công nghệ, ứng dụng công nghệ hiện đại để phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng số... Hiện NHNN đang trong quá trình

(3) Đã tiếp thu, và đã thống nhất với NHNN để chuyển thành nội dung **hình thành các ngân hàng số hóa hoàn toàn.** Trong quá trình thực hiện, sẽ có các điều chỉnh phù hợp với Lộ trình cơ cấu hệ thống ngân hàng của NHNN

triển khai Kế hoạch chuyển đổi số ngành ngân hàng đến năm 2025,¹ trong đó có nhiệm vụ hoàn thiện cơ chế chính sách, quy định pháp lý nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phát triển ngân hàng số. Theo đó, nhiều NHTM đã phát triển theo hướng số hóa toàn diện, toàn trình, tạo lập nền tảng số, phát triển hệ sinh thái số, hình thành các ngân hàng số thực thụ (nhiều dịch vụ số hóa 100% như mở tài khoản/thẻ trực tuyến (eKYC), gửi tiết kiệm trực tuyến, chuyển tiền tức thời 24/7...; trên 90% giao dịch được thực hiện trên kênh số). Đối với lĩnh vực trung gian thanh toán (TGTT), NHNN đã tạo hành lang pháp lý từ năm 2010 (Luật NHNN, Nghị định về thanh toán không dùng tiền mặt, Thông tư hướng dẫn về TGTT...), cấp phép, quản lý các tổ chức không phải ngân hàng cung ứng dịch vụ TGTT, góp phần hỗ trợ số hóa hoạt động ngân hàng, thúc đẩy tài chính toàn diện².

Vì vậy, từ nay đến năm 2025, NHNN không có lộ trình phát triển ngân hàng số độc lập mà tập trung đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, phát triển các mô hình ngân hàng số trực thuộc hệ thống ngân hàng hiện hữu gắn với định hướng mục tiêu của Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD đến năm 2025.

- Về thực tiễn và thông lệ quốc tế, qua rà soát, chưa có quốc gia, vùng lãnh thổ nào tiếp cận cấp phép hoặc có lộ trình cấp phép mô hình ngân hàng số độc lập chỉ giới hạn trong phạm vi trong TTTC và cho khách hàng quốc tế. Bên cạnh đó, việc cấp phép chính thức hay thí điểm đều đòi hỏi các tổ chức được cấp phép ngân hàng số độc lập trong giai đoạn thí điểm hoặc sau khi được cấp phép chính thức để hoạt động, cung ứng dịch vụ ra thị trường phải nằm trong khung khổ và tuân thủ quy định pháp lý chung về quản lý hoạt động ngân hàng như các ngân hàng truyền thống (như về nhận biết khách hàng, phòng chống rửa tiền, quản lý ngoại hối, bảo vệ quyền lợi khách hàng, đảm bảo an ninh an toàn thông tin, quy định an toàn hoạt động ngân hàng, báo cáo và tuân thủ quy định thanh tra giám sát ngân hàng...). Ngoài ra, nhiều nước nếu có khung khổ cấp phép ngân hàng

¹ Quyết định số 810/QĐ-NHNN ngày 11/5/2021 của Thống đốc NHNN.

² NHNN đã cấp phép cho 50 công ty Fintech cung ứng dịch vụ TGTT.

	<p>số độc lập như Singapore, Hồng Kông... thì đều do ngân hàng trung ương cấp phép và không ủy quyền việc cấp phép cho một tổ chức hay TTTC nào khác.</p> <p>2. Đề nghị rà soát, cân nhắc hoặc bổ sung, chỉnh sửa các nội dung như sau:</p> <p>2.1. Tại Phần mở đầu:</p> <p>2.1.1. Về đối tượng, mục tiêu và phạm vi của Đề án: Đề nghị bổ sung đối tượng, phạm vi nghiên cứu bao gồm cả các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>2.1.2. Về phương pháp nghiên cứu: Đề nghị bổ sung phương pháp nghiên cứu là so sánh, đối chiếu các cam kết quốc tế với chính sách đặc thù dự kiến tại TTTC để từ đó đánh giá tính tương thích cũng như mức độ rủi ro vi phạm cam kết quốc tế.</p> <p>2.2. Tại Chương II:</p> <p>2.2.1. Để có thể đánh giá mức độ phù hợp của các biện pháp đặc thù dành cho TTTC với các cam kết quốc tế, đề nghị bổ sung kinh nghiệm phát triển TTTC của các nước về các nội dung sau: (i) Đối với các quốc gia duy trì các biện pháp ưu đãi dành cho TTTC trái với cam kết quốc tế, nội dung nào có thể trở thành tiền lệ để ta giải trình chính sách trong nước; (ii) Đối với các quốc gia đã từng bị kiện trong quá trình thành lập TTTC do thực thi các biện pháp chính sách trái với cam kết quốc tế <i>song thắng kiện</i>, nội dung chính sách đó có thể được coi là án lệ và được áp dụng tại Việt Nam hay không; (iii) Các chính sách ưu đãi nào đã được các quốc gia gỡ bỏ để đảm bảo thực thi cam kết quốc tế.</p>	<p>2.1.1. Đã tiếp thu tại dự thảo.</p> <p>2.1.2. Đã tiếp thu tại dự thảo.</p> <p>2.2.1. Qua nghiên cứu bước đầu, Bộ KHĐT có ý kiến như sau: (i) Việc áp dụng các chính sách để phát triển TTTC <u>chưa dẫn đến các tranh chấp với quốc gia nơi có TTTC</u> do các TTTC trên thế giới (trừ các TTTC mới nổi như Dubai, Abu Dhabi, Astana) không áp dụng các chính sách trực tiếp cho TTTC mà chỉ thông qua các chính sách chung cho thị trường tài chính, ngân hàng.</p>
--	--	--

		<p>2.2.2. Để có thể học tập kinh nghiệm các quốc gia trên thế giới, Dự thảo Đề án không nên chỉ dừng lại ở việc tổng hợp các giải pháp đặc thù mà cần mở rộng phân tích, soi chiếu các chính sách/giải pháp thành lập, vận hành TTTC với thời điểm gia nhập và nội dung cam kết quốc tế mà các quốc gia đó trở thành thành viên. Theo đó, Dự thảo cần đánh giá về tính hài hòa và đồng bộ giữa các biện</p>	<p>(ii) Việc cho phép áp dụng án lệ quốc tế và xác định phạm vi án lệ quốc tế trong TTTC là một chính sách được đề xuất tiếp tục cân nhắc cho giai đoạn <u>sau năm 2035</u>.</p> <p>(iii) Việc áp dụng các chính sách đặc thù riêng cho TTTC chỉ được thực hiện tại một số TTTC mới nổi (như Dubai, Abu Dhabi...). Tuy nhiên, qua nghiên cứu, các TTTC này cho biết chưa vi phạm các cam kết quốc tế khi áp dụng các chính sách ưu đãi này.</p> <p>2.2.2. Việc giao Bộ KHĐT (cơ quan chủ trì) đánh giá tình hài hòa và đồng bộ giữa các biện pháp/chính sách đặc thù với hệ thống cam kết quốc tế của từng quốc gia và hàm ý chính sách</p>
--	--	--	---

		<p>pháp/chính sách đặc thù với hệ thống cam kết quốc tế của từng quốc gia và hàm ý chính sách đối với Việt Nam³.</p> <p>2.3. Tại Chương IV: Về quan điểm chỉ đạo, đề nghị dành ưu tiên cho các nguyên tắc/nội dung sau: (i) Sự ổn định, toàn vẹn và an ninh tài chính – tiền tệ quốc gia;</p>	<p>đối với Việt Nam là không khả thi do: (i) các chính sách phát triển TTTC nằm chủ yếu trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, tài chính; (ii) Bộ KHĐT không phải là cơ quan quản lý nhà nước trong các lĩnh vực này. Trong khi đó, mức độ tham gia ý kiến, phối hợp nghiên cứu của các Cơ quan chuyên ngành hiện rất hạn chế. Đồng thời, do đây là Đề án mang tính chủ trương, trường hợp cần thiết, xin kiến nghị các Cơ quan tiếp tục phối hợp bổ sung nội dung này trong quá trình hoàn thiện và trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thành lập TTTC.</p> <p>2.3. Bộ KHĐT xin kiến nghị không bổ sung các nội dung mang tính chi</p>
--	--	---	---

³ Đối chiếu Biểu cam kết/Danh mục bảo lưu không tương thích của các quốc gia với quy định trong nước và ngược lại để xác định mức độ tương thích với các cam kết quốc tế mà quốc gia lựa chọn phân tích là thành viên.

	<p>(ii) Đảm bảo thực thi đầy đủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; (ii) Hạn chế tối đa rủi ro phát sinh kiện tụng trong lĩnh vực ngân hàng.</p> <p>2.4. Tại Chương V: 2.4.1. Tại Mục I – Đề xuất chính sách Nhóm I (các chính sách phù hợp với thông lệ quốc tế, cần áp dụng ngay): Mặc dù hiện nay tại các FTA có các bảo lưu, ngoại lệ cho phép cơ quan quản lý có quyền ban hành các quy định, điều kiện cấp phép đầu tư trên cơ sở không phân biệt đối xử mà không hạn chế việc cung cấp dịch vụ hoặc để đảm bảo hoạt động tài chính an toàn, lành mạnh, tuy nhiên vẫn cần phải rà soát kỹ lưỡng để đảm bảo tuân thủ các cam kết quốc tế bởi phạm vi các ngoại lệ rất hẹp.</p> <p>2.4.2. Tại Mục II – Đề xuất chính sách Nhóm II (các chính sách cần có lộ trình áp dụng): (1) Điều 1.1 (trang 58) chỉnh sửa thành: <i>“Báo cáo Bộ Chính trị xin chủ trương về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ở tầm Luật quy định tổng thể các nội dung liên quan đến hoạt động thí điểm tại trung tâm tài chính quốc tế, trong đó bao gồm nội dung cho phép thí điểm chính sách không kiểm soát ngoại tệ nhưng vẫn bảo đảm tuân thủ quy định về phòng, chống rửa tiền đối với:...”</i> để phù hợp với ý kiến I.2 của công văn này.</p> <p>(2) Về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với hoạt động Fintech (trang 60, 63), Dự thảo Đề án đề xuất các chính sách cần có lộ trình áp dụng, theo đó: - Tại giải pháp phát triển thị trường vốn, đề xuất: <i>“Cân nhắc khả năng cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với hoạt động Fintech trong lĩnh vực tài chính, kèm với phân cấp quyền quản lý, đánh giá tác động và</i></p>	<p>tiết như nêu tại mục (iii). Đối với các mục (i) và (ii), đã lồng ghép, tiếp thu tại dự thảo.</p> <p>2.4.1. Nhiệm vụ rà soát, đảm bảo sự phù hợp của các chính sách cụ thể với các cam kết quốc tế sẽ giao cho Cơ quan chủ trì soạn thảo Luật hoặc Cơ quan quản lý TTTC thực hiện.</p> <p>2.4.2. (1) Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Chính phủ, Đề án đã sửa phương án ban hành Nghị quyết của Quốc hội.</p> <p>(2) Đã tiếp thu tại dự thảo Đề án.</p>
--	--	--

quản trị rủi ro trong hoạt động Fintech cho Cơ quan quản lý TTTC”.

- Tại giải pháp phát triển thị trường tiền tệ, ngân hàng, đề xuất: *“Tiếp tục hoàn thiện chính sách quản lý cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với hoạt động Fintech trong lĩnh vực ngân hàng và tiền tệ (bao gồm các giải pháp: (i) chấm điểm tín dụng; (ii) chia sẻ dữ liệu qua giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API); (iii) cho vay ngang hàng (P2P Lending)”.*

NHNN có ý kiến như sau:

(i) Đề nghị Quý Bộ nghiên cứu chỉnh sửa nội dung đề xuất tại giải pháp đối với thị trường tiền tệ, ngân hàng tương tự như cách thức thể hiện tại giải pháp đối với thị trường vốn. Trong đó, đề nghị có nội dung về phân cấp quyền quản lý, đánh giá tác động và quản trị rủi ro khi triển khai, vận hành cơ chế thử nghiệm cho Cơ quan quản lý TTTC (tương tự như đề xuất tại giải pháp phát triển thị trường vốn) để đảm bảo việc quản lý, vận hành cơ chế thử nghiệm được thống nhất, hiệu quả. Khi triển khai, vận hành cơ chế thử nghiệm có thể sẽ phát sinh rất nhiều tương tác giữa cơ quan quản lý và các tổ chức tham gia cơ chế thử nghiệm như việc thực hiện các thủ tục hành chính (đăng ký thử nghiệm, điều chỉnh giải pháp thử nghiệm, gia hạn thời gian thử nghiệm, dừng thử nghiệm...); hướng dẫn, xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thử nghiệm; cơ chế báo cáo, trao đổi thông tin... Bên cạnh đó, có thể xuất hiện các giải pháp đổi mới sáng tạo mới có sự đan xen giữa lĩnh vực tài chính và lĩnh vực ngân hàng. Do vậy, cần có một cơ chế quản lý, cơ quan quản lý đầu mối thống nhất để triển khai.

(ii) Đồng thời, để đảm bảo mục tiêu thúc đẩy đổi mới sáng tạo cũng như đảm bảo phòng ngừa, kiểm soát rủi ro tối đa, đề nghị đơn vị chủ trì cân nhắc không giới hạn các giải pháp tham gia cơ chế thử nghiệm như đề xuất hiện tại, và chỉ cho phép thử nghiệm trong phạm vi TTTC, do: (i) các giải pháp đổi mới sáng tạo liên tục phát triển, nếu quy định cụ thể sẽ có thể giới hạn việc tham gia cơ chế thử nghiệm của các giải pháp mới có tính đột phá (disruptive solutions); bên cạnh đó, đây là nhóm giải pháp thực hiện theo lộ trình (dự kiến 2030-2035),

	<p>việc liệt kê cụ thể các giải pháp tại thời điểm này có thể không đảm bảo tính cập nhật⁴; (ii) đây là các giải pháp đổi mới sáng tạo nên có thể phát sinh những rủi ro chưa thể nhận diện, đánh giá, đo lường được hết tại thời điểm thử nghiệm; hơn nữa, việc triển khai thử nghiệm vượt ngoài phạm vi TTTC sẽ vô cùng phức tạp do sự khác biệt (như đối tượng khách hàng, nhận thức/hiểu biết về tài chính, cơ chế chính sách, cơ sở hạ tầng thị trường tài chính...) giữa môi trường thực tại TTTC và môi trường thực ngoài phạm vi TTTC (toàn lãnh thổ Việt Nam). Vì vậy, việc giới hạn thử nghiệm trong phạm vi TTTC có thể giúp tập trung vào các giải pháp hỗ trợ, phát triển thị trường tài chính - tiền tệ tại TTTC, tối ưu hóa nguồn lực, đồng thời hạn chế, giảm thiểu các xung đột pháp lý, rủi ro phát sinh (nếu có) khi triển khai ngoài phạm vi TTTC.</p> <p>(3) Về đề xuất gỡ bỏ kiểm soát tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với các NHTM cổ phần trong TTTC (trang 61, 63), NHNN có ý kiến như sau:</p> <p>(i) Về cơ bản, việc gỡ bỏ/nới lỏng các quy định quản lý ngân hàng cần được phân tích tổng thể để hỗ trợ sự phát triển của TTTC, đồng thời đảm bảo an ninh, chủ quyền tài chính, tiền tệ quốc gia. Theo đó, đề nghị Quý Bộ phân tích, làm rõ hơn tính khả thi của đề xuất gỡ bỏ/nới lỏng giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Dự thảo Đề án. Các cơ chế chính sách đang áp dụng hiện nay đã cho phép thành lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam, do đó không có rào cản đối với việc thành lập loại hình ngân hàng này, đồng nghĩa với việc không có rào cản đối với việc thu hút vốn FDI trong lĩnh vực ngân hàng tại TTTC.</p> <p>(ii) Đối với đề xuất “<i>Cân nhắc khả năng gỡ bỏ kiểm soát tỉ lệ sở hữu nước ngoài đối với các ngân hàng thương mại cổ phần trong TTTC</i>” (trang 61) và “<i>Không áp dụng hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài hoặc điều kiện đầu tư nước ngoài đối với các ngân hàng hoặc TCTD có trụ sở tại TTTC Việt Nam để cung cấp dịch</i>”</p>	<p>(3)</p> <p>(i) Đã tiếp thu tại dự thảo Đề án.</p> <p>(ii) Đã tiếp thu tại dự thảo Đề án.</p>
--	---	--

⁴ Nghị định quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng hiện đang tập trung vào 3 giải pháp, tuy nhiên, hàng năm NHNN sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề xuất thêm các giải pháp tham gia Cơ chế thử nghiệm (nếu cần thiết).

	<p><i>vu trong TTTC hoặc dịch vụ xuyên biên giới</i>” (trang 63): Đề nghị cân nhắc 2 nội dung này do hiện 2 nội dung đề xuất đang không thống nhất với nhau.</p> <p>(4) Tại Mục 3 (trang 63), đề nghị chỉnh sửa nội dung sau thành: “Cân nhắc lộ trình áp dụng <i>Thực hiện các quy định của pháp luật</i> chuẩn mực về phòng, chống rửa tiền theo thông lệ quốc tế tại TTTC <i>trên cơ sở pháp luật của Việt Nam và hướng tới tuân thủ chuẩn mực quốc tế có cân nhắc đến bối cảnh của Việt Nam.</i>”</p> <p>(5) Tại Mục Lộ trình triển khai (trang 70-71), đề nghị đưa nội dung thí điểm chính sách “<i>Gỡ bỏ kiểm soát ngoại tệ và các giao dịch tiền tệ trong phạm vi TTTC</i>” vào <i>Giai đoạn III (sau 2035)</i> để phù hợp với kinh nghiệm quốc tế và điều kiện nền kinh tế Việt Nam nói chung, TP. Hồ Chí Minh và TP. Đà Nẵng nói riêng (Theo kinh nghiệm quốc tế tại Dự thảo Đề án (trang 11-13), TTTC Thượng Hải phát triển trong 03 giai đoạn: Giai đoạn I (1980-2020) trở thành TTTC quốc gia, Giai đoạn II (2000-2020) trở thành TTTC khu vực và Giai đoạn</p>	<p>(4) Đây là chính sách thuộc nhóm 2 (các chính sách cần có lộ trình áp dụng phù hợp với điều kiện của quốc gia); theo đó, Bộ KHĐT kiến nghị vẫn giữ đề xuất này và tiếp tục nghiên cứu khả năng, lộ trình áp dụng phù hợp với điều kiện chung của quốc gia, nhưng đồng thời cũng cân nhắc đây là một trong những lĩnh vực có thể đưa thị trường tài chính trong nước tiệm cận hơn với thông lệ quốc tế.</p> <p>(5) Mục Lộ trình triển khai hiện <u>không đề cập đến các chính sách cụ thể</u>. Theo đó, Bộ KHĐT kiến nghị giữ đề xuất này và sẽ giao Cơ quan có thẩm quyền tiếp tục</p>
--	---	---

	<p>III (2020 đến nay) trở thành TTTC thế giới. Theo đó, đến Giai đoạn III, Thượng Hải mới áp dụng chính sách “<i>Cho phép tự do chuyển đổi ngoại tệ trong phạm vi TTTC</i>” cùng với chính sách “<i>thúc đẩy sử dụng đồng Nhân dân tệ trên trường quốc tế</i>”; đến năm 2025, Thượng Hải sẽ tiếp tục phát huy vai trò là TTTC khu vực với các yếu tố nền tảng để trở thành TTTC quốc tế và đến năm 2035 chính thức trở thành TTTC quốc tế).</p> <p>2.4.3. Tại Mục III.2 về hình thành tòa án tài chính độc lập (trang 66): Đề nghị Dự thảo Đề án phân tích, đánh giá rõ về: (i) Các rủi ro kiện tụng có thể phát sinh tại TTTC; (ii) Các tranh chấp phát sinh có thể giải quyết chỉ thông qua cơ quan giải quyết tranh chấp độc lập tại TTTC hay vẫn cần đưa ra các tòa án quốc tế do:</p> <p>(1) Thực tế cho thấy, gần đây, đã có nhiều vụ kiện thương mại liên quan đến việc nước tiếp nhận đầu tư áp dụng các biện pháp chính sách không công bằng giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài hoặc giữa các nhà đầu tư nước ngoài với nhau nhằm bảo hộ thị trường trong nước. Việc làm này phát sinh các tranh chấp và kiện tụng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, gây tổn hại về kinh tế, hình ảnh và mất rất nhiều nguồn lực cho việc này. Tính đến tháng 12/2021, có gần 20 vụ việc nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện, thông báo ý định khởi kiện Chính phủ Việt Nam ra Trọng tài quốc tế. Đa phần các tranh chấp được giải quyết tại Trọng tài quốc tế theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Ủy ban của Liên Hợp quốc về Luật Thương mại quốc tế (UNCITRAL).</p> <p>(2) Trên thực tế, thời gian qua các một số TTTC trên thế giới đã phải đối mặt với các trừng phạt từ Chính phủ Mỹ liên quan đến vấn đề phòng chống rửa tiền, trốn thuế và vi phạm lệnh trừng phạt phát sinh tại TTTC. Ví dụ như: (i) Một số ngân hàng Thụy Sĩ (UBS và Credit Suisse) đã bị Mỹ kiện/phạt tiền do hỗ trợ khách hàng Mỹ trốn thuế. Năm 2009, UBS đã phải nộp phạt khoản tiền 780 triệu USD do giúp công dân Mỹ che giấu tài sản; (ii) Năm 2012, HSBC tại Hồng Kông đã bị liên lụy trong vụ án rửa tiền, dẫn đến khoản nộp phạt 1,9 tỷ USD</p>	<p>hoàn thiện, xây dựng lộ trình áp dụng chính sách, đảm bảo phù hợp với điều kiện của Việt Nam.</p> <p>2.4.3. Dự thảo Đề án đã xác định các định hướng lớn về vị trí, vai trò của các thiết chế giải quyết tranh chấp trong TTTC nói chung và tòa án tài chính độc lập (nếu được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền) nói riêng. Việc đánh giá các yếu tố rủi ro về tranh chấp tài chính có thể phát sinh trong quá trình hình thành TTTC cần được giao cho từng Cơ quan có thẩm quyền, phụ trách nội dung chuyên môn đến các lĩnh vực hoạt động chính của TTTC (như tiền tệ, ngân hàng, thuế...). Theo đó, Bộ KHĐT xin kiến nghị</p>
--	--	---

	<p>cho Bộ Tư pháp Mỹ; (iii) Năm 2019, Bộ Tài chính Mỹ đã trừng phạt các tổ chức tài chính có trụ sở tại Dubai vì tạo điều kiện cho các giao dịch tài chính với Lực lượng Vệ binh Cách mạng Iran.</p> <p>2.5. Tại Chương VI, Mục 1.4 (trang 72) về phân công nhiệm vụ cho NHNN: 2.5.1. Tại gạch đầu dòng thứ nhất: Đề nghị chỉnh sửa nội dung như sau: <i>“Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để xây dựng, bổ sung và hoàn thiện và triển khai thực hiện các chính sách, khuôn khổ pháp lý về tiền tệ - ngân hàng tỷ giá, tự do hóa tài khoản vốn trong cán cân thanh toán, ngân hàng, phòng chống rửa tiền... đối với hoạt động TTTC quốc tế Việt Nam; nghiên cứu, hoàn thiện khung hành lang pháp lý về cho hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng, cho vay ngang hàng”</i>.</p> <p>Lý do: Để đảm bảo tính bao trùm và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của NHNN.⁵ Ngoài ra, hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) là hoạt động có tính đổi mới sáng tạo và phát triển nhanh chóng, liên tục trên cơ sở thành quả của cách mạng công nghiệp 4.0; do đó, cần có sự theo dõi quan sát, cập nhật, nghiên cứu để từng bước hoàn thiện hành lang pháp lý, cơ chế chính sách cho lĩnh vực này một cách phù hợp.</p>	<p>sẽ ghi nhận nội dung này và lồng ghép vào Kế hoạch phát triển TTTC sau khi đã có chủ trương của Bộ Chính trị. Đồng thời, cũng đã chính sách thành lập Tòa án tài chính cũng chưa được áp dụng, mà sẽ được nghiên cứu, trình cấp thẩm quyền sau năm 2035.</p> <p>2.5.1. Đã tiếp thu tại dự thảo Đề án.</p>
--	--	---

⁵ Các giao dịch trong tài khoản vốn của cán cân thanh toán thuộc sự quản lý của các bộ, ngành khác nhau (Bộ KHĐT về vốn đầu tư FDI, Bộ Tài chính về đầu tư gián tiếp, vay/trả nợ nước ngoài...)

	<p>2.5.2. Tại gạch đầu dòng thứ hai về “<i>Ban hành Khung quản lý thử nghiệm công nghệ tài chính áp dụng trong lĩnh vực ngân hàng và tiền tệ</i>”: Đề nghị lược bỏ nhiệm vụ này do hiện NHNN đang là cơ quan tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng⁶, <u>không phải là đơn vị ban hành trực tiếp</u>. Đồng thời, tại nhóm nhiệm vụ liên quan tại Mục 3, Phần II, Chương V, đang đề xuất giao Cơ quan quản lý TTTC xây dựng kế hoạch, chính sách.</p> <p>Bên cạnh đó, thời gian qua, Bộ Thông tin và Truyền thông là đơn vị đầu mối tham mưu xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số⁷, trong đó dự kiến quy định về Cơ chế thử nghiệm không giới hạn lĩnh vực và tiếp cận theo hướng “mở” hơn cho phép các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được miễn trừ trách nhiệm pháp lý trong một số trường hợp; việc triển khai Cơ chế thử nghiệm cũng phân cấp quản lý theo địa phương, bộ, ngành. Do đó, đề nghị <i>Quý Bộ nghiên cứu, rà soát thêm cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn, định hướng phát triển khung khổ cơ chế thử nghiệm trong TTTC; đồng thời, nghiên cứu làm rõ cơ chế hoạt động của Cơ quan quản lý TTTC cũng như trách nhiệm phối hợp của các Bộ, cơ quan liên quan đảm bảo việc triển khai, vận hành hiệu quả, khả thi, phù hợp với cơ cấu tổ chức và nguồn lực của cơ quan quản lý TTTC.</i></p> <p>3. Về phân tích rủi ro (Mục IV, trang 70), NHNN cung cấp các đánh giá sau đây:</p> <p>Như đề cập tại Điểm I.4 công văn này, việc đánh giá tác động chính sách cần phải có các thông tin cụ thể về phạm vi, đối tượng, chủ thể của chính sách. Với các thông tin hiện tại của dự thảo Đề án, NHNN đánh giá rủi ro như sau:</p> <p>3.1. Rủi ro về quản lý ngoại hối:</p>	<p>2.5.2. Kiến nghị vẫn giữ nhiệm vụ này và điều chỉnh để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của NHNN là cơ quan xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách.</p> <p>3. Đã tiếp thu tại dự thảo Đề án.</p>
--	--	--

⁶ Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Thành viên Chính phủ, NHNN đã tiếp thu, chỉnh lý hoàn thiện Dự thảo Nghị định quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng để trình Chính phủ xem xét ban hành (Tờ trình số 97/TTr-NHNN ngày 11/7/2024).

⁷ Dự án Luật đã được bổ sung vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 dự kiến sẽ trình Quốc hội cho ý kiến vào kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024) và thông qua vào kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025).

(1) Trường hợp áp dụng chính sách gỡ bỏ kiểm soát ngoại tệ và cho phép sử dụng một đồng ngoại tệ chuyên đổi trong TTTC sẽ tạo ra 2 chế độ khác nhau về quản lý ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam giữa các đối tượng trong và ngoài TTTC, có thể tạo rủi ro về việc phân biệt đối xử của Nhà nước với các đối tượng trong nền kinh tế.

Chính sách trên không phù hợp với mục tiêu, chính sách quản lý ngoại hối của nhà nước, chủ trương chống đô-la hóa của Chính phủ từ trước tới nay. Như vậy, có thể tạo rủi ro trong công tác điều hành chính sách tiền tệ, ngoại hối như hạn chế việc thực hiện mục tiêu trên lãnh thổ Việt Nam chỉ sử dụng đồng Việt Nam, ảnh hưởng tiêu cực tới hiệu quả của công tác ổn định thị trường tiền tệ, kinh tế vĩ mô của Việt Nam.

(2) Việc tự do hóa dòng vốn đầu tư vào/ra TTTC trong khi cơ sở hạ tầng và thực trạng điều kiện của nền kinh tế chưa kịp phát triển tương ứng có thể gây rủi ro lớn cho nền kinh tế như đầu cơ, bong bóng bất động sản, bong bóng thị trường tài chính (như giai đoạn khủng hoảng tài chính Châu Á 1997-1998) gây bất ổn kinh tế - xã hội.

(3) Việc gỡ bỏ kiểm soát ngoại tệ sẽ khiến việc dịch chuyển các dòng vốn trong TTTC ra ngoài lãnh thổ Việt Nam/từ nước ngoài vào TTTC diễn ra một cách nhanh chóng. Theo Dự thảo Đề án, tại Việt Nam, TTTC được cân nhắc đặt tại TP.Hồ Chí Minh – là một trong những địa phương thu ngân sách hàng năm nhiều nhất (*năm 2023, TP. Hồ Chí Minh dẫn đầu với mức thu lên tới 469.000 tỷ đồng, chiếm hơn 20% tổng thu ngân sách cả nước*) và có tỷ trọng nhà đầu tư nước ngoài cao. Do đó, việc các dòng vốn đầu cơ đảo chiều nhanh có thể tác động đến cung – cầu ngoại tệ gây khó khăn trong điều hành tỷ giá, phá vỡ cân đối lớn của nền kinh tế và ảnh hưởng nghiêm trọng đến dự trữ ngoại hối nhà nước.

(4) Bên cạnh đó, việc tự do hóa dòng ngoại hối cản trở, gây khó khăn trong công tác phòng chống rửa tiền, không phù hợp với cam kết của Việt Nam quy định tại pháp luật phòng chống rửa tiền và pháp luật ngoại hối, tiềm ẩn rủi ro tội

phạm tài chính liên quan đến các hoạt động rửa tiền, tham nhũng, tài trợ khủng bố...

3.2. Rủi ro về mở cửa thị trường tài chính liên quan đến rủi ro vi phạm cam kết quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng như sau:

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, tới nay, Việt Nam là thành viên WTO và 16 Hiệp định thương mại tự do (FTA). Bên cạnh nhiều cơ hội do các FTA mang lại, Việt Nam hiện đang duy trì một hệ cam kết quốc tế tương đối phức tạp, nhiều tầng lớp tại hầu hết các phân ngành, trong đó có lĩnh vực Dịch vụ Tài chính. Thực tế quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngành ngân hàng hiện nay đã và đang phát sinh nhiều hơn các tranh chấp/vụ kiện/vụ điều tra cấp Nhà nước và giữa Nhà đầu tư với Nhà nước cũng như là các bất đồng về quan điểm điều hành và thực thi chính sách kinh tế vĩ mô (trong đó có chính sách tài chính tiền tệ). *Vì lý do đó, việc xây dựng ra các cơ chế đặc thù về mở cửa thị trường tài chính của TTTC có thể dẫn đến phát sinh thêm các tranh chấp và bất đồng mới trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.*

Hiện nay, ngoài các nghĩa vụ chính (Mở cửa thị trường, Đối xử quốc gia, cơ chế giải quyết tranh chấp Nhà nước với Nhà nước...), tại các FTA thế hệ mới, Việt Nam đã cam kết các nghĩa vụ như Tiêu chuẩn đối xử tối thiểu (MST),⁸ cơ chế Nhà đầu tư kiện Nhà nước. Việc cho phép một số nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi trong đầu tư sẽ cho phép các nhà đầu tư kiện Nhà nước (ISDS) Việt Nam về điều kiện kinh doanh không công bằng. Việc cam kết cơ chế ISDS trong Hiệp định CPTPP đã thể chế hóa một cơ chế bảo hộ đầu tư dành cho các nhà đầu tư CPTPP kinh doanh trong tất cả các lĩnh vực mở cửa thị trường của nước đối tác (trong đó có lĩnh vực ngân hàng). Trường hợp Chính phủ nước sở tại vi phạm

⁸ Tiêu chuẩn đối xử tối thiểu đề cập đến việc các nước cam kết dành cho các nhà đầu tư nước ngoài sự đối xử công bằng và thỏa đáng khi tiến hành các thủ tục tố tụng hình sự, dân sự hoặc hành chính. Ngoài ra, các nước CPTPP cần phải bảo đảm an toàn cho các khoản đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với pháp luật quốc tế. Trong thực tiễn thực hiện tự do hóa thương mại và đầu tư xuyên quốc gia, cơ chế đảm bảo đối xử theo tiêu chuẩn tối thiểu đã được các quốc gia ghi nhận trong những thỏa thuận tự do thương mại, đầu tư quốc tế thế hệ trước. Tiêu chuẩn đối xử tối thiểu quốc tế được thiết lập nhằm quy định mức độ tối thiểu bảo hộ áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài, mà tiêu chuẩn đối xử của quốc gia sở tại không được thấp hơn mức tối thiểu này. Đây là nghĩa vụ thuộc nhóm tạm hoãn áp dụng đối với lĩnh vực dịch vụ tài chính.

các nghĩa vụ cam kết của Hiệp định CPTPP, ISDS cho phép nhà đầu tư của nước thành viên CPTPP khác được phép trực tiếp khởi kiện Nhà nước nơi mà họ thực hiện hoạt động đầu tư ra Cơ quan trọng tài quốc tế, ví dụ như Trung tâm giải quyết tranh chấp đầu tư của Ngân hàng Thế giới (ICSID) hoặc Ủy ban Liên hợp quốc về Luật Thương mại (UNCITRAL). Quá trình này không đòi hỏi nhà đầu tư phải thông qua Chính phủ của họ để khởi kiện thay mặt nhà đầu tư.

3.3. Rủi ro khác:

(1) Việc các tổ chức trong TTTC hoạt động trong một môi trường pháp lý mở và thực hiện hoạt động kinh doanh với nhiều quốc gia có thể dẫn đến rủi ro vi phạm các quy định trong hệ thống pháp luật điều chỉnh của quốc gia đối tác.

(2) Việc áp dụng các chuẩn mực trong TTTC cần lưu ý rằng các TCTD trong nước hiện nay chưa đạt chuẩn thông lệ quốc tế (Basel III...), nếu áp dụng các chuẩn mực quốc tế tại TTTC, các TCTD trong nước sẽ không thể đáp ứng và không thể tham gia.

III. CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH, LỘ TRÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH NGÂN HÀNG THEO CÁC VĂN BẢN HIỆN HÀNH

1. Về lộ trình nới lỏng hạn chế tỷ lệ sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài tại các TCTD Việt Nam: NHNN cung cấp một số thông tin như sau: Việt Nam hiện đã hoàn thành lộ trình gỡ bỏ các hạn chế tiếp cận thị trường theo cam kết của WTO. Theo đó:

(1) Về sở hữu cổ phần của một cá nhân, một tổ chức, một nhà đầu tư và người có liên quan:

- Điều 63 Luật Các TCTD năm 2024 quy định tỷ lệ sở hữu cổ phần như sau:

“1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu cổ phần vượt quá 05% vốn điều lệ của một TCTD.

2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% vốn điều lệ của một TCTD.

3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% vốn điều lệ của một TCTD. Cổ đông lớn của một TCTD và người

có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên của một TCTD khác.

...

7. Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của TCTD Việt Nam. Chính phủ quy định tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư đó tại một TCTD Việt Nam; điều kiện, thủ tục nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của TCTD Việt Nam; điều kiện đối với TCTD Việt Nam bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.”

- Chính phủ quy định nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của TCTD Việt Nam tại Nghị định số 01/2014/NĐ-CP và Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 01 (đang trình Chính phủ để ban hành), cụ thể như sau:

“1. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ của một TCTD Việt Nam.

2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ của một TCTD Việt Nam trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một TCTD Việt Nam.

4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một TCTD Việt Nam.”

Như vậy, theo quy định hiện hành, một cá nhân nước ngoài có tỷ lệ sở hữu cổ phần của một TCTD Việt Nam tối đa tương đương như một cá nhân trong nước. Đối với một tổ chức nước ngoài, một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan đến nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu cổ phần của một TCTD Việt Nam với tỷ lệ tối đa cao hơn so với một tổ chức trong nước, một nhà đầu tư trong nước và người có liên quan.

(2) Về tổng mức sở hữu cổ phần các các nhà đầu tư nước ngoài tại một TCTD Việt Nam:

Pháp luật hiện hành chỉ quy định về tổng mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu trong nước và người có liên quan. Đồng thời, nhằm đảm bảo chính sách đại chúng tại các TCTD cổ phần, TCTD cổ phần phải có tối thiểu 100 cổ đông. Đối với nhà đầu tư nước ngoài, pháp luật hiện hành quy định về tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài như sau:

- Đối với NHTM cổ phần: Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của một NHTM Việt Nam.

- Đối với TCTD yếu kém: Các NHTM được kiểm soát đặc biệt được chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp cho nhà đầu tư nước ngoài. Trong trường hợp đặc biệt để bảo đảm an toàn hệ thống TCTD, Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài, một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một TCTD cổ phần yếu kém, gặp khó khăn vượt giới hạn quy định đối với từng trường hợp cụ thể.

- Đối với TCTD nhận chuyển giao bắt buộc:

+ Bên nhận chuyển giao có quyền “Được bán, phát hành cổ phần của TCTD nhận chuyển giao cho nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với phương án chuyển giao bắt buộc”.

+ Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 01 đang trình Chính phủ ban hành quy định: “Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại ngân hàng thương mại nhận chuyển giao bắt buộc (không bao gồm các ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ) được vượt giới hạn quy định tại khoản 5 Điều này nhưng không vượt quá 49% vốn điều lệ của ngân hàng thương mại nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt và được thực hiện trong thời hạn của phương án chuyển giao bắt buộc.”

- Đối với TCTD cổ phần phi ngân hàng: “Tổng mức sở hữu cổ phần của các

		<p>nhà đầu tư nước ngoài tại một TCTD phi ngân hàng Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng, công ty niêm yết”.</p> <p>2. Về lộ trình áp dụng chuẩn mực Basel III: Thực hiện triển khai Basel tại Việt Nam, ngày 16/8/2023, Thống đốc NHNN đã ban hành Quyết định số 1545/QĐ-NHNN về việc thành lập Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc triển khai chuẩn mực vốn Basel. Ban chỉ đạo dự kiến áp dụng Basel III từ năm 2030 cho các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, không bao gồm các TCTD phi ngân hàng. Ngoài ra, đối với các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính không phải TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hiện thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính, do vậy, đề nghị Quý Bộ tham vấn ý kiến của Bộ Tài chính đối với các đối tượng này./.</p>	
2	Bộ Tài chính	<p>I. Ý KIẾN THAM GIA CHUNG:</p> <p>1. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quyết định số 1160/QĐ-TTg và Điều 8 Quyết định số 41/QĐ-BCĐXDTTTC về Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án: <i>Bộ KHĐT là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo, có trách nhiệm: Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan đề xuất với Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban Chỉ đạo các chủ trương, định hướng, kiến nghị bổ sung, sửa đổi hoặc xây dựng mới cơ chế chính sách, giải pháp trong quá trình, triển khai xây dựng Đề án Trung tâm tài chính quy mô khu vực và quốc tế.</i></p> <p>- Tại 02 cuộc họp Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban Chỉ đạo đã kết luận: (i) <i>Việc xây dựng TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam là vấn đề khó, phức tạp, chưa có tiền lệ..., đòi hỏi phải đánh giá đầy đủ, toàn diện tác động đến các lĩnh vực kinh tế-xã hội, pháp luật, an ninh tiền tệ, an ninh tài chính quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;</i> (ii) <i>Việc đề xuất các cơ chế, chính sách cho phát triển các TTTC cần bảo đảm nguyên tắc: áp dụng các chính sách đã rõ, phù hợp với thông lệ quốc tế, đã được kiểm chứng; nghiên cứu, đánh giá để đề xuất cấp có thẩm quyền cho phép áp dụng thí điểm đối với các chính sách được thông lệ quốc tế áp dụng nhưng chưa được kiểm chứng, đánh giá tác động toàn</i></p>	<p>1. Đã tiếp thu tại dự thảo Đề án.</p>

diện; không thực hiện các chính sách có thể ảnh hưởng đến an ninh tài chính, tiền tệ quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

- Do dự thảo Đề án tổng thể lấy ý kiến các Bộ, ngành chưa thể hiện đầy đủ các nội dung được giao tại Quyết định số 1160/QĐ-TTg và ý kiến của Trưởng Ban Chỉ đạo nên tại Công văn số 7705/BTC-TCNH ngày 24/7/2024, Bộ Tài chính đã đề nghị Bộ KHĐT xác định: “*Định hướng, nguyên tắc, mục tiêu xây dựng Đề án trên cơ sở phân tích, đánh giá năng lực cạnh tranh quốc gia và các địa phương, mối quan hệ kết nối của TTTC giữa các địa phương, sản phẩm đầu ra đối với từng địa phương và ở cấp độ quốc gia (sản phẩm về chính sách, về mô hình quản lý), xác định tiêu chí, điều kiện để xây dựng TTTC khu vực/quốc tế, từ đó xác định kế hoạch, lộ trình triển khai phù hợp theo từng giai đoạn, phân tích, đánh giá tác động chính sách ở cấp độ quốc gia và địa phương đối với lợi ích và rủi ro khi xây dựng TTTC tại các địa phương, đề xuất phương án hạn chế các tác động tiêu cực của chính sách, rủi ro có thể phát sinh, đảm bảo độc lập chủ quyền, an ninh, an toàn quốc gia*” để báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Chính trị xem xét, chỉ đạo. Qua rà soát, Bộ KHĐT đã tổng hợp, tiếp thu⁹ ý kiến tham gia của Bộ Tài chính¹⁰. Theo đó, nhận định của Bộ KHĐT tại Công văn số 6833/BKHĐT-ĐTNN: “*Các nội dung tham gia ý kiến của Bộ Tài chính¹¹ đến nay vẫn chưa bám sát định hướng của Ban Chỉ đạo, đồng thời Bộ Tài chính chưa cung cấp các thông tin liên quan để phục vụ hoàn thiện Đề án theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các văn bản nêu trên*” là chưa phù hợp. Việc dự thảo Đề án gửi xin ý kiến các Bộ, ngành (lần 1) chưa xác định định hướng, nguyên tắc xây dựng Đề án, chưa làm rõ về mô hình, phạm vi của TTTC, phương thức quản lý dẫn đến các Bộ, ngành chưa có cơ sở để tham gia ý kiến cụ thể.

⁹ Bảng tổng hợp, tiếp thu, điều chỉnh và giải trình ý kiến góp ý của các đơn vị (Bộ KHĐT gửi kèm hồ sơ xin ý kiến tại các cuộc họp ngày 14/8/2024 và ngày 26/8/2024).

¹⁰ Có 09/16 ý kiến tham gia của Bộ Tài chính tại Công văn số 7705/BTC-TCNH đã được Bộ KHĐT tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Đề án.

¹¹ Văn bản số 7705/BTC-TCNH ngày 24/7/2024 của Bộ Tài chính.

2. Đề nghị Bộ KHĐT với vai trò là cơ quan thường trực, đã chủ trì làm việc với các chuyên gia quốc tế, đã khảo sát, học tập kinh nghiệm của các Trung tâm tài chính (TTTC) quốc tế thể hiện rõ quan điểm trong việc tổng hợp, phân tích, đánh giá Đề án của 02 địa phương (TP Hồ Chí Minh và TP Đà Nẵng), phân tích mối liên hệ giữa 02 Đề án này cũng như mối liên hệ với Đề án tổng thể do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng. Đồng thời, đề nghị Bộ KHĐT phối hợp với các địa phương làm rõ: (i) Mục tiêu của các chính sách đặc thù/đột phá đề xuất tại dự thảo Đề án; (ii) đối tượng và phạm vi áp dụng từng chính sách, tính hiệu quả và khả thi của các chính sách kiến nghị trong bối cảnh các TTTC khu vực và quốc tế đã và đang áp dụng các chính sách tương tự (nhất là đối với các TTTC có vị trí địa lý gần với Việt Nam như: Singapore, Thượng Hải, Hồng Kông,...); (iii) các chủ thể tham gia TTTC khu vực và quốc tế; trên cơ sở đó các cơ quan quản lý có ý kiến tham gia cụ thể về tác động chính sách và cách thức quản lý, giám sát phù hợp đối với từng lĩnh vực. Việc dự thảo Đề án chưa xác định cụ thể đối tượng, phạm vi áp dụng các chính sách, chủ thể tham gia TTTC khu vực và quốc tế dẫn đến khó khăn trong việc đánh giá tác động của các chính sách đang được đề xuất.

2.
(i) Bộ KHĐT đã thể hiện rõ quan điểm trong việc tổng hợp, phân tích, đánh giá Đề án của các địa phương tại các văn bản báo cáo Lãnh đạo Chính phủ trước khi thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án. Đối với Đề án tổng thể, như đã thống nhất tại cuộc họp lần thứ hai của Ban Chỉ đạo, đây là Đề án mang tính định hướng, tập trung phân tích và báo cáo cấp có thẩm quyền về các nội dung mang tính chủ trương, nguyên tắc để phát triển TTTC, từ đó làm cơ sở để các địa phương hoàn thiện Đề án để triển khai tại từng địa phương.
(ii) Đối với việc làm rõ nội hàm của các chính sách đề xuất, Bộ KHĐT đã nhiều lần đề nghị các Bộ, ngành cùng phối

		<p>3. Dự thảo Đề án xác định đối tượng điều chỉnh của các chính sách là các tổ chức được đăng ký thành viên và có sự hiện diện vật lý trong khu vực, lựa chọn phát triển một số tính năng/cấu phần của mô hình chuyên biệt cho TTTC Việt Nam, áp dụng một số chính sách đặc thù (Chương IV Mục II.4 Đề án). Theo đó, phạm vi TTTC chỉ được phân định dựa trên ranh giới địa lý dẫn đến cách hiểu các hoạt động tài chính mang tính chuyên biệt chỉ diễn ra trong khu vực địa lý nhất định, trong khi đó, thị trường tài chính đang vận hành theo không gian mở dựa trên nền tảng kết nối internet và công nghệ số, do đó, cần có cách tiếp cận phù hợp.</p>	<p>hợp với Bộ KHĐT và các địa phương để hoàn thiện các chính sách. Tuy nhiên, đến nay sự phối hợp với các Bộ, ngành vẫn còn hạn chế, các ý kiến góp ý chủ yếu kiến nghị chỉ áp dụng quy định hiện hành.</p> <p>(iii) Bộ KHĐT đã xác định đối tượng điều chỉnh của các chính sách là các tổ chức đăng ký thành viên và có sự hiện diện thương mại trong TTTC, đồng thời đánh giá tác động bước đầu đối với mô hình đề xuất theo dự thảo Đề án.</p> <p>3. Đã tiếp thu tại dự thảo theo hướng không chỉ giới hạn đối tượng điều chỉnh chính sách bằng ranh giới địa lý.</p>
--	--	---	--

4. Như Bộ Tài chính đã có ý kiến trước đây, các chính sách đột phá, nằm ngoài khuôn khổ pháp luật hiện hành mà dự thảo Đề án đề xuất cần phải được đưa vào nội dung báo cáo xin ý kiến về chủ trương của cấp có thẩm quyền (Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội) trước khi xây dựng. Trong đó, các chính sách đột phá nằm ngoài khuôn khổ pháp luật hiện hành trong lĩnh vực tài chính gồm: (i) chính sách cho phép chủ thể tham gia TTTC khu vực và quốc tế được lựa chọn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế, Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế; (ii) Thí điểm thành lập sàn giao dịch chứng khoán chuyên biệt cho TTTC, cho phép giao dịch bằng đồng ngoại tệ chuyển đổi, niêm yết chéo với các sàn giao dịch quốc tế,...; (iii) hình thành cơ chế thuế chuyên biệt, vượt trội so với các quy định hiện hành của quốc gia,... đề nghị tổng hợp báo cáo xin chủ trương của cấp có thẩm quyền trước khi giao Bộ Tài chính nghiên cứu, xây dựng.

II. Ý KIẾN THAM GIA CỤ THỂ ĐỐI VỚI NỘI DUNG DỰ THẢO ĐỀ ÁN VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN LIÊN QUAN

a) Đối với nội dung các chính sách đề xuất tại dự thảo Đề án được gửi kèm Công văn số 6837/BKHĐT-ĐTNN ngày 26/8/2024 của Bộ KHĐT, Bộ Tài chính có ý kiến và cung cấp thông tin đối với các vấn đề liên quan đến phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo Phụ lục đính kèm.

b) Đối với các nhiệm vụ dự kiến phân công Bộ Tài chính chủ trì thực hiện:
- Về đề nghị Bộ Tài chính chủ trì ban hành Khung quản lý thử nghiệm công nghệ tài chính áp dụng trong lĩnh vực tài chính và hoạt động của các tổ chức tín dụng: Lĩnh vực tài chính là lĩnh vực có phạm vi rộng, gồm nhiều hoạt động và dịch vụ (chứng khoán, bảo hiểm, kế toán, kiểm toán, hải quan, thuế, phí, lệ phí, định giá,...), việc đề xuất kiến nghị ban hành chính sách, thí điểm chính sách cần phải xuất phát từ nhu cầu phát triển của TTTC địa phương và quốc gia, xác định các chủ thể tham gia vào TTTC. Tuy nhiên, việc dự thảo Đề án phân công Bộ Tài chính ban hành “Khung quản lý thử nghiệm công

4. Bộ KHĐT đã tổng hợp các đề xuất chính sách để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến chỉ đạo trước khi giao các Đảng ủy, Đảng bộ trực thuộc nghiên cứu và đề xuất xây dựng chính sách cụ thể.

b) Đề xuất chính sách hiện nay mang tính chất định hướng, đồng thời thuộc nhóm 2 (các chính sách áp dụng theo lộ trình phù hợp với điều kiện của Việt Nam). Kiến nghị vẫn giữ đề xuất này và giao Cơ

nghệ tài chính áp dụng trong lĩnh vực tài chính” chưa căn cứ trên cơ sở nhu cầu thực tế, chưa lý giải sự cần thiết nên chưa đảm bảo tính khả thi. Đề nghị Bộ KHĐT làm việc với 02 địa phương để làm rõ lĩnh vực, dịch vụ tài chính cụ thể nào cần ban hành khung quản lý thử nghiệm công nghệ riêng. Đối với việc phân công ban hành khung quản lý thử nghiệm công nghệ tài chính áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, đề nghị tổng hợp ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Đối với đề nghị phân công Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để xây dựng, bổ sung, hoàn thiện và triển khai thực hiện các chính sách, khuôn khổ pháp lý về thuế, thị trường chứng khoán, bảo hiểm, phái sinh, hoạt động quản lý quỹ, chế độ kế toán, kiểm toán, báo cáo tài chính, ưu đãi về thuế... phục vụ phát triển TTTC Việt Nam; Ban hành Khung quản lý thử nghiệm công nghệ tài chính cho lĩnh vực chứng khoán và lĩnh vực bảo hiểm. Do Đề án còn nhiều nội dung cần làm rõ, đề nghị Bộ KHĐT tổng hợp, tiếp thu ý kiến các Bộ, ngành hoàn thiện Đề án, trên cơ sở đó, Bộ Tài chính sẽ có ý kiến cụ thể về nhiệm vụ được phân công. Đối với dự kiến giao Bộ Tài chính xây dựng, bổ sung, hoàn thiện và triển khai thực hiện các chính sách, khuôn khổ pháp lý về thuế, thị trường chứng khoán, bảo hiểm, phái sinh, hoạt động quản lý quỹ, chế độ kế toán, kiểm toán, báo cáo tài chính, ưu đãi về thuế: Hiện nay, chính sách và khung khổ pháp lý đối với các lĩnh vực này đã được ban hành đầy đủ; đề nghị Bộ KHĐT với vai trò cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo làm rõ: (i) các cơ chế chính sách cần phải sửa đổi, bổ sung; (ii) nội dung dự kiến cần phải sửa đổi, bổ sung và (iii) lý do phải bổ sung hoàn thiện chính sách. Trên cơ sở đó, BTC có căn cứ triển khai thực hiện.

c) Đối với việc giải trình ý kiến góp ý của Bộ Tài chính tại Công văn số 7705/BTC-TCNH.

- Về đề xuất mô hình phát triển TTTC tại Việt Nam, Bộ Tài chính đã có ý kiến tham gia tại Mục 1 Công văn số 7705/BTC-TCNH ngày 24/7/2024. Nội

quan quản lý TTTC tiếp tục phối hợp với Bộ Tài chính hoàn thiện các kiến nghị chính sách cụ thể sau khi đã có chủ trương của cấp có thẩm quyền.

c)
(i) Đề án tổng thể của Ban Chỉ đạo chỉ nghiên cứu, tập trung phân tích

dung này đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, bổ sung ưu điểm, hạn chế của các mô hình TTTC phổ biến trên thế giới và đưa ra khuyến nghị về mô hình TTTC áp dụng đối với Việt Nam. Đề nghị báo cáo bổ sung tại dự thảo Đề án thông tin về mô hình TTTC do các địa phương (Tp Hồ Chí Minh và Tp Đà Nẵng) đang xây dựng có phù hợp với mô hình TTTC được đề xuất áp dụng cho Việt Nam tại Đề án tổng thể không. Trường hợp chưa có sự thống nhất trong việc xác định mô hình TTTC cần kiến nghị bổ sung quyền, trách nhiệm cho các địa phương trong việc thực hiện các Đề án riêng phù hợp với định hướng chung của Đề án tổng thể.

- Đối với ý kiến của Bộ Tài chính tại Mục 1 Công văn số 7705/BTC-TCNH về chính sách tập trung nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng TTTC, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến: các nội dung về quy mô xây dựng, nhu cầu vốn cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng phụ thuộc vào chủ trương của cấp có thẩm quyền về phát triển TTTC tại Việt Nam¹². Tại mục 1.7 Chương V dự thảo Đề án, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị giao cơ quan quản lý TTTC ban hành Kế hoạch huy động nguồn lực, bao gồm nguồn lực từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn lực tư nhân để phát triển hạ tầng phục vụ TTTC.

Bộ Tài chính cho rằng kiến nghị của Bộ KHĐT chưa cụ thể, để đảm bảo tính khả thi của Đề án, việc xác định rõ lĩnh vực hoạt động của TTTC, phạm vi, quy mô, nhu cầu vốn của các dự án phát triển cơ sở hạ tầng trong mỗi thời kỳ cần phải được đề xuất cụ thể trong dự thảo Đề án, làm cơ sở cho việc đánh giá khả năng huy động, cơ sở pháp lý cho việc bố trí các nguồn vốn theo quy định của pháp luật để xin ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Vì vậy, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, trao đổi với Tp Hồ Chí Minh và Tp Đà Nẵng nghiên cứu, bổ sung tại dự thảo các Đề án.

và đề xuất các chủ trương để phát triển TTTC Việt Nam. Trên cơ sở đó, các địa phương sẽ hoàn thiện Đề án của từng địa phương. Theo đó, xin kiến nghị không bổ sung nội dung này tại dự thảo Đề án.

(ii) Về việc xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực/nguồn vốn để phát triển TTTC, Bộ KHĐT tiếp tục bảo lưu quan điểm kiến nghị giao Cơ quan quản lý TTTC phối hợp với các Cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực sau khi đã có chủ trương của cấp có thẩm quyền về phát triển TTTC do hiện nay, các nội dung để xác định nhu cầu vốn phát triển TTTC vẫn chưa được làm rõ: như vị trí, quy

¹² Có phát triển TTTC theo mô hình có hàng rào hay không có hàng rào; phát triển 01 hay 02 trung tâm; phát triển những địa điểm nào.

mô, số lượng TTTC, các chính sách áp dụng...

III. Ý KIẾN THAM GIA CHUYÊN SÂU THEO TỪNG LĨNH VỰC

1. Về kiến nghị chính sách liên quan đến thị trường chứng khoán:

1.1. Ý kiến chung:

- Dự thảo Đề án tổng thể đề xuất áp dụng mô hình kết hợp, trong ngắn hạn để thúc đẩy hình thành và phát triển TTTC thông qua việc tạo cơ chế đột phá cho một số lĩnh vực tài chính trọng tâm. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác định có áp dụng các đề xuất thị trường chứng khoán chuyên biệt trong thời gian ngắn hạn như đã đề cập tại dự thảo Đề án hay không. Nếu có, đề nghị xem xét tính khả thi, hiệu quả nếu triển khai trong ngắn hạn do đây đều là các chính sách mới, đặc thù, cần có nghiên cứu và lộ trình áp dụng.

- Dự thảo Đề án cập nhật đã đưa ra một số chính sách liên quan đến thị trường chứng khoán. Do đó, đề nghị phân nghiên cứu kinh nghiệm của các TTTC quốc tế khác có nội dung nghiên cứu về các vấn đề này để có cơ sở tham khảo và đánh giá tính hiệu quả.

1.2. Ý kiến tham gia cụ thể:

a) Về kiến nghị thành lập sàn giao dịch chuyên biệt cho TTTC:

(i) Giao dịch bằng đồng ngoại tệ chuyên đổi: Để hiện thực hoá chủ trương này, Bộ Tài chính thấy rằng Đề án cần xem xét đến một số yêu cầu như xây dựng khung pháp lý đầy đủ, hệ thống hạ tầng công nghệ phù hợp (nền tảng giao dịch cho phép xử lý giao dịch bằng nhiều loại tiền tệ, hệ thống bù trừ và thanh toán, chuyển đổi tiền tệ một cách an toàn, hiệu quả), công cụ quản lý rủi ro, sự ổn định của thị trường ngoại hối. Đối với đề xuất cho phép giao

III.

1.1. Việc phát triển thị trường chứng khoán, sàn giao dịch chuyên biệt cho TTTC được xác định thuộc nhóm 2 (các chính sách nghiên cứu áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế của quốc gia). Theo đó, xin kiến nghị vẫn giữ đề xuất chính sách và giao cơ quan liên quan tiếp tục hoàn thiện sau khi đã có chủ trương của cấp có thẩm quyền.

1.2.

a)

(i) Tại các cuộc họp cấp kỹ thuật, NHNN đã có ý kiến đồng ý về chủ trương về việc cho phép giao dịch bằng đồng ngoại tệ chuyên đổi

	<p>dịch chứng khoán bằng ngoại tệ, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến của Ngân hàng Nhà nước do liên quan đến chính sách ngoại hối.</p> <p>(ii) Niêm yết chéo với các sàn giao dịch quốc tế: Đề nghị làm rõ tại dự thảo Đề án về hoạt động niêm yết chéo bao gồm hoạt động niêm yết ra Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài của tổ chức đã có chứng khoán niêm yết tại TTTC hay hoạt động niêm yết của tổ chức nước ngoài tại TTTC hay bao gồm tất cả các hoạt động này.</p> <p>(iii) Đơn giản hóa quy định về niêm yết và giao dịch cổ phiếu: Đề nghị xem xét đề xuất này trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm tại trung tâm tài chính quốc tế của các nước. Bộ Tài chính cho rằng do tính chất quốc tế và có sự tham gia của nhiều nhà đầu tư nước ngoài, cổ phiếu niêm yết tại TTTC phải đáp ứng các tiêu chuẩn niêm yết khá nghiêm ngặt về tài chính, quản trị công ty và minh bạch thông tin. Việc đưa ra các quy định về niêm yết và giao dịch vẫn phải đảm bảo duy trì các chuẩn mực cần thiết để bảo vệ nhà đầu tư, đảm bảo tính ổn định của thị trường.</p> <p>b) Về việc ban hành một số quy định đăng ký, lưu ký, giao dịch và thanh toán bù trừ chuyên biệt cho chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán của TTTC Việt Nam theo thông lệ của các TTTC lớn: dự thảo Đề án chưa nêu cụ thể về một số quy định chuyên biệt theo thông lệ của các TTTC lớn</p>	<p>trong TTTC; các giao dịch với chủ thẻ tại nội địa thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Ngoại hối. Theo đó, <u>không giới hạn việc cho phép giao dịch chứng khoán bằng đồng ngoại tệ trong TTTC trường hợp các chủ thẻ chỉ giao dịch trong TTTC.</u></p> <p>(ii) Đã tiếp thu tại dự thảo Đề án.</p> <p>(iii) Xin kiến nghị vẫn giữ đề xuất chính sách và có lộ trình áp dụng phù hợp với điều kiện của Việt Nam.</p> <p>b) Xin kiến nghị vẫn giữ đề xuất chính sách và có lộ trình áp dụng phù hợp</p>
--	---	---

đề xuất áp dụng tại TTTC, do đó, Bộ Tài chính chưa thể có đánh giá cụ thể về nội dung này. Hiện nay, hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của TTCK Việt Nam cũng đang thực hiện theo thông lệ quốc tế. Trong thời gian sắp tới, theo quy định tại Luật Chứng khoán năm 2019 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán sẽ được triển khai theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm (CCP) áp dụng cho các chứng khoán giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán. Hoạt động này cũng dựa trên thông lệ quốc tế hiện nay.

với điều kiện của Việt Nam.

1.3. Về đề nghị cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực chứng khoán:

- Về lộ trình phát triển thị trường vốn tại Việt Nam (bao gồm thị trường chứng khoán và các giải pháp nâng hạng thị trường, thị trường trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, thị trường phái sinh): Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1726/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 phê duyệt chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 đã đặt ra mục tiêu, các giải pháp thực hiện để phát triển thị trường chứng khoán.

- Về khả năng phát triển một sàn giao dịch chuyên biệt cho TTTC: Theo Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con có chức năng tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán; các chức năng khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam. Hiện nay, tại Tp. Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) đang là đơn vị tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán. Vậy khi thành lập sàn giao dịch chứng khoán chuyên biệt tại TTTC, cần làm rõ thị trường chuyên biệt này được quản lý bởi SGDCK hiện có hay một SGDCK được thành lập mới.

- Về khả năng cho phép niêm yết chéo giữa sàn giao dịch chứng khoán trong TTTC và các sàn giao dịch tại nước ngoài: Về mặt pháp lý, hiện nay, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết

		<p>thi hành một số điều của Luật Chứng khoán đã có quy định về việc niêm yết chứng khoán tại Việt Nam của tổ chức phát hành nước ngoài và niêm yết, giao dịch chứng khoán của tổ chức phát hành Việt Nam tại Sở Giao dịch chứng khoán nước ngoài. Tuy nhiên, trên thực tế chưa ghi nhận trường hợp nộp hồ sơ đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để niêm yết cổ phiếu theo các hình thức đã nêu.</p> <p>1.4. Về việc đánh giá tác động đối với chính sách đề xuất tại dự thảo Đề án, đề nghị Bộ Kế hoạch Đầu tư phối hợp với hai địa phương (Tp. Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh) là các đơn vị xây dựng dự thảo Đề án trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và có lựa chọn phù hợp với thực tiễn tại địa phương, trong đó đề xuất các chính sách liên quan đến lĩnh vực chứng khoán có đánh giá tác động đối với các chính sách này.</p> <p>2. Về kiến nghị chính sách liên quan đến áp dụng chuẩn mực kế toán và đánh giá tác động chính sách</p> <p>2.1. Đối với đề xuất chính sách áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế¹³</p> <p>- Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 345/QĐ-BTC ngày 16/3/2020 về việc phê duyệt Đề án áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính tại Việt Nam. Theo đó mục tiêu Đề án bao gồm 2 nội dung:</p> <p>+ Xây dựng phương án, lộ trình và công bố, hỗ trợ áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại Việt Nam cho từng nhóm đối tượng cụ thể được xác định, phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm mục đích nâng cao tính minh bạch, trung thực của báo cáo tài chính, nâng cao trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp đối với người sử dụng báo cáo tài chính.</p>	<p>2. Đã lồng ghép các nội dung Bộ Tài chính nêu tại dự thảo Đề án.</p>
--	--	--	---

¹³ Tại Điểm 2.1 Khoản 2 Mục II - Đề xuất chính sách nhóm II (các chính sách cần có lộ trình áp dụng).

+ Ban hành mới và tổ chức thực hiện hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam (VFRS) theo nguyên tắc tiếp thu tối đa thông lệ quốc tế, phù hợp với đặc thù của nền kinh tế Việt Nam và nhu cầu của doanh nghiệp, đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.

- Hiện nay, Bộ Tài chính đang chủ trì xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Kế toán 2015, trong đó đã đưa nội dung quy định việc áp dụng các Chuẩn mực kế toán quốc tế, Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế tại dự thảo Luật.

Do vậy, Bộ Tài chính cơ bản nhất trí đề xuất chính sách khuyến khích áp dụng thông lệ quốc tế về Chuẩn mực kế toán quốc tế, Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế tại TTTC khu vực và quốc tế theo lộ trình phù hợp. Tuy nhiên, do dự thảo Đề án chưa nêu rõ chủ thể tham gia TTTC, trong khi không phải tất cả các doanh nghiệp/nhà đầu tư đều là đối tượng cần áp dụng IFRS nên đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các địa phương xác định chủ thể tham gia TTTC và các chủ thể bắt buộc áp dụng IFRS để đảm bảo chính sách đề xuất phù hợp và khả thi khi TTTC khu vực và quốc tế đi vào hoạt động.

2.2. Đánh giá tác động đối với chính sách áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế:

Tại dự thảo Đề án chưa xác định cụ thể chủ thể tham gia TTTC khu vực và quốc tế nên việc đánh giá tác động đối với chính sách áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế chưa thể phân tích cụ thể. Tuy nhiên, Bộ Tài chính phân tích một số đánh giá tác động cơ bản khi các doanh nghiệp áp dụng thực hiện Chuẩn mực kế toán, Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) như sau:

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, phù hợp với các chủ trương, định hướng của Đảng, Quốc hội và Chính phủ về hội nhập phát triển kinh tế, căn

cứ quy định của Luật, Bộ Tài chính sẽ quy định phạm vi, đối tượng lộ trình áp dụng IFRS, đảm bảo tính phù hợp, an toàn, hiệu quả. Bên cạnh đó sẽ tiếp tục ban hành các chuẩn mực của Việt Nam (VFRS), áp dụng cho đa số các doanh nghiệp hiện nay theo hướng cập nhật phù hợp hơn với IFRS. Từ đó, thiết lập được hệ thống công cụ quản lý hữu hiệu phục vụ quá trình cải cách kinh tế; Tạo dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững;

b) Tác động về kinh tế - xã hội:

- Việc cho phép áp dụng IFRS tại Việt Nam góp phần đạt mục tiêu Việt Nam sớm được công nhận là nền kinh tế thị trường, nâng hạng thị trường chứng khoán.

- Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài.

- Theo khảo sát tại các quốc gia và các doanh nghiệp đại chúng quy mô lớn trong nước, việc áp dụng IFRS và sửa đổi VFRS theo định hướng IFRS sẽ tác động rất tích cực đến môi trường đầu tư, đặc biệt thu hút mạnh mẽ các nguồn lực quốc tế trên các khía cạnh:

+ IFRS được quốc tế thừa nhận việc cho phép áp dụng IFRS tại Việt Nam sẽ lấy được lòng tin của cộng đồng các nhà đầu tư nước ngoài, là yếu tố góp phần để cộng đồng quốc tế sớm công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường đầy đủ, từ đó khơi thông dòng vốn FDI, tạo điều kiện để doanh nghiệp Việt Nam niêm yết trên thị trường quốc tế hoặc nhận được các khoản vay ưu đãi từ các định chế tài chính quốc tế như WB, IMF, ADB... chủ sở hữu, nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài;

+ Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là công ty con của các tập đoàn xuyên quốc gia sẽ không còn phải thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính được lập từ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) sang IFRS để hợp nhất với công ty mẹ. Theo Hội đồng kinh doanh Hoa Kỳ - ASEAN, việc được phép áp dụng IFRS sẽ tạo ra một làn sóng FDI mới vào Việt Nam do giúp doanh

nghiệp tiết giảm chi phí, giảm được rủi ro đáng kể và tạo dựng môi trường kinh doanh ổn định;

+ Các đơn vị có lợi ích công chúng áp dụng IFRS cũng giúp khơi thông dòng vốn đầu tư nước ngoài qua kênh đầu tư góp vốn mua cổ phần do thỏa mãn được đòi hỏi của các nhà đầu tư quốc tế thông qua các quỹ đầu tư, quỹ tín thác...

c) Tác động đến thị trường tài chính, là một trong những yếu tố để nâng hạng cho thị trường chứng khoán Việt Nam

- Trong giai đoạn vừa qua, với sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng đang có những bước tăng trưởng vượt bậc. Việc đưa IFRS vào áp dụng sẽ giúp cho thông tin tài chính của doanh nghiệp niêm yết đầy đủ, trung thực và minh bạch hơn, là yếu tố quan trọng để các tổ chức quốc tế sớm xem xét, đánh giá nâng hạng cho thị trường chứng khoán Việt Nam.

d) Tác động đến công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp

- IFRS không những được coi là một công cụ quản lý hữu hiệu mà còn được coi là ngôn ngữ kinh doanh quốc tế. Vì vậy, việc áp dụng IFRS sẽ giúp nâng cao tính trung thực, minh bạch của của báo cáo tài chính, trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp; Ban giám đốc sẽ có được những thông tin tốt hơn phục vụ cho việc dự báo kết quả hoạt động và dòng tiền trong tương lai, từ đó có căn cứ và công cụ để thực hiện công tác quản trị, điều hành phù hợp với tình hình thực tiễn.

đ) Đáp ứng nhu cầu niêm yết trên thị trường quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi để huy động vốn với chi phí thấp từ các định chế tài chính quốc tế

- Hiện nay, một số doanh nghiệp Việt Nam đã có nhu cầu phát hành trái phiếu trên thị trường quốc tế hoặc dự kiến niêm yết trên sàn giao dịch quốc tế (như Vingroup, HAGL, Vinamilk,...) hoặc nhận được sự tài trợ dưới hình thức vốn vay của các định chế tài chính quốc tế như Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) (như EVN)...

Để thực hiện được điều này, theo quy định của hầu hết các nhà tài trợ quốc tế và cơ quan quản lý chứng khoán nước ngoài thì việc trình bày thông tin tài chính theo Chuẩn quốc tế là điều kiện bắt buộc, do đó việc triển khai Đề án sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp có thể thu hút được các nguồn lực tài chính phù hợp với chi phí thấp hơn, đem lại hiệu quả cao hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

e) Nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường khả năng so sánh giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp khác trên thế giới:

Khi doanh nghiệp Việt Nam lập và trình bày báo cáo tài chính theo IFRS thì khả năng so sánh, đánh giá hiệu quả kinh doanh giữa doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp khác trong khu vực và thế giới sẽ được tăng cường do cùng áp dụng chung một hệ thống Chuẩn mực báo cáo tài chính. Mặt khác do thu hút được thêm các nguồn lực, công tác quản trị, điều hành được cải thiện nên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh sẽ hiệu quả hơn giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh trên trường quốc tế.

g) Tác động đến cơ chế quản lý, giám sát và hoạch định chính sách của cơ quan Nhà nước

- Việt Nam là quốc gia đi sau nên có lợi thế học tập kinh nghiệm của các nước đi trước để đi tắt, đón đầu. Vì vậy, các cơ quan quản lý nhà nước cần hoạch định chính sách theo hướng ưu tiên phù hợp với thông lệ quốc tế nhưng vẫn mang tính khả thi tại Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng thông lệ quốc tế, lựa chọn các mô hình phù hợp nhất cho quốc gia;

- IFRS yêu cầu thông tin được công bố phải tập trung phản ánh được diễn biến của thị trường tại thời điểm báo cáo thông qua việc đánh giá lại giá trị hợp lý, giá trị có thể thu hồi của tài sản và nợ phải trả... chứ không phải chỉ là các thông tin quá khứ tại thời điểm phát sinh giao dịch (giá gốc). Vì vậy cơ quan Nhà nước phải phân tích thông tin dựa trên việc đánh giá lại tài sản và nợ phải trả theo các mô hình định giá tin cậy, cách tiếp cận mới này làm

thay đổi căn bản tư duy, phương pháp kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng đối với tình hình hoạt động của các doanh nghiệp;

- IFRS có nhiều nội dung mới, sử dụng nhiều ước tính kế toán, mô hình tài chính tiên tiến để phản ánh các giao dịch. Do đó, việc triển khai Đề án sẽ tác động đến đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác thanh tra, giám sát tại doanh nghiệp phải trang bị mới các kỹ năng như nhận diện giao dịch kinh tế, lựa chọn chính sách áp dụng, phân tích và đánh giá một cách toàn diện hơn;

- IFRS nêu rõ báo cáo tài chính được lập và trình bày không chỉ phục vụ cơ quan thuế mà còn phục vụ nhà đầu tư, chủ nợ và công chúng. Vì vậy cơ quan quản lý Nhà nước cần thay đổi quan điểm hoặc định chính sách, giám sát, kiểm tra theo hướng tôn trọng các nguyên tắc kế toán khách quan khi lập báo cáo tài chính chứ không nên áp đặt các quy định quản lý điều hành ngân sách đối với các thông tin do doanh nghiệp công bố ra công chúng.

h) Tác động đến ngân sách Nhà nước

IFRS giúp nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp, từ đó chất lượng báo cáo tài chính của doanh nghiệp được cải thiện, việc xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với Nhà nước cũng trở nên tin cậy hơn, góp phần đáng kể vào việc thu đúng, thu đủ và gia tăng ngân sách Nhà nước.

i) Tác động đến người sử dụng báo cáo tài chính

Việc áp dụng IFRS giúp nâng cao tính minh bạch của báo cáo tài chính, hạn chế rủi ro, tăng cường niềm tin và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, nhà đầu tư, chủ nợ và công chúng do IFRS yêu cầu doanh nghiệp giải trình chi tiết về những rủi ro có thể gặp phải như rủi ro kinh doanh, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, lãi suất, tỷ giá, chính sách... Đồng thời, yêu cầu báo cáo tài chính của các doanh nghiệp phải được trình bày cho mục đích chung một cách trung thực, hợp lý và minh bạch mà không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của Ban giám đốc hoặc Ban Lãnh đạo doanh nghiệp (cố tình phản ánh không

trung thực tình hình tài chính nhằm mục đích đi vay, đẩy giá cổ phiếu hoặc che dấu những khoản lợi nhuận để hưởng lợi về thuế).

k) Tác động đến công tác kế toán và người làm công tác kế toán

- IFRS sẽ giúp thay đổi nhận thức, hành vi, thói quen của của người làm công tác kế toán, kiểm toán theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại; Các doanh nghiệp phải tiến hành đào tạo lại, trang bị kỹ năng và kiến thức mới cho đội ngũ cán bộ kế toán, kiểm toán để đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới.

3. Đối với kiến nghị hình thành cơ chế thuế chuyên biệt, vượt trội so với các quy định hiện hành của quốc gia

- Đối với kiến nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc: *Báo cáo cấp có thẩm quyền về chủ trương sửa đổi các Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế thu nhập cá nhân, Đầu tư để cho phép áp dụng các hình thức ưu đãi thuế chuyên biệt cho TTTC khu vực và quốc tế.*

Về nội dung này Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

- Ưu đãi thuế quy định tại Luật thuế và thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Chính sách thuế hiện hành áp dụng thống nhất đối với tất cả các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp, không phân biệt doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Luật thuế đã quy định cụ thể các địa bàn, lĩnh vực ưu đãi như: địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao, lĩnh vực công nghệ cao, khoa học và công nghệ, nông nghiệp, bảo vệ môi trường, xã hội hóa...

- Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, trong đó có chỉ đạo mở rộng cơ sở thuế, hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các sắc thuế và chính sách miễn, giảm, giãn thuế, đảm bảo tính trung lập của thuế và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 – 2030, Phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 trong Văn kiện Đại hội Đại

3. Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, Bộ KHĐT nhận thấy việc áp dụng một số chính sách ưu đãi về thuế trong quá trình hình thành và phát triển TTTC là phù hợp với thông lệ quốc tế. Trên thực tế, đây là công cụ hiệu quả để một số TTTC thu hút dòng vốn đầu tư dịch chuyên, đặc biệt là thu hút các ngân hàng, quỹ đầu tư, tập đoàn tài chính đến đặt trụ sở tại TTTC đó. Tuy nhiên, trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Việt Nam (như Bộ Tài chính đã nêu và cả các

biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội về thuế, phí như sau: Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế...

- Thực hiện Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm 2021-2025 đã quy định: *“hạn chế việc lồng ghép các chính sách xã hội trong pháp luật về thuế. Rà soát, hoàn thiện các quy định ưu đãi thuế để tránh thất thu, bảo đảm minh bạch, công bằng, khả thi, phù hợp với xu thế phát triển và thông lệ quốc tế”*. Hiện nay Bộ Tài chính đang thực hiện nghiên cứu, rà soát, đánh giá tổng thể các luật thuế để báo cáo Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung vào thời điểm thích hợp đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế và tính thống nhất của hệ thống chính sách thuế.

- Tại điểm d và điểm đ khoản 1 Mục III Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 có nêu:

“d) Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp: rà soát để sửa đổi hoặc bãi bỏ ưu đãi miễn, giảm thuế không còn phù hợp với yêu cầu phát triển, yêu cầu hội nhập quốc tế; hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội với chính sách miễn, giảm thuế, đảm bảo tính trung lập của thuế để áp dụng ổn định trong trung và dài hạn; thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, đồng thời, chuyển trọng điểm chính sách thu hút đầu tư nước ngoài từ số lượng sang chất lượng, khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế trong đầu tư vào những ngành, nghề mũi nhọn và những địa bàn cần khuyến khích đầu tư. Mở rộng cơ sở thuế phù hợp bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước và thông lệ quốc tế; thực hiện các tiêu chuẩn phòng, chống chuyển giá, chống xói mòn nguồn thu theo thông lệ quốc tế;

quan điểm chỉ đạo, chính sách liên quan khác), Bộ KHĐT đã đưa đề xuất này vào nhóm 3 (tiếp tục cân nhắc cho giai đoạn sau năm 2035). Theo đó, xin kiến nghị không bỏ hẳn chính sách mà sẽ tiếp tục giao Cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, tham mưu về thời điểm, lộ trình áp dụng chính sách (nếu có).

đ) Đối với thuế thu nhập cá nhân: rà soát bổ sung đối tượng chịu thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng điều chỉnh số lượng và các mức thuế suất phù hợp với thu nhập chịu thuế phù hợp với bản chất của từng loại thu nhập, tạo điều kiện đơn giản trong quyết toán thuế thu nhập cá nhân cho cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế, ngăn chặn các hành vi trốn, tránh thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về miễn, giảm thuế phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn và thông lệ quốc tế;”

Vì vậy, việc đưa ra các nội dung cơ chế chuyên biệt, vượt trội hơn so với các quy định hiện hành để áp dụng trong khi chưa có các đánh giá tác động cụ thể, đánh giá tính hiệu quả của chính sách, đặc thù, cũng như đánh giá tính khả thi của việc thực hiện đối với Trung tâm tài chính sẽ tạo ra sự không thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo ra sự phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cần hết sức cân nhắc.

4. Đối với kiến nghị một số giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm¹⁴.

Đối với kiến nghị phát triển thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm, Bộ Tài chính cung cấp thông tin cụ thể như sau:

a) Về lộ trình mở cửa đối với lĩnh vực bảo hiểm

Lĩnh vực bảo hiểm là một trong những lĩnh vực có mức độ cam kết mở cửa thị trường khá rộng trong dịch vụ tài chính. Kể từ năm 2008 đến nay, sau khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và tham gia các hiệp định như CPTPP, EVFTA, VJEP, VKFTA..., hệ thống pháp luật chuyên ngành về kinh doanh bảo hiểm đã được rà soát và sửa đổi, bổ sung nhằm thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm. Luật sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2010, Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 đã xoá bỏ rào cản và phân

4. Đã tiếp thu các nội dung cụ thể tại dự thảo Đề án. Tuy nhiên, xin kiến nghị vẫn giữ đề xuất chính sách và xây dựng lộ trình áp dụng phù hợp với điều kiện của Việt Nam do “bảo hiểm” là một sản phẩm tài chính truyền thống, được đánh giá là trụ cột của hầu hết các TTTC lớn trên thế giới. Theo

¹⁴ Có thể thành lập sàn giao dịch bảo hiểm, tái bảo hiểm chuyên biệt thuộc Sàn giao dịch chung của TTTC như tại London, Thượng Hải, Dubai...

biệt đối xử đối với các doanh nghiệp bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài, tạo sự bình đẳng cho các doanh nghiệp bảo hiểm thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động trên thị trường. Theo đó, nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu cổ phần, phần vốn góp đến 100% vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm tại Việt Nam¹⁵. Các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài được phép thành lập chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam. Các doanh nghiệp bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam và các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước được điều chỉnh bởi cùng một khung pháp lý. Trong những năm qua, nhiều doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, tập đoàn tài chính, bảo hiểm lớn ở nước ngoài đã thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài còn được phép cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới tại Việt Nam.

b) Đánh giá tác động đối với chính sách đề xuất tại dự thảo Đề án

Tại dự thảo Đề án đề xuất đối tượng điều chỉnh của các chính sách trong TTTC khu vực và quốc tế tại Việt Nam là các tổ chức được đăng ký thành viên và có sự hiện diện trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, dự thảo Đề án chưa xác định phạm vi cung cấp dịch vụ bảo hiểm của các tổ chức thuộc TTTC này. Trường hợp các tổ chức bảo hiểm đăng ký tại TTTC được hưởng các chính sách miễn trừ hoặc vượt trội và được cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho cả các tổ chức, cá nhân cư trú tại Việt Nam sẽ tạo ra sự bất bình đẳng cho các tổ chức kinh doanh bảo hiểm khác đang hoạt động tại Việt Nam, có thể vi phạm các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, đồng thời gây mất ổn định trong thị trường bảo hiểm nói riêng và thị trường dịch vụ tài chính nói chung.

đó, nếu Việt Nam mong muốn phát triển một TTTC quốc tế, đây cũng sẽ là một trụ cột cần được quan tâm, có các chính sách phát triển phù hợp theo từng giai đoạn.

¹⁵ Điều 68 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Kinh doanh bảo hiểm là ngành nghề kinh doanh có điều kiện và có tính đặc thù rất cao. Đây là quy trình kinh doanh ngược, theo đó, doanh nghiệp bảo hiểm thu phí bảo hiểm của người tham gia bảo hiểm trước, sau đó đến khi xảy ra sự kiện bảo hiểm mới thực hiện cam kết bồi thường, trả tiền bảo hiểm. Các doanh nghiệp bảo hiểm kinh doanh chủ yếu bằng uy tín và tạo dựng niềm tin đối với khách hàng. Trường hợp nảy sinh vấn đề đối với doanh nghiệp bảo hiểm sẽ tạo hiệu ứng lan truyền trên diện rộng, gây ra tâm lý hoang mang đối với người tham gia bảo hiểm, ảnh hưởng đến trật tự an ninh an toàn xã hội. Do đó, để quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm của các doanh nghiệp bảo hiểm tại Việt Nam và bảo vệ quyền lợi của người tham gia bảo hiểm, pháp luật về kinh doanh bảo hiểm hiện nay đã có nhiều quy định chặt chẽ, đầy đủ và đồng bộ, tiệm cận thông lệ quốc tế tốt nhất liên quan đến điều kiện kinh doanh, an toàn tài chính,... của tổ chức cung cấp dịch vụ bảo hiểm. Với các quy định này, thị trường bảo hiểm Việt Nam thời gian qua được các chuyên gia quốc tế đánh giá là thuộc nhóm thị trường phát triển với tốc độ nhanh nhất trong khu vực và trên thế giới. Thời gian tới thị trường cần chú trọng phát triển về chất lượng. Vì vậy, việc tham gia TTTC và tiếp tục xây dựng các quy định mang tính đột phá sẽ không mang nhiều tác dụng và ý nghĩa đối với lĩnh vực bảo hiểm.

5. Đối với kiến nghị cung cấp thông tin về lộ trình tự do hóa thị trường tài chính, Bộ Tài chính có ý kiến như sau: Phạm vi thị trường tài chính bao gồm nhiều lĩnh vực liên quan đến cả lĩnh vực quản lý của NHNN. Trong quá trình phát triển kinh tế và hội nhập đất nước, Việt Nam đã tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương (VCFTA, VKFTA, CPTPP, EVFTA, UKVFTA, RCEP...) trong đó có các cam kết mở cửa, xóa bỏ các hạn chế đối với một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính. Do đó, đề nghị Bộ KHĐT làm rõ phạm vi cần cung cấp thông tin, trên cơ sở đó Bộ Tài chính và NHNN sẽ phối hợp cung cấp thông tin phù hợp.

3	Ban Kinh tế Trung ương	<p>1. Ý kiến chung Việc hình thành và phát triển trung tâm tài chính mang tầm quốc tế và khu vực là chủ trương đã được xác định tại nhiều nghị quyết của Đảng¹⁶. Đây là chủ trương quan trọng, mang tầm nhìn chiến lược của Đảng trong việc phát triển thị trường tài chính, thu hút các nguồn lực lớn, có chất lượng cao từ bên ngoài, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế... nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Việc triển khai Đề án không chỉ giúp mở rộng khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài mà còn góp phần xây dựng một hệ sinh thái tài chính bền vững, hỗ trợ Việt Nam phát triển mạnh mẽ hơn trong bối cảnh toàn cầu hóa tài chính nói riêng và hội nhập quốc tế sâu rộng nói chung. Ban Kinh tế Trung ương nhất trí về sự cần thiết hình thành và phát triển trung tâm tài chính khu vực và quốc tế ở Việt Nam.</p> <p>2. Ý kiến đối với một số vấn đề cụ thể</p>	

¹⁶ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021-2030), phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021-2025) được thông qua tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc XIII của Đảng đã giao nhiệm vụ thúc đẩy Thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm tài chính quốc tế; Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định mục tiêu đến năm 2030: Thành phố Hồ Chí Minh phải là trung tâm tài chính quốc tế, phát triển ngang tầm các thành phố lớn trong khu vực Châu Á, đóng vai trò là cực tăng trưởng của vùng; nơi tập trung của các định chế tài chính quốc tế, các tập đoàn kinh tế lớn của thế giới; Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 giao “ban hành chính sách thúc đẩy hình thành và phát triển Trung tâm Tài chính quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh”.

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung xác định “Xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quốc tế cấp vùng”; Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu mục tiêu xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại và tài chính.

2.1. Về việc xem xét lựa chọn hình thành, phát triển thí điểm 01 trung tâm tài chính:

Ban Kinh tế Trung ương thống nhất với đề xuất trước mắt lựa chọn xây dựng 01 trung tâm tài chính tại Thành phố Hồ Chí Minh với các lý do chủ yếu là: *i)* Căn cứ chính trị về hình thành và phát triển trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được xác định tại các Nghị quyết của Đảng (như đã nêu cụ thể tại mục 1); *ii)* Xây dựng trung tâm tài chính khu vực và quốc tế là công việc mới, phức tạp, đòi hỏi phải thiết lập mô hình, cơ chế, chính sách mới vượt trội, tạo đột phá, nâng tầm cạnh tranh quốc gia để phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của Việt Nam, vì vậy các chính sách mang tính thí điểm, vượt trội và cần phải vừa triển khai vừa tổng kết, đánh giá đúc rút kinh nghiệm. Với tình hình thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội nói chung, so sánh các nguồn lực thực tế của từng địa phương và tính đồng bộ của các yếu tố hạ tầng, nhân lực, vị thế phát triển... và để tránh sự dàn trải nguồn lực, cạnh tranh trong thu hút đầu tư giữa các địa phương thì việc lựa chọn Thành phố Hồ Chí Minh sẽ có tính khả thi và thành công cao hơn trong triển khai thực hiện.

2.2. Về lộ trình thực hiện:

Việc đưa ra lộ trình thực hiện cần xuất phát và bám sát thực tiễn và tính khả thi dựa trên các nguồn lực hiện có của Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt đây là việc mới, phức tạp, ta chưa có kinh nghiệm. Căn cứ vào nội dung phân tích tại Dự thảo Đề án, về cơ bản, Ban Kinh tế Trung ương thống nhất với lộ trình xây dựng trung tâm tài chính quốc tế theo 3 giai đoạn: từ 2025 - 2030; 2030 - 2035 và sau 2035.

Đối với giai đoạn 2025 - 2030, ngoài 8 nhóm chính sách phù hợp với thông lệ quốc tế như được nêu trong Dự thảo Đề án, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tổng hợp các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia nhưng hiện vẫn bảo lưu quyền mở cửa thị trường để cân nhắc cho phép cho nhà đầu tư

2.1. Trong quá trình tiếp tục hoàn thiện Đề án, Bộ KHĐT nhận thấy đây là nội dung quan trọng, theo đó xin kiến nghị sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến chỉ đạo về số lượng TTTC dự kiến phát triển tại Việt Nam.

2.2. Do Đề án hiện tập trung vào các nội dung mang tính chủ trương để báo cáo Bộ Chính trị xem xét, cho ý kiến chỉ đạo, Bộ KHĐT kiến nghị sẽ giao Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục hoàn thiện, rà soát sự phù hợp của các chính sách đề xuất với các cam

	<p>nước ngoài trong các lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, hoạt động thương mại và đầu tư có liên quan được tham gia vào trung tâm tài chính.</p> <p>2.3. Về mô hình và cơ chế chính sách thực hiện:</p> <p>- Về đề xuất xây dựng Luật về Xây dựng và tổ chức hoạt động trung tâm tài chính tại Việt Nam: Ban Kinh tế Trung ương cho rằng, việc xây dựng Luật về lĩnh vực này là cần thiết. Tuy nhiên, Ban Kinh tế Trung ương cho rằng, trong trường hợp chúng ta quyết định lựa chọn thí điểm hình thành 01 trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh, thì trước mắt có thể nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Nghị quyết 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh để tạo hành lang pháp lý cho triển khai kịp thời một số công việc theo lộ trình đề ra.</p> <p>- Về thành lập cơ quan quản lý trung tâm tài chính: Cần rà soát và áp dụng các cơ chế đặc thù trong phân cấp, phân quyền để Thành phố Hồ Chí Minh chủ động thiết lập và vận hành một số mô hình hoạt động trong trung tâm tài chính (ví dụ như thành lập các hiện diện của ngân hàng thương mại với quy trình thủ tục rút gọn...).</p> <p>2.4. Bên cạnh đó, Ban Kinh tế Trung ương cho rằng cần tiếp tục rà soát, phân tích đánh giá kỹ lưỡng hơn về các rủi ro, thách thức về an ninh tài chính và các tác động nhiều chiều khác có liên quan, cùng với đó là các đề xuất về cơ chế quản lý rủi ro khi phát triển trung tâm tài chính (Ví dụ như: Chính sách tự do hóa dòng vốn đầu tư vào/ra trung tâm tài chính trong điều kiện cơ sở hạ tầng và mức độ phát triển của nền kinh tế chưa theo kịp có thể gây rủi ro cho nền kinh tế như đầu cơ, bong bóng bất động sản, bong bóng trên thị</p>	<p>kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>2.3.</p> <p>- Về đề xuất xây dựng Luật: Theo chỉ đạo của Thường trực Chính phủ, Đề án đã sửa đổi theo hướng ban hành Nghị quyết của Quốc Hội.</p> <p>- Về mô hình quản lý TTTC: Bộ KHĐT đã hoàn thiện và làm rõ các nội dung liên quan đến mô hình cơ quan quản lý TTTC.</p> <p>2.4. Bộ KHĐT đã đánh giá tác động bước đầu đối với mô hình kiến nghị và các chính sách đề xuất tại dự thảo Đề án. Đối với các nội dung chuyên ngành, sẽ tiếp</p>
--	---	---

		<p>trường tài chính, gây bất ổn cho nền kinh tế; chính sách tăng tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài tại các tổ chức tài chính cũng cần xem xét thận trọng để xác định ở mức độ phù hợp, bởi điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới mức độ tham gia kiểm soát hệ thống tài chính của phía nước ngoài, gia tăng rủi ro thao túng không chỉ ở khu vực tài chính mà cả khu vực sản xuất...).</p>	<p>tục phối hợp với các Cơ quan liên quan rà soát, hoàn thiện đánh giá tác động sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền về định hướng hoàn thiện thể chế để phát triển TTTC tại Việt Nam.</p>
--	--	--	---

**Danh sách thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án
Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế**

1. Trưởng Ban: Đồng chí Phạm Minh Chính, Thủ tướng Chính phủ.
2. Phó Trưởng Ban: Đồng chí Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
3. Các Ủy viên gồm có:
 - Đồng chí Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên Thường trực.
 - Đồng chí Nguyễn Đức Chi, Thứ trưởng Bộ Tài chính.
 - Đồng chí Phan Thị Thắng, Thứ trưởng Bộ Công Thương.
 - Đồng chí Vũ Hải Sản, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.
 - Đồng chí Phạm Thế Tùng, Thứ trưởng Bộ Công an.
 - Đồng chí Phạm Đức Long, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.
 - Đồng chí Trần Quý Kiên, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
 - Đồng chí Đặng Hoàng Oanh, Thứ trưởng Bộ Tư pháp.
 - Đồng chí Phạm Tiến Dũng, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - Đồng chí Mai Thị Thu Vân, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.
 - Đồng chí Phan Văn Mãi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Đồng chí Hồ Kỳ Minh, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.